

Phụ lục I: DANH SÁCH CHI TIẾT LÔ 01 ĐẦU GIÁ
(Kèm theo Thông báo số /TB-VHT ngày tháng năm 2025)

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
TỔNG					1.074.497	
1	620011910		WiFi AP mẫu vuông; hãng SX:Viettel	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2	620009793	NC7WZ04P6XCT-ND	Điện trở IC INVERTER UHS DUAL HS SC70-6; hãng SX:FAIRCHILD	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3	620036945	ESW-520-24-K9	Switch CISCO Catalyst Express 500 ESW-520-24-K9; part: ESW-520-24-K9; Mô tả: Switch CISCO Catalyst Express 500 ESW-520-24-K9	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
4	620009773	HMC992LP5E	IC IF AUTOMATIC GAIN CONTROL, 50-800 MHZ; hãng SX:Hittite Microwave	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
5	620007831	LXES15AAA1-100	DIODE-TVS;0402, LXES15AAA1-100; hãng SX:Murata	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
6	620017753	QBA-12N+	IC;2 Ways Power Splitter,QBA-12N+,SMD,10W,90 deg; hãng SX:Mini-Circuit	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
7	620017782	RFSA2013SQ	IC;Voltage Controlled Attenuator,RFSA2013SQ,8QFN; hãng SX:RFMD	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
8	620036214	ACX1239-ND	Đầu kết nối SMA CONNECTOR; part: ACX1239-ND; Mô tả: Đầu kết nối SMA CONNECTOR	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
9	620036909	490-4309-1-ND	Tụ điện CAP CER 100pF 3kV 7U 1008 5%; part: 490-4309-1-ND; Mô tả: Tụ điện CAP CER 100pF 3kV 7U 1008 5%	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
10	620036910	445-1422-1-ND	Tụ điện CAP CER 22UF 6.3V X5R 20% 0805; part: 445-1422-1-ND; Mô tả: Tụ điện CAP CER 22UF 6.3V X5R 20% 0805	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
11	620036911	511-1680-1-ND	Tụ điện CAP TANT 2p2UF 16V 20% 0603; part: 511-1680-1-ND; Mô tả: Tụ điện CAP TANT 2p2UF 16V 20% 0603	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
12	620036912	490-1443-1-ND	Tụ điện CAP CER 470PF 50V 5% C0G 0603; part: 490-1443-1-ND; Mô tả: Tụ điện CAP CER 470PF 50V 5% C0G 0603	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
13	620036913	445-1275-1-ND	Tụ điện CAP CER 33PF 50V C0G 5% 0603; part: 445-1275-1-ND; Mô tả: Tụ điện CAP CER 33PF 50V C0G 5% 0603	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
14	620036914	PCC101ACVCT-ND	Tụ điện CAP CERAMIC 100PF 50V 0603 SMD; part: PCC101ACVCT-ND; Mô tả: Tụ điện CAP CERAMIC 100PF 50V 0603 SMD	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
15	620036915	445-5146-1-ND	Tụ điện CAP CER 1.0UF 25V X5R 0603; part: 445-5146-1-ND; Mô tả: Tụ điện CAP CER 1.0UF 25V X5R 0603	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
16	620036916	490-3296-1-ND	Tụ điện CAP CER 2.2UF 16V X5R 0603 10%; part: 490-3296-1-ND; Mô tả: Tụ điện CAP CER 2.2UF 16V X5R 0603 10%	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
17	620036917	490-1403-1-ND	Tụ điện CAP CER 10PF 50V 5% C0G 0603; part: 490-1403-1-ND; Mô tả: Tụ điện CAP CER 10PF 50V 5% C0G 0603	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
18	620036918	490-1532-1-ND	Tụ điện CAP CER 0.1UF 16V 10% X7R 0603; part: 490-1532-1-ND; Mô tả: Tụ điện CAP CER 0.1UF 16V 10% X7R 0603	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
19	620036919	490-3551-1-ND	Tụ điện CAP CERAMIC 0.5PF 100V C0G 0603; part: 490-3551-1-ND; Mô tả: Tụ điện CAP CERAMIC 0.5PF 100V C0G 0603	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
20	620036920	490-1435-1-ND	Tụ điện CAP CER 220PF 50V 5% C0G 0603; part: 490-1435-1-ND; Mô tả: Tụ điện CAP CER 220PF 50V 5% C0G 0603	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
21	620036921	445-5367-1-ND	Tụ điện CAP CER 47PF 50V C0G 1% 0603; part: 445-5367-1-ND; Mô tả: Tụ điện CAP CER 47PF 50V C0G 1% 0603	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
22	620036922	478-1215-1-ND	Tụ điện CAP CERM 1000PF 10% 50V X7R 0603; part: 478-1215-1-ND; Mô tả: Tụ điện CAP CERM 1000PF 10% 50V X7R 0603	Chiếc	17,00	Vật tư linh kiện, mạch in
23	620036923	445-5986-1-ND	Tụ điện CAP CER 33UF 6.3V X5R 20% 0805; part: 445-5986-1-ND; Mô tả: Tụ điện CAP CER 33UF 6.3V X5R 20% 0805	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
24	620036924	P62.0CCT-ND	Điện trở RES 62 OHM 1/8W 1% 0805 SMD; part: P62.0CCT-ND; Mô tả: Điện trở RES 62 OHM 1/8W 1% 0805 SMD	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
25	620036925	RHM100GCT-ND	Điện trở RES 100 OHM 1/10W 5% 0603 SMD; part: RHM100GCT-ND; Mô tả: Điện trở RES 100 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
26	620036926	FC0603-50BFCT-ND	Điện trở RES 50 OHM 1/8W 0.1% 0603 SMD; part: FC0603-50BFCT-ND; Mô tả: Điện trở RES 50 OHM 1/8W 0.1% 0603 SMD	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
27	620036927	P680HCT-ND	Điện trở RES 680 OHM 1/10W 1% 0603 SMD; part: P680HCT-ND; Mô tả: Điện trở RES 680 OHM 1/10W 1% 0603 SMD	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
28	620036928	P2.70KHCT-ND	Điện trở RES 2.70K OHM 1/10W 1% 0603 SMD; part: P2.70KHCT-ND; Mô tả: Điện trở RES 2.70K OHM 1/10W 1% 0603 SMD	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
29	620036929	RHM10KGCT-ND	Điện trở RES 10K OHM 1/10W 5% 0603 SMD; part: RHM10KGCT-ND; Mô tả: Điện trở RES 10K OHM 1/10W 5% 0603 SMD	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
30	620036930	P47.0HCT-ND	Điện trở RES 47.0 OHM 1/10W 1% 0603 SMD; part: P47.0HCT-ND; Mô tả: Điện trở RES 47.0 OHM 1/10W 1% 0603 SMD	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
31	620036931	P5.60KHCT-ND	Điện trở RES 5.6k 1/10W 1% 0603 SMD; part: P5.60KHCT-ND; Mô tả: Điện trở RES 5.6k 1/10W 1% 0603 SMD	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
32	620036932	P1.0KGCT-ND	Điện trở RES 1k 1/10W 5% 0603 SMD; part: P1.0KGCT-ND; Mô tả: Điện trở RES 1k 1/10W 5% 0603 SMD	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
33	620036933	P15.0HCT-ND	Điện trở RES 15.0 OHM 1/10W 1% 0603 SMD; part: P15.0HCT-ND; Mô tả: Điện trở RES 15.0 OHM 1/10W 1% 0603 SMD	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
34	620036934	P27.4HCT-ND	Điện trở RES 27.4 OHM 1/10W 1% 0603 SMD; part: P27.4HCT-ND; Mô tả: Điện trở RES 27.4 OHM 1/10W 1% 0603 SMD	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
35	620036935	P68.0HCT-ND	Điện trở RES 68.0 OHM 1/10W 1% 0603 SMD; part: P68.0HCT-ND; Mô tả: Điện trở RES 68.0 OHM 1/10W 1% 0603 SMD	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
36	620036936	P180DBCT-ND	Điện trở RES 180 OHM 1/10W .1% 0603 SMD; part: P180DBCT-ND; Mô tả: Điện trở RES 180 OHM 1/10W .1% 0603 SMD	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
37	620036938	AD8051ARTZ-REEL7CT-ND	Điện trở IC OPAMP VF R-R LDIST LP SOT23-5; part: AD8051ARTZ-REEL7CT-ND; Mô tả: Điện trở IC OPAMP VF R-R LDIST LP SOT23-5	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
38	620036939	ACX1202-ND	Đầu kết nối CONN SMA PLUG RG 174/316/LMR 100; part: ACX1202-ND; Mô tả: Đầu kết nối CONN SMA PLUG RG 174/316/LMR 100	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
39	620036940	HMC199MS8E	IC Dual SPDT switch; part: HMC199MS8E; Mô tả: IC Dual SPDT switch	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
40	620036959	SMBJ13CABCT-ND	Điốt DIODE TVS 13V 600W BI 5% SMD; part: SMBJ13CABCT-ND; Mô tả: Điốt DIODE TVS 13V 600W BI 5% SMD	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
41	620036960	732-1820-1-ND	Cuộn cảm INDUCTOR WIREWOUND 100nH 1008 5% 1000mA; part: 732-1820-1-ND; Mô tả: Cuộn cảm INDUCTOR WIREWOUND 100nH 1008 5% 1000mA	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
42	620036961	445-1498-1-ND	Cuộn cảm INDUCTOR MULTILAYER 33NH 0603; part: 445-1498-1-ND; Mô tả: Cuộn cảm INDUCTOR MULTILAYER 33NH 0603	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
43	620036962	535-10388-1-ND	Cuộn cảm INDUCTOR THIN FILM 9.1NH 0402; part: 535-10388-1-ND; Mô tả: Cuộn cảm INDUCTOR THIN FILM 9.1NH 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
44	620036963	490-1163-1-ND	Cuộn cảm INDUCTOR 6.2NH 750MA 0603 0603; part: 490-1163-1-ND; Mô tả: Cuộn cảm INDUCTOR 6.2NH 750MA 0603 0603	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
45	620036964	495-1825-1-ND	Cuộn cảm INDUCTOR 100nH 5% 200mA 0603; part: 495-1825-1-ND; Mô tả: Cuộn cảm INDUCTOR 100nH 5% 200mA 0603	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
46	620036965	P240HCT-ND	RES 240 OHM 1/10W 1% 0603 SMD; part: P240HCT-ND; Mô tả: RES 240 OHM 1/10W 1% 0603 SMD	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
47	620036966	490-4625-1-ND	Chiết áp TRIMMER 33K OHM 0.1W SMD; part: 490-4625-1-ND; Mô tả: Chiết áp TRIMMER 33K OHM 0.1W SMD	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
48	620036967	3361P-102GLFCT-ND	Chiết áp TRIMMER 1K OHM 0.5W SMD; part: 3361P-102GLFCT-ND; Mô tả: Chiết áp TRIMMER 1K OHM 0.5W SMD	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
49	620036968	630-ALM-80110-BLKG	Linh kiện khuếch đại cao tần RF Amplifier Variable Gain Amp 0.25W Analog; part: 630-ALM-80110-BLKG; Mô tả: Linh kiện khuếch đại	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
50	620012880	TCD-20-4	IC;COUPLER,TCD-20-4,20dB DIRECTIONAL 5 TO 1000MHz; hãng SX:MINI-CIRCUIT	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
51	620036897	490-3283-1-ND	Tụ điện CAP CER 2700PF 50V C0G 0603; part: 490-3283-1-ND; Mô tả: Tụ điện CAP CER 2700PF 50V C0G 0603	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
52	620036898	445-4112-2-ND	Tụ điện CAP CER 10UF 6.3V X5R 20% 0603; part: 445-4112-2-ND; Mô tả: Tụ điện CAP CER 10UF 6.3V X5R 20% 0603	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
53	620036899	478-1180-1-ND	Tụ điện CAP CERM 270PF 5% 50V NP0 060; part: 478-1180-1-ND; Mô tả: Tụ điện CAP CERM 270PF 5% 50V NP0 060	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
54	620036900	478-5773-1-ND	Tụ điện CAP CER 39PF 100V NP0 0603; part: 478-5773-1-ND; Mô tả: Tụ điện CAP CER 39PF 100V NP0 0603	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
55	620036901	478-5139-1-ND	Tụ điện CAP CER 56PF 100V NP0 0603; part: 478-5139-1-ND; Mô tả: Tụ điện CAP CER 56PF 100V NP0 0603	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
56	620036902	311-0.0GRCT-ND	Điện trở RES ZERO OHM 1/10W 5% 0603 SMD; part: 311-0.0GRCT-ND; Mô tả: Điện trở RES ZERO OHM 1/10W 5% 0603 SMD	Chiếc	65,00	Vật tư linh kiện, mạch in
57	620036903	P6.80KHCT-ND	Điện trở RES 6k8 OHM 1/10W 1% 0603 SMD; part: P6.80KHCT-ND; Mô tả: Điện trở RES 6k8 OHM 1/10W 1% 0603 SMD	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
58	620036904	P10GCT-ND	Điện trở RES 10 OHM 1/10W 5% 0603 SMD; part: P10GCT-ND; Mô tả: Điện trở RES 10 OHM 1/10W 5% 0603 SMD	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
59	620036905	RHM68KDCT-ND	Điện trở RES 68K OHM 1/5W 5% 0603 SMD; part: RHM68KDCT-ND; Mô tả: Điện trở RES 68K OHM 1/5W 5% 0603 SMD	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
60	620036906	541-47.0KSCT-ND	Điện trở RES 47.0K OHM .25W 1% 0603 SMD; part: 541-47.0KSCT-ND; Mô tả: Điện trở RES 47.0K OHM .25W 1% 0603 SMD	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
61	620036907	RHM249CCT-ND	Điện trở RES 249 OHM 1/8W 1% 0805 SMD; part: RHM249CCT-ND; Mô tả: Điện trở RES 249 OHM 1/8W 1% 0805 SMD	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
62	620036908	HMC602LP4E	IC 70 dB, LOGARITHMIC DETECTOR; part: HMC602LP4E; Mô tả: IC 70 dB, LOGARITHMIC DETECTOR	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
63	620036947	PCD2013CT-ND	Cuộn cảm INDUCTOR 82NH 2% 250mA 0603; part: PCD2013CT-ND; Mô tả: Cuộn cảm INDUCTOR 82NH 2% 250mA 0603	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
64	620036948	PCD2016CT-ND	Cuộn cảm INDUCTOR 150NH 2% 0603 SMD; part: PCD2016CT-ND; Mô tả: Cuộn cảm INDUCTOR 150NH 2% 0603 SMD	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
65	620036949	535-10478-1-ND	Cuộn cảm INDUCTOR WW CERAM 110NH 0603; part: 535-10478-1-ND; Mô tả: Cuộn cảm INDUCTOR WW CERAM 110NH 0603	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
66	620036950	445-6337-1-ND	Cuộn cảm INDUCTOR MULTILAYER .82UH 0603; part: 445-6337-1-ND; Mô tả: Cuộn cảm INDUCTOR MULTILAYER .82UH 0603	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
67	620036951	587-1564-1-ND	Cuộn cảm INDUCTOR 390NH 5% 150 mA 0603 SMD; part: 587-1564-1-ND; Mô tả: Cuộn cảm INDUCTOR 390NH 5% 150 mA 0603 SMD	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
68	620036952	PCD2012CT-ND	Cuộn cảm INDUCTOR 68NH 2% 0603 SMD; part: PCD2012CT-ND; Mô tả: Cuộn cảm INDUCTOR 68NH 2% 0603 SMD	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
69	620036953	PCD2015CT-ND	Cuộn cảm INDUCTOR 120NH 2% 0603 SMD; part: PCD2015CT-ND; Mô tả: Cuộn cảm INDUCTOR 120NH 2% 0603 SMD	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
70	620003815	2SC2412KT146R	TRANSISTOR-BJT;NPN,50V,0.15A,SOT- 346; hãng SX:Rohm Semiconductor	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
71	620003954	LTC5586IUH#PBF	RF Demodulator IC 32-WFQFN Exposed Pad; hãng SX:Linear Technology	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
72	620003969	NFA21SL506X1A48L	lowpass filter, 50 MHz, SMD; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
73	620003975	PGA-102+	LNA: Tần số 0.05-6GHz - Gain 14 dB - 33 dBm IP3, 17.5 dBm P1dB - Low noise figure: 2.4 dB@2GHz; hãng SX:Minicircuit	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
74	620004016	SI4459ADY-T1-GE3	MOS-FET;P-CH,30V,8-SOIC; hãng SX:Vishay Siliconix	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
75	620004019	SKY13317-373LF	RF SWITCH IC, 20 MHz TO 6GHz,QFN- 8; hãng SX:Skyworks Solutions, Inc.	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
76	620004049	ZXTC2062E6TA	TRANS NPN/PNP 20V 4A/3.5A SOT23; hãng SX:Diodes Incorporated	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
77	620015642	ADL5380ACPZ-R7	RF Demodulator IC 400MHz ~ 6GHz 24- WFQFN Exposed Pad, CSP; hãng SX:Analog Devices Inc.	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
78	620015643	ADP7104ACPZ-3.3-R7	Linear Voltage Regulator IC,3.3V 500mA 8-LFCSP-WD (3x3); hãng SX:Analog Devices Inc.	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
79	620015657	BAS40W-7-F	Diode Schottky, 40V 200mA (DC) Surface Mount SOT-323; hãng SX:Diodes Incorporated	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
80	620015701	MGA-62563-TR1G	IC;AMP MMIC LNA 500MHZ,MGA- 62563-BLKG,SOT-363; hãng SX:Avago Technologies US Inc.	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
81	620015707	PE42540LGBD-Z	SWITCH, RF SWITCH ABSORPTIVE, 32- LGA (5x5), PE42540LGBD-Z, FREQUENCY 10MHZ TO 8GHZ, CIRCUIT SP4T; hãng SX:Peregrine Semiconducto	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
82	620015747	TDA7266D13TR	Amplifier IC 2-Channel (Stereo) Class AB PowerSO-20; hãng SX:STMicroelectronics	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
83	620020757	B39871B3715U410	FILTER SAW 869MHZ REMOTE SMD; hãng SX:EPCOS(TDK)	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
84	620020854	LFCN-2250+	FILTER-SMD;LOW PASS FILTER,3.2mm x 1.6mm,2.2GHz,LFCN- 2250+; hãng SX:Minicircuit	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
85	620020855	LFCN-3000	FILTER-SMD;LOW PASS FILTER,3.2mm x 1.6mm,3000MHz,LFCN- 1500; hãng SX:Minicircuit	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
86	620020857	LFCN-530+	FILTER-SMD;LOW PASS FILTER,3.2mm x 1.6mm,530MHz,LFCN- 530+; hãng SX:Minicircuit	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
87	620009453	AP8M122R	Đèn báo phi 8: Đèn báo màu ĐỎ 24VDC; hãng SX:	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
88	620002287	RC0603JR-070RL	RES-SMD;0OHM,Jumper,0603,1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	61,00	Vật tư linh kiện, mạch in
89	620006581	A10905RNCQ	SWITCH ROTARY; hãng SX:C&K Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
90	620002587	H1102NL	IC;MODULE XFRMR SGL ETHR LAN,16SOIC; hãng SX:Pulse Electronics Corporation	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
91	620004107	FSM4JSMATR	SWITCH;TACTILE,SMD 4 PIN,0.05A,12V; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
92	620002321	172117	CONN-DIP;N,JACK,172117,50OHM,11GHz; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
93	620009453	AP8M122R	Đèn báo phi 8: Đèn báo màu ĐỎ 24VDC; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
94	620002433	HSMN-C170	LED; SMD; 468NM BLUE DIFF 0805 SMD; hãng SX:Avago Technologies US Inc.	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
95	620002437	KPN900A1/4	SWITCH KNOB STRAIGHT .937" NATL; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
96	620002569	405C11A25M00000	CRYSTAL,25MHZ,20PPM,10pF,405C11A 25M00000; hãng SX:CTS-Frequency Controls	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
97	620009743	ERJ-3EKF4320V	RES-SMD;432OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
98	620002587	H1102NL	IC;MODULE XFRMR SGL ETHR LAN,16SOIC; hãng SX:Pulse Electronics Corporation	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
99	620004107	FSM4JSMATR	SWITCH;TACTILE,SMD 4 PIN,0.05A,12V; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
100	620002253	ERJ-3EKF3301V	RES-SMD;3.3KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
101	620001847	AP1117E33G-13	IC;REG LDO 1.0A 3.3V,SOT-223; hãng SX:Diodes Inc	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
102	620001882	C4532X7R2A225M230KA	CAP-CER,SMD;2.2UF,20%,1812,100V,X7R; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
103	620002256	ZUMT619TA	IC;TRANS NPN;SC70-3,ZUMT619T,50V,1000MA; hãng SX:Diodes Incorporated	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
104	620002310	ERJ-3EKF5600V	RES-SMD;560OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
105	620002554	ERJ-3EKF2001V	RES-SMD;2KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	93,00	Vật tư linh kiện, mạch in
106	620004718	PMR10EZPFV3L00	RES-SMD; 0.003 OHM 1/2W 1% 0805; hãng SX:Rohm Semiconductor	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
107	620004871	ERJ-6GEYJ105V	RES-SMD;1MOHM,5%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
108	620005499	ERJ-6GEYJ103V	RES-SMD;10KOHM,5%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
109	620006588	EEE-1HA100AP	CAP-ALUM; SMD; 10UF 50V 20%; hãng SX:Panasonic	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
110	620006597	SFH213-PPPC-D13-ID-BK	CONN; SOCKET IDC 26POS W/STR GOLD; hãng SX:Sullins Connector Solutions	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
111	620006694	ERJ-P06J162V	RES-SMD; 1.6K OHM 1/4W 5% 0805; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
112	620006695	ERJ-6ENF75R0V	RES-SMD; 75 OHM 1/8W 1% 0805; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
113	620006696	ERJ-6GEYJ122V	RES-SMD;1.2KOHM,5%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
114	620006697	ERJ-6GEYJ221V	RES-SMD;220OHM,5%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
115	620006698	ERJ-6ENF49R9V	RES-SMD;49.9OHM,1%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
116	620006713	160R15W104KV4T	CAP-CER; 0.1UF 16V 10% X7R 0805; hãng SX:Johanson Dielectrics Inc	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
117	620006714	CL21C150JBANNNC	CAP-CER; SMD; 15PF 50V 5% NP0 0805; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America. Inc	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
118	620006715	199D226X9016D6B1E3	CAP-TANT; RADIAL 22UF 16V 10%; hãng SX:Vishay Sprague	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
119	620006719	5103309-6	CONN; HEADER LOPRO STR 26POS GOLD; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
120	620006721	103639-4	CONN; HEADER VERT 5POS PCB TIN; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
121	620006722	5-103957-4	CONN; RECEPT 5POS .100 POLAR 15AU; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
122	620006785	500X15W103MV4E	CAP-CER; SMD; 10000PF 50V 20% X7R 0805; hãng SX:Johanson Dielectrics Inc	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
123	620006786	EEE-FK1K4R7P	CAP-ALUM; SMD 4.7UF 80V 20%; hãng SX:Panasonic	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
124	620006787	SSA34-E3/5AT	DIODE; SCHOTTKY 40V 3A SMC; hãng SX:Vishay Semiconductor Diodes Division	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
125	620006789	SFH690ABT	IC; OPTOCOUPLER PHOTOTRANS 300% 4SOP; hãng SX:Vishay Semiconductor Opto Division	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
126	620001890	06031A101FAT2A	CAP-CER,SMD;100P F,1%,0603,100V,NP0; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	27,00	Vật tư linh kiện, mạch in
127	620002821	YW1P-1EQ4R	Đèn báo phí 22, màu ĐỎ 24VDC, 2.6W; hãng SX:IDEC/ China	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
128	620002294	5103308-1	CONN HEADER LOPRO STR 10POS GOLD; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
129	620002297	ERJ-3EKF2400V	RES-SMD;240 OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	28,00	Vật tư linh kiện, mạch in
130	620001837	C0603C223K3RACTU	CAP-CER;0.022UF;25V;10%;X7R;0603; hãng SX:Kemet	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
131	620002299	ERJ-3EKF5231V	RES SMD 5.23K OHM 1% 1/10W 0603; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
132	620001838	C0603C105K3RACTU	CAP-CER;1UF;25V;10%;X7R;0603; hãng SX:Kemet	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
133	620002301	ERJ-3EKF5601V	RES-SMD;5.6KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
134	620002302	ERJ-3EKF7681V	RES SMD 7.68K OHM 1% 1/10W 0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
135	620001844	T491X477M010AT	CAP-TANT,SMD,470UF,0.2,2917,10V; hãng SX:Kemet	Chiếc	82,00	Vật tư linh kiện, mạch in
136	620002305	ERJ-3EKF1272V	RES SMD 12.7K OHM 1% 1/10W 0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
137	620002306	ERJ-3EKF33R0V	RES-SMD;33OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	60,00	Vật tư linh kiện, mạch in
138	620001846	MAX3485EESA+T	IC; IC TXRX, RS485/422, 10MBPS, 8SOIC; hãng SX:Maxim Integrated	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
139	620001849	ERJ-3EKF1001V	RES-SMD;1KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	107,00	Vật tư linh kiện, mạch in
140	620002310	ERJ-3EKF5600V	RES-SMD;560OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
141	620001857	ERJ-3EKF1200V	RES-SMD;120OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	96,00	Vật tư linh kiện, mạch in
142	620002328	ERJ-3EKF1002V	RES-SMD;10KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	72,00	Vật tư linh kiện, mạch in
143	620001858	1.14002.1010000	SWITCH;SWITCH PUSH;SPST- NO;0.1A;35V; hãng SX:C&KComponents	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
144	620002333	5-1814832-1	CONN-DIP;SMA,JACK,5-1814832- 1,50OHM,3GHz; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
145	620001859	20020012-D021B01LF	CONN-DIP;HEADER,F,2 POS,3.81MM; hãng SX:FCI	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
146	620002349	LXES15AAA1-133	ESD-SMD;0402 .05PF,15KV Ceramic ESD; hãng SX:Murata Electronics	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
147	620001860	MMBT3904T	TRANS; NPN, 40V, 0.2A, SOT-523F; hãng SX:Fairchild Semiconductor	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
148	620002350	C1608X5R0J106M080AB	CAP-CER,SMD;10UF,20%,0603,6.3V,X5R; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
149	620001863	UCL1V221MCL6GS	CAP-ALUM, 220UF, 20%, 35V, SMD; hãng SX:Nichicon	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
150	620002355	LTC2991IMS#PBF	IC; IC MONITOR OCTAL, 16MSOP; hãng SX:Linear Technology	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
151	620001873	T510X227K016ATE040	CAP;TANT,220UF,16V,10% 2917; hãng SX:Kemet	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
152	620002357	CZRU52C3V3	DIODE- SMD;ZENER 3.3V,0603,150MW 0603; hãng SX:Comchip Technology	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
153	620001880	C0603C474K4RACTU	CAP-CER; 0.47UF,16V, 10%, X7R, 0603; hãng SX:Kemet	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
154	620001881	T491A106M020AT	CAP-TA,SMD;10UF,20%,1206,20V,5OHM; hãng SX:Kemet	Chiếc	54,00	Vật tư linh kiện, mạch in
155	620002361	LMK04816BISQE/NOPB	IC-CLOCK;DUAL;PLL;64WQFN; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
156	620001884	06035C102KAT2A	CAP-CER,SMD;1000pF,10%,0603,50V,X7R; hãng SX:Murata Electronics	Chiếc	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in
157	620002362	1-1469387-1	GUIDE MODULE; MALE,VERT SHORT; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
158	620001885	C1608X5R1E105K080AC	CAP-CER,SMD;1.0UF,10%,0603,25V,X5R; hãng SX:TDK	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
159	620001886	C0805C106M8RACTU	CAP-CER,SMD;10UF,20%,0805,10V,XR7; hãng SX:Kemet	Chiếc	92,00	Vật tư linh kiện, mạch in
160	620002370	LMZ13610TZE/NOPB	IC; DC/DC CONVERTER, 0.8-6V ,50W; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
161	620001905	T495X477K006ATE030	CAP-TANT,SMD,470UF,10%,2917,6.3V; hãng SX:Kemet	Chiếc	88,00	Vật tư linh kiện, mạch in
162	620002435	1658621-1	CONN-IDC;10POS W/POL 15 GOLD; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
163	620001908	FDB3632	FET; MOSFET, N-CH, 100V, 80A, D2PAK; hãng SX:Fairchild Semiconductor	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
164	620002253	ERJ-3EKF3301V	RES-SMD;3.3KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
165	620002436	744762210A	IND-SMD;100nH,5%,2.50mm x 2.00mm x 1.00mm,1A,180mOHM; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
166	620002437	KPN900A1/4	SWITCH KNOB STRAIGHT .937" NATL; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
167	620002259	06031A560GAT2A	CAP-CER;SMD,56PF, 0603,100V,NP0; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
168	620002469	C0603C104K5RACTU	CAP-CER, 0.1UF, 50V, 10%, X7R, 0603; hãng SX:Kemet	Chiếc	35,00	Vật tư linh kiện, mạch in
169	620002268	251R14S820GV4T	CAP-CER;SMD,82PF,2%,0603,250V,NP0; hãng SX:Johanson Technology Inc	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
170	620002471	ERJ-3EKF2200V	RES-SMD;220OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
171	620002275	OQ0235510000G	TERM BLOCK HDR 2POS R/A 3.81MM; hãng SX:Amphenol FCI	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
172	620002282	SML-211UTT86	LED-SMD;1.8V,2ma,0805,630NM,RED WTR CLR; hãng SX:Rohm Semiconducto	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
173	620002473	CDCLVC1108PWR	IC-CLK;BUFFER;1:4;250MHZ;8TSSOP; hãng SX:TexasInstruments	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
174	620002285	ERJ-3EKF4222V	RES SMD 42.2K OHM 1% 1/10W 0603; hãng SX:	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
175	620002475	CSNL1206FT3L00	RES-SMD;0.003OHM,1%,1206,1W; hãng SX:Stackpole Electronics Inc	Chiếc	93,00	Vật tư linh kiện, mạch in
176	620002477	LT1963EST-3.3#PBF	IC-REG;LDO;3.3V;1.5A;SOT223-3; hãng SX:Linear Technology	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
177	620002289	RC0603FR-07294RL	RES-SMD;294 OHM,1%,0603, 1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
178	620002479	ERJ-3EKF1000V	RES-SMD;100OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	153,00	Vật tư linh kiện, mạch in
179	620002290	ECS-250-18-5PX-F-TR	CRYSTAL; SMD; 25.000MHZ 18PF; hãng SX:ECS Inc	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
180	620002292	ERJ-3EKF2201V	RES-SMD;2.2KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
181	620002480	ERJ-3EKF6980V	RES;SMD;698;OHM;1%;1/10W;0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
182	620002481	ERJ-3EKF1003V	RES-SMD;100KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic	Chiếc	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
183	620002482	C0603C472K5RACTU	CAP-CER; 4700PF,50V, 10%, X7R, 0603; hãng SX:Kemet	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
184	620002483	ERJ-3EKF2671V	RES-SMD,2.67KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
185	620002484	SN74GTLPH16945GR	IC; IC BUS TXRX, LVTTL-GTLP, 48-TSSOP; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
186	620002486	LMZ23605TZE/NOPB	IC; IC BUCK SYNC, 36V, 5A, TO-PMOD-7; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
187	620002487	C0603C681K5RACTU	CAP-CER;680PF;50V;10%;X7R;0603; hãng SX:Kemet	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
188	620002569	405C11A25M00000	CRYSTAL,25MHZ,20PPM,10pF,405C11A 25M00000; hãng SX:CTS-Frequency Controls	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
189	620002582	HC3-25MT3G	IC;PLL,BW 25MHZ,3GHz,HC3-25MT3G; hãng SX:Pstech	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
190	620002586	LG L29K-G2J1-24-Z	LED-SMD;0603,570NM,SMARTLED,GREEN; hãng SX:Osram opto Semiconductors Inc	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
191	620001848	ERJ-3GEY0R00V	RES-SMD;0.0OHM,JUMPER,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
192	620002587	H1102NL	IC;MODULE XFRMR SGL ETHR LAN,16SOIC; hãng SX:Pulse Electronics Corporation	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
193	620002598	PMEG3050EP,115	DIODE-SCHOTTKY;30V,5A,SOD128; hãng SX:NXP Semiconductor	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
194	620002632	ERJ-3EKF75R0V	RES-SMD;75OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	84,00	Vật tư linh kiện, mạch in
195	620002650	ERJ-3EKF45R3V	RES-SMD;45.3 OHM,1%, 0603, 1/10W; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
196	620002653	RC0603FR-0724R3L	RES-SMD;24.3 OHM,1%,0603, 1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
197	620002680	C0603C682K5RACTU	CAP-CER, 6800PF, 50V, 10%, X7R, 0603; hãng SX:Kemet	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
198	620002681	ERJ-3EKF1472V	RES-SMD, 14.7K OHM, 1%, 1/10W ,0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	51,00	Vật tư linh kiện, mạch in
199	620002690	RC0603FR-0737R4L	RES-SMD; 37.4 OHM, 1%, 0603,1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
200	620002692	06035A271JAT2A	CAP-CER,SMD;270pF,5%,0603,50V,NP0; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
201	620002694	C0603C223K1RACTU	CAP-CER,SMD;0.022μF,±10%,0603,100V,X7R ; hãng SX:Kemet	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
202	620002702	GRM1885C1H471JA01D	CAP-CER,SMD;470pF,5%,0603,50V,C0G; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	74,00	Vật tư linh kiện, mạch in
203	620002703	06031A390FAT2A	CAP-CER,SMD;39pF,1%,0603,100V,NP0; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
204	620002708	901-10387	CONN-SPECIAL;SMA JACK EDGE MNT,50 OHM; hãng SX:Amphenol-RF Division	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
205	620002753	ERJ-3EKF1501V	RES-SMD;1.5KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
206	620002754	ERJ-3EKF1782V	RES SMD 17.8K OHM 1% 1/10W 0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
207	620002800	98414-G06-06LF	CONN; n MINITEK, SHR HDR, 6POS, VERT PCB; hãng SX:FCI	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
208	620002806	EPM240T100C5	IC;MAX II CPLD,240 LE,72LFCSP,100TQFP; hãng SX:Altera	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
209	620004110	ERJ-3EKF1301V	RES-SMD;1.3KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
210	620002297	ERJ-3EKF2400V	RES-SMD;240 OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	60,00	Vật tư linh kiện, mạch in
211	620002361	LMK04816BISQE/NOPB	IC-CLOCK;DUAL;PLL;64WQFN; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
212	620002474	T494A106K010AT	CAP-TANT,SMD,10UF,10%,1206,10V; hãng SX:Kemet	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
213	620002564	ABLNO-V-120.000MHZ-T2	Mô đun dao động cộng hưởng; hãng SX:Abracon LLC/Digikey	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
214	620002664	ERJ-3EKF49R9V	RES-SMD;49.9OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	103,00	Vật tư linh kiện, mạch in
215	620002681	ERJ-3EKF1472V	RES-SMD, 14.7K OHM, 1%, 1/10W ,0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
216	620006705	S201031MS02Q	SWITCH SLIDE DPST 6A PCB; hãng SX:C&K Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
217	620004112	C0603C103K5RACTU	CAP-CER,SMD;10000pF,10%,0603,50V,X7R; hãng SX:Kemet	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
218	620004604	C0603C104K4RACTU	CAP-CER,SMD;0.1UF,10%,0603,16V,X7R; hãng SX:Kemet	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
219	620004111	C1608C0G1H101J080AA	CAP-CER,SMD;100pF,5%,0603,50V,NP0; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	46,00	Vật tư linh kiện, mạch in
220	620004117	GRM1885C1H160JA01D	CAP-CER;SMD,16PF,5% ,50V,NP0,0603; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
221	620004140	GBU1006	DIODE-BRIDGE;600V,10A,GBU,GBU1006; hãng SX:Diodes Inc	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
222	620004142	ERJ-3EKF2701V	RES-SMD;2.7KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
223	620004154	100B120JT500XT	CAP-CER; SMD, 12pF, 500V P90, 1111; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	51,00	Vật tư linh kiện, mạch in
224	620004217	C0603C102K8RACTU	CAP CER,SMD; 1000PF, 10V, 10%, X7R, 0603; hãng SX:Kemet	Chiếc	42,00	Vật tư linh kiện, mạch in
225	620004237	C1608C0G1H330J080AA	CAP-CER,SMD;33pF,5%,0603,50V,C0G; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
226	620004514	C1608X7R1H103K080AA	CAP-CER,SMD;10000pF,10%,0603,50V,X7R; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in
227	620004611	148-04J12L	IND-DJ;77 - 125 nH,148-04J12L; hãng SX:CoilCraft	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
228	620004632	165-02A06L	IND-DIP;VARIABLE,25-32 nH; hãng SX:CoilCraft	Chiếc	52,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
229	620004969	SPF5043Z	IC;AMP LN,SOT343,SPF5043Z,50-4000MHZ; hãng SX:RFMD	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
230	620005023	ERJ-3EKF2002V	RES-SMD;20KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	45,00	Vật tư linh kiện, mạch in
231	620005049	ERJ-3EKF4700V	RES-SMD; 470 OHM, 1%, 0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
232	620005638	ERJ-3EKF1101V	RES-SMD;1.1KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
233	620005652	ERJ-3EKF1300V	RES-SMD;130OHM,1%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
234	620005696	ERJ-3EKF5102V	RES-SMD;51.0KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic	Chiếc	27,00	Vật tư linh kiện, mạch in
235	620005862	C0402C105K8PACTU	CAP-CER,SMD;1UF,10%,0402,10V,X5R; hãng SX:Kemet	Chiếc	33,00	Vật tư linh kiện, mạch in
236	620005946	ERJ-3EKF1801V	RES 1.80K OHM 1/10W 1% 0603 SMD; hãng SX:Panasonic	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
237	620006138	ERJ-2RKF1000X	RES-SMD;100OHM,1%,0402,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	97,00	Vật tư linh kiện, mạch in
238	620006326	RC0603FR-076K49L	RES 6.49k 1/10W 1% 0603 SMD; hãng SX:Yageo	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
239	620006582	M2011B2B1W01	SWITCH TOGGLE SPST 6A 125V; hãng SX:NKK Switches	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
240	620006594	MUSB-C511-00	Đầu nối 33 mã: MUSB-C511-00; hãng: Amphenol ICC (Commercial Products)	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
241	620006601	HLMP-3301-F0002	LED-THR;1.9V,10mA,5mm D x 8.81mm H,RED; hãng SX:Avago Technologies US Inc	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
242	620007601	LTC4260CGN#PBF	IC; IC CTRL HOT SWAP, I2C, 24-SSOP; hãng SX:Linear Technology	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
243	620008966	102R15W102KV4E	CAP-CER; SMD; 1000PF 1KV 10% X7R 0805; hãng SX:Johanson Dielectrics Inc	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
244	620009363	ELJ-RE68NGFA	IND-SMD;68nH,2%,0603,250mA,1.3OHM; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
245	620009414	100R15X106KV4E	CAP-CER; SMD; 10UF 10V 10% X5R 0805; hãng SX:Johanson Dielectrics Inc	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
246	620009424	TLJR476M010R3200	CAP-TANT; RADIAL; 47UF 10V 20% 0805; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
247	620009429	39012085	CONN-RECEPT; 8POS, DUAL; hãng SX:Molex LLC	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
248	620009435	20020012-D031B01LF	TERM; BLK PLUG. 3 POS. 3.81MM; hãng SX:FCI	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
249	620009445	TPS5420D	IC;REG BUCK, TPS5420D,8SOIC,ADJ,2A; hãng SX:Texas Instrument	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
250	620009448	ELJ-RER12GFA	IND-SMD;120nH,2%,0603,130mA,3OHM; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
251	620009452	SDR1006-330KL	IND; RADIAL; 33UH 1.5 A; hãng SX:Bourns Inc.	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
252	620009457	ERJ-6ENF3241V	RES-SMD; 3.24K OHM 1/8W 1% 0805; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
253	620009458	25LB10-Q	SWITCH; ENCODER MECHANICAL, 36POS PC MNT; hãng SX:Grayhill Inc	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
254	620004217	C0603C102K8RACTU	CAP CER,SMD; 1000PF, 10V, 10%, X7R, 0603; hãng SX:Kemet	Chiếc	42,00	Vật tư linh kiện, mạch in
255	620004833	C0603C104K8RACTU	CAP-CER,SMD;0.1UF,10%,0603,10V,XR7; hãng SX:Kemet	Chiếc	168,00	Vật tư linh kiện, mạch in
256	620005696	ERJ-3EKF5102V	RES-SMD;51.0KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic	Chiếc	63,00	Vật tư linh kiện, mạch in
257	620009790	ERJ-3EKF1210V	RES-SMD;121OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Bourns Inc.	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
258	620009741	EEE-FT1V561AP	CAP-ALUM,SMD;560uF,20%,10.3x10.3mm,35V; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
259	620017526	BZX84-B22,215	DIODE-ZENER; 22V,250MW,SOT23,BZX84-B22,215; hãng SX:NXP Semiconductors	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
260	620017528	ACS714ELCTR-30A-T	IC;CURRENT SENSOR,ACS714ELCTR-30A-T,8-SOIC,30A,5V,-40TO+125C; hãng SX:Allegro Microsystems Inc	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
261	620020800	854672	FILTER-SMD;SAW,854672,SMP,BW 24MHZ,70MHZ; hãng SX:TRIQUINT	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
262	620015906	MS3102E10SL-3P	CONN-SPECIAL;RECEPT 3POS BOX MNT W/PINS,MS3102E10SL-3P; hãng SX:Amphenol Industrial Operations	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
263	620011091	3PCV-02-006	CONN; BARRIER STRIP 2CIRC VERT; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
264	620011092	3PCV-03-006	CONN; BARRIER STRIP 3CIRC VERT; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
265	620008008	LM321MF/NOPB	IC;OP AMP,LM321MF/NOPB,SOT235; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
266	620009609	ERJ-3EKF6041V	RES-SMD;6.04KOHM,1%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	57,00	Vật tư linh kiện, mạch in
267	620025196	QN22-A (M-G)	Nút nhấn có đèn phi 22, tiếp điểm 5A/250V, 1NO-1NC, Đèn 24VDC, đèn XANH GREEN dạng vòng, Ấn Nhà, phi 22, Nút kim loại chìm; hãng	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
268	620015437	LTST-C171GKT	LED-SMD;2.1V,20mA,0805,GREEN CLEAR,LTST-C171GKT; hãng SX:Lite-On Inc	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
269	620015459	PIC18F67J60-I/PT	IC;MICROCONTROLLER,PIC18F67J60-I/PT,64TQFP,2VTO3.6V,-40TO+85C; hãng SX:Microchip Technology	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
270	620015820	SMBJ13CA	TVS-DIODE;BI-DIR,600W,13V,DO-214AA,SMBJ13CA; hãng SX:Bourns Inc.	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
271	620015821	RJFTV22G00	CONN-SPECIAL; Ethernet Connectors 8-Hole RJ45 Cordset Sq Flange Rept Olive; hãng SX:Amphenol PCD	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
272	620017067	MCP9700T-E/TT	IC;IC SENSOR THERMAL 2.3V, SOT23-3,-40°C ~ 125°C,MCP9700T-E/TT; hãng SX:Microchip Technology	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
273	620017528	ACS714ELCTR-30A-T	IC;CURRENT SENSOR,ACS714ELCTR-30A-T,8-SOIC,30A,5V,-40TO+125C; hãng SX:Allegro Microsystems Inc	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
274	620017534	SCPQ-180+	IC;IC 2 Ways Power Splitter10W,90 deg, SCPQ-180+; hãng SX:MINI-CIRCUIT	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
275	620017535	SYM-18H+	IC;5-1800MHz,Level 17 SurfaceMount Frequency Mixer, SYM-18H+; hãng SX:MINI-CIRCUIT	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
276	620017536	RT/duroid® 6035HTC	PCB; RTDuroid 6035HTC 20mils18"x12"x0.02",1ozEDcopper cladding on both sides; hãng SX:Rogers Corporation	Tám	0,50	Vật tư linh kiện, mạch in
277	620017541	CLA4609-086LF	DIODES-PIN;250V,200mA,QFN-3 CLA4609-086LF; hãng SX:SKYWORKS/China	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
278	620017543	CLA4605-219	DIODES-PIN; 30-60V,200mA,SMT,CLA4605-219; hãng SX:Skyworks Solutions, Inc/ USA	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
279	620020800	854672	FILTER-SMD;SAW,854672,SMP,BW 24MHZ,70MHZ; hãng SX:TRIQUINT	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
280	620020902	TT63213B-161M	FILTER;FILTER BANDPASS, acceptable specify range 146MHz to 165MHz, TT63213B-161M; hãng SX:Temwell	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
281	620009375	600F0R6BT250XT	CAP-CER; SMD, 0.6pF, 250V NP0, 0805; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
282	620009377	600F0R7BT250XT	CAP-CER; SMD, 0.7pF, 250V NP0, 0805; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
283	620009561	510YB06AWAJ2S	Thiết bị chống sét; hãng SX:Emerson	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
284	620009354	CBR08C150FAGAC	CAP-CER,SMD;15PF,1%,0805,250V,NPO; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
285	620009357	ERJ-3EKF4121V	RES-SMD;4.12K;OHM;1%;1/10W;0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
286	620009368	HK1608R39J-T	IND-SMD;390NH,5%,0603,150 mA,2.3Ohm; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
287	620009369	C0603C160J5GACTU	CAP-CER,SMD;16pF,5%,0603,50V,NP0; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
288	620009372	TZB4R200AB10R00	CAP-TRIMMER; SMD, 4.5-20pF, 100V; hãng SX:Murata Electronics	Chiếc	52,00	Vật tư linh kiện, mạch in
289	620009380	100B3R3CT500XT	CAP-CER; SMD, 3.3pF, 500V P90, 1111; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	26,00	Vật tư linh kiện, mạch in
290	620009381	135103-04-24.00	CABLE SMA R/A-STR PLUG RG58 24"; hãng SX:Amphenol-RF Division	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
291	620009382	885012006057	CAP-CER;SMD, 100PF,5%, 0603,50V NP0; hãng SX:Wurth Electronics Inc	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
292	620009385	C0805C100F5GACTU	CAP CER 10PF 50V NP0 0805; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
293	620009386	GRM1885C1H272JA01D	CAP-CER,SMD;2700PF,5%,0603,50V,C0G; hãng SX:Murata Electronics	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
294	620009387	T495X107K010ATE100	CAP-TANT, 100UF, 10V, 10%, 2917; hãng SX:Kemet	Chiếc	75,00	Vật tư linh kiện, mạch in
295	620009392	68602-110HLF	CONN-DIP;10POS,STR SHORT LATCH; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
296	620009402	ERJ-3EKF15R0V	RES-SMD;15OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
297	620009403	ERJ-3EKF1780V	RES-SMD,178 OHM,1%,0603, 1/10W; hãng SX:Panasonic ElectronicComponents	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
298	620009406	ERJ-3EKF40R2V	RES-SMD; 40.2 OHM 1/10W 1% 0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	90,00	Vật tư linh kiện, mạch in
299	620009415	202S43W102KV4E	CAP-CER,SMD;1000pF,10%,1812,2KV,X7R; hãng SX:Kemet	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
300	620009416	4610M-901-104LF	CAP-CER; ARRAY,0.1UF, 50V, X7R, 10SIP; hãng SX:Bourns Inc.	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
301	620009417	600F121JT250XT	CAP-CER; 120PF, 250V, 5%, NP0 ,0805; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
302	620009418	600F6R2BT250XT	CAP-CER; 6.2PF, 250V, NP0, 0805; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
303	620009420	CBR08C270FAGAC	CAP-CER;SMD; 27PF,1%,250V,0805,NP0; hãng SX:Kemet	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
304	620009421	CBR08C820FAGAC	CAP-CER,SMD;82PF,1%,0805,250V,NPO; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
305	620009428	0039012025	CONN-RECEPT; 2POS, DUAL; hãng SX:Molex LLC	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
306	620009431	0039296028	CONN-DIP; 2POS, 4.2MMVERT, GOLD; hãng SX:Molex LLC	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
307	620009434	0705430108	CONN-DIP; 4POS, .100VERT, 30AU; hãng SX:Molex LLC	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
308	620009436	SMAJ70CA	DIODE-TVS;BI-DIR,400W,70V,DO-214AC; hãng SX:Bourns Inc.	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
309	620009437	3106KL-05W-B50-B00	FAN; 24V, 2.88W, 80X15MM, 3000 RPM; hãng SX:NMB Technologies Corporation	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
310	620009438	RXEF160	FUSE;Resettable,1.6A,72V; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
311	620009442	MAX3468ESA+	IC; TXRX, RS485/422, 8-SOIC; hãng SX:Maxim	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
312	620009454	HLMP-3507-D0002	LED5MMGAPGRNSTRAIGHTLDSTH; hãng SX:Avago Technologies US Inc	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
313	620009456	4310R-101-102LF	RES-ARRAY; 1K OHM, 9 RES, 10SIP; hãng SX:Bourns Inc.	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
314	620009466	72973	CONN-SPECIAL; PANEL MOUT; JACK SMA F TO F PANEL MOUNT; hãng SX:Pomona Electronic	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
315	620009560	0014562042	CONN; IDC, 4POS, .100, GOLD, 24AWG; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
316	620009586	CM1213-08MR	DIODE-ARRAY;10MSOP,ESD PROT LO; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
317	620009589	C0402C103K8RACTU	CAP-CER,SMD;10000PF,10%,0402,10V,XR7; hãng SX:	Chiếc	74,00	Vật tư linh kiện, mạch in
318	620009590	C0603C103K8RACTU	CAP-CER,SMD,10000PF,10%,0603,10V,X7R; hãng SX:KemeT	Chiếc	51,00	Vật tư linh kiện, mạch in
319	620009592	C0603C222K8RACTU	CAP-CER,SMD,2200PF,10%,0603,10V,X7R; hãng SX:Kemet	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
320	620009593	C0805C105K8RACTU	CAP-CER;1UF;10V;10%;X7R;0805; hãng SX:	Chiếc	38,00	Vật tư linh kiện, mạch in
321	620009594	C0805C225K8RACTU	CAP-CER,SMD,2.2UF,10%,0805,10V,X7R; hãng SX:Kemet	Chiếc	28,00	Vật tư linh kiện, mạch in
322	620009595	CBR08C330FAGAC	CAP-CER,SMD;33PF,1%,0805,250V,NPO; hãng SX:	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
323	620009596	CKCA43X7R1C104M100AA	CAP-ARRAY;0.1UF;4CH;1206;16V; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
324	620009597	CX0603MRX7R7BB473	CAP-CER,SMD;0.047UF,20%,0603,16V,XR7; hãng SX:Yageo	Chiếc	55,00	Vật tư linh kiện, mạch in
325	620009598	ECS-250-8-36CKM-TR	CRYSTAL;25MHZ;8PF;SMD;ECS-250-8-36CKM; hãng SX:ECS Inc	Chiếc	17,00	Vật tư linh kiện, mạch in
326	620009599	CY7C1372DV25-167AXC	IC; IC SRAM 18MBIT 167MHZ 100TQFP; hãng SX:CypressSemiconductor Corp	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
327	620009601	SN65220DBVT	IC;USB PORT, SIGNLE,TVS,SOT23-6; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
328	620009602	ERJ-2RKF2320X	RES-SMD, 232 OHM, 1/10W, 0603, SMD; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	27,00	Vật tư linh kiện, mạch in
329	620009603	ERJ-3EKF1102V	RES-SMD;11KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
330	620009604	ERJ-3EKF1182V	RES SMD 11.8K OHM 1% 1/10W 0603; hãng SX:	Chiếc	39,00	Vật tư linh kiện, mạch in
331	620009606	ERJ-3EKF2492V	RES-SMD, 24.9K OHM, 1%, 1/10W, 0603; hãng SX:panasonic Electronic Components	Chiếc	33,00	Vật tư linh kiện, mạch in
332	620009607	ERJ-3EKF2941V	RES-SMD, 2.94K OHM, 1%, 1/10W, 0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	28,00	Vật tư linh kiện, mạch in
333	620009608	ERJ-3EKF3652V	RES-SMD, 36.5K OHM, 1% ,1/10W, 0603; hãng SX:panasonic Electronic Components	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
334	620009610	C0603C332K5RACTU	CAP-CER,SMD;3300pF,10%,0603,50V,X7R; hãng SX:Kemet	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
335	620009612	CRA06E08356R2FTA	RES-ARRAY; 56.2OHM , 4RES 1206; hãng SX:Vishay Dale	Chiếc	70,00	Vật tư linh kiện, mạch in
336	620009616	ERJ-3EKF27R0V	RES-SMD;27;OHM;1%;1/10W;0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	37,00	Vật tư linh kiện, mạch in
337	620009621	TPS51200DRCTG4	IC; IC CONV, DDR DDR2 DDR3, 10SON; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
338	620009623	ERJ-2RKF33R0X	RES-SMD;33OHM,1%,0402,1/10W; hãng SX:	Chiếc	58,00	Vật tư linh kiện, mạch in
339	620009629	FT245BL/TR	IC;USB FIFO INTERFACE, 480MBPS,32LQFP; hãng SX:FTDI	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
340	620009630	C0603C332K5GACTU	CAP-CER;3300PF;50V;10%;NP0;0603; hãng SX:Kemet	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
341	620009633	ERJ-3EKF2320V	RES-SMD;232;OHM;1%;1/10W;0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
342	620009634	AD9959BCPZ-REEL7	IC-DDS;QUAD;10BIT;DAC;56LFCSP; hãng SX:Analog Devices	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
343	620009642	PE43703MLI-Z	IC; RF DSA, 7 BIT, 50 OHM, 32-QFN; hãng SX:Peregrine Semiconductor	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
344	620009741	EEE-FT1V561AP	CAP-ALUM,SMD;560uF,20%,10.3x10.3mm,35 V; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
345	620009775	ELJ-RER15GFA	IND-SMD;150NH,2%,0603,100mA,4.5Ohm; hãng SX:Würth Electronics	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
346	620009776	C1608C0G1H470F080AA	CAP-CER,SMD;47PF,1%,0603,50V,C0G; hãng SX: TDK Corporation	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
347	620009842	ERJ-3EKF5101V	RES-SMD;5.10KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
348	620011091	3PCV-02-006	CONN; BARRIER STRIP 2CIRC VERT; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
349	620011099	ERJ-3EKF24R0V	RES-SMD;24.0OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	51,00	Vật tư linh kiện, mạch in
350	620011100	C0805C479C5GACTU	Capacitor 4.7pF 50V Ceramic Capacitor C0G, NP0 0805 (2012 Metric) 0.079" L x 0.049" W (2.00mm x 1.25mm); hãng SX:Kemet	Chiếc	81,00	Vật tư linh kiện, mạch in
351	620011101	126-4	THERMAL COMPOUND SYNTHETIC 4 OZ; hãng SX:Wakefeild-Vette	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
352	620011102	TS03315C0000G	TERM BLOCK PLUG 3POS 3.81MM; hãng SX:Amphenol Anytek	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
353	620011103	FSM2JH	SWITCH; TACTILE SPST-NO 0.05A 12V; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
354	620011104	NCP15XC470E03RC	RES-SMD;NTC Thermistor 47 0402; hãng SX:Murata Electronics	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
355	620011105	RC0603FR-0790R9L	RES-SMD;90.9 OHM,1%,0603, 1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
356	620011106	RC0603FR-0782R5L	RES-SMD;82.5 OHM,1%,0603, 1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
357	620011107	RC0603FR-0778R7L	RES-SMD;78.7 OHM,1%,0603, 1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
358	620011108	RC0603FR-0761R9L	RES-SMD;61.9 OHM,1%,0603, 1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
359	620011109	RC0603FR-0730R9L	RES-SMD;30.9 OHM,1%,0603, 1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
360	620011110	ERJ-3EKF2210V	RES-SMD;221 OHM,1%,1/10W,0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
361	620011111	RC0603FR-0717R8L	RES-SMD;17.8 OHM,1%,0603, 1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
362	620011112	RC0603FR-0711R5L	RES-SMD;11.5 OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
363	620011113	KTR03EZPJ103	RES-SMD;10K OHM,5% 0603,1/10W; hãng SX:Rohm Semiconductor	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
364	620011114	ERJ-3EKF1070V	RES-SMD;107 OHM,1%,1/10W,0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
365	620011115	ERJ-3EKF1050V	RES-SMD;105 OHM,1%,1/10W,0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
366	620011116	ERJ-3EKF7500V	RES SMD 750 OHM 1% 1/10W 0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
367	620011117	ERJ-3EKF68R1V	RES SMD 68.1 OHM 1% 1/10W 0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
368	620011118	ERJ-3EKF6201V	RES SMD 6.2K OHM 1% 1/10W 0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
369	620011119	RC0603FR-0734KL	RES SMD 34K OHM 1% 1/10W 0603; hãng SX:Yageo	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
370	620011120	RC0603FR-073K16L	RES SMD 3.16K OHM 1% 1/10W 0603; hãng SX:Yageo	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
371	620011121	RC0603FR-0723R7L	RES SMD 23.7 OHM 1% 1/10W 0603; hãng SX:Yageo	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
372	620011122	RC0603JR-0720KL	RES SMD 20K OHM 1% 1/10W 0603; hãng SX:Yageo	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
373	620011123	ERJ-3EKF2151V	RES SMD 2.15K OHM 1% 1/10W 0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
374	620011124	ERJ-3EKF2051V	RES-SMD, 2.05K OHM, 1%, 1/10W ,0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
375	620011125	ERJ-3EKF1540V	RES SMD 154 OHM 1% 1/10W 0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
376	620011126	EYG-E0912XD6D	PGS25UM+SSM1MM+PET 10UM 90x115MM; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
377	620011127	T100F-010.0M	OSC TCXO 10.000MHZ LVCMOS SMD; hãng SX:Connor-Winfield	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
378	620011128	1808HC471KAT2A	Multilayer Ceramic Capacitors MLCC-SMD/SMT 3KV 470pF XR7 1808 10%; hãng SX:AVX	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
379	620011129	L0603CR10JRMST	FIXED IND 100NH 300MA 1 OHM SMD; hãng SX:KEMET	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
380	620011130	L06031R2CGSTR	IND-SMD; 1.2NH,2%,1A,40mOhm,0603; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
381	620011131	LTV-817S-TA1	OPTOISOLATR 5KV TRANSISTOR 4-SMD; hãng SX:Lite-On Inc.	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
382	620011132	RT9164A-33GG	IC REG LINEAR 3.3V 1A SOT223; hãng SX:Richtek USA Inc	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
383	620011133	MASWSS0136TR-3000	SWITCH SPDT GAAS MMIC 6-SC70; hãng SX:M/A-Com Technology Solutions	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
384	620011135	R30-3003502	HEX STANDOFF M3 BRASS 35MM; hãng SX:Harwin Inc.	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
385	620011138	89947-710LF	CONN IDC SOCKET 10POS 2MM GOLD; hãng SX:Amphenol CFI	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
386	620011140	15916102	CONN HEADER SMT BKWY GOLD 10CKT; hãng SX:Molex Connector Corporation	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
387	620011142	THJC106K025RJN	CAP-TANT;SMD,10UF,20%,2312 1800mOhm,25V; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
388	620011143	600F3R9BT250XT	CAP-CER;SMD,3.9PF, 0805,250V C0G/NP0; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
389	620011144	600F0R4BT250XT	CAP-CER; SMD, 0.4pF, 250V NP0, 0805; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	71,00	Vật tư linh kiện, mạch in
390	620011145	600F0R2BT250XT	CAP-CER; SMD, 0.2pF, 250V NP0, 0805; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	17,00	Vật tư linh kiện, mạch in
391	620011146	600S6R8BT250XT	CAP CER 6.8PF 250V C0G/NP0 0603; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
392	620011147	600S5R6BT250XT	CAP CER 5.6PF 250V C0G/NP0 0603; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
393	620011148	08051A180FAT2A	CAP-CER,SMD;18PF,1%,0805,100V,NP0; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
394	620011149	600F0R3BT250XT	CAP CER 0.3PF 250V C0G/NP0 0805; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
395	620011150	AK670/2-2	CABLE USB A-A MALE 2.0 VERS; hãng SX:Assmann WSW Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
396	620016656	SN74HC148DR	IC;PRIORITY ENCODER 8-3L,16-SOIC,-40°C ~ 85°C,SN74HC148DR0,; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
397	620009591	C0603C105K9RACTU	CAP-CER,SMD,1UF,10%,0603,6.3V,X7R; hãng SX:Kemet	Chiếc	28,00	Vật tư linh kiện, mạch in
398	620009592	C0603C222K8RACTU	CAP-CER,SMD,2200PF,10%,0603,10V,X7R; hãng SX:Kemet	Chiếc	77,00	Vật tư linh kiện, mạch in
399	620009594	C0805C225K8RACTU	CAP-CER,SMD,2.2UF,10%,0805,10V,X7R; hãng SX:Kemet	Chiếc	62,00	Vật tư linh kiện, mạch in
400	620009596	CKCA43X7R1C104M100AA	CAP-ARRAY;0.1UF;4CH;1206;16V; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in
401	620009599	CY7C1372DV25-167AXC	IC; IC SRAM 18MBIT 167MHZ 100TQFP; hãng SX:CypressSemiconductor Corp	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
402	620009602	ERJ-2RKF2320X	RES-SMD, 232 OHM, 1/10W, 0603, SMD; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	67,00	Vật tư linh kiện, mạch in
403	620009605	ERJ-3EKF2491V	RES-SMD, 2.49K OHM, 1%, 1/10W, 0603; hãng SX:panasonic Electronic Components	Chiếc	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
404	620009606	ERJ-3EKF2492V	RES-SMD, 24.9K OHM, 1%, 1/10W, 0603; hãng SX:panasonic Electronic Components	Chiếc	57,00	Vật tư linh kiện, mạch in
405	620009607	ERJ-3EKF2941V	RES-SMD, 2.94K OHM, 1%, 1/10W, 0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	62,00	Vật tư linh kiện, mạch in
406	620009608	ERJ-3EKF3652V	RES-SMD, 36.5K OHM, 1%, 1/10W, 0603; hãng SX:panasonic Electronic Components	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
407	620009610	C0603C332K5RACTU	CAP-CER,SMD;3300pF,10%,0603,50V,X7R; hãng SX:Kemet	Chiếc	79,00	Vật tư linh kiện, mạch in
408	620009614	LMK212SD104KG-T	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,0805,10V; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	65,00	Vật tư linh kiện, mạch in
409	620009616	ERJ-3EKF27R0V	RES-SMD;27;OHM;1%;1/10W;0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	56,00	Vật tư linh kiện, mạch in
410	620009627	0471554001	CONN-SATA; HDR, 7POS, PCB, VERT; hãng SX:Molex	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
411	620017517	RF3023TR7	IC; SWITCH, SPDT, BROADBAND SC70-6, SOT-363; hãng SX:RFMD	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
412	620015443	LMZ14203HTZ/NOPB	IC;BUCK SYNC ADJ 3A,TO-PMOD-7,-55 TO 125°C,LMZ14203HTZ/NOPB; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
413	620015459	PIC18F67J60-I/PT	IC;MICROCONTROLLER,PIC18F67J60-I/PT,64TQFP,2VTO3.6V,-40TO+85C; hãng SX:Microchip Technology	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
414	620015480	SYM-25DLHW+	Bộ trộn 40-2500 MHz, Level 10 Surface Mount Frequency Mixer; hãng SX:MINI-CIRCUIT	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
415	620015484	1N4148WT	DIODE SWITCHING;75V,0.25A,SOD523F,1N4148WT; hãng SX:Fairchild Semiconductor	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
416	620015491	142138	CONN-SPECIAL;CONN SMB MALE JACK STRGHT PCB; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
417	620015662	CDCLVC1104PWR	IC;CLK BUFFER,CDCLVC1104PWR,1:4 250MHZ,8TSSOP; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
418	620015821	RJFTV22G00	CONN-SPECIAL; Ethernet Connectors 8-Hole RJ45 Cordset Sq Flange Rcpt Olive; hãng SX:Amphenol PCD	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
419	620015876	PF0560.333NLT	IND-SMD;33uH,25%,10M4X10M3X4M,2.2A,93mOHM; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
420	620015991	148-03J12L	IND-VR;60-86 nH,15%,500 mA,0.1 Ohm,THD,148 Series; hãng SX:Coilcraft	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
421	620016571	3361P-1-102GLF	RES-VR;1KOHM,10%,7.04mm x 6.71mm x 4.88mm,1/2W; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
422	620016573	4-1634688-0	CONN-SPECIAL; HEADER VERT .100 40POS GOLD; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
423	620016668	PT02E-12-10S	CONN-SPECIAL;RECEPT,10POS ,W/SOCKET SOLDER; hãng SX:Amphenol Industrial Operations	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
424	620017067	MCP9700T-E/TT	IC;IC SENSOR THERMAL 2.3V, SOT23-3,-40°C ~ 125°C,MCP9700T-E/TT; hãng SX:Microchip Technology	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
425	620017511	OSTTC022162	CONN-SPECIAL;Term block,5.08MM vert 2POS PCB,; hãng SX:On Shore Technology Inc.	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
426	620017518	NC7WZ04P6X	IC; INVERTER, UHS DUAL HS SC70-6, SOT-363; hãng SX:Fairchild Semiconductor	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
427	620017519	1830606	CONN-SPECIAL;TERM BLK HDR PCB, 3POS, 3.81MM, GRN; hãng SX:Phoenix Contact	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
428	620017521	68002-206HLF	CONN-SPECIAL; HEADER6POS.100STR 15AU,68002-206HLF; hãng SX:FCI	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
429	620017522	24AA02E48T-I/OT	IC;EEPROM,SOT23-5,5.5V,-40TO+85C,24AA02E48T-I/OT; hãng SX:Microchip Technology	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
430	620017524	OSTYK22104030	CONN-SPECIAL; BARRIER, STRIP, 4CIRC, 6.35MM; hãng SX:On Shore Technology Inc	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
431	620017525	744272251	IND-SMD;2 X 250UH,0.394" L x 0.343" Wx 0.256"H,2.0A,35 mOhm; hãng SX:Würth Electronics Inc	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
432	620017527	BZX84-C10,215	DIODE-ZENER;10V,250mW,SOT23,BZX84-C10,215; hãng SX:NXP Semiconductors	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
433	620017530	ISL3180EIBZ	IC;IC TX/RX RS-485/RS-422;14-SOIC;ISL3180EIBZ; hãng SX:Intersil	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
434	620017531	PXF4024WS12	REGULATOR,DC-DCCONVERTER,12V,3.333A, PXF4048WS12; hãng SX:TDK-Lambda Americas Inc	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
435	620017532	SN74LVC1T45DBVR	IC; BUS TRANSCVR TRI-ST,SOT23-6,40°C ~ 85°C,SN74LVC1T45DBVR; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
436	620017539	ADC-6-1R+	IC;IC DIRECTIONAL COUPLER,5 to 200MHz,1.7dB, ADC-6-1R+; hãng SX:MINI-CIRCUIT	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
437	620017684	LT1963AEST-1.8#PBF	IC;IC REG LDO,SOT223-3,-40°C ~ 125°C,LT1963AEST-1.8#PBF,1.8V,1.5A; hãng SX:Linear Technology	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
438	620017687	LT1963AEST-2.5#PBF	IC;REG LDO,LT1963AEST-2.5#PBF,SOT223-3,2.5V,1.5A; hãng SX:Linear Technology	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
439	620017688	LT1963AEST-3.3#TRPBF	IC;REG LDO,LT1963AEST-3.3#TRPBF,SOT223-3,3.3V,1.5A; hãng SX:Linear Technology	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
440	620017690	EPCS128SII6N	IC;IC CONFIG DEVICE,16SOIC,-40TO 85°C,EPCS128SII6N; hãng SX:Altera	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
441	620017933	AS4C32M16SB-7TINTR	Memory, Inc. IC SDRAM 512MBIT 143MHZ 54TSOP; hãng SX:Micron Technology Inc	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
442	620017934	PC28F512P30TFA	1 Gb (x16) Parallel NOR Flash Memory, 100 ns, 1.7 to 2.0 V, 64-ball Easy BGA (PC), Tray; hãng SX: Micron	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
443	620017935	F4PDMV2	CONN-SPECIAL, CommScope - 7/16" 7/16 DIN Male, 1/2" Superflex Cable; hãng SX: COMMSCOPE	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
444	620017936	PE44979	CONN-SPECIAL, CommScope - 7/16" 7/16 DIN Male, right angle 1/2" superflex; hãng SX: COMMSCOPE	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
445	620019754	AD9912ABCPZ	Vi mạch; hãng SX: Analog Device Inc	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
446	620020801	854654	FILTER-SMD; SAW, SMP, BW 2MHZ, 70MHZ, 854654; hãng SX: Triquint Semiconductor	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
447	620020897	SXBP-161R5+	FILTER; FILTER BANDPASS, 148 to 175MHZ, SXBP-161R5+; hãng SX: MINI-CIRCUIT	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
448	620020898	RLP-83+	FILTER; FILTER LOW PASS; DC to 83 MHz, RLP-83+; hãng SX: Mini-Circuits	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
449	620020899	LFCN-180+	FILTER, FILTER LOWPASS, DC to 180MHZ, LFCN-180+; hãng SX: MINI-CIRCUIT	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
450	620020900	RBP-220W+	FILTER; FILTER BANDPASS, 190 to 250 MHz, RBP-220W+; hãng SX: Mini-Circuits	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
451	620020901	854655	FILTER-SMD; SAW, SMP, BW 2.5MHZ, 70MHZ, 854655; hãng SX: TRIQUINT	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
452	620020987	MI0805J102R-10	FB; 1A, 1000OHMS, 0805; hãng SX: Laird-Signal Integrity Products	Chiếc	66,00	Vật tư linh kiện, mạch in
453	620021063	742792097	FERRITE BEAD 1.5 KOHM 0805 1LN; hãng SX: Wurth Electronics Inc	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
454	620021092	HI2220P701R-10	FERRITE-SMD; 4A, 700OHM, 2220, HI2220P701R-10; hãng SX: Laird-Signal Integrity Products	Chiếc	80,00	Vật tư linh kiện, mạch in
455	620025198	AISC-0603-R010G-T	IND-SMD; 10NH, 10%; hãng SX: Abracon LLC	Chiếc	59,00	Vật tư linh kiện, mạch in
456	620025899	5AGXMB1G4F3515N	IC; IC-FPGA, Arria V GX Family FPGA; 1.07 to 1.13 V Supply; 544 I/O Pins; 12 PLLs; 1152-Pin FBGA; Speed Grade 5; Industrial Grade; RoHS	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
457	620015505	EP3C25Q240C8N	IC; IC FPGA, 240-PQFP, 0 TO 85°C, EP3C25Q240C8N; hãng SX: Altera	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
458	620017693	MT41J128M16JT-125:K TR	IC; IC-SDRAM; 2Gb DDR3-1600 SDRAM; 128Mb x 16; 1.25ns; 1.5V; 0 to 95 degC; 96-Ball FBGA; Pb-Free; MT41J128M16JT-125; hãng SX: Micron Tech	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
459	620025198	AISC-0603-R010G-T	IND-SMD; 10NH, 10%; hãng SX: Abracon LLC	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
460	620008480	TCBT-14+	IC; BIAS TEE, TCBT-14+; hãng SX: Mini-Circuits	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
461	620008975	E40H8-1024-6-L-5	Encoder, 5V, 2048 pulses, E40h8-2048; hãng SX: Autonics	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
462	620008978	EEE-1EA220SP	CAP, Aluminum 22UF, 25V, SMD; hãng SX: Panasonic Electronic Components	Chiếc	85,00	Vật tư linh kiện, mạch in
463	620009008	9dep90-60-30	DCMotor, 60W, 48V, 9dep90-60-30; hãng SX: DKM motor	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
464	620009031	WSL2512R0120FEA18	RES SMD 0.012 OHM 1% 2W 2512; hãng SX: Vishay Dale	Chiếc	130,00	Vật tư linh kiện, mạch in
465	620009033	Si4133-D-GT	IC; SYNTHESIZER, SI4133-GT; hãng SX: Silicon Labs	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
466	620009045	LM35DT/NOPB	SENSOR TEMP ANLG VOLT TO-220-3; hãng SX: Texas Instruments	Chiếc	17,00	Vật tư linh kiện, mạch in
467	620017381	BA595E6327HTSA1	RF Diode PIN - Single 50V 50mA PG-SOD323-2; hãng SX: INFINEON USA	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
468	620002592	SM-42TW502	TRIMMER 5K OHM 0.25W SMD; hãng SX: Copal Electronics Inc.	Chiếc	142,00	Vật tư linh kiện, mạch in
469	620006767	3590S-2-103L	VARISTOR; 10kOhm, Panel mount, 2W; hãng SX: Bourns Inc.	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
470	620006840	AMS1117-2.5	IC; LDO, 2.5V, AMS1117-1.8; hãng SX:Advanced Monolithic Systems	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
471	620006841	ADG901BRMZ	IC; RFSWITCH, ADG901BRMZ; hãng SX:Analog Devices	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
472	620008995	AMS1117-3.3	IC, REGULATOR, LOW DROP, SOT 223; hãng SX:Advanced Monolithic Systems	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
473	620009033	Si4133-D-GT	IC; SYNTHESIZER, SI4133-GT; hãng SX:Silicon Labs	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
474	620009161	AD8138ARZ-R7	IC, AMP, DIFF LDIST, LP 95MA, 8SOIC; hãng SX:Analog Devices	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
475	620009162	RPA0300T0050JNBK	RES 50 OHM 5% 20W; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
476	620009165	L78M05CDT-TR	IC; LDO, 5V, L78M05CDT-TR; hãng SX:STMicro Electronics	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
477	620002597	C3225X7R2E224K200AA	CAP, CER 0.22 uF, 250V, X7R, 10%; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	294,00	Vật tư linh kiện, mạch in
478	620003512	CRM2512-FX-1000ELF	RES-SMD,100 OHM,1%,2512,2W; hãng SX:Bourns Inc.	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
479	620009192	CFR-25JB-52-3K	RES 3K OHM 1/4W 5% AXIAL; hãng SX:Yageo	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
480	620009193	IRS21844SPBF	IC DRIVER HALF-BRIDGE 14-SOIC; hãng SX:Infineon Technologies	Chiếc	23,00	Vật tư linh kiện, mạch in
481	620009194	IRF3710PBF	MOSFET N-CH 100V 57A TO-220AB; hãng SX:Infineon Technologies	Chiếc	88,00	Vật tư linh kiện, mạch in
482	620009207	ADE-11X	IC; MIXER, 10-2000M, ADE-11X; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	66,00	Vật tư linh kiện, mạch in
483	620009209	ADP-2-20	IC; SPLITTER/COMBINER, ADP-2-20; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	45,00	Vật tư linh kiện, mạch in
484	620009210	T4-1+	IC; RF TRANSFORMER, T4-1+; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	38,00	Vật tư linh kiện, mạch in
485	620009236	ABLS2-12.000MHZ-D4Y-T	CRYSTAL-SMD, 12.0000MHZ, 18PF; hãng SX:Abrakon LLC	Chiếc	110,00	Vật tư linh kiện, mạch in
486	620009237	SN75176BDR	IC;DIFF BUS TXCVR,8-SOIC,SN75176BDR; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
487	620009240	SN74ACT245PWR	IC, BUS, TRANSCEIVER, 8BIT, 20TSSOP; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
488	620009241	LM1117MP-ADJ/NOPB	IC, REG, LDO ADJ, 0.8A, SOT223; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
489	620009248	SYPD-1+	IC; PHASE DETECTOR, SYPD-1+; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
490	620009285	XC3S500E-4PQG208I	IC, FPGA, 158 I/O, 208QFP; hãng SX:Xilinx Inc.	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
491	620009290	AD640BE	IC; Logarithmic Amplifiers, AD640BE; hãng SX:Analog Devices	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
492	620006582	M2011B2B1W01	SWITCH TOGGLE SPST 6A 125V; hãng SX:NKK Switches	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
493	620009310	70103530	Cầu chì ống 10A cho nguồn +12V; hãng SX:Schurter Inc.	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
494	620009328	YW1S-2E10	Công tắc 2 trạng thái, 1 NO; hãng SX:IDEC	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
495	620009330	ARK-1123H	Computing device; ARK-1123H; hãng SX:Advantech	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
496	620008969	800B1R8BT500XT	CAP CER 1.8PF 500V 1111; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	60,00	Vật tư linh kiện, mạch in
497	620008974	EEV-TG1J221Q	CAP ALUM 220UF 20% 63V SMD; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in
498	620008976	ERA-6AEB181V	RES, SMD, 180 OHM, 0.1%, 1/10W, 0805; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	28,00	Vật tư linh kiện, mạch in
499	620008977	F931C106MAA	CAP, TANT, 10UF, 16V, 20%, 1206; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	264,00	Vật tư linh kiện, mạch in
500	620008979	AIMC-0805-47NJ-T	FIXED IND 47NH 300MA 700 MOHM; hãng SX:Abrakon LLC	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
501	620008980	EEE-1CA470WR	CAP ALUM 47UF 20% 16V SMD; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
502	620008981	AIMC-0805-56NJ-T	FIXED IND 56NH 300MA 750 MOHM; hãng SX:Abrakon LLC	Chiếc	90,00	Vật tư linh kiện, mạch in
503	620008982	SM-3TW502	TRIMMER 5K OHM 0.125W SMD; hãng SX:Copal Electronics Inc.	Chiếc	60,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
504	620008984	ERJ-6GEYJ472V	RES-SMD;4.7KOHM,5%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	215,00	Vật tư linh kiện, mạch in
505	620008985	C0805C104K9RACTU	CAP CER 0.1UF 6.3V X7R 0805; hãng SX:Kemet	Chiếc	190,00	Vật tư linh kiện, mạch in
506	620008986	08051A102JAT2A	CAP CER 1000PF 100V 5% NP0 0805; hãng SX:AVX Corporation USA	Chiếc	413,00	Vật tư linh kiện, mạch in
507	620008987	BZV55C3V3-TP	DIODE ZENER 3.3V 500MW MINIMELF; hãng SX:Micro Commercial Co	Chiếc	719,00	Vật tư linh kiện, mạch in
508	620008988	BZV55-C5V1,135	DIODE ZENER 5.1V 500MW SOD80C; hãng SX:NXP Semiconductors	Chiếc	422,00	Vật tư linh kiện, mạch in
509	620015741	TC1-1T+	TRANSFORMER; Balun, TC1-1+ , 50Ω, 0.4-500 MHz, RATIO : 1; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
510	620008989	AIMC-0805-39NJ-T	FIXED IND 39NH 300MA 650 MOHM; hãng SX:Abrakon LLC	Chiếc	54,00	Vật tư linh kiện, mạch in
511	620008990	AIMC-0805-68NJ-T	FIXED IND 68NH 300MA 800 MOHM; hãng SX:Abrakon LLC	Chiếc	230,00	Vật tư linh kiện, mạch in
512	620017361	PIC12F683-I/SN	IC; MICROCONTROLLER, PIC12, 8BIT, PIC12F683-I/SN; hãng SX:Microchips	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
513	620008991	08055A561FAT2A	CAP CER 560PF 50V NP0 0805; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	17,00	Vật tư linh kiện, mạch in
514	620017403	LPC4357JBD208E	IC; ARM® Cortex®-M4/M0 LPC43xx Microcontroller IC 32-Bit , Dual-Core 204MHz, 1MB (1M x 8) FLASH 208-LQFP (28x28); hãng SX:NXP Se	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
515	620008992	C0805C223K5RACTU	CAP CER 0.022UF 50V X7R 0805; hãng SX:Kemet	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
516	620008993	36502A10NJTDG	FIXED IND 10NH 600MA 100 MOHM; hãng SX:TE Connectivity Passive Product	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
517	620017404	STM32F103RBT6	ARM, Cortex-M3, STM32, F1 Microcontroller, IC 32-Bit, 72MHz, 128KB, (128K x 8) FLASH; hãng SX:STMicro Electronics	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
518	620008994	NZX3V9B,133	DIODE ZENER 3.9V 500MW ALF2; hãng SX:NXP Semiconductors	Chiếc	150,00	Vật tư linh kiện, mạch in
519	620017405	HC1400P03	3 dB hybrid coupler, 30W, 1200 - 1700 MHz; hãng SX:Yantel Corporation	Chiếc	48,00	Vật tư linh kiện, mạch in
520	620008997	1057290-1	CONN N JACK STR 50 OHM SOLDER; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Chiếc	122,00	Vật tư linh kiện, mạch in
521	620017406	HC1400A03	3 dB hybrid coupler, 150W, 1200 - 1700 MHz; hãng SX:Yantel Corporation	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
522	620008998	11_N-50-7-44/133_NE	CONN N PLUG STR 50 OHM CRIMP; hãng SX:Hubersuhner	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
523	620017407	PIC16F887T-I/PT	IC, Microcontroller 8-Bit 20MHz 14KB (8K x 14) FLASH 44-TQFP; hãng SX:Microchip Technology	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
524	620008999	2-34854-1	CONN RING CIRC 10-12AWG #10; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Chiếc	380,00	Vật tư linh kiện, mạch in
525	620009000	2-36160-1	CONN RING CIRC 14-16AWG #10; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Chiếc	250,00	Vật tư linh kiện, mạch in
526	620017408	MC7805CDTG	Linear Voltage Regulator IC Positive Fixed 1 Output 5V 1A DPAK-3; hãng SX:ON Semiconductor	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
527	620017411	RVA-2500+	IC; VOLTAGE VARIABLE ATTENUATOR, RVA-2500+; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
528	620009002	AUB1212H-CK15	FAN AXIAL 120X25.4MM 12VDC WIRE; hãng SX:Delta Electronics	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
529	620017422	UIYDI1925A1450T1550	Drop-in Isolator; 1450-1550 MHz, 100W, Drop-in; hãng SX:UIY	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
530	620009003	EMVY630ARA221MKE0S	CAP ALUM 220UF 20% 63V SMD; hãng SX:United Chemi-Con	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
531	620009004	RC1206FR-07470RL	RES-SMD;470OHM,1%,1206,1/4W; hãng SX:Yageo	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
532	620025190	CFR-25JB-52-200R	RES 200 OHM 1/4W 5% AXIAL; hãng SX:Yageo	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
533	620009005	AC1206FR-07330RL	RES SMD 330 OHM 1% 1/4W 1206; hãng SX:Yageo	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
534	620009006	82-202-1006	N, MALE SOLDER CLAMP, S,G,T; FOR RG-8/U TYPE, LMR-400 & BELDEN 9913, CBL GRP I; hãng SX:Amphenol RF	Chiếc	240,00	Vật tư linh kiện, mạch in
535	620025191	CFR-25JB-52-680R	RES 680 OHM 1/4W 5% AXIAL; hãng SX:Yageo	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
536	620009007	172278-10	CONN-SPECIAL; ADAPT JACK-JACK N 50 OHM; hãng SX:Amphenol-RF Division	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
537	620009009	PRT-11363	KIT MAGNET WIRE; hãng SX:SparkFun Electronics	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
538	620025192	CFR-25JB-52-1K8	RES 1.8K OHM 1/4W 5% AXIAL; hãng SX:Yageo	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
539	620009010	SMTp32	Bubble Level/Flanged Mounting Type; hãng SX:Misumi	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
540	620004158	100B101JT500XT	CAP CER 100PF 500V P90 1111; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	595,00	Vật tư linh kiện, mạch in
541	620016600	 R87F-A4A13HP	Quạt 220VA, 3A, loại gắn vào thành tủ, kích thước 100x100x25mm; hãng SX:Omron	Chiếc	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
542	620009019	ERJ-6GEYJ120V	RES, SMD, 12 OHM, 5%, 1/8W, 0805; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
543	620004159	G109-15A	FAN GUARD METAL 120MM; hãng SX:Orion Fans	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
544	620009020	ERA-6AEB101V	RES, SMD, 100 OHM, 0.1%, 1/8W, 0805; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
545	620016609	OEDA-63-4-5	Núm xoay biến trở Knob BLK/Matte 625" DIA 250" SHAFT; hãng SX:Kilo International/ USA	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
546	620004215	DK0008T	BỘ KIT DK0008T; hãng SX:ATC	Bộ	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
547	620009021	ERA-6AEB331V	RES, SMD, 330 OHM, 0.1%, 1/8W, 0805; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	27,00	Vật tư linh kiện, mạch in
548	620004282	3-644563-6	CONN-RECEPT, 6POS, 24AWG, MTA100; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Chiếc	331,00	Vật tư linh kiện, mạch in
549	620009022	ERA-6AEB223V	RES, SMD, 22K OHM, 0.1%, 1/8W, 0805; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
550	620006039	ERA-6AEB102V	RES-SMD;1KOHM,0.1%,0805,1/8W; hãng SX:	Chiếc	280,00	Vật tư linh kiện, mạch in
551	620017430	1059453-1	CONN SMA Connector Jack, Female Socket 50 Ohm Panel Mount, Flange (2 Hole) Solder; hãng SX:TE Connectivity Aerospace, Defense an	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
552	620009023	ERJ-6RQF4R7V	RES SMD 4.7 OHM 1% 1/8W 0805; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
553	620017435	70103480	Cầu chì ống 5A cho nguồn +5VDC, 28VDC và 48VDC; hãng SX:Schurter Inc.	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
554	620009025	100B1R0CT500XT	CAP CER 1PF 500V 1111; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	404,00	Vật tư linh kiện, mạch in
555	620017440	929975-01-40-RK	Headers & Wire Housings 40 CON STR BRDMNT SKT; hãng SX:3M Electronic Solutions Division	Chiếc	49,00	Vật tư linh kiện, mạch in
556	620009026	AIAC-0805C-6N8K-T	FIXED IND 6.8NH 750MA 110 MOHM; hãng SX:Abrakon Corporation	Chiếc	215,00	Vật tư linh kiện, mạch in
557	620006769	200B104MT50XT	CAP, CER 0.1 Uf, 50 V, C0G, 20%; hãng SX:American Technical Ceramics USA	Chiếc	444,00	Vật tư linh kiện, mạch in
558	620009027	68691-116HLF	CONN-HEADER, 16POS, .100 STR; hãng SX:Amphenol FCI	Chiếc	114,00	Vật tư linh kiện, mạch in
559	620006855	61300611121	CONN-HEADER, 6 POS, 2.54; hãng SX:Würth Electronics Inc	Chiếc	118,00	Vật tư linh kiện, mạch in
560	620017441	PT02E-12-10P	CONNECTOR-SPECIAL; Receptacle, Male Pins, 10Pos,W/Pins, Solder; hãng SX:Amphenol Industrial Operations	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
561	620009029	TZS4678-GS08	DIODE ZENER 1.8V 500MW SOD80; hãng SX:Vishay Semiconductor Diodes Division	Chiếc	445,00	Vật tư linh kiện, mạch in
562	620007210	PG164130	MODULE;PROGRAMMER,PICKIT 3; hãng SX:Microchip	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
563	620009030	BB833E6327HTSA1	DIODE VARACTOR 30V SOD-323; hãng SX:Infineon Technologies	Chiếc	86,00	Vật tư linh kiện, mạch in
564	620017442	ATM2PS-CKIT	2 Position Rectangular Plug and Receptacle Connector Crimp 16-22 AWG; hãng SX:Amphenol Sine Systems Corp	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
565	620007794	640456-3	CONN HEADER VERT 3POS .100 TIN; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Chiếc	73,00	Vật tư linh kiện, mạch in
566	620007796	640456-6	CONN HEADER VERT 6POS .100 TIN; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Chiếc	238,00	Vật tư linh kiện, mạch in
567	620009032	ERA-6YEB222V	RES SMD 2.2K OHM 0.1% 1/8W 0805; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	1.115,00	Vật tư linh kiện, mạch in
568	620017446	ER-TFT035-3	LCD; 3.5 inch TFT Color Module in 320x240,OPTL Touch Screen, LQ035NC111; hãng SX:EastRising	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
569	620009034	ASFL1-16.000MHZ-L-T	OSC XO 16.000MHZ HCMOS TTL SMD; hãng SX:Abracon LLC	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
570	620009035	74HC04D,653	IC Inverters HEX INVERTER; hãng SX:NXP Semiconductors	Chiếc	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in
571	620009036	ATUM-4/1-0-STK	HEATSHRINK; DUALWALL 4MM X 4'; hãng SX:TE ConnectivityRaychem Cable Protection	Chiếc	110,00	Vật tư linh kiện, mạch in
572	620006764	CL21C030BBANNNC	CAP-CER, SMD, 3PF, ±0.1pF, 0805, 50V, NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc.	Chiếc	700,00	Vật tư linh kiện, mạch in
573	620009037	RSP-2000-48	Switching Power Supplies 2016W 48V 42A; hãng SX:Mean Well	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
574	620006766	CL21C050CBANNNC	CAP-CER, SMD, 5PF,±0.25pF , 0805, 50V, NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc.	Chiếc	233,00	Vật tư linh kiện, mạch in
575	620017450	7-146261-0	Headers & Wire Housings HDR VT 2X20P .1" 230/090 30AU; hãng SX:AMP	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
576	620009040	EEE-TG1J100P	CAP ALUM 10UF 20% 63V SMD; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
577	620009041	C1210C104K1RACTU	CAP CER 0.1UF 100V X7R 1210; hãng SX:Kemet	Chiếc	65,00	Vật tư linh kiện, mạch in
578	620017453	YW1S-2E11	SWITCH; Series Selector Switches, 90°2-Position Maintained, YW1S-2E11; hãng SX:IDEC	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
579	620009042	AC1206FR-07100RL	RES SMD 100 OHM 1% 1/4W 1206; hãng SX:yageo	Chiếc	54,00	Vật tư linh kiện, mạch in
580	620009043	BZT52H-B13,115	DIODE ZENER 26V 375MW SOD123F; hãng SX:NXP Semiconductors	Chiếc	238,00	Vật tư linh kiện, mạch in
581	620009044	BZV55-C12,115	DIODE ZENER 12V 500MW SOD80C; hãng SX:NXP Semiconductors	Chiếc	200,00	Vật tư linh kiện, mạch in
582	620025871	HDSP-A101	Character LED Display Module Red 7-Segment 1 Character Common Anode 1.7V 5mA 0.500" H x 0.300" W x 0.390" D (12.70mm x 7.62mm x	Chiếc	33,00	Vật tư linh kiện, mạch in
583	620009046	ADTS648RV	SWITCH; SWITCH TACTILE SPST-NO 0.05A 12V; hãng SX:Apem Inc.	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
584	620017491	06. LED_DISPLAY	PCB ARRAY; 06. LED Display, 2 lớp, 70*51*1,6 mm, FR-4 , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh,2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
585	620009047	AKTSC21B	SWITCH; CAP TACTILE SQUARE BLUE; hãng SX:Apem Inc.	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
586	620009048	KG-1A-1020	MODULE; ABSORPTIVE SPST SWITCH, KG-1A-1020; hãng SX:A-Info	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
587	620001881	T491A106M020AT	CAP-TA,SMD;10UF,20%,1206,20V,5OHM; hãng SX:Kemet	Chiếc	57,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
588	620001897	172306	Connector Cap (Cover) For N Type Plugs; hãng SX:Amphenol-RF Division	Chiếc	89,00	Vật tư linh kiện, mạch in
589	620002254	ERJ-6GEY0R00V	RES-SMD;0.0OHM,5%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	148,00	Vật tư linh kiện, mạch in
590	620015811	108-0903-001	CONN-SPECIAL;CONN JACK BANANA INSUL NYLON BLA; hãng SX:Emerson Network Power Connectivity Johnson	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
591	620016576	PT02E-12-10S(025)	CONN-SPECIAL; 10P Size, 12 Box Mount Socket Receptacle; hãng SX:Amphenol Industrial Operations	Chiếc	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in
592	620017368	640455-6	CONN-HEADER, 6 Pos, 0.100" (2.54mm) Through Hole, Right Angle Tin; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Chiếc	93,00	Vật tư linh kiện, mạch in
593	620017369	WP710A10GD	LED Green 568nm LED Indication - Discrete 2.2V Radial; hãng SX:Kingbright	Chiếc	135,00	Vật tư linh kiện, mạch in
594	620017370	3-640441-3	CONN-HEADER, 3 Pos, 0.100" (2.54mm) Rectangular Receptacle; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Chiếc	76,00	Vật tư linh kiện, mạch in
595	620017372	D-60A	Switching Power Supply Series 60 W Dual Output 5 / 12 V AC/DC; hãng SX:Mean Well	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
596	620017373	108-0302-001	Conn Banana Plug, Standard Banana Solderless Red; hãng SX:Cinch Connectivity Solutions Johnson	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
597	620017374	AL6H-M14P-R	Pushbuttons; Momentary, Rectangular, Illuminated, IP65, Red, AL6H-M14P-R; hãng SX:Iddec	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
598	620017375	OEJL-50-4-5	KNOB; BLK/MATTE.50"DIA .250"SHAFT, OEJL-50-4-5; hãng SX:Kilo International	Chiếc	120,00	Vật tư linh kiện, mạch in
599	620017376	ST250-1 BLK	Black Cold Shrink Tape 1.000" (25.40mm) X 16.00' (4.88m); hãng SX:Daburn Electronics	Cuộn	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
600	620017382	108-0303-001	Conn Banana Plug, Standard Banana Solderless Black; hãng SX:Cinch Connectivity Solutions Johnson	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
601	620017383	450T328F103A1C1	VARISTOR, 10k Ohm, 1 Gang Linear, Panel Mount Potentiometer Rotary, SPST 1 Turn Carbon 0.5W, 1/2W Solder Lug. 450T328F103A1C1; h	Chiếc	120,00	Vật tư linh kiện, mạch in
602	620017384	DWFR-24/6-0-STK	Heat Shrink Tubing, Semi-Flexible 0.945" (24.0mm) 4 to 1 Black 4.00' (1.22m); hãng SX:TE Connectivity Raychem Cable Protection	Chiếc	21,00	Vật tư linh kiện, mạch in
603	620017385	10-101960-123	CONN-SPECIAL; Hardware and Accessories WALL RECEPTACLE CAP Shell Size 12; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in
604	620019293	172236	Đầu nối; hãng SX:Amphenol RF Division/Digikey	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
605	620020799	1250-003	FILTER LC(PI) 3000PF CHASSIS; hãng SX:API Technologies Corp	Chiếc	243,00	Vật tư linh kiện, mạch in
606	620021058	B64290L668X38	FERRITE-CORE;TORID,17.6uH,T38; hãng SX:EPCOS (TDK)	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
607	620002590	BZV55-C3V3,115	DIODE-ZENER; 3.3V,500MW,LLDS; hãng SX:NXP Semiconductors	Chiếc	338,00	Vật tư linh kiện, mạch in
608	620002597	C3225X7R2E224K200AA	CAP, CER 0.22 uF, 250V, X7R, 10%; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	169,00	Vật tư linh kiện, mạch in
609	620003462	RC0603JR-071KL	RES-SMD;1KOHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	90,00	Vật tư linh kiện, mạch in
610	620002321	172117	CONN-DIP;N,JACK,172117,50OHM,11GHz; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
611	620002375	CPN1	CONN; N PLUG STR 50 OHM SOLDER; hãng SX:Emerson Network Power Connectivity AIM-Cambridge	Cái	48,00	Vật tư linh kiện, mạch in
612	620002383	1648325-1	CONN-SPECIAL;SOCKET #20 CRIMP GOLD; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	290,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
613	620002805	NMS-306	PLASTIC MACHINE SCREW PAN PHILLIPS M3; hãng SX:Essentra Components	Chiếc	729,00	Vật tư linh kiện, mạch in
614	620003470	172100	Conn – special; N plug, str, 50 ohm; hãng SX:Amphenol PCD	Chiếc	76,00	Vật tư linh kiện, mạch in
615	620004245	1N4007	IC;DIODE-GPP, 1A, 1000V, DO41; hãng SX:Micro Commercial Co	Chiếc	120,00	Vật tư linh kiện, mạch in
616	620004872	ERJ-6GEYJ331V	RES-SMD;330OHM,5%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	505,00	Vật tư linh kiện, mạch in
617	620005499	ERJ-6GEYJ103V	RES-SMD;10KOHM,5%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	240,00	Vật tư linh kiện, mạch in
618	620005548	800B220GT500XT	CAP-CER,SMD;22pF,2%,1111,500V,NP0; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	332,00	Vật tư linh kiện, mạch in
619	620005563	800B330FT500XT	CAP-CER,SMD;33pF,1%,1111,500V,NP0; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	100,00	Vật tư linh kiện, mạch in
620	620006635	026TB32R502B1A1	Biến trở 5kOhm; hãng SX:CTS Electrocomponents/ China	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
621	620006698	ERJ-6ENF49R9V	RES-SMD;49.9OHM,1%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	435,00	Vật tư linh kiện, mạch in
622	620006714	CL21C150JBANNNC	CAP-CER; SMD; 15PF 50V 5% NP0 0805; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America. Inc	Chiếc	115,00	Vật tư linh kiện, mạch in
623	620006766	CL21C050CBANNNC	CAP-CER, SMD, 5PF,±0.25pF , 0805, 50V, NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc.	Chiếc	111,00	Vật tư linh kiện, mạch in
624	620006767	3590S-2-103L	VARISTOR; 10kOhm, Panel mount, 2W; hãng SX:Bourns Inc.	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
625	620006769	200B104MT50XT	CAP, CER 0.1 Uf, 50 V, C0G, 20%; hãng SX:American Technical Ceramics USA	Chiếc	1.651,00	Vật tư linh kiện, mạch in
626	620006779	EEE-FK1J101P	CAP-CER,SMD; 100uF,20%, 1210, 63V; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
627	620006888	RC0805JR-0710KL	RES-SMD;10KOHM,5%,0805,1/8W; hãng SX:Yageo	Chiếc	299,00	Vật tư linh kiện, mạch in
628	620006937	ERJ-6GEYJ200V	RES-SMD; 20 OHM ; 5% ;0805; 1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
629	620007213	T491A106K016AT	CAP-TANT,SMD;10UF,10%,1206,16V; hãng SX:Kemet	Chiếc	304,00	Vật tư linh kiện, mạch in
630	620007693	RC0805FR-074K7L	RES-SMD;4.7KOHM,1%,0805,1/8W; hãng SX:Yageo	Chiếc	375,00	Vật tư linh kiện, mạch in
631	620005593	31-221-RFX	CONN-SPECIAL;BNC,JACK,50 OHM,SOLDER; hãng SX:Amphenol-RF Division	Chiếc	23,00	Vật tư linh kiện, mạch in
632	620006613	MS3100E24-22P	CONN-SPECIAL; RECEPTACLE đực, 4 chân; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
633	620006618	MS3106E24-22S	CONN-SPECIAL;PLUG,4 POS, STRAIGHT W/SCKT; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
634	620006644	Z-15GW22-B	Cảm biến công tắc hành trình INO, INC,5A; hãng SX:Omron/ Nhật bản	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
635	620006758	RFN-1002-1SI	N, MALE SOLDER CLAMP, S,G,T; FOR RG-8/U TYPE, LMR-400 & BELDEN 9913, CBL GRP I; hãng SX:RFI	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
636	620006782	S01-RA316-11BS00	CONN-SPECIAL; SMA, CRIMP PLUG, MALE, RIGHT ANGLE, LMR100, S01-RA316-11BS00; hãng SX:Rfsupplier	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
637	620007499	67996-420HLF	HEADER; 2X10, PITCH 2.54 MM; hãng SX:Amphenol FCI	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
638	620007906	800B0R5BT500XT	CAP-CER,SMD;0.5pF,+/- 0.1pF,1111,500V,NP0; hãng SX:ATC	Chiếc	45,00	Vật tư linh kiện, mạch in
639	620007915	501S42E100JV4E	CAP-CER,SMD;10pF,5%,1111,500V,NP0; hãng SX:Johanson Technology Inc	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
640	620008413	08055C103KAT2A	CAP-CER;0.01UF,10%,50V,0805,X7R; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	127,00	Vật tư linh kiện, mạch in
641	620008431	C0805C102K4RACTU	CAP-CER,SMD;1000PF,10%, 0805,16V,X7R; hãng SX:KEMET (VA)	Chiếc	1.671,00	Vật tư linh kiện, mạch in
642	620008480	TCBT-14+	IC; BIAS TEE, TCBT-14+; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	21,00	Vật tư linh kiện, mạch in
643	620008968	800B470FT500XT	CAP, CER 47PF, 1%, 500V, NP0; hãng SX:American Technical Ceramics USA	Chiếc	402,00	Vật tư linh kiện, mạch in
644	620008977	F931C106MAA	CAP, TANT, 10UF, 16V, 20%, 1206; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	841,00	Vật tư linh kiện, mạch in
645	620008978	EEE-1EA220SP	CAP, Aluminum 22UF, 25V, SMD; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	51,00	Vật tư linh kiện, mạch in
646	620008984	ERJ-6GEYJ472V	RES-SMD;4.7KOHM,5%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
647	620009013	ERJ-6GEYJ102V	RES-SMD;1KOHM,5%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	2.804,00	Vật tư linh kiện, mạch in
648	620009127	CL21C010BBANNNC	CAP-CER, SMD, 1PF, ±0.1pF, 0805, 50V, NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc.	Cái	107,00	Vật tư linh kiện, mạch in
649	620009128	CL21C070CBANNNC	CAP-CER, SMD, 7PF, ±0.25pF, 0805, 50V, NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc.	Cái	286,00	Vật tư linh kiện, mạch in
650	620009129	CL21C120FBANNNC	CAP-CER, SMD, 12PF, ±1% , 0805, 50V, NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc.	Cái	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
651	620009131	CL21C330GBANNNC	CAP-CER, SMD, 33PF, ±2%, 0805, 50V, NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc.	Cái	247,00	Vật tư linh kiện, mạch in
652	620009160	800B102JT50XT	CAP, CER, 1000 PF, 50 V, NP0, 5%; hãng SX:American Technical Ceramics USA	Chiếc	45,00	Vật tư linh kiện, mạch in
653	620009162	RPA0300T0050JNBK	RES 50 OHM 5% 20W; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
654	620009164	TAJC107K016RNJ	CAP, TANT, 100UF, 16V, 10%, 2312; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
655	620009167	LM317MDT-TR	IC; LDO, ADJUSTABLE, LM317MDT-TR; hãng SX:STMicro Electronics	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
656	620009168	ERJ-6GEYJ4R7V	RES-SMD, 4.7 OHM, 5%, 0805, 1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
657	620009169	L7905CD2T-TR	IC; VOLTAGE REGULATOR, -5V, L7905CD2T-TR; hãng SX:STMicro Electronics	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
658	620009170	ERJ-6ENF4992V	RES-SMD;49.9KOHM,1%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
659	620009172	ERJ-6GEYJ471V	RES 470 OHM 1/8W 5% 0805 SMD - Điện trở 470 OHM 1/8W 5% 0805 SMD; hãng SX:NK từ Mỹ	Chiếc	107,00	Vật tư linh kiện, mạch in
660	620009174	LTL-4233	LED; Indication, Green, 2V, Radial; hãng SX:Lite-On Inc.	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
661	620009175	2177	LED-HOLDER; 5mm; hãng SX:Adafruit Industries LLC	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
662	620009176	CFR-25JB-52-82R	RES; 82HM, 1/4W, 5% , AXIAL; hãng SX:Yageo	Chiếc	71,00	Vật tư linh kiện, mạch in
663	620009177	800B6R8BT500XT	CAP, CER 6.8pF, 500V, 1111; hãng SX:American Technical Ceramics USA	Chiếc	720,00	Vật tư linh kiện, mạch in
664	620009178	501S42E101JV4E	CAP, CER, 100 PF, 500 V, NP0, 5%; hãng SX:Johanson Technology Inc	Chiếc	1.820,00	Vật tư linh kiện, mạch in
665	620009179	L08056R8DEWTR\500	IND, 6.8nH, 750mA, 0805; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	460,00	Vật tư linh kiện, mạch in
666	620009180	ERJ-6GEYJ473V	RES-SMD;47KOHM,5%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	198,00	Vật tư linh kiện, mạch in
667	620009181	ERJ-6GEYJ562V	Res 5.6 Kohms 5% 0805; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	446,00	Vật tư linh kiện, mạch in
668	620009182	0805ZC105KAT2A	CAP, CER 1 UF, 10V, 105, 0805; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	200,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
669	620009183	74479275222	IND, 2.2uH, 1.3A, 176 mOhm, 0805; hãng SX:Wurth Electronics Inc	Chiếc	480,00	Vật tư linh kiện, mạch in
670	620009184	INA168NA/3K	IC, Current Monitors, SOT-23-5; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
671	620009185	LM358DR	IC, Operational Amplifiers, 8-SOIC; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	276,00	Vật tư linh kiện, mạch in
672	620009186	EEV108M6R3A9MAA	CAP, ALUMINUM 1000 PF, 6.3V, SMD; hãng SX:KEMET Corporation USA	Chiếc	209,00	Vật tư linh kiện, mạch in
673	620009187	MCP1525T-I/TT	IC, Series Voltage Reference, SOT-23-3; hãng SX:Microchip Technology	Chiếc	130,00	Vật tư linh kiện, mạch in
674	620009188	ER1537-08KR	IND, 680nH, 1.1A, 150 mOhm; hãng SX:API Delevan	Chiếc	285,00	Vật tư linh kiện, mạch in
675	620009189	OPA350EA/250	IC, General Amplifier, 8-VSSOP; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	183,00	Vật tư linh kiện, mạch in
676	620009190	AD8317ACPZ-R7	IC, RF Detector 1MHz TO 10GHz 50dB; hãng SX:Analog Devices	Chiếc	190,00	Vật tư linh kiện, mạch in
677	620009191	800B1R0BT500XT	CAP, CER 1PF, 500V, NP0; hãng SX:American Technical Ceramics USA	Chiếc	480,00	Vật tư linh kiện, mạch in
678	620009195	RC0805JR-0722RL	RES SMD 22 OHM 5% 1/8W 0805; hãng SX:Yageo	Chiếc	152,00	Vật tư linh kiện, mạch in
679	620009196	RC0805FR-07100KL	RES-SMD;51K OHM,1%,0805,1/8W; hãng SX:Mỹ	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
680	620009197	MRF284LR1	MOSFET; 30W, 26V, 2 GHZ, MRF284LR1; hãng SX:NXP/MOTOROLA	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
681	620009199	MRF282ZR1	MOSFET; 10W, 26V, 2 GHZ, MRF282ZR1; hãng SX:NXP/MOTOROLA	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
682	620009200	800B120JT500XT	CAP, CER 11PF, 500V, NP0; hãng SX:American Technical Ceramics USA	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
683	620009204	AD844AN	IC; OP AMP, AD844AN; hãng SX:Analog Devices	Chiếc	79,00	Vật tư linh kiện, mạch in
684	620009206	08053C104KAT2A	CAP-CER; 0.1UF, ±10%, 0805, 16V; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
685	620009207	ADE-11X	IC; MIXER, 10-2000M, ADE-11X; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
686	620009211	CL21C103JBFNNNE	CAP-CER,SMD;0.01UF,50V,5%,0805,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	51,00	Vật tư linh kiện, mạch in
687	620009212	CL21C102JBCNNNC	CAP-CER,SMD;1000PF,50V,5%,0805,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	152,00	Vật tư linh kiện, mạch in
688	620009213	SBTCJ-1W+	IC; SPLITTER, 2WAY-180, SBTCJ-1W+; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
689	620009214	RC2012J183CS	RES 18K OHM 5% 1/8W 0805; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc.	Chiếc	194,00	Vật tư linh kiện, mạch in
690	620009216	CL21C470JBANNNC	CAP, CER 47pF, 50V, NP0 0805; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc.	Chiếc	136,00	Vật tư linh kiện, mạch in
691	620009217	CL21C100JBANNNC	CAP-CER,SMD;10pF,5%,0805,50V,NP0; hãng SX:	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
692	620009218	CL21C020CBANNNC	CAP, CER 2pF, 50V, NP0 0805; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc.	Chiếc	184,00	Vật tư linh kiện, mạch in
693	620009219	EEV107M063A9PAA	CAP ALUM 100UF 20% 63V SMD; hãng SX:KEMET Corporation USA	Chiếc	99,00	Vật tư linh kiện, mạch in
694	620009220	SRR1208-472KL	IND 4.7MH 280MA 9.6 OHM; hãng SX:Bourns Inc.	Chiếc	302,00	Vật tư linh kiện, mạch in
695	620009221	MT48LC32M16A2P-75 IT:C TR	IC;SDRAM, 54TSOP,512MBIT,133MHZ; hãng SX:Alliance Memory	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
696	620009239	LD1085D2T33R	IC, REG LDO, 3.3V, 3A, D2PAK; hãng SX:STMicro Electronics	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
697	620009242	UMK212SD103JD-T	CAP-CER, SMD, 10000PF, ±5%, 0805, 50V; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	238,00	Vật tư linh kiện, mạch in
698	620009243	MLF2012A1R0JT000	FIXED-IND, SMD, 1UH, ±5%, 0805, 80MA, 300 MOHM; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	172,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
699	620009244	ERJ-6GEYJ101V	RES-SMD;100OHM,5%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	132,00	Vật tư linh kiện, mạch in
700	620009245	ERJ-6GEYJ470V	RES-SMD, 47 OHM, 5%, 0805, 1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
701	620009246	ERJ-6GEYJ111V	RES-SMD, 110 OHM, 5%, 0805, 1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	55,00	Vật tư linh kiện, mạch in
702	620009247	ERJ-6ENF10R0V	RES-SMD;100OHM,1%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	28,00	Vật tư linh kiện, mạch in
703	620009249	ERJ-6GEYJ222V	RES-SMD;2.2KOHM,5%,0805,1/8W; hãng SX:	Chiếc	644,00	Vật tư linh kiện, mạch in
704	620009250	ERJ-6GEYJ512V	RES-SMD;5.1KOHM,5%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	441,00	Vật tư linh kiện, mạch in
705	620009251	ERJ-6GEYJ332V	RES-SMD;3.3KOHM,5%,0805,1/8W; hãng SX:	Chiếc	240,00	Vật tư linh kiện, mạch in
706	620009252	ERJ-P06J510V	RES 51 OHM 5% 1/2W 0805; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	629,00	Vật tư linh kiện, mạch in
707	620009253	ERJ-6GEYJ681V	RES 680 OHM 5% 1/8W 0805; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	240,00	Vật tư linh kiện, mạch in
708	620009254	UWX1H0R1MCL1GB	CAP, ALUMINUM 0.1µF 50V, SMD; hãng SX:NICHICON CORPORATION USA	Chiếc	113,00	Vật tư linh kiện, mạch in
709	620009255	08051A101FAT2A	CAP, CER 100pF, 100V, NP0 0805; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	220,00	Vật tư linh kiện, mạch in
710	620009256	EDK105M050A9BAA	CAP, ALUMINUM 1 µF 50V, SMD; hãng SX:KEMET Corporation USA	Chiếc	240,00	Vật tư linh kiện, mạch in
711	620009257	MLZ2012N1R0LT000	IND, 1µH,1.15A 78 mOhm, 0805; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	97,00	Vật tư linh kiện, mạch in
712	620009258	800B5R6BT500XT	CAP, CER 5.6PF, 500v, NP0; hãng SX:American Technical Ceramics USA	Chiếc	240,00	Vật tư linh kiện, mạch in
713	620009259	EDK335M035A9BAA	CAP, Aluminum 3.3uF, 35 V, SMD; hãng SX:KEMET Corporation USA	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
714	620009260	EDK475M050A9DAA	CAP, Aluminum 4.7uF, 50 V, SMD; hãng SX:KEMET Corporation USA	Chiếc	60,00	Vật tư linh kiện, mạch in
715	620009261	800B8R2BT500XT	CAP, CER 8.2PF, 500v, NP0; hãng SX:American Technical Ceramics USA	Chiếc	323,00	Vật tư linh kiện, mạch in
716	620009262	800B2R2BT500XT	CAP, CER 2.2PF, 500V, NP0; hãng SX:American Technical Ceramics USA	Chiếc	93,00	Vật tư linh kiện, mạch in
717	620009263	LMXS121JM470HTAS	IND,47UH,2.5A,100 MOHM,SMD; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	240,00	Vật tư linh kiện, mạch in
718	620009264	NLV32T-033J-EF	IND, 33nH, 240mohms, 450mA; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	240,00	Vật tư linh kiện, mạch in
719	620009265	ERJ-6BSFR20V	RES 0.2 OHM 1% 1/3W 0805; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	37,00	Vật tư linh kiện, mạch in
720	620009266	ERJ-S6QFR22V	RES 0.22 OHM 1% 1/4W 0805; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
721	620009267	ERJ-6ENF1020V	RES 102 OHM 1% 1/8W 0805; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	112,00	Vật tư linh kiện, mạch in
722	620009268	UCD1J4R7MCL1GS	CAP ALUM 4.7UF 20% 63V SMD; hãng SX:Nichicon	Chiếc	120,00	Vật tư linh kiện, mạch in
723	620009269	EMVE630ADA1R0MD55G	CAP ALUM 1UF 20% 63V SMD; hãng SX:United Chemi-Con USA	Chiếc	56,00	Vật tư linh kiện, mạch in
724	620009270	EDK106M063A9GAA	CAP ALUM 10UF 20% 63V SMD; hãng SX:KEMET Corporation USA	Chiếc	101,00	Vật tư linh kiện, mạch in
725	620009271	800B3R3BT500XT	CAP CER 3.3PF 500V NP0 1111; hãng SX:American Technical Ceramics USA	Chiếc	105,00	Vật tư linh kiện, mạch in
726	620009272	800B4R7BT500XT	CAP CER 4.7PF 500V NP0 1111; hãng SX:American Technical Ceramics USA	Chiếc	107,00	Vật tư linh kiện, mạch in
727	620009273	800B150JT500XT	CAP CER 15PF 500V NP0 1111; hãng SX:American Technical Ceramics USA	Chiếc	106,00	Vật tư linh kiện, mạch in
728	620009274	800B9R1BT500XT	CAP CER 9.1PF 500V NP0 1111; hãng SX:American Technical Ceramics USA	Chiếc	120,00	Vật tư linh kiện, mạch in
729	620009275	MLF1608D47NMTA00	IND 47NH 200MA 200 MOHM; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	120,00	Vật tư linh kiện, mạch in
730	620009276	RC0805JR-072K2L	RES-SMD;2.2KOHM,5%,0805,1/8W; hãng SX:Yageo	Chiếc	474,00	Vật tư linh kiện, mạch in
731	620009277	TL082CDT	J-FET Amplifier 2 Circuit 8-SO; hãng SX:STMicro Electronics	Chiếc	28,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
732	620009278	SS16	Diode Schottky 60V 1A Surface Mount SMA (DO-214AC); hãng SX:Fairchild Semiconductor	Chiếc	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
733	620009279	CD4013BM96G4	IC D-TYPE POS TRG DUAL 14SOIC; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
734	620009280	1N5406-TP	Diode Standard 600V 3A Through Hole DO-201AD; hãng SX:Micro Commercial Co	Chiếc	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
735	620009282	RC0603FR-0722RL	RES, SMD, 22 OHM, 1%, 0603, 1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	168,00	Vật tư linh kiện, mạch in
736	620009283	C0603C220J4GACTU	CAP-CER, SMD, 22pF, ±5%, 0603, 16V, NP0; hãng SX:Kemet	Chiếc	175,00	Vật tư linh kiện, mạch in
737	620009287	500SDBB16M0000ACH	OSC; 16MHZ, 3.3V, 500SDBB16M0000ACH; hãng SX:Silicon Labs	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
738	620009288	T495C476K016ATE300	CAP-TANT, SMD, 47UF, ±10%, 2312, 16V; hãng SX:Kemet	Chiếc	105,00	Vật tư linh kiện, mạch in
739	620008024	1648384-1	CONN-SPECIAL;SOCKET,#12 CRIMP HOT-PLUG; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	71,00	Vật tư linh kiện, mạch in
740	620008975	E40H8-1024-6-L-5	Encoder, 5V, 2048 pulses, E40h8-2048; hãng SX:Autonics	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
741	620009302	794	JUMPER WIRE; F/F 40X3" 75MM; hãng SX:Adafruit Industries LLC	Chiếc	683,00	Vật tư linh kiện, mạch in
742	620009303	5748394-6	CONN, DSUB HD RCPT 62POS R/A SLDR; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
743	620009304	SI-60062-F	CONN, MAGJACK, 1PORT, 100, BASE-T; hãng SX:Stewart Connector	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
744	620009305	961103-6404-AR	HEADER; 1X3, PITCH 2.54 MM; hãng SX:3M	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
745	620009306	969102-0000-DA	HEADER; 1X2, SHUN JUMPER, PITCH 2.54 MM; hãng SX:3M	Chiếc	31,00	Vật tư linh kiện, mạch in
746	620009308	5205817-1	Ốc cho jack DB9; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	197,00	Vật tư linh kiện, mạch in
747	620009309	70103460	Cầu chì ống 3A cho nguồn -5VDC và -12VDC; hãng SX:Schurter Inc.	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
748	620009311	PT06E-16-26S(SR)	Connector 26 chân plug, female; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
749	620009312	PT02A-16-26P	Connector 26 chân receptacle, male; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
750	620009314	4688	M3x0.5 Hex Nut 0.217" (5.51mm) Nylon; hãng SX:Keystone Electronics	Chiếc	623,00	Vật tư linh kiện, mạch in
751	620009315	1648162-1	Connector 37 chân loại đực; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
752	620009316	6648167-1	Connector 37 chân loại cái; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
753	620009317	72961	SMA Connector Receptacle, Female Socket 50 Ohm Panel Mount, Flange (2 Hole) Solder; hãng SX:Pomona Electronics	Chiếc	59,00	Vật tư linh kiện, mạch in
754	620009318	673829	Lead-Free Wave Soldering Alloy; hãng SX:Multicore	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
755	620009319	4510051	CABLE H05V-K 1X0.5 MM2 WHT; hãng SX:	m	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
756	620009325	S01-RAL19-11BS00	CONN-SPECIAL; SMA, CRIMP PLUG, MALE, RIGHT ANGLE, LMR195, S01-RA316-11BS00; hãng SX:Rfsupplier	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
757	620009327	HF250-FEP	Cable,0.250", 50 ohm, solid PTFE dielectric; hãng SX:Hengxin	m	48,00	Vật tư linh kiện, mạch in
758	620009329	31010215	Hộp cầu chì ống fuse holder; hãng SX:Schurter Inc.	Chiếc	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in
759	620009331	172103	N Type Connector Jack, Female Socket 50 Ohm Free Hanging (In-Line) Crimp; hãng SX:Amphenol-RF Division	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
760	620009332	132318	CONN SMA JACK R/A 50 OHM SOLDER; hãng SX:Amphenol-RF Division	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
761	620009342	3025150	Cầu đầu 4 cực; hãng SX:Phoenix contact	Chiếc	335,00	Vật tư linh kiện, mạch in
762	620009343	3002982	Nắp che cầu đầu 4 cực; hãng SX:Phoenix contact	Chiếc	177,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
763	620009344	1401682	Thanh DIN 15mm cho cầu đầu; hãng SX:Phoenix contact	Thanh	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
764	620009345	3001569	Chặn cầu đầu 4 cực; hãng SX:Phoenix contact	Chiếc	270,00	Vật tư linh kiện, mạch in
765	620009348	6-12mm	Đai giữ kèm theo ống gen 1/4"; hãng SX:Dân Đạt	Chiếc	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in
766	620009349	191A-0002	CONN OSP, Mini Connector Receptacle, Male Pin 50 Ohm Panel Mount, Flange 4 Hole Solder; hãng SX:Sainty	Chiếc	96,00	Vật tư linh kiện, mạch in
767	620015437	LTST-C171GKT	LED-SMD;2.1V,20mA,0805,GREEN CLEAR,LTST-C171GKT; hãng SX:Lite-On Inc	Chiếc	23,00	Vật tư linh kiện, mạch in
768	620017421	UIYCC2528A1400T1600NF	Coaxial Circulator; 1.4-1.6 GHz, 200W, N type; hãng SX:UIY	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
769	620020896	WBLB-T-BP-1464-28/3-14C	MODULE; FILTER, 1.4-1.6GHz, WBLB-T-BP-1464-28/3-14C; hãng SX:A-Info	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
770	620025193	R82DC4100DQ60J	1µF Film Capacitor 40V 63V Polyester, Polyethylene Terephthalate (PET), Metallized - Stacked Radial 0.283" L x 0.197" W (7.20mm	Chiếc	66,00	Vật tư linh kiện, mạch in
771	620025870	R60DR54705050K	47µF Film Capacitor 40V 63V Polyester, Polyethylene Terephthalate (PET), Metallized Radial 1.260" L x 0.866" W (32.00mm x 22.00mm	Chiếc	27,00	Vật tư linh kiện, mạch in
772	620015450	1650155-1	Chân đực size 20 cho connector 37 chân loại đực; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Cái	226,00	Vật tư linh kiện, mạch in
773	620015871	202109-10	CONN-SPECIAL;CONN N MALE TERMINATOR 50 OHMS; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
774	620016576	PT02E-12-10S(025)	CONN-SPECIAL; 10P Size, 12 Box Mount Socket Receptacle; hãng SX:Amphenol Industrial Operations	Chiếc	39,00	Vật tư linh kiện, mạch in
775	620016641	PT06E-12-10P(470)	10 Position Circular Connector Plug, Male Pins Solder Cup Gold; hãng SX:Amphenol Industrial Operations	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
776	620016647	874370673	HEADER; RECEPTACLE, 6Pin, 1.5mm pitch crimps stype connector, SMD type; hãng SX:Molex, LLC	Cái	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
777	620016653	S01-FJHL2-11BS02	CONN-SPECIAL; SMA, PANEL MOUNT, FEMALE, S01-RA316-11BS00; hãng SX:Rfsupplier	Chiếc	149,00	Vật tư linh kiện, mạch in
778	620016660	PT06E-12-10S(SR)	CONNECTOR-SPECIAL; Plug, Female socket, 10Pos, W/Socket, Solder; hãng SX:Amphenol Industrial Operations	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
779	620016669	1-1757823-0	CONNECTOR; 62 Position D-Sub, High Density Plug, Male Pins Connector, Free Hanging (In-Line) Crimp; hãng SX:TE Connectivity Aero	Chiếc	216,00	Vật tư linh kiện, mạch in
780	620017018	172300	CONN-SPECIAL;N PANEL JACK SOLDER .250 S/R; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
781	620017428	6-1775443-0	HEADER; RECEPTACLE, 10Pin, 1.5mm pitch crimps stype connector, SMD type; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Chiếc	80,00	Vật tư linh kiện, mạch in
782	620017429	67997-410HLF	CONN-DIP;HEADER,M,2Rx5Px2.54mm,67997-410HLF; hãng SX:FCI	Chiếc	128,00	Vật tư linh kiện, mạch in
783	620017431	XG8T-1431	14 Positions Header, Unshrouded Connector 0.100" (2.54mm) Through Hole Gold; hãng SX:Omron Electronics Inc-EMC Div	Chiếc	286,00	Vật tư linh kiện, mạch in
784	620017432	1.14100.5030000	Pushbutton Switch SPST-NO Keyswitch Surface Mount; hãng SX:C&K Components	Chiếc	82,00	Vật tư linh kiện, mạch in
785	620017433	OSTTH020160	2 Position Terminal Block Plug for Unshrouded Header 0.197" (5.00mm) 90° Free Hanging (In-Line); hãng SX:On Shore Technology Inc	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
786	620017434	24337	Hex Standoff Threaded M3 Aluminum 0.394" (10.00mm); hãng SX:Keystone Electronics	Chiếc	188,00	Vật tư linh kiện, mạch in
787	620017436	PPPC052LFBN-RC	10 Position Header Connector 0.100" (2.54mm) Through Hole Gold; hãng SX:Sullins Connector Solutions	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
788	620017437	25501	Hex Standoff Threaded M3 Nylon 0.394" (10.00mm) Natural; hãng SX:Keystone Electronics	Chiếc	252,00	Vật tư linh kiện, mạch in
789	620017438	HF115AC-0.0055-AC-54	Thermal Pad Gray 19.05mm x 12.70mm Rectangle Adhesive - One Side; hãng SX:Bergquist	Chiếc	234,00	Vật tư linh kiện, mạch in
790	620017439	3049	#4 Shoulder Washer 0.072" (1.83mm) Thick Nylon; hãng SX:Keystone Electronics	Chiếc	198,00	Vật tư linh kiện, mạch in
791	620017443	1766193-1	Chân đực size 12 cho connector 37 chân loại đực; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Chiếc	119,00	Vật tư linh kiện, mạch in
792	620017444	1766192-1	Chân đực size 8 cho connector 37 chân loại đực; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Chiếc	54,00	Vật tư linh kiện, mạch in
793	620017445	SS-37200-028	CONNECTOR; Plug Modular Connector 8p8c (RJ45, Ethernet) Position Shielded Cat5e ID; hãng SX:Stewart Connector	Chiếc	165,00	Vật tư linh kiện, mạch in
794	620017447	132360RP	Terminator Coax Connector Plug, Male Pin SMA 50 Ohm; hãng SX:Amphenol-RF Division	Chiếc	60,00	Vật tư linh kiện, mạch in
795	620017451	S02-FJHL4-11BS00	CONN-SPECIAL; SMA, FEMALE, 4 HOLE PANEL MOUNT, S02-FJHL4-11BS00; hãng SX:Rfsupplier	Chiếc	320,00	Vật tư linh kiện, mạch in
796	620017452	6648317-1	Chân đực size 8 cho connector 37 chân loại cái; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Chiếc	54,00	Vật tư linh kiện, mạch in
797	620017454	172208	CONN-SPECIAL, N JACK, Female Socket, 50 OHM, Panel Mount, Square Flange Crimp; hãng SX:Amphenol-RF Division	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
798	620017455	929852-01-05-RA	Headers & Wire Housings 10P STRT BRD MNT SKT 2 ROW 10MICRO" AU; hãng SX:3M Electronic Solutions Division	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
799	620017461	1404187	8-position, PUR halogen-free, black RAL 9005, free cable end, on Socket straight M8, Cable length: 1.5 m; hãng SX:Phoenix contac	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
800	620017462	1424009	CONNECTOR; Jack Modular Connector 8p8c (RJ45, Ethernet) Straight Shielded Cat6a; hãng SX:Phoenix contact	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
801	620017463	1405358	Connector; Panel Mount Frame For Freenet Inserts; hãng SX:Phoenix contact	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
802	620025194	C1166.12.01	COAXIAL CABLE;58/U; hãng SX:General Cable/Carol Brand	Cuộn	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
803	620025871	HDSP-A101	Character LED Display Module Red 7-Segment 1 Character Common Anode 1.7V 5mA 0.500" H x 0.300" W x 0.390" D (12.70mm x 7.62mm x	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
804	620017467	V50G_VACH_SAU_MOD UL-B	PCB ARRAY; V50G_VACH_SAU_MODUL-B, 2 lớp, 96*42*1 mm, FR-4 , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh, 2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
805	620017468	BO_MAT	PCB ARRAY;bo_mat, 2 lớp, 96*108*0.8mm, FR-4 , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh, 2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
806	620017469	BAPY	PCB ARRAY; BAPY, 2 lớp, 45*20*1 mm, FR-4 , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh lá, 2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
807	620017470	CHIA0	PCB ARRAY; CHIA0, 2 lớp, 40*20*1 mm, FR-4 , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh lá, 2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
808	620017471	CHIA180	PCB ARRAY; CHIA180, 2 lớp, 40*20*1 mm, FR-4 , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh lá, 2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
809	620017472	KD_DEM	PCB ARRAY; KD_DEM, 2 lớp, 60*25*1 mm, FR-4 , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh lá, 2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
810	620017473	KD_GALI5	PCB ARRAY; KD_GALI5, 2 lớp, 20*20*1 mm, FR-4 , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh lá, 2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
811	620017474	KDHC	PCB ARRAY; KDHC,2 lớp, 40*25*1 mm, FR-4 , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh lá, 2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
812	620017475	LNA	PCB ARRAY; LNA,2 lớp, 21*33mm, RO4350B 30 mils 1 oz , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh lá; hãng SX:Havicom	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
813	620017476	LOC_TrT	PCB ARRAY; LOC_TrT,2 lớp, 30*15*1 mm, FR-4 , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh lá, 2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	80,00	Vật tư linh kiện, mạch in
814	620017477	MIX_ADE11X	PCB ARRAY; MIX_ADE11X,2 lớp, 32*24mm, RO4350B 30 mils 1 oz , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh lá; hãng SX:Havicom	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
815	620017478	NGOAI_SAI	PCB ARRAY;NGOAI_SAI,2 lớp, 50*55*0.8mm, FR4 4.5, mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh lá, 1oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
816	620017479	NGUON_KDHC	PCB ARRAY; NGUON_KDHC,2 lớp, 100*50*1.6 mm, FR-4 , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh lá, 2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
817	620017480	NGUON_KDTrT	PCB ARRAY; NGUON_KDTrT, 2 lớp, 97*41*1,6 mm, FR-4 , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh lá, 2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
818	620017481	TAO_BAPY	PCB ARRAY; TAO_BAPY,2 lớp, 62*87*1 mm, FR-4 , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh lá, 2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
819	620017482	TSF	PCB ARRAY; TSF,2 lớp, 35*30*1 mm, FR-4 , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh lá, 2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
820	620017483	MẠCH GHÉP	PCB ARRAY; MẠCH GHÉP,2 lớp, 73*66mm, RT/DUROID 5880 31 mils 1oz, mạ thiếc, không phủ lug, chữ trắng; hãng SX:Havicom	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
821	620017484	MTAP_CONG_F2_F3	PCB ARRAY; MTAP_CONG_F2_F3,2 lớp, 25*25mm, RO4350B 30 mils 1 oz , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh lá; hãng SX:Havicom	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
822	620017485	MTAP_DCHE_F2_F3	PCB ARRAY; MTAP_DCHE_F2_F3,2 lớp, 140*50mm, RO4350B 30 mils 1 oz , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh lá; hãng SX:Havicom	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
823	620017486	MTAP_SGIAM_F2_F3	PCB ARRAY; MTAP_SGIAM_F2_F3,2 lớp, 40*30mm, RO4350B 30 mils 1 oz , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh lá; hãng SX:Havicom	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
824	620017487	MTAP_TAO_F2_F3	PCB ARRAY; MTAP_TAO_F2_F3,2 lớp, 50*55mm, RO4350B 30 mils 1 oz , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh lá; hãng SX:Havicom	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
825	620017488	01.MOTOR_SINGLE	PCB ARRAY; 01. MOTOR Single, 2 lớp, 67*32*1.6 mm, FR-4 , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh, 2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
826	620017491	06. LED_DISPLAY	PCB ARRAY; 06. LED Display, 2 lớp, 70*51*1,6 mm, FR-4 , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh,2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
827	620017492	MACH_DO_DONG	PCB ARRAY; Mạch đo dòng, 2 lớp, 156*29*1.6mm, FR-4, mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh, 2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in
828	620017493	MACH_DRIVER_1	PCB ARRAY; Mạch driver 1,2 lớp, 141*31mm, RO4350B, 20 mils 1 oz , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh; hãng SX:Havicom	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
829	620017494	MACH_DRIVER_2_3	PCB ARRAY; Mạch driver 23,2 lớp, 93*72mm, RO4350B 20 mils 1 oz , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh; hãng SX:Havicom	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
830	620017495	MACH_SMCU	PCB ARRAY; Mạch SMCU,2 lớp, 72*51*1 mm, FR-4 , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh,2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
831	620017496	VACH_SAU_TONG	PCB ARRAY; VACH_SAU_TONG, 2 lớp, 189*99*1.6 mm, FR-4 , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh, 2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
832	620017497	MACH_DIEU_CHE	PCB ARRAY; Mạch điều chế, 2 lớp,55*33mm, RO4350B 30 mils 1 oz , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh, 1oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
833	620017498	MACH_NGUON_DIEU_CHE	PCB ARRAY; Mạch nguồn điều chế ,2 lớp, 55*46*0.8mm, FR4 , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh, 2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
834	620017499	MACH_KHUECH_DAI_DIEU_CHE_ATT	PCB ARRAY; Mạch khuếch đại điều khiển ATT,2 lớp, 70*24mm, RO4350B 30 mils 1 oz , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh; hãng SX:Havicom	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
835	620017500	MACH_DO_CONG_SUAT	PCB ARRAY; Mạch đo công suất,2 lớp, 81*40*1 mm, FR-4 , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh,2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
836	620017501	MACH_ON_AP	PCB ARRAY; Mạch ổn áp,2 lớp, 31*86*1.6 mm, FR-4 , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh,2oz; hãng SX:Havicom	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
837	620017502	CHIA_CONG_SUAT	PCB ARRAY; Chia công suất,2 lớp, 39*84mm, RO5870 31 mils 1 oz , mạ vàng, chữ trắng; hãng SX:Havicom	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
838	620017503	TRICH_DO TRONG_KHOI_CS	PCB ARRAY; Trích đo trong khối CS,2 lớp, 26*23mm, RO5870 31 mils 1 oz , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh; hãng SX:Havicom	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
839	620017504	CONG_CONG_SUAT_TONG	PCB ARRAY; Công công suất tổng,2 lớp, 99*69mm, RO5870 31 mils 1 oz , mạ vàng, chữ trắng; hãng SX:Havicom	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
840	620017505	BOARD_CONG_SUAT	PCB ARRAY; Board công suất,2 lớp, 99*114mm, RO5870 31 mils 1 oz , mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh; hãng SX:Havicom	Chiếc	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in
841	620001827	AD9914BCPZ	Vi mạch tích hợp (IC); hãng SX:Analog Devices Inc.	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
842	620008605	RC0402FR-075K1L	RES-SMD;5.1kOHM,1%,0402,1/16W; hãng SX:YAGEO	Bộ	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
843	620008606	GRM188R61A225KE34D	CAP-CER,SMD;2.2uF,10%,X5R,10V,0603; hãng SX:MURATA	Bộ	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
844	620008607	GRM1555C1H220JA01D	CAP-CER,SMD;22pF,5%,COG,50V,0402; hãng SX:MURATA	Bộ	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
845	620008608	GRM1555C1H330JA01D	CAP-CER,SMD;33pF,5%,COG,50V,0402; hãng SX:MURATA	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
846	620001879	C0603C220J5GACTU	CAP-CER,SMD;22pF,5%,0603,50V,NP0; hãng SX:Kemet	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
847	620002264	GRM1885C1H101JA01D	CAP-CER,SMD;100PF,5%,0603,50V,NP0; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	28,00	Vật tư linh kiện, mạch in
848	620002288	ERJ-3EKF4701V	RES-SMD;4.7KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
849	620005740	GMK105BJ104KV-F	CAP CER 0.1UF 16V X5R 0402; hãng SX:	Chiếc	63,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
850	620005761	ERJ-2RKF1002X	RES-SMD; 10K OHM, 1%, 0402, 1/10W; hãng SX: PANASONIC ELECTRONIC COMPONENTS	Chiếc	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in
851	620005904	ERA-2AED102X	RES SMD 1K OHM 0.5% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	70,00	Vật tư linh kiện, mạch in
852	620001856	ERJ-3EKF4702V	RES-SMD; 47KOHM, 1%, 0603, 1/10W; hãng SX: Panasonic Electronic Components	Chiếc	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in
853	620005961	TMK212BBJ106KG-T	CAP CER 10UF 25V X5R 0805; hãng SX: Taiyo Yuden	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
854	620001881	T491A106M020AT	CAP-TA, SMD; 10UF, 20%, 1206, 20V, 50HM; hãng SX: Kemet	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
855	620006045	CL05A106MP8NUB8	CAP CER 10UF 10V X5R 0402; hãng SX:	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
856	620006047	LMK107B7105KA-T	CAP-CER, SMD; 1uF, 10%, 0603, 10V, X7R; hãng SX: Taiyo Yuden	Chiếc	206,00	Vật tư linh kiện, mạch in
857	620006107	C1608X5R1A106M080AC	CAP-CER, SMD; 10uF, 20%, 0603, 10V, X5R; hãng SX: TDK Corporation	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
858	620006132	ACM2012-900-2P-T002	CMC 400MA 2LN 90 OHM SMD; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
859	620006140	ERJ-2GEJ204X	RES SMD 200K OHM 5% 1/10W 0402; hãng SX:	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
860	620006156	TPD4S012DRYR	IC 4CH ESD SOLUTION W/CLAMP 6SON; hãng SX:	Sợi	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
861	620006158	CAT93C56VI-GT3	IC EEPROM 2KBIT 2MHZ 8SOIC; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
862	620006296	CBR04C220F5GAC	CAP CER 22PF 50V NP0 0402; hãng SX: Kemet	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
863	620002328	ERJ-3EKF1002V	RES-SMD; 10KOHM, 1%, 0603, 1/10W; hãng SX: Panasonic Electronic Components	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
864	620006389	MAX2615ETA+T	RF IC Fractional, Integer-N Synthesizer/VCO, 32-TQFN (5x5), -40to85°C, MAX2871ETJ+; hãng SX: Maxim Integrated	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
865	620002333	5-1814832-1	CONN-DIP; SMA, JACK, 5-1814832-1, 50OHM, 3GHz; hãng SX: TE Connectivity	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
866	620006530	GRM219R61A475KE34D	CAP CER 4.7UF 10V X5R 0805; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
867	620003356	PE43711A-Z	IC RF DSA 7BIT 50 OHM 24QFN; hãng SX: Analog Devices	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
868	620007042	ERJ-2RKF4702X	RES-SMD; 47KOHM, 1%, 0402, 1/10W; hãng SX: Panasonic Electronic Components	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
869	620007363	CL05C470JB5NNNC	CAP CER 47PF 50V NP0 0402; hãng SX: Samsung Electro-Mechanics America, Inc.	Chiếc	78,00	Vật tư linh kiện, mạch in
870	620003389	RC0402FR-07300RL	RES, SMD; 300 Ohm, 1%, 0402, 1/16W; hãng SX: YAGEO	Chiếc	27,00	Vật tư linh kiện, mạch in
871	620003487	ERJ-3EKF4992V	RES-SMD; 49.9K OHM, 1%, 0603, 1/0W; hãng SX: Panasonic Electronic Components	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
872	620007412	RC0402FR-0749R9L	RES, SMD; 49.9Ohm, 1%, 0402, 1/16W; hãng SX: Mouser/ Arrow	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
873	620008478	PT06A-14-19P(SR)	CONN-PLUG; M, 19POS, PT06A-14-19P(SR); hãng SX: Amphenol	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
874	620003532	690-005-299-043	CONN-USB; MINI USB, RCPT RA, TYPE B, SMD; hãng SX: EDAC Inc.	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
875	620008503	714360464	CONN PLUG 64POS VERT 1MM SMD; hãng SX: Molex, LLC	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
876	620003809	1909763-1	CONN-SMD; CONN UMCC JACK STR, 1909763-1, 50 OHM; hãng SX: TE Connectivity	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
877	620003912	GRM155R71H123KA12D	CAP-CER, SMD; 12nF, 10%, 0402, 50V, NPO; hãng SX: Murata Electronics North America	Chiếc	79,00	Vật tư linh kiện, mạch in
878	620008504	133-3801-201	CONN MCX PLUG STR 50 OHM PCB; hãng SX: Cinch Connectivity Solutions Johnson	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
879	620008509	CL10A106MQ8NNNC	Tụ gốm nhiều lớp, Mã:CL10A106MQ8NNNC, NSX:SAMSUNG, Mô tả:Tụ gốm nhiều lớp, điện dung 10uF, sai số 20%, điện áp 6.3V, vật liệu X5	Chiếc	51,00	Vật tư linh kiện, mạch in
880	620003957	MAX13235EEUP+	IC; TXRX, RS-232, 3Mbps, 2X2, 20TSSOP; hãng SX:Maxim Integrated	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
881	620008578	LMK107BJ475KA-T	CAP CER 4.7UF 10V X5R 0603; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
882	620003971	NHD-C12865AR-FSW- GBW	LCD MODULE;COG-AR,128X65 FSW- GBW; hãng SX:Newhaven Display Intl	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
883	620008609	1190052-10M000	OSC VCOCXO 10.000MHZ CMOS SMD; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
884	620003994	RC0402FR-07681RL	RES-SMD; 681 OHM, 1%, 0402,1/16W; hãng SX:Yageo	Chiếc	28,00	Vật tư linh kiện, mạch in
885	620008618	ERJ-2RKF4533X	RES SMD 453K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:	Chiếc	48,00	Vật tư linh kiện, mạch in
886	620004228	ERJ-3GEYJ331V	RES-SMD;330OHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:PANASONIC ELECTRONIC COMPONENTS	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
887	620008619	ERJ-2RKF4992X	RES-SMD;49.9KOHM,1%,0402,1/10W; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	45,00	Vật tư linh kiện, mạch in
888	620004526	TMK107BJ105KA-T	CAP-CER,SMD;1UF,25V,10%,0603,X5R; hãng SX:Taiyo Yuden	Bộ	33,00	Vật tư linh kiện, mạch in
889	620008656	ERJ-2RKF1742X	RES SMD 17.4K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:	Bộ	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
890	620005100	ERJ-3EKF1403V	RES-SMD;140KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
891	620008664	ERJ-2RKF3322X	RES SMD 33.2K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
892	620005467	C091 31C003 100 2	CONN-DIP; Male,300V, 5A, 3POS REAR MT; hãng SX:Amphenol-Tuchel Electronics	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
893	620008708	ERJ-P6WF10R0V	RES SMD 10 OHM 1% 1/2W 0805; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
894	620008738	901-143	CONN SMA JACK R/A 50 OHM PCB; hãng SX:	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
895	620005469	LT8610EMSE#TRPBF	IC;REG BUCK SYNC ADJ 2.5A,16MSOP; hãng SX:Linear Technology	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
896	620008747	11-00055	CORD 18AWG 3COND 1M BLACK SVT; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
897	620008785	CL05C101FB5NNNC	CAP- CER,SMD;100PF,1%,0402,50V,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
898	620008786	FT2232HQ-REEL	USB BRIDGE, USB TO UART 2.0; hãng SX:FTDI	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
899	620002293	RC0603JR-07100RL	RES-SMD;100OHM,5%,0603,0.1W; hãng SX:Yageo	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
900	620008787	415-0059-012	CABLE N/SMA 12" RG-58, 12.4 Ghz; hãng SX:Cinch ConnectivitySolutions Johnson	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
901	620002312	CLA4606-085LF	DIODE RF PIN; 75V, 1.5A ,3QFN; hãng SX:SKYWORKS	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
902	620008788	142-0761-871	CONN-SMA; JACK ,50 OHM, EDGE MNT; hãng SX:Cinch Connectivity Solutions	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
903	620002328	ERJ-3EKF1002V	RES-SMD;10KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Cái	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
904	620008789	901-9872	CONN-SPECIAL;SMA PLUG RT ANG CABLE MNT; hãng SX:Amphenol-RF Division	Bộ	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
905	620002607	LMK04828BISQ/NOPB	IC CLOCK DUAL PLL 64-WQFN; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
906	620008790	ADA4853-3YRUZ	IC OPAMP VIDEO TRIPLE 14-TSSOP; hãng SX:	Chiếc	17,00	Vật tư linh kiện, mạch in
907	620002737	TC1-1-13M+	Transformer, RF, RoHS; hãng SX:	Cuốn	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
908	620008791	SN74LV07ADR	IC BUFF/DVR HEX NON-INV 14SOIC; hãng SX:	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
909	620003356	PE43711A-Z	IC RF DSA 7BIT 50 OHM 24QFN; hãng SX:Analog Devices	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
910	620008792	CWX823-050.0M	OSC XO 50.000MHZ LVC MOS SMD; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
911	620003370	C0402C102J5GACTU	CAP-CER,SMD;1000pF,5%,0402,50V,NP0; hãng SX:Kemet	Bộ	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
912	620008793	ECS-60-20-5PX-TR	CRYSTAL 6.0000MHZ 20PF SMD; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
913	620003372	C0402C103K5RACTU	CAP-CER, 10000PF, 50V, 10%, X7R, 0402; hãng SX:	Chiếc	73,00	Vật tư linh kiện, mạch in
914	620008794	ABM3-20.000MHZ-B2-T	CRYSTAL 20.0000MHZ 18PF SMD; hãng SX:	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
915	620003777	2N7002K-T1-E3	MOS-FET;N-CH,60V,300MA,SOT-23; hãng SX:Vishay Siliconix	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
916	620008795	LT L29S-P2R1-25-Z	LED GREEN DIFFUSED 0603 SMD; hãng SX:	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
917	620003834	B3S-1000P	SWITCH;6X6X4.3mm 160gF T/R ,VERT,Non Standard; hãng SX:Omron Electronics Inc-EMC Div	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
918	620008796	1N4001-TP	DIODE GEN PURP 50V 1A DO41; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
919	620003844	C0402C104K4RACTU	CAP-CER,SMD; 0.1uF,10%,0402, 16V,X7R; hãng SX:Kemet	Chiếc	68,00	Vật tư linh kiện, mạch in
920	620008797	LQP15MN27NG02D	FIXED IND 27NH 70MA 3.1 OHM SMD; hãng SX:	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
921	620003929	GRM21BR61E475KA12L	CAP-CER;SMD,4.7UF,0805,25V,X5R; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	36,00	Vật tư linh kiện, mạch in
922	620008798	C1608X7R1A225K080AC	CAP CER 2.2UF 10V X7R 0603; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
923	620003975	PGA-102+	LNA: Tần số 0.05-6GHz - Gain 14 dB - 33 dBm IP3, 17.5 dBm P1dB - Low noise figure: 2.4 dB@2GHz; hãng SX:Minicircuit	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
924	620008799	GRM155R71E103JA01D	CAP CER 10000PF 25V X7R 0402; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
925	620004030	T529P226M010AAE200	CAP-TA,SMD;22uF,20%,0805,10V,200mOHM; hãng SX:Kemet	Chiếc	36,00	Vật tư linh kiện, mạch in
926	620008800	GRM155R71H331KA01D	CAP CER 330PF 50V X7R 0402; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
927	620004834	C0805C104K3RACTU	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,0805,25V,NP0; hãng SX:Kemet	Chiếc	35,00	Vật tư linh kiện, mạch in
928	620008801	C0603C562K5RACTU	CAP CER 5600PF 50V X7R 0603; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
929	620004944	CAS-D20TA	SWITCH;SPDT,2POS,VERT,J HOOK; hãng SX:Copal Electronics Inc	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
930	620008802	GRM32ER71A226KE20L	CAP CER 22UF 10V X7R 1210; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
931	620005000	C1608X5R1C475K080AC	CAP-CER,SMD;4.7UF,10%,0603,16V,X5R; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
932	620008803	TAJC106K016RNJ	CAP-TAN, 10UF, 10%, 2312, 16V; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
933	620005004	C0402C470J3GACTU	CAP-CER,SMD;47pF,5%,0402,25V,NPO; hãng SX:Kemet	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
934	620008804	GRM155R71C103KA01J	CAP CER 10000PF 16V X7R 0402; hãng SX:	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
935	620005089	ERJ-3EKF90R9V	RES-SMD;90.9OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
936	620008805	C1005C0G1H100D050BA	CAP CER 10PF 50V C0G 0402; hãng SX:	Chiếc	100,00	Vật tư linh kiện, mạch in
937	620005251	ERJ-2RKF3480X	RES-SMD;348OHM,1%,0402,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
938	620008806	RC0402FR-0718RL	RES SMD 18 OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
939	620005432	EEE-FT1H331AP	CAP-ALUM,SMD;330UF,20%,4040,50V; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
940	620008807	C091 31D006 100 2	CONN PLUG 6POS INLINE SKT; hãng SX:	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
941	620005532	GRM1555C1H120FA01D	CAP-CER,SMD;12PF,1%,0402,50V,NP0; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
942	620008808	RC1005F90R9CS	RES SMD 90.9 OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
943	620005537	GRM1555C1H180FA01D	CAP-CER,SMD;18PF,1%,0402,50V,NP0; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
944	620008809	CHS-02TB	SWITCH SLIDE DIP SPST 100MA 6V; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
945	620008810	ERJ-3BQRJ33V	RES SMD 330 OHM 1% 1/4W 0603; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
946	620008811	CL05B471KB5NNNC	CAP CER 470PF 50V X7R 0402; hãng SX:	Chiếc	85,00	Vật tư linh kiện, mạch in
947	620008812	897-43-005-00-100001	CONN RECEPT MINI-USB TYPE B SMT; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
948	620008813	CL05C5R1CB5NNNC	CAP CER 5.1PF 50V C0G/NP0 0402; hãng SX:	Chiếc	28,00	Vật tư linh kiện, mạch in
949	620008814	ESR03EZPJ102	RES-SMD;1.0KOHM,5%,0603,1/4W; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
950	620008815	CL05A224KP5NNNC	CAP CER 0.22UF 10V X5R 0402; hãng SX:	Chiếc	26,00	Vật tư linh kiện, mạch in
951	620008816	EMK105ABJ474KV-F	CAP CER 0.47UF 10V X5R 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
952	620008817	CL05A225MA5NUNC	CAP CER 2.2UF 6.3V X5R 0402; hãng SX:	Chiếc	90,00	Vật tư linh kiện, mạch in
953	620008818	RC0603FR-0739KL	RES-SMD;39KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
954	620008819	CL05A475MQ5NRNC	CAP-CER,SMD; 4.7UF, 6.3V, 20%, X5R, 0402; hãng SX:	Chiếc	85,00	Vật tư linh kiện, mạch in
955	620008820	CL21A106KPLQNC	CAP CER 10UF 10V X5R 0805; hãng SX:	Chiếc	95,00	Vật tư linh kiện, mạch in
956	620008821	PRG18BB101MS1RB	Ceramic PTC Resettable Fuse 16V 21mA; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
957	620008822	CL10A226MQ8NRNC	CAP CER 22UF 6.3V X5R 0603; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
958	620008823	CL05C4R7CB5NNNC	CAP CER 4.7PF 50V C0G/NP0 0402; hãng SX:	Chiếc	48,00	Vật tư linh kiện, mạch in
959	620008824	CL05C6R8CB5NNNC	CAP CER 6.8PF 50V C0G/NP0 0402; hãng SX:	Chiếc	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in
960	620008825	GJM1555C1H7R8CB01D	CAP CER 7.8PF 50V C0G/NP0 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
961	620008826	STEVAL-MK1I72V1	EVAL BOARD FOR LSM303AGR; hãng SX:	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
962	620008827	GRM1555C1H220FA01D	CAP CER 22PF 50V C0G/NP0 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
963	620008828	500R07S270GV4T	CAP CER 27PF 50V C0G/NP0 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
964	620008829	DCMOTORCONTRBTN8982TOBO1	KIT DC MOTOR BTN8982; hãng SX:	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
965	620008830	CL05C201JB5NNNC	CAP CER 200PF 50V C0G/NP0 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
966	620008831	ACC-6SMRP2U	ANTENNA WIFI CABLE 6"; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
967	620008832	GW.26.0151	ANTENNA WIFI 4" HINGED; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
968	620008833	GRM1555C1H241GA01D	CAP CER 240PF 50V C0G/NP0 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
969	620004525	CC0603ZRY5V9BB104	CAP-CER,SMD;0.1uF,20%,0603,50V,Y5V; hãng SX:Yageo	Chiếc	119,00	Vật tư linh kiện, mạch in
970	620008834	GRM1555C1H471GA01D	CAP CER 470PF 50V C0G/NP0 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
971	620008835	CL05B331KB5NNNC	CAP CER 330PF 50V X7R 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
972	620008836	NX3225GD-10.000M-STD-CRA-3	CRYSTAL 10.000MHZ 8PF SMD; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
973	620008837	GRM1555C1E431JA01D	CAP CER 430PF 25V C0G/NP0 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
974	620008838	GRM1555C1H751JA01D	CAP CER 750PF 50V C0G/NP0 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
975	620008839	GRM1555C1H911JA01D	CAP CER 910PF 50V C0G/NP0 0402; hãng SX:	Chiếc	63,00	Vật tư linh kiện, mạch in
976	620008840	GRM155R72A272KA01D	CAP CER 2700PF 50V X7R 0402; hãng SX:	Chiếc	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in
977	620008841	GRM155R71H302JA01D	CAP CER 3000PF 50V X7R 0402; hãng SX:	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
978	620008842	UMK105CG121JV-F	CAP CER 120PF 50V NP0 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
979	620008843	CC0402KRX7R7BB562	CAP CER 5600PF 16V X7R 0402; hãng SX:	Chiếc	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in
980	620008844	GRM155R71H472KA01J	CAP CER 4700PF 50V X7R 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
981	620008845	GRM1555C1H151JA01D	CAP CER 150PF 50V C0G/NP0 0402; hãng SX:	Chiếc	28,00	Vật tư linh kiện, mạch in
982	620008846	ERJ-PA2F4700X	RES SMD 470 OHM 1% 1/5W 0402; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
983	620008847	ERJ-2GEJ362X	RES SMD 3.6K OHM 5% 1/10W 0402; hãng SX:	Chiếc	85,00	Vật tư linh kiện, mạch in
984	620008848	ERA-2AEB472X	RES SMD 4.7K OHM 0.1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	95,00	Vật tư linh kiện, mạch in
985	620008849	ERJ-2RKF10R0X	RES-SMD;100OHM,1%,0402,1/10W; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	28,00	Vật tư linh kiện, mạch in
986	620008850	ERJ-2RKF6192X	RES SMD 61.9K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
987	620008851	ERJ-2RKF7872X	RES SMD 78.7K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
988	620008852	ERA-2AEB104X	RES SMD 100K OHM 0.1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
989	620008853	ERJ-2RKF1403X	RES-SMD;140K OHM,1%,0402,1/10W; hãng SX:	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
990	620008854	ERJ-2RKF2433X	RES SMD 243K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
991	620008855	ERJ-2RKF7153X	RES SMD 715K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
992	620008856	RC0402FR-07390RL	RES SMD 390 OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
993	620008857	RC0402FR-07392RL	RES SMD 392 OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in
994	620008858	RC0402FR-07845RL	RES SMD 845 OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
995	620008859	RC0402FR-07715RL	RES SMD 715 OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	95,00	Vật tư linh kiện, mạch in
996	620008860	CPF0402B536RE	RES SMD 536 OHM 0.1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
997	620008861	RNCF0402BTE1K09	RES SMD 1.09KOHM 0.1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
998	620008862	RC0402FR-071K43L	RES SMD 1.43K OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
999	620008863	RC0402FR-071K27L	RES SMD 1.27K OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1000	620008864	RC0402FR-071K74L	RES SMD 1.74K OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1001	620008865	RC0402FR-071K47L	RES SMD 1.47K OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	63,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1002	620008866	RC0402FR-07330RL	RES SMD 330 OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	63,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1003	620008867	RC0402FR-0771R5L	RES SMD 71.5 OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	55,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1004	620008868	ERA-2AEB1370X	RES SMD 137 OHM 0.1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1005	620008869	ERJ-2RKF56R0X	RES SMD 56 OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1006	620008870	RC0402FR-07442RL	RES SMD 442 OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1007	620008871	RC0402FR-0797R6L	RES SMD 97.6 OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1008	620008872	LT8610AEMSE#PBF	IC;REG BUCK ADJ,3.5A,SYNC,16MSOP; hãng SX:Linear Technology	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1009	620008873	ADF7012BRUZ-RL	IC;Xmitter ASK/FSK/GFSK,ADF7012,24TSSOP; hãng SX:Analog devices Inc	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1010	620017285	RF_Delay 01	Vỏ hộp RF Delay 1 Kích thước : 200mm x 120mm x 65mm, Sai số 5%. Vật liệu : Nhựa Có gioăng cao su chống nước; hãng SX:Hikari	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1011	620008874	AS179-92LF	IC; SW, SPDT, DC-3GHZ, GAAS, SC70-6; hãng SX:Skyworks Solutions Inc.	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1012	620017286	Zig IF	Vỏ hộp Zig IF Kích thước: 320mm x 235mm x 110mm, Sai số 5%. Vật liệu: Nhựa Có gioăng cao su chống nước; hãng SX:Hikari	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1013	620008875	PIC32MX460F512L-80I/PT	IC MCU 32BIT 512KB FLASH 100TQFP; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1014	620008876	PTS645SH50SMTR92 LFS	SWITCH TACTILE SPST-NO 0.05A 12V; hãng SX:	Chiếc	48,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1015	620008877	GH36P010001	SWITCH;SLIDE,INSTRUMENT GRADE; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1016	620008878	MAX5322EAI+	IC DAC 12BIT DUAL 10V SER 28SSOP; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1017	620008879	HK100527NJ-T	FIXED IND 27NH 300MA 700 MOHM; hãng SX:	Chiếc	24,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1018	620008880	HK100556NJ-T	FIXED IND 56NH 220MA 1 OHM SMD; hãng SX:	Chiếc	26,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1019	620008881	MLG1005S51NJTD25	FIXED IND 51NH 250MA 1.2 OHM SMD '; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1020	620008882	MLG1005S43NJTD25	FIXED IND 43NH 250MA 1.1 OHM SMD '; hãng SX:	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1021	620008883	LQW18AS1N6J0ZD	FIXED IND 1.6NH 700MA 30 MOHM; hãng SX:	Chiếc	23,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1022	620008884	744765019A	FIXED IND 1.9NH 1.04A 70 MOHM; hãng SX:	Chiếc	21,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1023	620003969	NFA21SL506X1A48L	lowpass filter, 50 MHz, SMD; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1024	620008885	HK16085N6S-T	FIXED IND 5.6NH 300MA 180 MOHM; hãng SX:	Chiếc	23,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1025	620008886	LQW18AN6N0C8ZD	FIXED IND 6NH 1.9A 40 MOHM; hãng SX:	Chiếc	23,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1026	620008887	ETQ-P3M4R7KVP	FIXED IND 4.7UH 4.1A 50.16 MOHM; hãng SX:	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1027	620008888	HK16081N2S-T	IND-SMD;1.2NH,0.3nH,0603,300mA,50 mOhm; hãng SX:Analog Technologies	Chiếc	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1028	620003782	ERJ-3GEYJ121V	RES-SMD;120 OHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1029	620003804	ERJ-2GE0R00X	RES-SMD;0OHM,0402,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	63,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1030	620017306	PCB_RF Delay	Mạch in PCB: Kích thước 300*220*1.6mm (sai số 10%) Vật liệu: FR4 Số lớp: 4 lớp Mạ vàng, phủ xanh, chữ trắng Nhiệt độ hoạt đ	Tấm	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1031	620017308	PCB_Zig IF	Mạch in PCB: Kích thước 260*150*1.9mm (sai số 10%) Vật liệu: RO4350B Số lớp: 4 lớp Mạ vàng, phủ xanh, chữ trắng Nhiệt độ h	Tấm	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1032	620005745	C1005X5R1E105K050BC	CAP CER 1UF 25V X5R 0402; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	182,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1033	620003939	LF10WBP-12P	CONN-SPECIAL;PLUG WATERPROOF 12POS MALE; hãng SX:Hirose Electric Co Ltd	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1034	620005771	ERJ-2RKF1001X	RES-SMD;1.00 KOHM,1%,0402,1/10W; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	51,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1035	620005801	853050232	CONN-SPECIAL;CONN PLUG SMP SMD 50 OHM; hãng SX:Molex Inc	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1036	620005813	CVHD-950X-100	OSC VCXO 100.000MHZ CMOS SMD; hãng SX:Crystek Corporation	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1037	620005859	C0402C101J3GACTU	CAP-CER,SMD;100PF,5%,0402,25V,NP0; hãng SX:Kemet	Chiếc	33,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1038	620005899	CRCW04020000Z0EDHP	RES SMD 0.00HM JUMPER 1/16W 0402; hãng SX:Vishay Dale	Chiếc	57,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1039	620006026	AB-RTCMC-32.768KHZ-EOZ9-S3-D-B-T	IC RTC CLK/CALENDAR I2C MODULE; hãng SX:Abracon LLC	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1040	620006054	ERJ-2RKF2490X	RES SMD 249 OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1041	620006107	C1608X5R1A106M080AC	CAP-CER,SMD;10uF,20%,0603,10V,X5R; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1042	620006120	C2012X5R0J476M125AC	CAP CER 47UF 6.3V X5R 0805; hãng SX:	Chiếc	73,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1043	620006121	TPSB336K010R0250	CAP TANT 33UF 10V 10% 1411; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	45,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1044	620006122	C1608X5R0J226M080AC	CAP CER 22UF 6.3V X5R 0603; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	38,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1045	620006123	GRM033R61C104ME84D	CAP CER 0.1UF 16V X5R 0201; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1046	620006124	C1608X7S1A475K080AC	CAP CER 4.7UF 10V X7S 0603; hãng SX:	Chiếc	93,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1047	620004112	C0603C103K5RACTU	CAP-CER,SMD;10000pF,10%,0603,50V,X7R; hãng SX:Kemet	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1048	620006126	C1005X5R0J475M050BC	CAP CER 4.7UF 6.3V X5R 0402; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	91,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1049	620006128	C3216X5R0J107M160AB	CAP CER 100UF 6.3V X5R 1206; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	51,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1050	620006129	QBLP595-O	LED ORANGE CLEAR 605NM SMD; hãng SX:QT Brightek (QTB)	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1051	620006130	0685H9300-01	FUSE BOARD MNT 30A 125VAC 32VDC; hãng SX:Bel Fuse Inc.	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1052	620006131	LQM21PN4R7NGRD	FIXED IND 4.7UH 800MA 288 MOHM; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1053	620006133	UE76-A20-3000T	CONN PT USE W/SFP+ CAGE 30AU SMD; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1054	620006134	U77-A1118-200T	CONN SFP SGL CAGE PRESSFIT NICKL; hãng SX:Amphenol Commercial Products	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1055	620006135	471554001	CONN-SATA; HDR, 7POS, PCB, VERT; hãng SX:Molex	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1056	620006137	ERJ-2RKF4701X	RES-SMD;4.7KOHM,1%,0402,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	142,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1057	620006138	ERJ-2RKF1000X	RES-SMD;100OHM,1%,0402,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	47,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1058	620005099	ERJ-3EKF7872V	RES-SMD;78.7KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1059	620006139	RC0402FR-07240RP	RES SMD 240 OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:Yageo	Chiếc	65,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1060	620006145	ERJ-2RKF1151X	RES SMD 1.15K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	26,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1061	620006147	ERJ-PA2F2201X	RES SMD 2.2K OHM 1% 1/5W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1062	620006148	LMK61A2-125M00SIAT	IC OSC CLK 125MHZ 6QFM; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1063	620006151	LMK61A2-156M25SIAT	IC OSC CLK 156.25MHZ 6QFM; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1064	620006153	SG5032VAN 150.000000M-KEGA3	OSC 150.0000MHZ LVDS SMD; hãng SX:EPSON	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1065	620006159	TPS74901DRCT	IC REG LDO ADJ 3A 10VSON; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1066	620006162	ECS-100-8-30B-CKM	CRYSTAL 10.0000MHZ 8PF SMD; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1067	620006200	LT3045IDD#PBF	IC REG LINEAR 500MA 10DFN; hãng SX:	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1068	620006290	ERJ-2RKF3902X	RES-SMD;39.0KOHM,1%,0402,1/10W; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1069	620006291	17-300070	Connector - Special; LC type waterproof - female, multi mode; hãng SX:CONEC/ Canada	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1070	620006292	ERJ-2RKF1100X	RES-SMD;110OHM,1%,0402,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1071	620006293	ERJ-2RKF1182X	RES 11.8K OHM 1/10W 1% 0402 SMD; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1072	620006294	ADP7182ACPZ-R7	IC REG LDO NEG ADJ 0.2A 8LFCSP; hãng SX:Analog Devices Inc	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1073	620006295	GRM21BR61D106KE15L	CAP CER 10UF 20V X5R 0805; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	55,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1074	620006297	04025A200JAT2A	CAP CER 20PF 50V NP0 0402; hãng SX:AVX	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1075	620006299	0402HL-601XJRU	Fixed Inductors 0402HL Hi Inductance 600 nH 5 % 0.13 A"; hãng SX:Coilcraft	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1076	620006300	ERJ-PA2F15R0X	RES SMD 15 OHM 1% 1/5W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1077	620006301	MAX7301ATL+T	IC I/O EXPANDER SPI 28B 40TQFN; hãng SX:Maxim Integrated	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1078	620006302	ERJ-2RKF4421X	RES SMD 4.42K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1079	620006304	ERJ-2RKF1471X	RES SMD 1.47K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1080	620006305	SS-39200-011	CONN MOD PLUG 8P8C SHIELDED; hãng SX:Stewart Connector	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1081	620006306	AV1610P712R04	SWITCH PUSHBUTTON SPST-NO 2A 36V; hãng SX:TE Connectivity ALCOSWITCH Switches	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1082	620006307	ERJ-2RKF57R6X	RES SMD 57.6 OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1083	620006395	04025U100GAT2A	CAP CER 10PF 50V NP0 0402; hãng SX:AVX	Chiếc	86,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1084	620006397	GJM1555C1HR80WB01D	CAP CER 8.2PF 25V NP0 0402; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1085	620006398	CBR04C680F3GAC	CAP CER 68PF 25V NP0 0402; hãng SX:Kemet	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1086	620006411	LP5907MFX-3.3/NOPB	IC REG LDO 3.3V 0.25A SOT23-5; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1087	620006412	CGA2B2C0G1H6R8D050 BA	CAP CER 6.8PF 50V C0G 0402; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1088	620006413	ERJ-2RKF22R0X	RES SMD 22 OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	80,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1089	620006414	ERJ-3EKF7150V	RES SMD 715 OHM 1% 1/10W 0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1090	620006424	ERJ-2GEJ392X	RES SMD 3.9K OHM 5% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1091	620006425	ERJ-1GEF80R6C	RES SMD 80.6 OHM 1% 1/20W 0201; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1092	620006426	ERJ-2RKF1200X	RES SMD 120 OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1093	620006427	ERJ-2RKF1003X	100k Ohm ±1% 0.1W, 1/10W Chip Resistor 0402 (1005 Metric) Automotive AEC-Q200 Thick Film; hãng SX:Panasonic Electronic Component	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1094	620006428	ERJ-2RKF49R9X	RES-SMD;49.9OHM,1%,0402,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1095	620006430	ERJ-2RKF1582X	RES SMD 15.8K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1096	620006432	RC0402FR-079K1L	RES SMD 9.1k OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:Yageo	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1097	620006433	ERJ-2RHD1000X	RES SMD 100 OHM 0.5% 1/16W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1098	620006434	ERJ-1GEF1000C	RES SMD 100 OHM 1% 1/20W 0201; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1099	620006436	ERJ-2RKF1150X	RES SMD 115 OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1100	620006437	ERJ-2RKF14R7X	RES SMD 14.7 OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1101	620006438	ERJ-2RKF17R4X	RES SMD 17.4 OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1102	620006439	ERJ-2RKF2151X	RES SMD 2.15K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1103	620006440	ERJ-2RKF2611X	RES SMD 2.61K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1104	620006441	ERJ-2RKF20R5X	RES SMD 20.5 OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1105	620006445	ERJ-2RKF3011X	RES SMD 3.01K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1106	620006447	ERA-2AKD330X	RES SMD 33 OHM 0.5% 1/16W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1107	620006448	ERJ-2RKD49R9X	RES SMD 49.9 OHM 0.5% 1/16W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1108	620006450	CRCW04025K10FKED	RES SMD 5.1K OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:Vishay Dale	Chiếc	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1109	620006451	CRCW04025R62FKED	RES SMD 5.62OHM 1/16W 0402; hãng SX:Vishay Dale	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1110	620006452	ERJ-2RKF5901X	RES SMD 5.9K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1111	620006453	ERA-2AEB52R3X	RES SMD 52.3 OHM 0.1% 1/16W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1112	620006454	ERJ-2RKF5230X	RES SMD 523 OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1113	620006455	ERJ-2RKF5760X	RES SMD 576 OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1114	620006456	ERJ-2RKF6042X	RES 60.4K OHM 1/10W 1% 0402 SMD; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1115	620006457	ERJ-2RKF66R5X	RES SMD 66.5 OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1116	620006458	ERJ-2RKF68R0X	RES SMD 68 OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1117	620006459	ERJ-2RKF8062X	RES SMD 80.6K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1118	620006461	ERJ-2RKF8253X	RES SMD 825K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1119	620006463	ERJ-2GEJ9R1X	RES SMD 9.1 OHM 5% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1120	620006464	ERJ-2RKF93R1X	RES SMD 93.1 OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1121	620006466	CRCW040210K0FKED	RES 10.0K OHM 1/16W 1% 0402 SMD; hãng SX:Vishay/Dale	Chiếc	76,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1122	620006468	ERJ-2RKF5600X	RES SMD 560 OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1123	620006469	GRM155R61C104KA88D	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,0402,16V,X5R; hãng SX:MuRata	Chiếc	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1124	620006471	0603YC105KAT2A	CAP CER 1UF 16V X7R 0603; hãng SX:AVX	Chiếc	47,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1125	620006474	CL10C151JB8NNNC	CAP-CER,SMD;150pF,5%,0603,50V,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1126	620006475	ERJ-2RKF1693X	RES SMD 169K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	36,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1127	620006476	C1608X7R1C474K080AC	CAP CER 0.47UF 16V X7R 0603; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1128	620006478	GRM1555C1H5R6CA01J	CAP CER 5.6 pF 50V NP0 0402; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1129	620006479	CRCW0402560RFKED	RES SMD 560R OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:Vishay Dale	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1130	620006480	C1005X5R0G106M050BB	CAP CER 10UF 4V X5R 0402; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	54,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1131	620006481	500R07S8R2CV4T	CAP CER 8.2 pF 50V NP0 0402; hãng SX:Johanson Technology Inc.	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1132	620006482	CGB1T3X6S0G104M022B B	CAP CER 0.1UF 4V X6S 0201; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1133	620006483	C0603X5R1A474M030BC	CAP CER 0.47UF 10V X5R 0201; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1134	620006484	GRM155R71E473JA88D	CAP CER 0.047UF 25V X7R 0402; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1135	620006485	CGB1T3X5R0J104M022B B	CAP CER 0.1UF 6.3V X5R 0201; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	49,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1136	620006486	GRM155R71E183KA61D	CAP CER 0.018UF 25V X7R 0402; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1137	620006487	C0603X5R0J224M030BB	CAP CER 0.22UF 6.3V X5R 0201; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	62,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1138	620006489	GRM033R71A103KA01D	CAP CER 10000PF 10V X7R 0201; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	26,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1139	620006490	GRM1555C1H121JA01J	CAP CER 120PF 50V NP0 0402; hãng SX:Murata	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1140	620006491	GRM1885C1H182GA01D	CAP CER 1800pF 50V NP0 0603; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1141	620006492	C0402C270J5GACTU	CAP CER 27PF 50V NP0 0402; hãng SX:Kemet	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1142	620006493	GRM1555C1H271FA01D	CAP CER 270PF 50V C0G/NP0 0402; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1143	620006496	GRM1555C1H681GA01D	CAP CER 680PF 50V C0G/NP0 0402; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1144	620008889	LQG18HN2N2S00D	FIXED IND 2.2NH 500MA 100 MOHM; hãng SX:	Chiếc	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1145	620006497	GRM188R61C104KA01D	CAP CER 0.1UF 16V X5R 0603; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	66,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1146	620008890	HK16086N8J-T	FIXED IND 6.8NH 300MA 220 MOHM; hãng SX:	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1147	620006498	600L0R3BT200T	CAP CER 0.3PF 200V NP0 0402; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1148	620008891	LQW18AN7N2C8ZD	FIXED IND 7.2NH 1.9A 40 MOHM; hãng SX:	Chiếc	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1149	620006500	EMK107SD103JAT	CAP CER 10000PF 16V 0603; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1150	620008892	LQG18HN1N5S00D	FIXED IND 1.5NH 500MA 100 MOHM; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1151	620006501	TMK105SD102JV-F	CAP CER 1000PF 25V 0402; hãng SX:Kemet	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1152	620008893	C0603X104K4RACAUTO	CAP CER 0.1UF 16V X7R 0603; hãng SX:	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1153	620006502	600L1R5BT200T	CAP CER 1.5PF 200V NP0 0402; hãng SX:Kemet	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1154	620008894	C1608C0G1H221K080AA	CAP-CER,SMD;220pF,10%,0603,50V,NP0; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1155	620006503	GRM188R61E225ME84D	CAP CER 2.2UF 25V X5R 0603; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	72,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1156	620008895	CGJ3E2X7R1E103K080A A	CAP CER 10000PF 25V X7R 0603; hãng SX:	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1157	620006505	CBR04C220F2GAC	CAP CER 22PF 200V NP0 0402; hãng SX:Kemet	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1158	620008896	C1608CH1H471K080AA	CAP CER 470PF 50V CH 0603; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1159	620006506	GJM1555C1H4R7WB01D	CAP CER 4.7 pF 50V NP0 0402; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1160	620008897	CL10C330KB8NNNC	CAP-CER,SMD; 33 pF,10%,0603, 50V,X7R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1161	620006507	251R14S560JV4T	CAP CER 56pF 250V NP0 0603; hãng SX:Johanson Technology Inc.	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1162	620008898	LQH3NPN4R7MMEL	FIXED IND 4.7UH 1.7A 120 MOHM; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1163	620006509	GJM1555C1HR50BB01D	CAP CER 0.5PF 200V NP0 0402; hãng SX:Kemet	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1164	620008899	ERJ-3EKF1103V	RES SMD 110K OHM 1% 1/10W 0603; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1165	620006511	GRM155R71E273KA88D	CAP CER 0.027UF 25V X7R 0402; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1166	620008900	ERJ-P03F1004V	RES SMD 1M OHM 1% 1/5W 0603; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1167	620006512	0402YJ100GBSTR	CAP THIN FILM 10PF 16V 0402; hãng SX:AVX	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1168	620008901	CHPHT0603K1001FGTA	RES SMD 1K OHM 1% 0.0125W 0603; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1169	620006513	APTF1616SEEZGKBKC	LED-SMD;3V,80mA,SMD,RGB; hãng SX:King bright	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1170	620008902	MAX13235EEUP+T	IC TXRX RS232 3MBPS 20TSSOP; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1171	620006517	0402HP-15NXGLW	Fixed Inductors 0402HP Ceramic Chip 15 nH 2 % 1.1 A; hãng SX:Coilcraft	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1172	620008903	CDCVF25081PWR	IC 1:8 3.3V PLL CLK-DRVR 16TSSOP; hãng SX:	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1173	620006519	0603HP-47NXGLU	FIXED IND 47NH 680MA 240 mOHM; hãng SX:Coilcraft	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1174	620008904	PTS645SM43SMTR92 LFS	SWITCH TACTILE SPST-NO 0.05A 12V; hãng SX:	Chiếc	105,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1175	620006520	0603HP-R22XGLU	Fixed Inductors 0603HP Hi Perfrmnce 220 nH 2 % 0.28 A; hãng SX:Coilcraft	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1176	620008905	100AWSP1T1B4M2RE	SWITCH TOGGLE SPDT 0.4VA 20V; hãng SX:	Chiếc	27,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1177	620006521	0603LS-561XGLC	FIXED IND 560NH 550MA 240; hãng SX:Coilcraft	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1178	620008906	EMK107BJ225KA-T	CAP CER 2.2UF 16V X5R 0603; hãng SX:	Chiếc	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1179	620006522	LQW15AN5N6C10D	FIXED IND 5.6NH 800MA 51 MOHM; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1180	620006523	LQW18AN6N8C10D	FIX IND 6.8NH 900MA 45mOHM; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1181	620006525	GRM1555C1H100FA01D	CAP-CER,SMD;10pF,5%,0402,50V,NPO; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1182	620008907	CC0603KRX7R9BB103	CAP CER 10000PF 50V X7R 0603; hãng SX:	Chiếc	26,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1183	620006526	0438006.WR	FUSE BRD MNT 6A 12VAC 24VDC 0603; hãng SX:Littelfuse Inc.	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1184	620008908	GRM21BR61C226ME44L	CAP CER 22UF 16V X5R 0805; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1185	620006537	QBLP595-IG	LED GREEN CLEAR 520NM SMD; hãng SX:QT Brightek (QTB)	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1186	620008909	GRM15XR71C103KA86D	CAP CER 10000PF 16V X7R 0402; hãng SX:	Chiếc	99,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1187	620006548	T530X687M006ATE018	CAP TANT POLY 680UF 6.3V 2917; hãng SX:KEMET	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1188	620008910	BRC1608TR45M	FIXED IND 450NH 800MA 90 MOHM; hãng SX:	Chiếc	17,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1189	620006572	QBLP595-R	LED RED CLEAR 620NM SMD; hãng SX:	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1190	620008911	MJTP1138BTR	SWITCH TACTILE SPST-NO 0.05A 12V; hãng SX:	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1191	620006573	SD0603S040S0R2	DIODE SCHOTTKY 40V 200MA 0603; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1192	620008912	5-1437565-0	SWITCH TACTILE SPST-NO 0.05A 24V; hãng SX:	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1193	620006779	EEE-FK1J101P	CAP-CER,SMD; 100uF,20%, 1210, 63V; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1194	620008913	CAB.0114	CABLE SMA JACK - SMA 75MM; hãng SX:	Chiếc	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1195	620007029	CRCW04024R99FKED	RES-SMD;4.99OHM,1%,0402,1/16W; hãng SX:Vishay Dale	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1196	620008914	PJ-002AH-SMT-TR	CONN PWR JACK 2X5.5MM SOLDER; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1197	620007042	ERJ-2RKF4702X	RES-SMD;47KOHM,1%,0402,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	54,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1198	620008915	PJ-006B	CONN PWR JACK 2.5X5.5MM SOLDER; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1199	620007445	ML-621S/DN	BATTERY LITH 3V 5MAH COIN 6.8MM; hãng SX:PANASONIC	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1200	620008916	PJ-002BH-SMT-TR	CONN PWR JACK 2.5X5.5MM SOLDER; hãng SX:	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1201	620008032	132134	CONN-SMA;JACK STR,50 OHM PCB, 132134; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1202	620008917	IPD3012-760	30 WATT DESKTOP POWER SUPPLY 12V; hãng SX:	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1203	620008475	PIC24EP512GU810-I/PT	IC; MCU, 16Bit, 512KB, Flash, 100TQFP; hãng SX:Microchip Technology	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1204	620008918	AC-C7 NA	AC CORD NORTH AMER C7 18AWG 6'; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1205	620008478	PT06A-14-19P(SR)	CONN-PLUG; M, 19POS, PT06A-14-19P(SR); hãng SX:Amphenol	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1206	620008919	172-4202	PLUG DC MOLDED 18AWG 2.5MM 2'; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1207	620008480	TCBT-14+	IC; BIAS TEE, TCBT-14+; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1208	620008920	CA-2188	CABLE ASSY R/A 2.5MM 6' 24 AWG; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1209	620008486	24LC02BT-I/SN	IC EEPROM 2KBIT 400KHZ 8SOIC; hãng SX:Microchip	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1210	620008921	ABM3-12.000MHZ-B2-T	CRYSTAL 12.0000MHZ 18PF SMD; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1211	620008490	SP6-230-BFM	SURGE PROTECTOR BULKHEAD; hãng SX:Laird Technologies IAS	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1212	620008922	733910260	CONN SMA JACK STR 50 OHM SOLDER; hãng SX:	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1213	620008497	T520B476M010ATE035	CAP TAN 47UF 6.3V 35mOhm C1210; hãng SX:Kemet	Chiếc	51,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1214	620008923	QFWB-10-5-US01	AC/DC WALL MOUNT ADAPTER 5V 10W; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1215	620008503	714360464	CONN PLUG 64POS VERT 1MM SMD; hãng SX:Molex, LLC	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1216	620008924	M2011SS1W01	SWITCH TOGGLE SPST 6A 125V; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1217	620008505	133-3711-202	CONN MCX JACK STR 50OHM SMD; hãng SX:Cinch Connectivity Solutions Johnson	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1218	620008925	PS1024ALRED	SWITCH PUSH SPST-NO 3A 125V; hãng SX:	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1219	620008506	172102	CONN N PLUG STR 50 OHM CRIMP; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1220	620008926	101-1030-BL-00100	CABLE USB 1.1 A MALE-B MALE 1M; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1221	620008515	GRM0225C1E3R3CA03L	CAP CER 3.3PF 25V NP0 0402; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1222	620008927	VNA515	CONN ADAPT JACK-JACK N 50 OHM; hãng SX:	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1223	620008517	TAJA475K016UNJ	CAP TANT 4.7UF 16V 10% 1206; hãng SX:AVX	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1224	620015442	TXB0108PWR	IC;8-BIT TRNSTR,TXB0108PWR,20TSSOP,15KV ESD; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1225	620008519	LFCN-1000+	/Ceramic High Pass Filter/LFCN-1000+; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1226	620015524	ADM7150ACPZ-3.3-R7	Linear Voltage Regulator IC Positive Fixed 1 Output 3.3V 800mA 8-LFCSP-WD (3x3); hãng SX:Analog Devices Inc	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1227	620008520	LQW2UASR56J00L	FIXED IND 560NH 400MA 1.33 OHM; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1228	620015543	ADP3336ARMZ-REEL7	IC;REG LDO ADJ,8MSOP,-40°C ~ 150°C,ADP3336ARMZ-REEL7; hãng SX:Analog Devices	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1229	620008530	C2012X5R1E106K085AC	CAP CER 10UF 25V X5R 0805; hãng SX:Kemet	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1230	620015560	MAX17543ATP+	IC;REG BUCK SYNC ADJ 2.5A,MAX17543ATP+,20TQFN; hãng SX:Maxim Integrated	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1231	620008531	LWK212BJ106MD-T	CAP CER 10UF 20V X5R 0805; hãng SX:Taïyo Yuden	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1232	620015662	CDCLVC1104PWR	IC;CLK BUFFER,CDCLVC1104PWR,1:4 250MHZ,8TSSOP; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1233	620008543	IMC0805ERR12J01	FIXED IND 120NH 500MA 480 MOHM; hãng SX:Vishay Dale	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1234	620015686	LF10WBJ-12S	CONN-DIP;CIRCULAR CONNECTOR,Jack Female Sockets,12 positions,LF10WBJ-12S; hãng SX:Hirose Electric Co Ltd	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1235	620008551	CRCW04021K80FKED	RES SMD 1.8K OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:Vishay Dale	Chiếc	62,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1236	620015795	MAX3362EKA#TG16	IC;IC TXRX RS485/RS422 3.3V,SOT23-8,-40°C ~ 125°C,MAX3362EKA#TG16; hãng SX:Maxim Integrated	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1237	620008553	SN74LVC2T45DCUR	IC BUS TRANSCVR 2B N-INV US8; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1238	620015824	5-1814400-1	CONN-SMA;JACK R/A, 50 OHM PCB,5-1814400-1; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1239	620008554	TQP3M9028	RF Amplifier 500-4000 MHz NF 1.3 dB; hãng SX:Qorvo	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1240	620016366	MS3116F-12-3S	3 Position Circular Connector Plug. Female Sockets Solder Cup Gold; hãng SX:	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1241	620008558	DK-2633-01	CABLE; FIBER OPTICS, DUAL LC-LC, MULTIMODE DUPLEX, 1M; hãng SX:Assmann WSW Components	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1242	620016939	TCM1-63AX+	Switch: - Tần số:10 – 6000 MHz - Tỷ lệ biến đổi trở kháng: 1:1 - Trở kháng: 50Ω; hãng SX:Minicircuit	Cuộn	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1243	620008559	685610014	CABLE SERIAL ATA .5M LATCH 7POS; hãng SX:Molex, LLC	Chiếc	33,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1244	620017309	EA eDIP240J-7LA	LCD Graphic Display Modules & Accessories Amber/Black Contrast; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1245	620008563	43025-0400	CONN RECEPT 4POS 3MM VERT DUAL; hãng SX:Molex, LLC	Cái	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1246	620017316	PE42540E-Z	RF Switch IC ATE SP4T 8GHz 50 Ohm 32-LGA (5x5); hãng SX:	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1247	620008568	1716920104	MEGA-FIT RECEP 4 CKT V-0; hãng SX:Molex, LLC	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1248	620008569	1716920106	MEGA-FIT RECEP 6 CKT V-0; hãng SX:Molex, LLC	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1249	620017318	MAX2871ETJ+	RF IC Fractional, Integer-N Synthesizer/VCO, 32-TQFN (5x5), -40to85'C, MAX2871ETJ+; hãng SX:Maxim Integrated	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1250	620008570	AK319-.2	POWER CABLE DISC DRIVE 5.25"; hãng SX:Assmann WSW Components	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1251	620017319	MSS1048-103MLC	Fixed Inductors MSS1048 SMT Shielded 10 uH 20 % 4.79 A; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1252	620008571	887511311	SATA PWR ADAPTER ASSY TYPE 30U; hãng SX:Molex, LLC	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1253	620017320	ERJ-U03J471V	Thick Film Resistors - SMD 0603 5% 470ohm Anti-Sulfur AEC-Q200; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1254	620008573	3025010-03	USB A MALE TO MICRO B MALE 3'; hãng SX:Qualtek	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1255	620017321	RMCF0603FT3M32	Thick Film Resistors 1/10watt 3.32Mohms 1%; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1256	620008597	PIC24HJ128GP502-I/MM	IC MCU 16BIT 128KB FLASH 28QFN; hãng SX:Microchip Technology	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1257	620017322	DSPIC33FJ256GP710A-E/PF	MCU 16-bit dsPIC RISC 256KB Flash 3.3V Automotive 100-Pin TQFP Tray; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1258	620008609	1190052-10M000	OSC VCOCXO 10.000MHZ CMOS SMD; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1259	620017323	LSM303AGRTR	IMUs - Inertial Measurement Units Ultra-compact high-performance e-compass 3D accelerometer and 3D magnetometer module; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1260	620008637	DSC1001CI5-033.3333	OSC MEMouser 33.3333MHZ CMOS SMD; hãng SX:Microchip Technology	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1261	620017324	PT06E-12-8P(SR)	8 Position Circular Connector Plug. Male Pins Solder Cup Gold; hãng SX:	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1262	620008638	PIC12LF1572-I/Mouser	IC MCU 8BIT 3.5KB FLASH 8MouserOP; hãng SX:Microchip Technology	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1263	620021022	FBMJ1608HM230NT	FERRITE BEAD 23 OHM 0603 1LN; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1264	620008639	LMC555CMMX/NOPB	IC OSC SINGLE TIMER 3MHZ 8VSSOP; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1265	620021024	BLM15BX601SN1D	FERRITE BEAD 600 OHM 0402 1LN; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1266	620008640	ADP7157ARDZ-04-R7	IC REG ADJ 1.2A 8SOIC; hãng SX:	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1267	620021027	MMZ1608S102ATA00	FERRITE BEAD 1 KOHM 0603 1LN; hãng SX:	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1268	620008641	TPS51200DRCR	IC; CONV DDR DDR2 DDR3, 10SON; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1269	620021057	MMZ2012R102AT000	FERRITE BEAD 1 KOHM 0805 1LN; hãng SX:	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1270	620008642	LT3042EDD#PBF	IC REG LDO ADJ 0.2A 10DFN; hãng SX:Linear Technology	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1271	620008643	74LCX125MTCX	IC BUFFER QUAD LV N-INV 14TSSOP; hãng SX:Fairchild/ON Semiconductor	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1272	620008644	CDCLVC1112PWR	IC CLK BUF 1:12 250MHZ 24TSSOP; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1273	620008645	ADS42JB69IRGCT	Vi mạch tích hợp (IC); hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1274	620008646	C0603X5R0J474M030BC	CAP CER 0.47UF 6.3V X5R 0201; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	64,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1275	620008647	ERJ-1GEF2400C	RES SMD 240 OHM 5% 1/20W 0201; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1276	620008648	ERJ-1GEF40R2C	RES SMD 40.2 OHM 1% 1/20W 0201; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	58,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1277	620008649	C0402C273K3RAC7867	CAP CER 0.027UF 25V X7R 0402; hãng SX:KEMET	Chiếc	36,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1278	620008650	C1005X5R1A475M050BC	CAP CER 4.7UF 10V X5R 0402; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1279	620008651	ERJ-2RKF1101X	RES SMD 1.1K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1280	620008652	ERJ-2RKF1201X	RES-SMD;1.20KOHM,1%,0402,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1281	620008653	ERJ-2RKF1431X	RES SMD 1.43K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1282	620008654	ERJ-PA2F1003X	RES SMD 100K OHM 1% 1/5W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1283	620008655	ERJ-2RKF1430X	RES SMD 143 OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1284	620008656	ERJ-2RKF1742X	RES SMD 17.4K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1285	620008657	ERJ-2RKF1820X	RES-SMD;182OHM,1%,0402,1/10W; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1286	620008658	ERJ-2RKF2051X	RES SMD 2.05K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1287	620008659	ERJ-2RKF2370X	RES SMD 237 OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:	Chiếc	76,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1288	620008660	ERJ-2RKF24R9X	RES 24.9 OHM 1/10W 1% 0402 SMD; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	28,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1289	620008661	ERJ-2RKF2670X	RES SMD 267 OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1290	620008662	ERJ-2RKF3571X	RES 3.57K OHM 1/10W 1% 0402 SMD; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1291	620008663	ERJ-2RKF3160X	RES SMD 316 OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1292	620008664	ERJ-2RKF3322X	RES SMD 33.2K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1293	620008665	ERJ-2RKF3300X	RES,SMD; 330 OHM, 1/10W, 1%, 0402; hãng SX:	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1294	620008666	ERJ-2RKF39R0X	RES-SMD;39.0OHM,1%,0402,1/10W; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1295	620008667	ERJ-2RKF4700X	RES SMD 470 OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1296	620008668	ERJ-2RKF6800X	RES-SMD;680OHM,1%,0402,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1297	620008669	ERJ-2RKF7150X	RES SMD 715 OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1298	620008670	C1608X5R1C106M080AB	CAP CER 10UF 16V X5R 0603; hãng SX:	Chiếc	72,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1299	620008671	C0805C103K5RACTU	CAP CER 10000PF 50V X7R 0805; hãng SX:KEMET	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1300	620008672	C2012X5R0J336M125AC	CAP CER 33UF 6.3V X5R 0805; hãng SX:	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1301	620008673	C3216X5R1E336M160AC	CAP-CER;33UF,25V,20%,1206,X5R; hãng SX:	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1302	620008674	C3225X5R0J107M250AC	CAP CER 100UF 6.3V X5R 1210; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	38,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1303	620008675	C1210C225K1R1C7186	CAP CER 2.2UF 100V X7R 1210; hãng SX:KEMET	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1304	620008676	GRM32ER61E226KE15K	CAP CER 22UF 25V X5R 1210; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1305	620008677	EMK325BJ476MM-T	CAP CER 47UF 16V X5R 1210; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1306	620008678	A700D226M016ATE018	CAP ALUM POLY 22UF 20% 16V SMD; hãng SX:KEMET	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1307	620008679	EEF-UE0G331R	CAP ALUM POLY 330UF 20% 4V SMD; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1308	620008680	EEF-CX1C680R	CAP ALUM POLY 68UF 20% 16V SMD; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1309	620008681	T520D227M006ATE006	CAP TANT POLY 220UF 6.3V 2917; hãng SX:KEMET	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1310	620008682	T530D337M006ATE006	CAP TANT POLY 330UF 6.3V 2917; hãng SX:KEMET	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1311	620008683	430450400	CONN HEADER 4POS 3MM RT ANG TIN; hãng SX:Molex, LLC	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1312	620008684	768250004	DUAL ROW RA HEADER TIN 4CKT; hãng SX:Molex, LLC	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1313	620008685	768250006	DUAL ROW RA HEADER TIN 6CKT; hãng SX:Molex, LLC	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1314	620008686	6930710000000000	CONN MICRO SD CARD PUSH-PUSH R/A; hãng SX:Wurth Electronics Inc	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1315	620008687	EEH-ZA1E101XP	CAP ALUM POLY HYB 100UF 25V SMD; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1316	620008688	DV75C-010.0M	OSC TCXO 10.000MHZ LVCMOS SMD; hãng SX:Connor-Winfield	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1317	620008689	DFLS140-7	DIODE SCHOTTKY 40V POWERDI123; hãng SX:Diodes Incorporated	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1318	620008690	PIC24F16KA102-I/ML	IC MCU 16BIT 16KB FLASH 28QFN; hãng SX:Microchip Technology	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1319	620008691	G5NB-1A4-EL-HA DC12	RELAY GEN PURPOSE SPST 7A 12V; hãng SX:Omron Electronics Inc-EMC Div	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1320	620008692	878311420	CONN HEADER 14POS 2MM VERT GOLD; hãng SX:Molex, LLC	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1321	620008693	I6A4W020A033V-001-R	DC/DC CONVERTER 3.3-15V 250W; hãng SX:TDK-Lambda Americas Inc.	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1322	620008694	LMZ31506RUQT	DC/DC CONVERTER 0.6-5.5V 33W; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1323	620008695	LMZ31530RLGT	DC/DC CONVERTER 0.6-3.6V 108W; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1324	620008696	LMZ31710RVQR	DC/DC CONVERTER 0.6-5.5V 55W; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1325	620008697	SDA02H1SBD	SWITCH SLIDE DIP SPST 25MA 24V; hãng SX:C&K	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1326	620008698	43045-2002	CONN HEADER 20POS 3MM R/A GOLD; hãng SX:Molex, LLC	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1327	620008699	MMBZ5240BLT1G	DIODE ZENER 10V 225MW SOT23-3; hãng SX:ON Semiconductor	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1328	620008700	LP3470M5-3.08/NOPB	IC CIRCUIT RESET PWR-ON SOT23-5; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1329	620008701	SPX3819M5-L-3-3/TR	IC REG LDO 3.3V 0.5A SOT23-5; hãng SX:Exar Corporation	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1330	620008702	LT3010EMouser8E#TRPB F	IC REG LINEAR POS ADJ 50MA 8MouserOP; hãng SX:Linear Technology/Analog Devices	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1331	620008703	SN74AVC1T45DBVR	IC BUS TRANSCLR TRI-ST SOT23-6; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1332	620008704	STG719STR	IC SWITCH SPDT SOT23-6; hãng SX:STMicroelectronics	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1333	620008705	DMG2305UX-13	MOSFET P-CH 20V 4.2A SOT23; hãng SX:Diodes Incorporated	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1334	620008706	FQB47P06TM-AM002	MOSFET P-CH 60V 47A D2PAK; hãng SX:ON Semiconductor	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1335	620008707	U77-A261M-2071	CONN SFP+ CAGE 1X2 PCB R/A; hãng SX:Amphenol Commercial Products	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1336	620008708	ERJ-P6WF10R0V	RES SMD 10 OHM 1% 1/2W 0805; hãng SX:	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1337	620008709	SN74LVC2G34DBVR	IC BUFFER DUAL NON-INV SOT23-6; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1338	620008710	NEO-M8T-0	IC RECEIVER GPS/GNSS 24LCC; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1339	620008711	BZX84C3V3LT1G	DIODE ZENER 3.3V 225MW SOT23-3; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1340	620008712	CDCVF2505D	IC 3.3V PLL CLOCK DRVR 8-SOIC; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1341	620008713	AD5061BRJZ-2500RL7	IC DAC 16BIT SPI/SRL SOT23-8; hãng SX:Analog Devices Inc.	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1342	620008714	430252000	CONN; RECEPT, 20POS, 3MM, DUAL ROW; hãng SX:MOLEX	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1343	620008715	GRM216R61E105KA12	CAP CER 1UF 25V X5R 0805; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	72,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1344	620008716	GJM1555C1H2R2BB01D	Tụ gồm nhiều lớp, Mã:GJM1555C1H2R2BB01D, NSX:MURATA, Mô tả:Tụ gồm nhiều lớp, điện dung 2.2pF, sai số 0.1pF, điện áp 50V, vật liệ	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1345	620008717	GRM1555C1H2R7BA01D	CAP CER 2.7 pF 50V NP0 0402; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1346	620008718	GRM1555C1H3R9CA01D	CAP-CER,SMD;3.9PF,+/-0.25PF,0402,50V,NP0; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1347	620008719	04025C102MBT2A	CAP CER 1000 pF 50V X7R 0402; hãng SX:AVX	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1348	620008720	GRM1555C1H1R0BB01D	CAP CER 10PF 25V NP0 0402; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1349	620008721	0603HP-22NXJEW	FIXED IND 22NH 400MA 700 MOHM; hãng SX:Coilcraft Inc	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1350	620008722	LQP03TN9N1H02	FIXED IND 9.1NH 400MA 700 MOHM; hãng SX:Murata	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1351	620008723	LQP03TN6N8H02	FIXED IND 6.8NH 400MA 700 MOHM; hãng SX:Murata	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1352	620008724	0805HP-221XGRB	FIXED IND 220 nH 0.5A 426mOhm 0805; hãng SX:Coilcraft Inc	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1353	620008725	0805HP-56NXGRB	FIXED IND 56 nH 950mA 122mOhm 0805; hãng SX:Coilcraft Inc	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1354	620008726	0805HP-151XGRB	FIXED IND 150 nH 600mA 288mOhm 0805; hãng SX:Coilcraft Inc	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1355	620008727	0805HP-101XGRB	FIXED IND 100 nH 720mA 220mOhm 0805; hãng SX:Coilcraft Inc	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1356	620008728	0805HQ-18NXGEB	FIXED IND 18 nH 1400mA 60 mOhm 0805; hãng SX:Coilcraft Inc	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1357	620008729	0805HQ-16NXGEB	FIXED IND 16 nH 1500mA 60mOhm 0805; hãng SX:Coilcraft Inc	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1358	620008730	0805HQ-20NXGEB	FIXED IND 20 nH 1400mA 55mOhm 0805; hãng SX:Coilcraft Inc	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1359	620008731	NPPC101KFXC-RC	CONN FEMALE 10POS 0.1" SMD GOLD; hãng SX:Sullins Connector Solutions	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1360	620008732	CRCW04024K70FKED	RES SMD 4.7K OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:Vishay Dale	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1361	620008733	RC0402JR0730RL	RES SMD 30R 1/16W 0402; hãng SX:Yageo	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1362	620008734	Mouser-162B(01)	CONN COAX JACK STR 50 OHM SMD; hãng SX:Hirose Electric Co Ltd	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1363	620008735	C2012X7R1C475K125AB	CAP CER 4.7UF 16V X7R 0805; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1364	620008736	TAJA225K035RNJ	CAP TANT 2.2UF 35V 10% 1206; hãng SX:AVX	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1365	620008737	HFCN-880+	Ceramic High Pass Filter; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1366	620008738	901-143	CONN SMA JACK R/A 50 OHM PCB; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1367	620008739	GBC10SFBN-M30	CONN HEADER 10PS .100 SINGLE SMD; hãng SX:Sullins Connector Solutions	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1368	620008740	GVA-63+	High Gain, High IP3 Monolithic Amplifier; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1369	620008741	Mouser-162-HRMJ-1	CONN ADAPT COAX PLUG TO SMA JACK; hãng SX:Hirose Connector	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1370	620007880	C1608C0G1H100D080AA	CAP-CER,SMD;10pF,5%,0603,50V,NP0; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1371	620006507	251R14S560JV4T	CAP CER 56pF 250V NP0 0603; hãng SX:Johanson Technology Inc.	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1372	620006521	0603LS-561XGLC	FIXED IND 560NH 550MA 240; hãng SX:Coilcraft	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1373	620008632	545BAA200M000BAG	OSC XO 200.0000MHZ LVDS SMD; hãng SX:Silicon Labs	Chiếc	21,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1374	620015458	SN74LVC2T45DCTR	IC;BUS TRANSCVR 2BIT N-INV,SM8,40°C ~ 85°C,SN74LVC2T45DCTR; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1375	620015546	FT232RL-REEL	IC;USB FS SERIAL UART,FT232RL-REEL,28-SSOP; hãng SX:Future Technology Devices International Ltd (FTDI)	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1376	620015675	HFCN-1300D+	IC-FILTER; BANDPASS 1400-4000MHz,HFCN-1300D+; hãng SX:Minicircuits	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1377	620015743	TC4-19LN+	TRANSFORMER;RF TRANSFORMER TC4-19LN+,10-1900 MHz,50Ω,0.15"x0.15"; hãng SX:Minicircuit	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1378	620005670	ERJ-3EKF2433V	RES-SMD;243KOHM,1%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1379	620015744	TC4-1T+	TRANSFORMER;RF TRANSFORMER 1:4, 0.5 - 300MHz; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1380	620015856	132114	CONN-SPECIAL;BULK; CONN SMA PLUG RG 174/316/LMR 100; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1381	620015916	SN74LVC8T245RHLR	IC;BUS TRANSCVR 8BIT,24-QFN-EP,-40°C ~ 85°C,SN74LVC8T245RHLR; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1382	620015962	SM20B-SRDS-G-TF(LF)(SN)	CONN-SMD;HEADER,M, 20POS,SM20B-SRDS-G-TF(LF)(SN),1MM; hãng SX:JST Sales America Inc	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1383	620015970	MAX14841EASA+	IC;TXRX RS485,8-SOIC (0.154", 3.90mm Width),-40°C ~ 125°C,MAX14841EASA+,3 V ~ 3.6 V; hãng SX:Maxim Integrated	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1384	620016529	17-101800	CONN-COVER; COVER USB OR RJ45, 17-101800, IP67; hãng SX:Conec	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1385	620016552	0603CS-27NXJLU	Fixed Inductors 0603CS High Q, SRF 27 nH 5 % 0.6 A; hãng SX:	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1386	620016828	734120110	CONN-SMD;UMC RCPT STR 50 OHM,0734120110,GOLD; hãng SX:Molex Inc	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1387	620008510	LQH32PN4R7NN0L	IND-SMD;4.7UH,30%,1210,1000mA,180mOhms; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1388	620016926	KPT02E12-3PA71	CONN-RCPT; M, 3POS, KPT02E12-3PA71, CURRENT RATING 13A; hãng SX:ITT Cannon, LLC	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1389	620017251	PT02E-14-19P(023)	CONN-RCPT; M, 19POS, PT02E-14-19P(023), CURRENT RATING 7.5A; hãng SX:Amphenol	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1390	620017252	17-101814	CONN-MOD; COUPLER 8P8C TO 8P8C (RJ45), 17-101814, IP67; hãng SX:Conec	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1391	620006107	C1608X5R1A106M080AC	CAP-CER,SMD;10uF,20%,0603,10V,X5R; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1392	620017253	17-101794	CONN-PLUG; ROUND CABLE, SOLID OR STRANDED WIRES, 8P8C (RJ45,ETHERNET) SHIELD,17-101794, IP67; hãng SX:Conec	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1393	620006141	ERJ-2RKF2003X	RES 200K OHM 1/10W 1% 0402 SMD; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1394	620017257	VLM-63-2W+	Connector: - Tần số: 30 - 6000 MHz - Trở kháng: 50Ω - Power handling: 2.5W (max); hãng SX:Minicircuit	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1395	620006290	ERJ-2RKF3902X	RES-SMD;39.0KOHM,1%,0402,1/10W; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1396	620017262	PE42440MLBB-Z	RF Switch IC General Purpose SP4T 3GHz 50 Ohm 16-QFN (3x3); hãng SX:Analog Devices	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1397	620006293	ERJ-2RKF1182X	RES 11.8K OHM 1/10W 1% 0402 SMD; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1398	620017264	LHY-1H+	Monolithic Amplifier; 500hm; 0,05 to 6Ghz; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1399	620006298	744786147A	FIXED IND 47NH 400MA 700 MOHM; hãng SX:Wurth Electronics Inc	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1400	620017287	HFCN-1500+	IC (Mạch tích hợp)/Ceramic High Pass Filter/HFCN-1500+; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1401	620006300	ERJ-PA2F15R0X	RES SMD 15 OHM 1% 1/5W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1402	620017298	XQ7Z100-2RF900I	FPGA Zynq-7000Q 444000 Cells 28nm Technology 1V 900-Pin FC-BGA Tray; hãng SX:Xilinx	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1403	620006303	ERJ-2RKF7501X	RES SMD 7.5K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1404	620017299	MT25QL512ABB8ESF-0SIT	NOR Flash Serial-SPI 3V 512Mbit 512M/256M/128M 1bit/2bit/4bit 6ns 16-Pin SOP-II; hãng SX:Micron Technology Inc	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1405	620006304	ERJ-2RKF1471X	RES SMD 1.47K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1406	620017300	MT41K256M16TW-107 IT:P	DRAM Chip DDR3L SDRAM 4G-Bit 256M x 16 1.35V 96-Pin F-BGA; hãng SX:Micron Technology Inc	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1407	620006452	ERJ-2RKF5901X	RES SMD 5.9K OHM 1% 1/10W 0402; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1408	620017301	310-87-105-41-001101	5 position socket connector 0.100"(2.54mm) through hole gold; hãng SX:Preci-Dip	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1409	620006471	0603YC105KAT2A	CAP CER 1UF 16V X7R 0603; hãng SX:AVX	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1410	620017302	714390464	64 Position Connector Plug, Center Strip Contacts Surface Mount Gold; hãng SX:Molex, LLC	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1411	620006497	GRM188R61C104KA01D	CAP CER 0.1UF 16V X5R 0603; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1412	620017303	MAX889TESA	Charge Pump Switching Regulator IC Negative Adjustable -2.5V 1 Output 200mA 8-SOIC (0.154", 3.90mm Width); hãng SX:Maxim Integra	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1413	620006498	600L0R3BT200T	CAP CER 0.3PF 200V NP0 0402; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1414	620019244	ASP-134603-01	Đầu nối; hãng SX:Samtec Inc.	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1415	620006502	600L1R5BT200T	CAP CER 1.5PF 200V NP0 0402; hãng SX:Kemet	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1416	620020766	LFCN-6000+	Low pass filter 6000MHz; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1417	620006503	GRM188R61E225ME84D	CAP CER 2.2UF 25V X5R 0603; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1418	620020767	RHP-147+	High pass filter 250 to 3000MHz; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1419	620006510	CBR04C101F3GAC	CAP-CER, SMD;100PF, 1%, 0402, 25V, NP0; hãng SX:Kemet	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1420	620020768	SXLP-90+	Low pass filter 90MHz; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1421	620006517	0402HP-15NXGLW	Fixed Inductors 0402HP Ceramic Chip 15 nH 2 % 1.1 A; hãng SX:Coilcraft	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1422	620020778	LFCN-225D+	Low pass filter 225MHz; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1423	620006522	LQW15AN5N6C10D	FIXED IND 5.6NH 800MA 51 MOHM; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1424	620020781	RHP-305+	High pass filter 420 to 3200 MHz; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1425	620008602	LQW2UASR22J00L	FIXED IND 220NH 500MA 840 MOHM; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1426	620020782	LFCN-1800+	Low pass filter 1800MHz; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1427	620008603	NPTC032KFMS-RC	CONN FEMALE 6POS DL .1" TIN SMD; hãng SX:Sullins Connector Solutions	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1428	620020783	LFCN-3000+	Low pass filter 3000MHz; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1429	620008604	0402HP-15NXGLU	FIXED IND 22NH 400MA 700 MOHM; hãng SX:Coilcraft	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1430	620020784	HFCN-740+	High pass filter 740MHz; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1431	620020785	LFCN-2400+	Low pass filter 2400MHz; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1432	620020789	HFCN-2000+	Filter, HighPass, HFCN-2000D+; hãng SX:Minicircuirt	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1433	620020795	FLT012A0Z	DC INPUT FILTER MODULE; hãng SX:GE Critical Power	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1434	620020796	LP0AA616A700	Filter Low pass filter 6.16 GHz; hãng SX:AVX	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1435	620020797	1200BP44A575	Filter Bandpass filter 1.2GHz; hãng SX:Johanson Technology Inc.	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1436	620020798	NFM21PC105B1C3D	FILTER-SMD;LC,1.0μF,16V,4A,0805; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1437	620020856	LFCN-490+	FILTER-SMD;LOW PASS FILTER,3.2mm x 1.6mm,490MHz,LFCN-490+; hãng SX:Minicircuit	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1438	620020857	LFCN-530+	FILTER-SMD;LOW PASS FILTER,3.2mm x 1.6mm,530MHz,LFCN-530+; hãng SX:Minicircuit	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1439	620020865	BNX016-01	LC EMI Filter 5th Order Low Pass 2 Channel 15A Block, 4 Lead; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1440	620021015	BLM18SG121TN1D	FERRITE BEAD 120 OHM 0603 1LN; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1441	620021021	BLM18PG331SN1D	FERRITE BEAD 330 OHM 0603 1LN; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1442	620021024	BLM15BX601SN1D	FERRITE BEAD 600 OHM 0402 1LN; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1443	620021026	BLM18HE152SZ1D	FERRITE BEADS 0603 1500OHMouser 400M; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	57,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1444	620021028	BLM18KG121TN1D	FERRITE BEAD 120 OHM 0603 1LN; hãng SX:	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1445	620021049	MPZ1608S102ATA00	FERRITE BEAD 1 KOHM 0603 1LN; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1446	620021050	BK1608LM152-T	FERRITE BEAD 1.5 KOHM 0603 1LN; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	21,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1447	620021051	MPZ1608D101BTA00	FERRITE BEAD 100 OHM 0603 1LN; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1448	620021052	742792031	FERRITE BEAD 300 OHM 0805 1LN; hãng SX:Würth Electronics Inc.	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1449	620021053	742792040	FERRITE BEAD 600 OHM 0805 1LN; hãng SX:Würth Electronics Inc.	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1450	620021054	HI1206T161R-10	FERRITE BEAD 160 OHM 1206 1LN; hãng SX:Laird-Signal Integrity Products	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1451	620021055	MPZ1608S102ATD25	FERRITE BEAD 1 KOHM 0603 1LN; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1452	620021096	BLM18KG601SN1D	FB;600OHM@100MHZ,1.3A,0603,BLM18KG601SN1D; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1453	620016294	C091 31D003 100 2	CONN-DIP; Plug, Female, 300V, 5A, 3POS INLINE SKT; hãng SX:Amphenol-Tuchel Electronics	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1454	620015524	ADM7150ACPZ-3.3-R7	Linear Voltage Regulator IC Positive Fixed 1 Output 3.3V 800mA 8-LFCSP-WD (3x3); hãng SX:Analog Devices Inc	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1455	620015525	ADM7150ACPZ-5.0-R7	Linear Voltage Regulator IC Positive Fixed 1 Output 5V 800mA 8-LFCSP-WD (3x3); hãng SX:Analog Devices Inc	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1456	620016530	HMC8410LP2FETR	RF Amplifier IC Radar 10MHz ~ 10GHz 6-LFCSP (2x2); hãng SX:Analog Devices	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1457	620020766	LFCN-6000+	Low pass filter 6000MHz; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1458	620020792	LFCN-5000+	Low pass filter 5000MHz; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1459	620020793	LFCN-1400D+	Filter, LowPass, LFCN-1400D+; hãng SX:Minicircuirt	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1460	620017275	PCB_DSB	Mạch PCB_DSB: - Kích thước 185x230x2.2mm (Sai số 10%) - 14 lớp - Vật liệu FR4 - Mạ vàng, chữ trắng, phủ xanh; hãng SX:EOS	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1461	620017276	PCB_RF	PCB mạch RF trong mạch thu cao tần: + 6 lớp + Vật liệu RO4350B + Kích thước 180*90*1.9mm (sai số 10%) + Mạ vàng, phủ xanh, c	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1462	620017277	PCB_IF	PCB mạch IF trong mạch thu cao tần: + 6 lớp + Vật liệu RO4350B + Kích thước 180*90*2.0mm (sai số 10%) + Mạ vàng, phủ xanh, c	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1463	620017278	PCB_Filter_v1	Mạch in PCB: Kích thước 70*120*1mm (sai số 10%) Vật liệu: RO4350B Số lớp: 4 lớp Nhiệt độ hoạt động: -20 đến 80 độ C Mạ vàng	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1464	620017279	PCB_Filter_v2	Mạch in PCB: Kích thước 70*120*0.8mm (sai số 10%) Vật liệu: RO4350B Số lớp: 4 lớp Mạ vàng, phủ xanh, chữ trắng Nhiệt độ hoạt	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1465	620015795	MAX3362EKA#TG16	IC;IC TXRX RS485/RS422 3.3V,SOT23-8,-40°C ~ 125°C,MAX3362EKA#TG16; hãng SX:Maxim Integrated	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1466	620017273	Mạch RF	Mạch RF Mạch RF trong mạch thu cao tần, PCB Array; RF_RFRX, 6 lớp. 180*90*1,85 mm, Sai số 10%, mạ vàng, phủ xanh, chữ trắng. Vậ	Tấm	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1467	620017274	Mạch IF	Mạch IF Mạch IF trong mạch thu cao tần, PCB Array; IF_RFRX, 6 lớp. 180*90*1,85 mm, Sai số 10%, mạ vàng, phủ xanh, chữ trắng. V	Tấm	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1468	620015676	HFCN-440+	IC-FILTER; BANDPASS 500-2500MHz,HFCN-440+; hãng SX:Minicircuits	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1469	620016459	TQP3M9019	RF Amplifier .05-4GHz P1dB= 22dB Gain 26.4dB 5Volts; hãng SX:Qorvo	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1470	620016541	HFCN-2275+	IC (Mạch tích hợp)/Ceramic High Pass Filter/HFCN-2275+; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1471	620017295	RHP-755+	IC (Mạch tích hợp)/Metal Shield High Pass Filter/RHP-755+; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1472	620025856	RF_Delay 02	Vỏ hộp RF Delay 2 Kích thước: 200mm x 150mm x 75 mm, Sai số 5%. Vật liệu: Nhôm Không tãi màu xanh crom Có khe cắm mạch pcb;	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1473	620017331	JIG IF	Mạch JIG Test: '- Kích thước (mm) rộng x cao x sâu: 220 x 260 x 1,6 - Vật liệu: FR4 Mạ vàng, phủ xanh, chữ trắng.; hãng SX:ESK	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1474	620025844	PCB_GPSDO_v1	Mạch in PCB: 'Kích thước: 70*30*1.6mm cho phép sai số 20%. Vật liệu: FR4 (370 HR có hằng số điện môi $\epsilon=4.0$) Số lớp: 4 lớp.	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1475	620017332	NGUO N3890 12V25 A	Mạch nguồn: '- Kích thước (mm) rộng x cao x sâu: 97x52x10 - Vật liệu chính: FR4. Mạ thiếc, phủ xanh, chữ trắng.; hãng SX:ESK	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1476	620025859	PCB_AntenControl	Mạch in PCB 'Kích thước: 300*100*1.6mm cho phép sai số 10%. Vật liệu: FR4 Số lớp: 2 lớp Mạ thiếc, Phủ xanh, Chữ trắng Nhiệt	Tấm	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1477	620025857	SP24-17A16-04	Động cơ (Motor): '- Actuator, Electrak 1, 24 Vdc, 340 N, 100 mm Nominal Stroke, Potentiometer, 7 mm/s Travel Rate @ Full Load;	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1478	620025858	SP24-17A16-02	Động cơ (Motor): '- Actuator, Electrak 1, 24 Vdc, 340 N, 50 mm Nominal Stroke, Potentiometer, 7 mm/s Travel Rate @ Full Load;	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1479	620025179	C091 31C006 100 2	CONN MALE RCPT 6POS REAR MT ; hãng SX:	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1480	620025180	RC0402FR-07357RL	 ; RES SMD 357 OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	63,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1481	620025181	RT0402BRD07430RL	 ; RES SMD 430 OHM 0.1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	63,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1482	620025182	RC0402FR-07866RL	 ; RES SMD 866 OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1483	620025183	RC0402FR-07910RL	 ; RES SMD 910 OHM 1% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1484	620025184	RC0402JR-071K8L	 ; RES SMD 1.8K OHM 5% 1/16W 0402; hãng SX:	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1485	620025185	5973327507F	 ; LED GREEN CLEAR 0402 SMD; hãng SX:	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1486	620025186	HK10056N2S-T	 ; FIXED IND 6.2NH 430MA 250 MOHM; hãng SX:	Chiếc	27,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1487	620025187	HK10051N0S-T	 ; FIXED IND 1NH 900MA 80 MOHM SMD; hãng SX:	Chiếc	26,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1488	620025188	HK10058N2J-T	FIXED IND 8.2NH 380MA 280 MOHM ; hãng SX:	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1489	620026347	NFA31GD1011014	RC EMI Filter 1st Order Low Pass 4 Channel R = 100 OhMouser, C = 100pF 15mA 1206 (3216 Metric), Array, 10 PC Pad; hãng SX:Murata	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1490	620025841	7550051	Cơ cấu điều khiển ăng ten: Không dây sử dụng Wireless Control box - Cân nặng: 15lbs - Kiểu điện áp hoạt động: Điện áp một chi	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1491	620025844	PCB_GPSDO_v1	Mạch in PCB: 'Kích thước: 70*30*1.6mm cho phép sai số 20%. Vật liệu: FR4 (370 HR có hằng số điện môi $\epsilon=4.0$) Số lớp: 4 lớp.	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1492	620013116	PE43713B-Z	IC ATTENUATOR; hãng SX:Peregrine Semiconductor; Mô tả: IC;RF DSA;7BIT;50 OHM;32-QFN	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1493	620013118	SBB5089Z	IC khuyến đại RF; hãng SX:Qorvo; Mô tả: RF Amplifier .05-6GHz SSG 20.5dB NF 3.9dB	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1494	620002827	ETC1-1-13TR	TRANSFORMER; hãng SX:M/A-Com Technology Solutions	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1495	620002362	1-1469387-1	GUIDE MODULE; MALE,VERT SHORT; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1496	620002366	1-1469373-1	MOD ATCA GUIDE; R/A FEMALE; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1497	620015434	SCA-4-10+	Switch;Splitter/Combiner;4-Way;0°;500;5 to 1000 MHz; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1498	620015662	CDCLVC1104PWR	IC;CLK BUFFER,CDCLVC1104PWR,1:4 250MHZ,8TSSOP; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1499	620017532	SN74LVC1T45DBVR	IC; BUS TRANSCVR TRI-ST,SOT23-6,40°C ~ 85°C,SN74LVC1T45DBVR; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1500	620018370	SCA-4-20+	Power;Splitter/Combiner;4-Way;0°;50Ω;1000 to 2000 MHz; hãng SX:Minicircuits	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1501	620018695	MCP4822-E/SN	IC DAC; 12 Bit Digital to Analog Converter 2 8-SOIC; hãng SX:Microchip Technology	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1502	620009631	132371	CONN-SPECIAL;SMA JACK 50 OHM EDGE MNT; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	26,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1503	620018697	UIYCC5356A1200T1400N F	Chuyển mạch thu phát: - Dải tần hoạt động 1200-1400 MHz, - Đầu kết nối chuẩn N-F; hãng SX:UYI	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1504	620020938	UIYBPF11963A1215T1400 SF	Bộ lọc thông dải: - Dải tần hoạt động: 1215-1400 MHz, - Đầu kết nối chuẩn SMA-F; hãng SX:UYI	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1505	620013103	6SL3255-0AA00-4CA1	MÔ ĐUN GIAO DIỆN; hãng SX:Siemens; Mô tả: SINAMICS G120 Basic Operator Panel (BOP-2)	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1506	620013107	TXS0108EPWR	IC LOGIC-TRANSLATOR; hãng SX:Texas Instruments; Mô tả: IC TRNSLTR BIDIRECTIONAL 20TSSOP	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1507	620013108	UCL1V221MCL6GS	Tụ điện; hãng SX:Nichicon; Mô tả: CAP ALUM 220UF 20% 35V SMD	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1508	620013109	TXB0108PWR	IC LOGIC-TRANSLATOR; hãng SX:Texas Instruments; Mô tả: IC 8-BIT TRNSTR 15KV ESD 20TSSOP	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1509	620013110	T495X477K006ATE030	Tụ điện; hãng SX:Kemet; Mô tả: CAP TANT 470UF 6.3V 10% 2917	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1510	620013111	T495X107K010ATE100	Tụ điện; hãng SX:Kemet; Mô tả: CAP TANT 100UF 10V 10% 2917	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1511	620013112	T494A225K010AT	Tụ điện; hãng SX:Kemet; Mô tả: CAP TANT 2.2UF 10V 10% 1206	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1512	620013113	T491X477M010AT	Tụ điện; hãng SX:Kemet; Mô tả: CAP TANT 470UF 10V 20% 2917	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1513	620013114	SN74LVC1T45DBVR	IC LOGIC-TRANSLATOR; hãng SX:Texas Instruments; Mô tả: IC BUS TRANSCVR TRI-ST SOT23-6	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1514	620013117	MMBT3904T	TRANSISTOR; hãng SX:Fairchild Semiconductor; Mô tả: TRANS NPN 40V 0.2A SOT-523F	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1515	620013119	MAX3485EESA+T	IC thu phát; hãng SX:Maxim Integrated; Mô tả: IC TXRX RS485/422 10MBPS 8SOIC	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1516	620013120	LTC4260CGN#PBF	IC HOT SWAP; hãng SX:Linear Technology; Mô tả: IC CTRLR HOT SWAP I2C 24-SSOP	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1517	620013121	LTC2991IMS#PBF	IC MONITOR; hãng SX:Linear Technology; Mô tả: IC MONITOR OCTAL 16MSOP	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1518	620013122	LT1964ES5- 5#TRMPBF	IC điều chỉnh điện thế; hãng SX:Linear Technology/Analog Devices; Mô tả: IC REG LDO -5V 0.2A TSOT23-5	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1519	620013123	LT1963EST-3.3#PBF	IC điều chỉnh điện thế; hãng SX:Linear Technology; Mô tả: IC REG LDO 3.3V 1.5A SOT223-3	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1520	620013124	LT1963EST-2.5#PBF	IC điều chỉnh điện thế; hãng SX:Linear Technology; Mô tả: IC REG LDO 2.5V 1.5A SOT223	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1521	620013125	LT1963AES8#PBF	IC điều chỉnh điện thế; hãng SX:Linear Technology; Mô tả: IC REG LDO ADJ 1.5A 8SOIC	Chiếc	38,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1522	620013126	LMZ23605TZE/NOPB	Bộ chuyển đổi DC/DC; hãng SX:Texas Instruments; Mô tả: DC/DC CONVERTER 0.8-6V 5A TO-PMOD-7	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1523	620013127	LMZ14203HTZ/NOPB	Bộ chuyển đổi DC/DC; hãng SX:Texas Instruments; Mô tả: DC/DC CONVERTER 5-30V 3A TO-PMOD-7	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1524	620013128	LMZ14201HTZ/NOPB	Bộ chuyển đổi DC/DC; hãng SX:Texas Instruments; Mô tả: DC/DC CONVERTER 5-30V 1W TO-PMOD-7	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1525	620013129	LMZ13610TZE/NOPB	Bộ chuyển đổi DC/DC; hãng SX:Texas Instruments; Mô tả: DC/DC CONVERTER 0.8-6V 50W TO-PMOD-11	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1526	620013130	LM337IMP/NOPB	IC điều chỉnh điện thế; hãng SX:Texas Instruments; Mô tả: IC REG LIN NEG ADJ 1A SOT223-4	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1527	620013131	FT245BL/TR	IC USB FIFO; hãng SX:FTDI; Mô tả: IC;USB FIFO INTERFACE, 480MBPS,32LQFP	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1528	620013132	ETC1-1-13TR	RF BALUN; hãng SX:M/A-Com Technology Solutions; Mô tả: RF BALUN 4.5-3000MHZ 1:1 5SMD	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1529	620013133	DAC2932PFBT	IC chuyển đổi tín hiệu số/ tương tự; hãng SX:Texas instrument; Mô tả: IC chuyển đổi tín hiệu số/ tương tự DUAL 12BIT 40MSPS 48-T	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1530	620013134	CZRU52C3V3	DIODE; hãng SX:Comchip Technology; Mô tả: DIODE ZENER 3.3V 150MW 0603	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1531	620013135	CSNL1206FT3L00	RESISTOR; hãng SX:Stackpole Electronics Inc; Mô tả: RES .003OHM 1W 1% 1206 SMD	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1532	620013136	BNX002-01	Bộ lọc EMI; hãng SX:MURATA; Mô tả: EMI Filters 10A 4 LEAD	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1533	620013137	AS179-92LF	Bộ chuyển đổi RF; hãng SX:Skyworks Solutions Inc.; Mô tả: IC; SW SPDT, DC-3GHZ, GAAS, SC70-6	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1534	620013138	ADP-2-20+	Bộ chia/ trộn nguồn; hãng SX:Minicircuits; Mô tả: Power Splitter/Combiner;2-Way;0°;50Ω;20 to 2000 MHz CD542	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1535	620013139	5745782-6	Giắc kết nối; hãng SX:TE Connectivity AMP Giắc kết nối'; Mô tả: 15 Position D-Sub Receptacle, Female Sockets Giắc kết nối, Thro	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1536	620013141	5100668-1	Giắc kết nối; hãng SX:TE Connectivity; Mô tả: CONN HEADER 154POS VERT 2MM PRESS-FIT	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1537	620013142	292336-1	Giắc kết nối; hãng SX:TE Connectivity AMP Giắc kết nối; Mô tả: Giắc kết nối Receptacle USB TypeA 2.0 4 Position Through Hole, R	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1538	620013143	1830596	Giắc kết nối; hãng SX:Phoenix Contact; Mô tả: TERM BLOCK HDR 2POS VERT 3.81MM	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1539	620017689	5-102619-3	CONN-DIP;HEADER,M,2Rx5Px2.54mm,5-102619-3; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1540	620019357	1827703	CON; hãng SX:Phoenix Contact	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1541	620019852	UMK325AB7106MM-T	TỤ ĐIỆN; hãng SX:Taiyo Yuden; Mô tả: CAP-CER,SMD;10uF,20%,1210,50V,X7R	Chiếc	155,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1542	620020136	PE6009	LOAD; hãng SX:Pasternack; Mô tả: 2 Watt RF Load Up to 18 GHz With N Male Input Nickel Plated Brass	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1543	620020137	CPA2512E1000FS-T10	RESITOR; hãng SX:Susumu; Mô tả: RES SMD 100 OHM 1% 16W 2512	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1544	620020140	TLHR6400	LED; hãng SX:Vishay Semiconductor Opto Division; Mô tả: LED 5MM RED 3.5MCD GAASP ON GAP	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1545	620020141	SYM-25DLHW+	IC MIXER; hãng SX:Mini-Circuits; Mô tả: Mixer 40-2500 MHz LO 10dBm	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1546	620020142	SN65220DBVT	IC TVS; hãng SX:Texas Instruments; Mô tả: IC;USB PORT, SIGNLE,TVS,SOT23-6	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1547	620020143	SML-211UTT86	LED; hãng SX:Rohm Semiconductor; Mô tả: LED 630NM RED WTR CLR 0805 SMD	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1548	620020144	PMEG3050EP,115	DIODE; hãng SX:NXP Semiconductors; Mô tả: SCHOTTKY RECT 30V 5A SOD128	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1549	620020145	NE5532DR	OPAMP; hãng SX:texas instrument; Mô tả: IC OPAMP GP 10MHZ 8SOIC	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1550	620020146	IS42S16320F-7TLI	IC SDRAM; hãng SX:ISSI, Integrated Silicon Solution Inc; Mô tả: IC SDRAM 512MBIT 133MHZ 54TSOP	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1551	620020147	LTC1867LIGN#PBF	IC ADC; hãng SX:Linear Technology; Mô tả: IC ADC 16BIT 8CH 175KSPS 16SSOP	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1552	620020148	LQW2UAS3R3J00L	Cuộn cảm; hãng SX:Murata Electronics North America; Mô tả: IND 3300NH 290MA SRF 90MHZ 1008	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1553	620020149	LG L29K-G2J1-24-Z	LED; hãng SX:OSRAM Opto Semiconductors Inc; Mô tả: LED GREEN 1.7V 0603	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1554	620020150	HMC1120LP4E	Bộ dò RF; hãng SX:analog devices; Mô tả: RF RMS PWR DETECTOR 3.9GHZ	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1555	620020151	HC1-25MT3G	IC PLL; hãng SX:PSTech; Mô tả: IC;PLL,HC1-25MT3G,BW 25MHZ,3GB EXTERNAL CLOCK	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1556	620020152	EPM240T100C5	IC CPLD; hãng SX:Intel/Altera; Mô tả: IC CPLD 192MC 4.7NS 100TQFP	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1557	620020153	EPCS128SI16N	IC CONFIG; hãng SX:Intel; Mô tả: IC CONFIG DEVICE 128MBIT 16SOIC	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1558	620020154	EP3C25Q240C8N	IC FPGA; hãng SX:Intel; Mô tả: IC FPGA 148 I/O 240QFP	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1559	620020155	ECS-2033-240-AU	XTAL OSC; hãng SX:ECS Inc; Mô tả: OSC, SMD; 24.000MHZ,3.3V	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1560	620020156	DOC050F-010.0M	OCXO OSC; hãng SX:Connor-Winfield; Mô tả: OSC OCXO 10.000MHz LVCMOS 6-SMD	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1561	620020157	D75J-050.0M	TCXO OSC; hãng SX:Connor-Winfield; Mô tả: OSC TCXO 50.000 MHz 3.3V 10-SMD	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1562	620020158	CDCLVC1108PWR	BUFFER; hãng SX:Texas Instruments; Mô tả: IC CLK BUFFER 1:8 250MHZ 8TSSOP	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1563	620020159	AT93C46DN-SH-B	EEPROM; hãng SX:Atmel; Mô tả: IC;EEPROM, 1KBIT,2MHZ,8SOIC	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1564	620020160	AFK477M35H32T-F	Tụ điện; hãng SX:Cornell Dubilier Electronics (CDE); Mô tả: CAP ALUM 470UF 35V 20% SMD	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1565	620020161	ADTT1-1	Biến áp; hãng SX:Mini-circuits; Mô tả: RF Transformer, 50 Ohm, 0.3 MHz to 300 MHz CD542	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1566	620020162	ADC-20-12+	COUPLER; hãng SX:Mini-Circuits; Mô tả: 20dB SMT Directional Coupler;50Ω;100 to 1200 MHz	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1567	620020163	AD9959BCPZ-REEL7	IC DDS; hãng SX:Analog Devices; Mô tả: IC DDS 500MHZ 10BIT 56LFCSP	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1568	620020164	1N4148WT	DIODE; hãng SX:Fairchild Semiconductor; Mô tả: DIODE GEN PURP 75V 200MA SOD523F	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1569	620020165	1140020030000	Nút nhấn; hãng SX:Rafi; Mô tả: Nút nhấn SPST-NO 0.1A 35V	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1570	620020829	CBP-1307C+	Bộ lọc BANDPASS; hãng SX:Mini-Circuits; Mô tả: BPF 1215-1400MHZ MP1766	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1571	620020830	BPF-A950+	Bộ lọc BANDPASS; hãng SX:Mini-Circuits; Mô tả: Bandpass Filter 700-1200Mhz HQ1157	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1572	620020831	BPF-A400+	Bộ lọc BANDPASS; hãng SX:Mini-Circuits; Mô tả: Bandpass Filter 390-410Mhz HQ1157	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1573	620020960	856288	FILTER; hãng SX:TriQuint/Qorvo; Mô tả: SAW Filter 465/6MHz	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1574	620021122	SMB2.5R-1	FERRITE; hãng SX:API Delevan Inc; Mô tả: BEAD SHIELD 2.5 TURNS SMD	Chiếc	17,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1575	620021123	MI0805J102R-10	FERRITE; hãng SX:Laird-Signal Integrity Products; Mô tả: FERRITE 1A 1000 OHMS 0805 SMD	Chiếc	67,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1576	620025374	MCP4822-E/SN	IC chuyển đổi tín hiệu số/ tương tự; hãng SX:Microchip Technology; Mô tả: IC chuyển đổi tín hiệu số/ tương tự; 12 Bit Digital to	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1577	620025375	FDB3632	TRANSISTOR; hãng SX:ON Semiconductor ; Mô tả: MOSFET N-CH 100V 80A D2PAK	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1578	620026345	BPF-A1600+	BANDPASS FILTER; hãng SX:Mini-Circuits; Mô tả: Lumped LC Band Pass Filter, 1400-1800 MHz HQ1157 ;	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1579	620008874	AS179-92LF	IC; SW, SPDT, DC-3GHZ, GAAS, SC70-6; hãng SX:Skyworks Solutions Inc.	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1580	620009387	T495X107K010ATE100	CAP-TANT, 100UF, 10V, 10%, 2917; hãng SX:Kemet	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1581	620009619	DAC2932PFBT	IC-DAC;DUAL;12BIT;40MSPS;48-TQFP; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1582	620009629	FT245BL/TR	IC;USB FIFO INTERFACE, 480MBPS,32LQFP; hãng SX:FTDI	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1583	620022742	_	CONN DB-9 Female; hãng SX:TA-I technology	Bộ	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1584	620023629	_	XTAL 20MHz Crystal HC-49S DIP-2; hãng SX:TA-I technology	Bộ	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1585	620023732	_	CAP CER 1000nF 50V 20% Disc Cap; hãng SX:TA-I technology	Bộ	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1586	620022518	_	PIC18F2550-I/SP DIP28; hãng SX:Microchip	Bộ	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1587	350008768		USB CABLE, Cable Type C 1 m Xmobile MU09-1000 điện thoại bảo mật quân sự	Sợi	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1588	350011473		FPC Torch FPC Torch	Cái	45,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1589	620021267		FB;240OHM@100MHZ,200mA,0201,BL M03AG241SN1D_MURATA_BLM03AG241SN1D; hãng SX:	Cái	176,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1590	620021268		CAP-CER,SMD;1uF,20%,0201,6.3V,COG_MURATA_GRM033R60J105MEA2D; hãng SX:	Cái	1.962,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1591	620021269		CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,0201,10V,COG_MURATA_GRM033R61A104KE15D; hãng SX:	Cái	2.570,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1592	620021270		CAP-CER,SMD;1000pF,10%,0201,25V_MURATA_GRM033R71E102KA01D; hãng SX:	Cái	366,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1593	620021271		CAP-CER,SMD;4.7uF,20%,0402,10V_MURATA_GRM155R61A475MEAAD; hãng SX:	Cái	556,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1594	620021272		CAP-CER,SMD;2.2uF,20%,0402,10V_MURATA_GRM155R61A225ME95D; hãng SX:	Cái	556,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1595	620021273		CAP-CER,SMD;47uF,20%,0805,6.3V_MURATA_GRM21BR60J476ME15L; hãng SX:	Cái	88,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1596	620021274		CAP-CER,SMD;0.47uF,20%,0201,6.3V_MURATA_GRM033R60J474ME90D; hãng SX:	Cái	214,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1597	620021275		CAP-CER,SMD;22uF,20%,0603,6.3V_MURATA_GRM188R60J226MEA0D; hãng SX:	Cái	430,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1598	620021276		CAP-CER,SMD;470pF,10%,0201,25V_MURATA_GRM033R71E471KA01D; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1599	620021277		CAP-CER,SMD;680pF,10%,0201,25V_MURATA_GRM033R71E681KA01E; hãng SX:	Cái	176,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1600	620021278		CAP-CER,SMD;22pF,5%,0201,25V,COG_MURATA_GRM0335C1E220JA01D; hãng SX:	Cái	784,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1601	620021279		CAP-CER,SMD;33pF,5%,0201,50V,COG_MURATA_GRM0335C1H330JA01D; hãng SX:	Cái	1.226,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1602	620021280		CAP-CER,SMD;15pF,5%,0201,25V,COG_MURATA_GRM0335C1E150JA01D; hãng SX:	Cái	276,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1603	620021281		CAP-CER,SMD;27pF,5%,0201,50V,COG_MURATA_GRM0335C1H270JA01D; hãng SX:	Cái	176,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1604	620021282		CAP-CER,SMD;1uF,10%,0602,50V_MURATA_GRM188R61H105KAALD; hãng SX:	Cái	88,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1605	620021283		CAP-CER,SMD;39pF,5%,0201,50V,COG_MURATA_GRM0335C1H390JA01D; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1606	620021284		CAP-CER,SMD;10uF,10%,0603,10V_MURATA_GRM188R61A106KE69D; hãng SX:	Cái	240,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1607	620021285		CAP-CER,SMD;1uF,10%,0402,10V_MURATA_GRM155R61A105KE15D; hãng SX:	Cái	276,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1608	620021286		CAP-CER,SMD;10000pF,10%,0201,10V_MURATA_GRM033R71A103KA01D; hãng SX:	Cái	491,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1609	620021287		CAP-CER,SMD;100pF,5%,0201,50V,COG_MURATA_GRM0335C1H101JA01D; hãng SX:	Cái	656,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1610	620021288		CAP-CER,SMD;10uF,20%,0402,6.3V_MURATA_GRM155R60J106ME44D; hãng SX:	Cái	290,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1611	620021289		CAP-CER,SMD;0.7pF,0.1pF,0201,50V,COG_MURATA_GRM0335C1HR70BA01D; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1612	620021290		CAP-CER,SMD;2.7pF,0.25pF,0201,50V,COG_MURATA_GRM0335C1H2R7CA01D; hãng SX:	Cái	176,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1613	620021291		CAP-CER,SMD;5.6pF,0.5pF,0201,50V,COG_MURATA_GRM0335C1H5R6DA01D; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1614	620021292		CAP-CER,SMD;12pF,5%,0201,50V,COG_MURATA_GRM0335C1H120JA01D; hãng SX:	Cái	290,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1615	620021293		CAP-CAP-CER,SMD;47pF,0.25pF,0201,50V,COG_MURATA_GRM0335C1H4R7CA01D; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1616	620021294		CAP-CER,SMD;0.5pF,0.1pF,0201,50V,COG_MURATA_GRM0335C1HR50BA01D; hãng SX:	Cái	176,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1617	620021295		CAP-CER,SMD;8pF,0.5pF,0201,50V,COG_MURATA_GRM0335C1H8R0DA01D; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1618	620021296		CAP-CER,SMD;82pF,5%,0201,50V,COG_MURATA_GRM0335C1H820JA01D; hãng SX:	Cái	128,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1619	620021297		CAP-CER,SMD;56pF,5%,0201,50V,COG_MURATA_GRM0335C1H560JA01D; hãng SX:	Cái	128,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1620	620021298		RES-SMD;0R,5%,0201,1/20W_WALSIN TECHNOLOGY_WR02X000JAL; hãng SX:	Cái	2.836,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1621	620021299		CAP-CER,SMD;18pF,5%,0201,50V,COG_MURATA_GRM0335C1H180JA01D; hãng SX:	Cái	118,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1622	620021300		CAP-CER,SMD;22nF,10%,0201,6.3V_MURATA_GRM033R60J223KE01D; hãng SX:	Cái	128,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1623	620021301		ESD;BI-DIR,35pF/100W,15.5V/30kV,SOD692_NXP_PESD5V0S1BSF, 315; hãng SX:	Cái	800,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1624	620021302		DIODE-SCHTTKY;40V,100mA,DFN0603-2L,SDM10U45LP_DIODES_SDM10U45LP-7; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1625	620021303		ESD;BI-DIR,0.28pF,18V/10kV,SOD692_NXP_PESD18VF1BSFYL; hãng SX:	Cái	85,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1626	620021304		ESD;BI-DIR,700pF/2800W,4.5V/30kV,DFN2×2-3L_PRISEMI_PTVSHC3N4V5B; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1627	620021305		LED-SMD;WHITE,HSMW-C191-U0000_BROADCOM / AVAGO_HSMW-C191-U0000; hãng SX:	Cái	243,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1628	620021306		DIODE-SCHTTKY;40V,2A,2DSN_ONSEMI_NSR20F40NXT5G; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1629	620021307		DIODE SCHOTTKY 20V 500MA UMD2_ROHM_RB551V-30TE-17; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1630	620021308		FB;100OHM@100MHZ,3A,0603,BLM18KG101TN1B_TDK_MPZ1608S101ATAH0; hãng SX:	Cái	126,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1631	620021309		FILTER-SMD;SAW DUPLEXER WCDMA,836.5/881.5MHZ,B8626,TX/RX 50/50 1814 B5_EPCOS_B8626; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1632	620021310		FILTER-SMD;SAW DUPLEXER 882.4-912.6MHZ,HDDB08NSS-B11, DB=1.7 1814 B8_SHOULDER_HDDB08NSS-B11; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1633	620021311		FILTER-SMD;SAW FILTER,1960MHZ,SAFFB1G96AB0F0AR1S,UNBAL-DRX 50/50 1109 B2_MURATA_SAFFB1G96AB0F0AR1S; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1634	620021312		FILTER-SMD;SAW DUPLEXER WCDMA,1747.5/1842.5MHZ,B8625,TX/RX 50/50 1814 B3_EPCOS_B8625; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1635	620021313		FILTER-SMD;DUPLEXER,1950/2140MHZ,B8651, TX/RX 50/50 UNBAL 1814 B1_EPCOS_B8651; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1636	620021314		FILTER-SMD;SAW FILTER,869-894MHZ,SF11090881B506T,1109 LTE B5_WALSIN_SF11090881B506T; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1637	620021315		FILTER-SMD;SAW FILTER,2140MHZ,HDFB01RSS-B5,RX 50/50 WCDMA 1109 B1/B4/B10_SHOULDER_HDFB01RSS-B5; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1638	620021316		FILTER-SMD;SAW FILTER,942.5MHZ,SF11090942B805T,RX 50/50 1109 LTE B8_WALSIN_SF11090942B805T; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1639	620021317		FILTER-SMD;SAW FILTER,1805-1880MHZ,HDFB03RSS-B5, 50/50 1109_SHOULDER_HDFB03RSS-B5; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1640	620021318		DIPLEXER-SMD;1565-1585MHz / 2400-2500MHz_TDK_DPX162500DT-8014A1; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1641	620021319		FILTER-SMD;SAW FILTER-SMD,2.4GHZ,885033,WLAN/BT LTE CO-EXISTENCE_TRIQUINT_885033; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1642	620021320		FILTER,RF SAW GPS/GLONASS/COMPASS 1559.05-1605.89MHZ 1109_MURATA_SAFFB1G56KB0F0A; hãng SX:	Cái	81,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1643	620021321		FILTER-SMD;DIPLEXER,,699-960/1710-2690MHZ,RFDIP1608070G58Q1C,IL=0.5 5/0.6DB_Walsin_RFDIP1608070G58Q1C; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1644	620021322		FUSE PTC RESETTABLE SMD 0805_Bourns Inc._MF-PSMF075X-2; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1645	620021323		CONN-SMD;FH34SRJ-22S-0.5SH(50),0.5MM PITCH, 1.0MM_HIROSE_FH34SRJ-22S-0.5SH(99); hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1646	620021324		CONN,SOCKET FPC/FFC, 0.6MM PITCH 39-POS H=0.9MM_MOLEX_5022503991; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1647	620021325		CONN-SMD;FH34SRJ-30S-0.5SH(50),0.5MM PITCH, 1.0MM_HIROSE_FH34SRJ-30S-0.5SH(50); hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1648	620021326		CONN-SMD;FPC CONNECTOR CONTACTS,FH34SRJ-6S-0.5SH(50),TOP AND BOTTOM 0.02" RIGHT ANGLE_HIROSE_FH34SRJ-6S-0.5SH(99); hãng SX:	Cái	170,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1649	620021327		CONN-SMD; Hinged-style NANO SIM CARD SOCKET 1.5MM_REYAX_RYSCOON; hãng SX:	Cái	85,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1650	620021328		CONN, BATTERY 4 POS RIGHT ANGLE_AVX_9155004541006; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1651	620021329		CONN-SMD;BTB LARGE CURRENT SOCKET 16PIN,AXG7160J7_Panasonic Electric Works_AXG7160J7; hãng SX:	Cái	85,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1652	620021330		CONN-SMD;MINI RF SWITCH 0-6GHZ 50 OHM,MS-156C3_HIROSE_MS-156C3(20); hãng SX:	Cái	111,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1653	620021331		CONN-SMD,MINI RF SWITCH,W.FL2-R-SMT-1,0-6GHZ 50 OHM_HIROSE_W.FL2-R-SMT-1(80); hãng SX:	Cái	78,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1654	620021332		CONN-SMD,UMC JACK STR 50 OHM SMD_AMPHENOL_A-IJB; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1655	620021333		CONN-SMD;SPRING,THK=0.08MM D=1.55 X L=2.8MM_MOLEX_1054390004; hãng SX:	Cái	382,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1656	620021334		IND-SMD;1uH,20%,1008,3.8A,42mOhm_CYN TEC_SDCM25201B-1R0MI-39; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1657	620021335		IND-SMD;2.2uH,20%,1008,3A,84mOhm_TOKO_DFE252012P-2R2M; hãng SX:	Cái	128,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1658	620021336		IND-SMD;33nH,5%,0201,110mA,4.25Ohm_MURATA_LQP03TG33NJ02D; hãng SX:	Cái	252,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1659	620021337		IND-SMD;10uH,20%,1008,0.97A,0.575Ohm_SUNLORD_SWPA252012S100MT; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1660	620021338		IND-SMD;2.4nH,0.2nH,0201,450mA,250mOhm_MURATA_LQP03TG2N4C02D; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1661	620021339		IND-SMD;2.0nH,0.2nH,0201,450mA,250mOhm_MURATA_LQP03TG2N0C02D; hãng SX:	Cái	214,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1662	620021340		IND-SMD;6.8nH,5%,0201,200mA,1.15Ohm_MURATA_LQP03TG6N8J02D; hãng SX:	Cái	252,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1663	620021341		IND-SMD;3.9nH,0.2nH,0201,350mA,350mOhm_MURATA_LQP03TG3N9C02D; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1664	620021342		IND-SMD;1.5nH,0.2nH,0201,600mA,150mOhm_MURATA_LQP03TG1N5C02D; hãng SX:	Cái	176,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1665	620021343		IND-SMD;1.0nH,0.2nH,0201,600mA,150mOhm_MURATA_LQP03TG1N0C02D; hãng SX:	Cái	172,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1666	620021344		IND-SMD;1.2nH,0.2nH,0201,600mA,150mOhm_MURATA_LQP03TG1N2C02D; hãng SX:	Cái	176,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1667	620021345		IND-SMD;3.3nH,0.2nH,0201,400mA,320mOhm_MURATA_LQP03TG3N3C02D; hãng SX:	Cái	214,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1668	620021346		IND-SMD;3nH,0.2nH,0201,450mA,250mOhm_MURATA_LQP03TG3N0C02D; hãng SX:	Cái	176,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1669	620021347		IND-SMD;4.7nH,5%,0201,250mA,720mOhm_MURATA_LQP03TG4N7J02D; hãng SX:	Cái	176,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1670	620021348		IND-SMD;12nH,5%,0201,180mA,1.78Ohm_MURATA_LQP03TG12NJ02D; hãng SX:	Cái	176,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1671	620021349		IND-SMD;6.2nH,3%,0201,200mA,1.15Ohm_MURATA_LQP03TG6N2H02D; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1672	620021350		IND-SMD;1.4nH,0.1nH,0201,600mA,150mOhm_MURATA_LQP03TG1N4B02D; hãng SX:	Cái	176,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1673	620021351		IND-SMD;18nH,5%,0201,160mA,2.28Ohm_MURATA_LQP03TG18NJ02D; hãng SX:	Cái	176,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1674	620021352		IND-SMD;2.7nH,0.1nH,0201,450mA,250mOhm_MURATA_LQP03TG2N7B02D; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1675	620021353		IND-SMD;5.1nH,3%,0201,250mA,720mOhm_MURATA_LQP03TG5N1H02D; hãng SX:	Cái	176,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1676	620021354		IND-SMD;8.2nH,5%,0201,200mA,1.4Ohm_MURATA_LQP03TG8N2J02D; hãng SX:	Cái	176,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1677	620021355		IND-SMD;22nH,5%,0201,140mA,2.85Ohm_MURATA_LQP03TG22NJ02D; hãng SX:	Cái	176,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1678	620021356		IND-SMD;1.5uH,20%,2PSM83X67NV1,3A,95mOhm_CYNTEC_PITQ20161T-1R5MDR-39; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1679	620021357		IND-SMD;9.1nH,5%,0201,200mA,1.4Ohm_MURATA_LQP03TG9N1J02D; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1680	620021358		IND-SMD;3.6nH,0.1nH,0201,350mA,350mOhm_MURATA_LQP03TG3N6B02D; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1681	620021359		IND-SMD;3.1nH,0.2nH,0201,400mA,320mOhm_MURATA_LQP03TG3N1C02D; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1682	620021360		TRANS-BJT;NPN,12V,100mA,SOT-23,BSV52LT1G_ON Semiconductor_BSV52LT1G; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1683	620021361		TRANS-BJT;NPN,50V,150mA,SC-75_TOSHIBA_2SC4738-GR, LF; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1684	620021362		MOSFET;N-channel, Vds 30V, FK3303010L_Panasonic_FK3303010L; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1685	620021363		THERMISTOR NTC,100K@25°C,1%,0402_MURATA_N CP15WF104F03RC; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1686	620021364		THERMISTOR NTC,100K@25°C,1%,0201_MURATA_N CP03WF104F05RL; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1687	620021365		RES-SMD;1K,5%,0201,1/20W_WALSIN TECHNOLOGY_WR02X102JAL; hãng SX:	Cái	594,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1688	620021366		RES-SMD;33R,5%,0201,1/20W_WALSIN TECHNOLOGY_WR02X330JAL; hãng SX:	Cái	209,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1689	620021367		RES- SMD;100K,1%,0201,1/20W_WALSIN TECHNOLOGY_WR02X1003FAL; hãng SX:	Cái	252,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1690	620021368		RES-SMD;0R,5%,0603,1/10W_WALSIN TECHNOLOGY_WR06X000PTL; hãng SX:	Cái	240,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1691	620021369		RES-SMD;47K,5%,0201,1/20W_WALSIN TECHNOLOGY_WR02X473JAL; hãng SX:	Cái	252,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1692	620021370		RES-SMD;0R,5%,0805,1/8W_WALSIN TECHNOLOGY_WR08X000PTL; hãng SX:	Cái	252,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1693	620021371		RES-SMD;0R,5%,0402,1/16W_WALSIN TECHNOLOGY_WR04X000PTL; hãng SX:	Cái	382,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1694	620021372		RES-SMD;1M,5%,0201,1/20W_WALSIN TECHNOLOGY_WR02X105JAL; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1695	620021373		RES- SMD;390R,5%,0201,1/20W_VISHAY_CR CW0201390RJNED; hãng SX:	Cái	366,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1696	620021374		RES- SMD;510R,5%,0201,1/20W_VISHAY_CR CW0201510RJNED; hãng SX:	Cái	176,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1697	620021375		RES- SMD;200R,1%,0201,1/20W_WALSIN TECHNOLOGY_WR02X2000FAL; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1698	620021376		RES- SMD;240R,1%,0201,1/20W_WALSIN TECHNOLOGY_WR02X2400FAL; hãng SX:	Cái	203,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1699	620021377		IND- SMD;56nH,5%,0201,100mA,5.6Ohm_MU RATA_LQP03TG56NJ02D; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1700	620021378		RES- SMD;2.2K,5%,0201,1/20W_WALSIN TECHNOLOGY_WR02X222JAL; hãng SX:	Cái	328,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1701	620021379		RES-SMD;10K,5%,0201,1/20W_WALSIN TECHNOLOGY_WR02X103JAL; hãng SX:	Cái	480,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1702	620021380		RES- SMD;3.92K,1%,0201,1/20W_WALSIN TECHNOLOGY_WR02X3921FAL; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1703	620021381		RES- SMD;6.25R,1%,0201,1/20W_WALSIN TECHNOLOGY_WR02X6R25FAL; hãng SX:	Cái	76,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1704	620021382		RES-SMD;100R,5%,0201,1/20W_WALSIN TECHNOLOGY_WR02X101JAL; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1705	620021383		RES-SMD;4.3R,5%,0201,1/20W_YAGEO_RC0201JR-074R3L; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1706	620021384		RES-SMD;10K,1%,0201,1/20W_WALSIN TECHNOLOGY_WR02X1002FAL; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1707	620021385		RES-SMD;5.1K,1%,0201,1/20W_WALSIN TECHNOLOGY_WR02X5101FAL; hãng SX:	Cái	276,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1708	620021386		RES-SMD;4.75K,1%,0201,1/20W_Yageo_RC0201FR-074K75L; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1709	620021387		RES-SMD;14.3K,1%,0201,1/20W_Yageo_RC0201FR-0714K3L; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1710	620021388		RES-SMD;220R,5%,0201,1/20W_WALSIN TECHNOLOGY_WR02X221JAL; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1711	620021389		RES-SMD;51R,5%,0201,1/20W_WALSIN TECHNOLOGY_WR02X510JAL; hãng SX:	Cái	176,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1712	620021390		RES-SMD;180R,1%,0201/1/20W_WALSIN TECHNOLOGY_WR02X181JAL; hãng SX:	Cái	176,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1713	620021391		IND-SMD;120nH,5%,0201,80mA,8.75Ohm_MURATA_LQP03TGR12J02D; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1714	620021392		IC; POWER MANAGEMENT,-30TO85°C,152NSP,PM8909_QUALCOMM_PM-8909-0-152NSP-MT-00-0; hãng SX:	Cái	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1715	620021393		IC;MOBILE PLATFORM FEATURE DUA CORE 1.1 GHZ,504-NSP,-30TO85°C,MSM8905-0-504NSP_QUALCOMM_MSM8905-0-504NSP; hãng SX:	Cái	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1716	620021394		IC;MCP 4GB ENAND (X8) LPDDR2-S4B 4Gb(X32),162-ball FBGA,-25TO85°C_KINGSTON_04EMCP04-NL2DM627; hãng SX:	Cái	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1717	620021395		IC;WHITE LED DRIVER W/PWM 40V 10-LED-IN-SERIES,-40TO85°C,SOT-23-6L,WD3119_WILL_WD3139F; hãng SX:	Cái	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1718	620021396		IC LED DRIVER RGLTR DIM 12DSBGA_TI_TPS61050YZGT; hãng SX:	Cái	79,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1719	620021397		IC; E_SECURITY,SG-WFWLB-16-2,-3,-25TO85°C,SLE97CINFX1M04PE_INFINEON_SLE97CUINFX1M00PE VQFN32; hãng SX:	Cái	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1720	620021398		IC;REG LDO,5DSBGA,-40TO125°C,TPS799, ADJ 0.2A_TI_TPS79901YZUT; hãng SX:	Cái	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1721	620021399		IC;RF TRANSCEIVER UMTS,59-FOWNSP,-30TO85°C,WTR2965_QUALCOMM_WTR2965-0-59FOWNSP; hãng SX:	Cái	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1722	620021400		IC;FEM QUAD BAND GSM/EDGE TD-SCDMA/TD-LTE B34/39 W/ 6TRX HF-ROHS,3x3 10PIN,-30TO100°C,NZ5540D_LANSUS_NZ5540D; hãng SX:	Cái	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1723	620021401		IC;AMPLIFIER-RF POWER MOD WCDMA/ HSDPA/HSUPA/LTE B1-2-3-5- 8,LGA- 3x4.2mm,VC5369_VANCHIP_VC5369; hãng SX:	Cái	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1724	620021402		IC;SWITCH-SPDT GSM/WCDMA/LTE 0.5-2.7GHZ 2.4-3.6V,6L-QFN,- 40TO85°C,RTC8612RT_RICHWAVE_RT C8612RT; hãng SX:	Cái	81,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1725	620021403		IC;SWITCH-MODULE ANTENNA SP5T W/ MIPI 2.8V ROHS,14-QFN,- 20TO85°C,MXD8655_MAXSCEND_MX D8655; hãng SX:	Cái	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1726	620021404		IC;PA POWER MANAGEMENT,- 30TO85°C,15B- WLNSP,QFE2101_QUALCOMM_QFE- 2101-0-15BWLNSP-TR-70-0; hãng SX:	Cái	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1727	620021405		IC;WIRELESS CONNECTIVITY,- 30TO85°C,47- WLNSP,WCN3610_QUALCOMM_WCN- 3610-0-47WLNSP-HR-03-0; hãng SX:	Cái	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1728	620021406		IC;AMPLIFIER,LOW NOISE GPS/GLONASS 1.6-2.85V 0.6DB GAIN=18.5DB ROHS_MAXSCEND_MXD8655; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1729	620021407		CRYSTAL;19.2MHZ,10PPM,7PF,<Packag e>,OZ19270001,100KOHM@25°C_TXC_ OZ19270001; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1730	620021408		ESD;BI- DIR,400W,28V/30kV,CFP3_NEXPERIA_ PTVS28VS1UR, 115; hãng SX:	Cái	60,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1731	620021409		ESD;BI- DIR,0.15pF/7A,5V/15kV,DSN0603- 2_Nexperia USA Inc_PESD5V0H1BSF; hãng SX:	Cái	85,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1732	620021410		ESD;UN-DIR,5- Channels,SOT666_NEXPERIA_PESD3V3 L5UV, 115; hãng SX:	Cái	31,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1733	620021411		FB;IKOHM@100MHZ,125mA,0201,BLM 03HG102SN1D_MURATA_BLM03HG10 2SN1D; hãng SX:	Cái	398,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1734	620021412		CHOKE,COMMON MODE 50OHM 25% 5VDC 100MA_MURATA_DLM0NSN500HY2D; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1735	620021413		CONN-SMD;USB Connectors USB TYPE C, REC IPX8 ON BOARD DUAL SMT_TE CONNECTIVITY_2305018-2; hãng SX:	Cái	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1736	620021414		CONN-SMD;AUDIO JACK 3.5MM 103- C5750-00535 AMPHENOL_103-C5750- 00535; hãng SX:	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1737	620021415		MIC;COND ANALOG NOISE CAN - 51DB_PUI AUDIO INC_PNM-2751L-R; hãng SX:	Cái	76,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1738	620021416		RES-SMD;20K,5%,0201,1/20W_WALSIN TECHNOLOGY_WR02X203JAL; hãng SX:	Cái	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1739	620021496		RECEIVER 2403 260 00087_điện thoại bảo mật quân sự; hãng SX:	Chiếc	38,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1740	620021509		Mô đun Z033-BK + Z113-PH / T.B.D điện thoại bảo mật quân sự; hãng SX:	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1741	620021510		Mô tơ rung LD3208-02-002-B1 điện thoại bảo mật quân sự; hãng SX:	Chiếc	42,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1742	620021511		Battery; Lithium-ion Polymer Rechargeable Battery Package, Dimension: 50/43/85 (T/W/L), Spec. :3.85V, 2,700mAh; hãng SX:	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1743	620021512		Diversity Antenna (Sub antenna) điện thoại bảo mật quân sự; hãng SX:	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1744	620021514		Cáp WFL2-2HF6-04N2TV-A-59BS điện thoại bảo mật quân sự; hãng SX:	Sợi	38,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1745	620021515		Bo mạch dẻo (FPC) điện thoại bảo mật quân sự; hãng SX:	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1746	620021534		IC;SWITCH-SPDT RF1630 RFMD RF1630SR; hãng SX:	Cái	39,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1747	620021554		SPEAKER 2403 263 00298_ bảo mật quân sự; hãng SX:	Chiếc	38,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1748	620021555		Main Antenna điện thoại bảo mật quân sự; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1749	620021556		Mô đun TFT3N0013-E; hãng SX:	Chiếc	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1750	620021557		Wifi Antenna điện thoại bảo mật quân sự; hãng SX:	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1751	760003164		FPC LED_ FPC LED	Cái	45,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1752	760003185		SHIELDCAN RF_ Kington	Cái	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1753	760003204		SHIELDCAN PDN_ Kington	Cái	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1754	760003220		SHIELDCAN WIFI_ Kington	Cái	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1755	760003266		SHIELDCAN BASEBAND_ Kington	Cái	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1756	760003416		DOME_VOL_KEY_DOME_VOL_KEY_DOME; DOME_VOL_KEY	Cái	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1757	760003527		MAIN BOARD điện thoại T9_ Meiko	Cái	36,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1758	760003534		SUB BOARD điện thoại T9_ Kington	Cái	36,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1759	760003565		LED-SMD;2.05-3.25V,20mA,1.6x1.6mm,CHIP FULL COLOR_EVERLIGHT_19-337/R6GHBHC-A01/2T	Cái	45,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1760	760003566		MF_FPC_SPK_SOS_MF_FPC_SPK_SOS_FPC; MF_FPC_SPK_SOS	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1761	760003820		CAP-CER,SMD,0.1uF,10%,0402,10V_MURATA_GRM155R61A104KA01D	Cái	141,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1762	760003885		MF_FPC_VOL_T9_FPC_VOL_FPC; T9_FPC_VOL	Cái	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1763	760003910		CAP-CER,SMD;4.7uF,20%,0402,6.3V_MURATA_GRM155R60J475ME87D	Cái	141,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1764	760003957		LED-SMD;WHITE,FLASH LIGHT CW CBLPM1.E1-MXMZ-R_OSRAM_CW CBLPM1.E1-MXMZ-R	Cái	45,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1765	760003994		DOME; PAD OVAL DOMESHEET KEYPAD T9; 4mm_SHENZHEN TENGXIN_DOME_T9	Cái	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1766	760004025		LED MP30302100 NEUTRAL WHT 2SMD_LUMINUS_MP-3030-2100-40-70	Cái	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1767	760004040		Antenna Stubby 1dB/2dB/2.5dB Gain 960MHz/1990MHz/2170MHz_PULSE ELECTRONICS_W1910	Cái	36,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1768	760004102		DOME_SOS_KEY_DOME_SOS_KEY_DOME; DOME_SOS & SPK	Cái	42,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1769	625000020		Chất phủ mạch in	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1770	625000021		Connector 9 chân	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1771	625000022		Connector 4 chân	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1772	740008765		Bộ chuyển đổi Balun converter TLC703, 75/120 ohm	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1773	740008765		Bộ chuyển đổi Balun converter TLC703, 75/120 ohm	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1774	740008765		Bộ chuyển đổi Balun converter TLC703, 75/120 ohm	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1775	740008765		Bộ chuyển đổi Balun converter TLC703, 75/120 ohm	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1776	740008765		Bộ chuyển đổi Balun converter TLC703, 75/120 ohm	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1777	740008765		Bộ chuyển đổi Balun converter TLC703, 75/120 ohm	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1778	740008765		Bộ chuyển đổi Balun converter TLC703, 75/120 ohm	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1779	740008765		Bộ chuyển đổi Balun converter TLC703, 75/120 ohm	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1780	740008765		Bộ chuyển đổi Balun converter TLC703, 75/120 ohm	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1781	740008765		Bộ chuyển đổi Balun converter TLC703, 75/120 ohm	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1782	200003380		Đầu cốt M25	Cái	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1783	620021508	32A-3P-230V-6H-IP44	Ổ phích cắm công nghiệp loại 3 cực di động (đầu đục và đầu cái); hãng SX:	Cái	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1784	200000165		Đầu cốt M16	Cái	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1785	350003264		Ống nhựa ruột gà phi 10	Cái	500,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1786	400001110		Đầu cốt M35	Cái	56,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1787	625000049		Plug_32A-3P-230-6H IP44(Plug_32A-3P-230-6H IP44)	Bộ	27,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1788	625000050		LAN cable connector_Mod Plug_RJ45(LAN cable connector_Mod Plug_RJ45)	Chiếc	300,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1789	625000057	25030431	CONDUCT_Y/G Cu/PVC_M25(CONDUCT_Y/G Cu/PVC_M25)	Cái	186,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1790	620011706	RC0603FR-0769K8L	Resistor, Chip, 1/16W, 1%; hãng SX:Yageo	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1791	620011707	RC0603FR-0724K9L	Resistor, Chip, 1/16W, 1%; hãng SX:Yageo	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1792	620011708	ERJ-14YJ202U	Resistor, Chip, 1/4W, 5%; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1793	620011709	RC0603FR-070RL	Resistor, Chip, 1/16W, 1%; hãng SX:Yageo	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1794	620011710	RC0603FR-078K87L	Resistor, Chip, 1/16W, 1%; hãng SX:Yageo	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1795	620011711	RC0603FR-072K49L	Resistor, Chip, 1/16W, 1%; hãng SX:Yageo	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1796	620011712	RC0603FR-074K02L	Resistor, Chip, 1/16W, 1%; hãng SX:Yageo	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1797	620011713	RC0603FR-0710KL	Resistor, Chip, 1/16W, 1%; hãng SX:Yageo	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1798	620011714	RC0603FR-0775RL	Điện trở mã: RC0603FR-0775RL; hãng: YAGEO	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1799	620011715	RC0603FR-0711KL	Resistor, Chip, 1/16W, 1%; hãng SX:Yageo	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1800	620011716	RC0603FR-0741K2L	Resistor, Chip, 1/16W, 1%; hãng SX:Yageo	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1801	620011717	RC0805FR-072K87L	Resistor, Chip, 1/10-W, 1%; hãng SX:Yageo	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1802	620011718	RC0805FR-076K49L	Resistor, Chip, 1/10-W, 1%; hãng SX:Yageo	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1803	620011719	RC0603FR-0749R9L	Resistor, Chip, 1/16W, 1%; hãng SX:Yageo	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1804	620011720	RC0603FR-07348RL	Resistor, Chip, 1/16W, 1%; hãng SX:Yageo	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1805	620011721	RL1206FR-070R12L	Resistor, Chip, 1/4W, 1%; hãng SX:Yageo	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1806	620011722	RC0603FR-071KL	Resistor, Chip, 1/16W, 1%; hãng SX:Yageo	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1807	620011723	RC0603FR-0710RL	Resistor, Chip, 1/16W, 1%; hãng SX:Yageo	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1808	620011724	RC0805FR-0763R4L	Resistor, Chip, 1/10W, 1%; hãng SX:Yageo	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1809	620011725	RC0603FR-0763K4L	Resistor, Chip, 1/16W, 1%; hãng SX:Yageo	Chiếc	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1810	620011726	RC0603FR-0780K6L	Resistor, Chip, 1/16W, 1%; hãng SX:Yageo	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1811	620011727	RC0603FR-07100KL	Resistor, Chip, 1/16W, 1%; hãng SX:Yageo	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1812	620011728	MMBTA06LT1HTSA1	Bipolar, NPN, 80V, 500mA; hãng SX:ON Semiconductor	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1813	620011729	SI2325DS-T1-E3	MOSFET,P-ch, -150 V, 690-mA, 1,2 Ohms; hãng SX:Vishay	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1814	620011730	SZBZX84C12LT1G	Diode, Zener, 12-V; hãng SX:ON Semiconductor	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1815	620011731	SMAJ58A	Diode, TVS, 58-V, 1W; hãng SX:Diodes Inc,	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1816	620011732	LTST-C930KGKT	Diode, LED, GRN, 2,0-V, 650-mcd,SM; hãng SX:LITE-ON INC	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1817	620011733	B1100-13-F	Diode, Schottky, 1A, 100V; hãng SX:Diodes, Inc	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1818	620011734	LTST-C930KRKT	Diode, LED, RED, 2,0-V, 850-mcd, SM; hãng SX:LITE-ON INC	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1819	620011735	BAV99-TP	Diode, Dual Ultra Fast, Series, 200-mA, 70-V; hãng SX:Fairchild	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1820	620011736	BAS16LT1G	Diode, Switching, 75V, 200mA; hãng SX:Vishay-Liteon	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1821	620011737	CC0805KRX7R0BB102	Capacitor, Ceramic, 100V, X7R, 10%; hãng SX:KEMET	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1822	620011738	CC0603KRX7R9BB101	Capacitor, Ceramic, 50V, X7R, 10%; hãng SX:TDK	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1823	620011739	EEE-FK2A220P	Capacitor, Aluminum, 100V, ±20%; hãng SX:Panasonic	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1824	620011740	GRM32ER72A105KA01L	Capacitor, Ceramic, 100V, X7R, 10%; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1825	620011741	C4532X7R3D222K130KA	Capacitor, Ceramic, 2KV, X7R, 10%; hãng SX:TDK	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1826	620011742	C0805X103K1GECAUTO	Capacitor, Ceramic, 100V, X7R, 10%; hãng SX:KEMET	Chiếc	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1827	620011743	202S41W102KV4E	Capacitor, Ceramic, 2kV, X7R, 10%; hãng SX:Johanson Dielectrics Inc,	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1828	620011744	EMK107B7105KA-T	Capacitor, Ceramic, 16V, X7R, 10%; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1829	620011745	CGA3E1X7R1C105M080 AC	Capacitor, Ceramic, 16V, X7R, 20%; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1830	620011746	CL10B153KB8NNNC	Capacitor, Ceramic, 50V, X7R, 10%; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1831	620011747	CL10C100JB8NCNC	Capacitor, Ceramic, 50V, COG, 5%; hãng SX:CL10C100JB8NCNC	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1832	620011748	C0603C223K5RACTU	Capacitor, Ceramic, 50V, X7R, 10%; hãng SX:KEMET	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1833	620011749	C0603C470K5RAC7867	Capacitor, Ceramic, 50V, X7R, 10%; hãng SX:KEMET	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1834	620011750	EEE-FK1E220R	Capacitor, Aluminum, 25V, 20%; hãng SX:Panasonic	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1835	620011751	C2012X7R1E105K125AB	Capacitor, Ceramic, 25V, X7R, 10%; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1836	620011752	CL32B226MOJNNNE	Capacitor, Ceramic, 16-V, X7R, 20%; hãng SX:TDK	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1837	620011753	EEE-FK1C101P	Capacitor, Aluminum, 16V, 20%, FK Series; hãng SX:Panasonic	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1838	620011754	GCM21BR72A104KA37L	Capacitor, Ceramic, 100V, X7R, 10%; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1839	620011755	C3216X7R2E473K160AA	Capacitor, Ceramic, 250V, X7R, 10%; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1840	620011756	CRCW040236K0FKED	RES 36K 100PPM 1% 0,063W 0402 ROHS; hãng SX:Vishay Dale	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1841	620011757	RK73H1ETTP1403F	RES 140K 100PPM 1% 0,063W 0402 ROHS; hãng SX:KOA Speer Electronics Inc	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1842	620011758	CR0603-16W-102JT	RES 1K 200PPM 5% 0,063W 0603 ROHS; hãng SX:VENKEL LTD	Chiếc	62,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1843	620011759	73725-0110BLF	CONN RCPT USB TYPE A FLAG PCB; hãng SX:Amphenol Fci	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1844	620011760	692122030100	CONN,USB 3,0 TYPE A FEMALE 9-POS ROHS; hãng SX:Wurth Electronics Midcom	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1845	620011761	1010056564	CONN,SD/MMC MEMORY CARD PUSH-PULL ROHS; hãng SX:Amphenol Commercial	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1846	620011762	A-2004-2-4-LPS-N-R	CONN,MODULAR JACK 1-PORT W/ SHIELD 8P8C R/A; hãng SX:ASSMANN WSW components GmbH	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1847	620011763	LB Q39E-N100-35-1	LED,CHIP BLUE 470NM 31,8MCD@5MA ROHS; hãng SX:OSRAM Opto Semiconductors	Chiếc	56,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1848	620011764	LQP03TN1N0B02D	Cuộn cảm, điện cảm, Mã:LQP03TN1N0B02D, NSX:MURATA, Mô tả:Cuộn cảm, điện cảm 1nH, sai số 0.1nH, chỉ số phẩm chất 13, điện trở 0.1	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1849	620011765	C1206C102KGRACU	CAP,CHIP CERAMIC 1000PF 10% X7R 2000V ROHS; hãng SX:TDK Corporation of America	Chiếc	26,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1850	620011766	C2012X5R1E226M125AC	CAP,CHIP CERAMIC 22UF 20% X5R 25V ROHS; hãng SX:TDK Corporation of America	Chiếc	81,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1851	620011767	CL03A104MA3NNNC	CAP,CHIP CERAMIC 0,1UF 20% X5R 25V ROHS; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics	Chiếc	73,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1852	620011768	LMK212BJ226MG-T	CAP,CHIP CERAMIC 22UF 20% X5R 10V ROHS; hãng SX:TAIYO YUDEN	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1853	620011769	LMK107BBJ106MALT	CAP,CHIP CERAMIC 10UF 20% X5R 10V ROHS; hãng SX:TAIYO YUDEN	Chiếc	78,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1854	620011770	C0603C475M9PACTU	CAP,CHIP CERAMIC 4,7UF 20% X5R 6,3V ROHS; hãng SX:TDK Corporation of America	Chiếc	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1855	620011771	CL10A226MQ8NRNC	CAP,CHIP CERAMIC 22UF 20% X5R 6,3V ROHS; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics	Chiếc	61,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1856	620011772	JMK107BJ106MA-T	CAP,CHIP CERAMIC 10UF 20% X5R 6,3V ROHS; hãng SX:TAIYO YUDEN	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1857	620011773	C1005X5R0J475M050BC	CAP,CHIP CERAMIC 4,7UF 20% X5R 6,3V ROHS; hãng SX:TDK Corporation of America	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1858	620011774	04026D225MAT2A	CAP,CHIP CERAMIC 2,2UF 20% X5R 6,3V ROHS; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1859	620011775	02013D102KAT2A	CAP,CHIP CERAMIC 1000PF 10% X5R 25V ROHS; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1860	620011776	C1608X5R1C475K080AC	CAP,CHIP CERAMIC 4,7UF 10% X5R 16V ROHS; hãng SX:TDK Corporation of America	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1861	620011777	C1005X6S1C105K050BC	CAP,CHIP CERAMIC 1,0UF 10% X5R 16V ROHS; hãng SX:TDK Corporation of America	Chiếc	39,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1862	620011778	C1005X5R1A475K050BC	CAP,CHIP CERAMIC 4,7UF 10% X5R 10V ROHS; hãng SX:TDK Corporation of America	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1863	620011779	C1005X5R1A225K050BC	CAP,CHIP CERAMIC 2,2UF 10% X5R 10V ROHS; hãng SX:TDK Corporation of America	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1864	620011780	C0603X5R1C104K030BC	CAP,CHIP CERAMIC 0,1UF 10% X5R 10V ROHS; hãng SX:TDK Corporation of America	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1865	620011781	CL10A475KQ8NNNC	Tụ gốm nhiều lớp, Mã:CL10A475KQ8NNNC, NSX:SAMSUNG, Mô tả:Tụ gốm nhiều lớp, điện dung 4.7uF, sai số 10%, điện áp 6.3V, vật liệu X	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1866	620011782	JMK107BJ225KA-T	CAP,CHIP CERAMIC 2,2UF 10% X5R 6,3V ROHS; hãng SX:TAIYO YUDEN	Chiếc	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1867	620011783	CL10A106KQ8NNNC	CAP,CHIP CERAMIC 10UF 10% X5R 6,3V ROHS; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1868	620011784	JMK105BJ105KVHF	CAP,CHIP CERAMIC 1UF 10% X5R 6,3V ROHS; hãng SX:TAIYO YUDEN	Chiếc	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1869	620011785	CL03A104KQ3NNNC	CAP,CHIP CERAMIC 0,1UF 10% X5R 6,3V ROHS; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics	Chiếc	230,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1870	620011786	C3216X7R1E106K160AB	CAP,CHIP CERAMIC 10UF 10% X7R 25V ROHS; hãng SX:TDK Corporation of America	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1871	620011787	C0603X7R1E102K030BA	CAP,CHIP CERAMIC 1000PF 10% X7R 25V ROHS; hãng SX:TDK Corporation of America	Chiếc	38,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1872	620011788	CL03B103KP3NNNC	CAP,CHIP CERAMIC 0,01UF 10% X7R 10V ROHS; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics	Chiếc	39,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1873	620011789	GRM0335C1H101JA01D	CAP,CHIP CERAMIC 100PF 5% C0G/NP0 50V ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1874	620011790	GRM0335C1H100JA01D	CAP,CHIP CERAMIC 10PF 5% C0G/NP0 50V (MS) ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1875	620011791	C1005X7R1A104K050BB	CAP,CHIP CER 0,1UF +/-10% X5R 10V; hãng SX:TDK Corporation of America	Chiếc	139,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1876	620011792	ERJ-3GEY0R00V	RES 0 200PPM 5% 0,1W 0603 ROHS; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	56,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1877	620011793	RC0201JR-07910RL	RES 910 200PPM 5% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:YAGEO Corporation	Chiếc	36,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1878	620011794	ERJ-1GEJ821C	RES 820 200PPM 5% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1879	620011795	RC0201JR-07680RL	RES 680 200PPM 5% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:YAGEO Corporation	Chiếc	65,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1880	620011796	RC0201JR-075R6L	RES 5,6 200PPM 5% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:YAGEO Corporation	Chiếc	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1881	620011797	ERJ-1GEJ472C	RES 4,7K 200PPM 5% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	74,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1882	620011798	RC0201JR-0739RL	RES 39 200PPM 5% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:YAGEO Corporation	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1883	620011799	ERJ-1GEJ333C	RES 33K 200PPM 5% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1884	620011800	ERJ-1GEJ301C	RES 300 200PPM 5% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	31,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1885	620011801	ERJ-1GEJ220C	RES 22 200PPM 5% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1886	620011802	RMCF0201JT20R0	RES 20 200PPM 5% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:SEI Stackpole Electronics Inc	Chiếc	38,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1887	620011803	ERJ-1GEJ180C	RES 18 200PPM 5% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1888	620011804	RC0201JR-07150RL	RES 150 200PPM 5% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:YAGEO Corporation	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1889	620011805	RC0201JR-0710KL	RES 10K 200PPM 5% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:YAGEO Corporation	Chiếc	46,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1890	620011806	RC0201JR-071KL	RES 1K 200PPM 5% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:YAGEO Corporation	Chiếc	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1891	620011807	RC0201JR-0710RL	RES 10 200PPM 5% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:YAGEO Corporation	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1892	620011808	ERJ-1GE0R00C	RES 0 200PPM 5% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	242,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1893	620011809	ERJ-2RKF8871X	RES 8,87K 100PPM 1% 0,063W 0402 ROHS; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1894	620011810	RC0402FR-0780K6L	RES 80,6K 100PPM 1% 0,063W 0402 ROHS; hãng SX:YAGEO Corporation	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1895	620011811	RC0402FR-077K68L	RES 7,68K 100PPM 1% 0,063W 0402 ROHS; hãng SX:YAGEO Corporation	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1896	620011812	CRCW040275R0FKEDC	RES 75 100PPM 1% 0,063W 0402 ROHS; hãng SX:Vishay Dale	Chiếc	138,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1897	620011813	RC0402FR-076K81L	RES 6,81K 100PPM 1% 0,063W 0402 ROHS; hãng SX:YAGEO Corporation	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1898	620011814	ERJ-2RKF4022X	RES 40,2K 100PPM 1% 0,063W 0402 ROHS; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	53,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1899	620011815	CRCW040230K1FKED	RES 30,1K 100PPM 1% 0,063W 0402 ROHS; hãng SX:Vishay Dale	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1900	620011816	RC0402FR-0724KL	RES 24K 100PPM 1% 0,063W 0402 ROHS; hãng SX:YAGEO Corporation	Chiếc	55,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1901	620011817	RC0402FR-07150RL	RES 150 100PPM 1% 0,063W 0402 ROHS; hãng SX:YAGEO Corporation	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1902	620011818	RC0402FR-0713KL	RES 13K 100PPM 1% 0,063W 0402 ROHS; hãng SX:YAGEO Corporation	Chiếc	62,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1903	620011819	RC0201FR-0760R4L	RES 60,4 200PPM 1% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:YAGEO Corporation	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1904	620011820	RC0201FR-075K9L	RES 5,90K 200PPM 1% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:YAGEO Corporation	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1905	620011821	RC0201FR-0749R9L	RES 49,9 200PPM 1% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:YAGEO Corporation	Chiếc	38,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1906	620011822	ERJ-1GEF4221C	RES 4,22K 200PPM 1% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1907	620011823	RC0201FR-072K4L	RES 2,4K 200PPM 1% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:YAGEO Corporation	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1908	620011824	ERJ-1GEF2212C	RES 22,1K 200PPM 1% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1909	620011825	ERJ-1GEF1501C	RES 1,5K 200PPM 1% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1910	620011826	ERJ-1GEF1500C	RES 150 200PPM 1% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1911	620011827	RC0201FR-0711K5L	RES 11,5K 200PPM 1% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:YAGEO Corporation	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1912	620011828	ERJ-1GEF1003C	RES 100K 200PPM 1% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1913	620011829	ERJ-1GEF1001C	RES 1K 200PPM 1% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1914	620011830	ERJ-1GEF1000C	RES 100 200PPM 1% 0,050W 0201 ROHS; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1915	620011831	ERJ-2GEJ104X	RES 100K 200PPM 5% ,063W 0402 THKFILM; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	60,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1916	620012909	ERJ-2GE0R00X	RES 0 200PPM 5% 0,063W 0402 THKFILM; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	89,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1917	620018027	250R05L1R3BV4T	CAP,CHIP CERAMIC 1,3PF +/-0,1PF C0G/NP0 25V ROHS; hãng SX:Johanson Technology Inc	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1918	620018028	C0603C0G1E050C030BA	CAP,CHIP CERAMIC 5,0PF +/-0,25PF C0G/NP0 25V ROHS; hãng SX:TDK Corporation of America	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1919	620018029	RECE.20279.001E.01	CONN,COAX RCPT ULTRA MINI VERT MHF SERIES AU SMT ROHS; hãng SX:Taoglas Antenna Solutions	Chiếc	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1920	620018030	SS66800-017F	CONN,MODULAR JACK 4-PORT W/O SHIELD 8P8C R/A; hãng SX:Bel Fuse	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1921	620018031	EVQ-PF304R	SWITCH,TACTILE PUSH 160 GRAMS 12V 50MA KNOB LENGTH=8MM; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1922	620018032	TPD2EUSB30DRTR	IC,ESD PROTECTION 2-CHANNEL 8KV 6GBPS ROHS; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1923	620018033	CX2016DB48000E0DLFA1	CRYSTAL,QUARTZ 48,000MHZ 10PPM CL=9PF ESR=22OHM ROHS; hãng SX:Kyocera Electronic Components & Devices	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1924	620018034	SE2623L-R	AMPLIFIER,POWER WLAN W/PWR DETECTOR 2,4GHZ 1,8-3,6V 12DBM ROHS; hãng SX:Skyworks Solutions Inc	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1925	620018035	BGU7258X	IC,LNA 5-6GHZ ISM BAND 2,4-4,0V NF=1,5DB ROHS; hãng SX:NXP Semiconductors	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1926	620018036	BGU7224X	IC,LNA 2,4-2,5GHZ ISM BAND 2,4-4,0V NF=1,0DB ROHS; hãng SX:NXP Semiconductors	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1927	620018037	SKY13370-374LF	IC,SWITCH RF SPDT GA/AS 6,0V 0,5-6,0GHZ ROHS; hãng SX:Skyworks Solutions Inc	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1928	620018038	FM-3178LLF	TRANSFORMER,10/100/1000BASE-TX DOUBLE PORT 1:1(TX)/1:1(RX) ROHS; hãng SX:BI-TEK	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1929	620018039	DFE252010F-1R0M=P2	INDUCTOR,CHIP POWER 1,0UH 20% RDC=40MILLIOHM 3,6A HF-ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1930	620018040	DFE252012F-2R2M=P2	INDUCTOR,POWER 2,2UH 20% 3,8A 0,102OHM ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	17,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1931	620018041	DLP0NSN900HL2L	CHOKE,COMMON MODE 90OHM 20% 5VDC 0,1A ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1932	620018042	LQP03TN1N7B02D	INDUCTOR,CHIP FILM 1,7NH +/-0,1NH Q=14@500MHZ SRF=6000 ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1933	620018043	LQP03TN1N5B02D	INDUCTOR,CHIP FILM 1,5NH +/-0,1NH Q=14@500MHZ SRF=6000 ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1934	620018044	LQP03TN1N2B02D	INDUCTOR,CHIP FILM 1,2NH +/-0,1NH Q=14@500MHZ SRF=6000 ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1935	620018045	LQP03TN0N8B02D	INDUCTOR,CHIP FILM 0,8NH +/-0,1NH Q=14@500MHZ SRF=6000 ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1936	620018046	LQP03TN0N7B02D	INDUCTOR,CHIP FILM 0,7NH +/-0,1NH Q=14@500MHZ SRF=6000 ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1937	620018047	NRS5020T4R7MMGJ	INDUCTOR,POWER 4,7UH SHIELDED 20% 1,87A ROHS; hãng SX:TAIYO YUDEN	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1938	620018048	IHLP2020CZER3R3M11	INDUCTOR,POWER 3,3UH 20% 5,5A SHIELDED FSW<1MHZ ROHS; hãng SX:Vishay Intertechnologies	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1939	620018049	TFM201610GHM-2R2MTAA	INDUCTOR,POWER 2,2UH 20% 2,6A 0,142OHM ROHS; hãng SX:TDK Corporation of America	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1940	620018050	LQP03TN1N2C02D	INDUCTOR,CHIP FILM 1,2NH +/-0,2NH Q=14@500MHZ SRF=6000 ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	46,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1941	620018051	GRM0335C1HR20WA01D	CAP,CHIP CERAMIC 0,2PF +/-0,05PF C0G/NP0 50V ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	35,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1942	620018052	GJM0335C1ER30BB01D	CAP,CHIP CERAMIC HIGH FREQ 0,3PF +/-0,1PF C0G/NP0 25V ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1943	620018053	500R14N100JV4T	CAP,CHIP CERAMIC 10PF 5% C0G/NP0 50V ROHS; hãng SX:Johanson Dielectrics Inc	Chiếc	49,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1944	620018054	GRM0335C1H330JA01E	CAP,CHIP CERAMIC 33PF 5% C0G/NP0 50V ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1945	620018055	GRM0335C1H150JA01E	CAP,CHIP CERAMIC 15PF 5% C0G/NP0 50V (MS) ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	47,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1946	620018056	02013A100JAT2A	CAP,CHIP CERAMIC 10PF 5% C0G/NP0 25V ROHS; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1947	620018057	GJM0335C1E8R1CB01E	CAP,CHIP CERAMIC 8,2PF +/-0,5PF C0G/NP0 25V ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1948	620018058	GRM0335C1H1R2BA01D	CAP,CHIP CERAMIC 1,2PF +/-0,1PF C0G/NP0 50V ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1949	620018059	GRM0335C1HR30BA01D	CAP,CHIP CERAMIC 0,3PF +/-0,1PF C0G/NP0 50V ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1950	620018060	250R05L4R7BV4T	CAP,CHIP CERAMIC 4,7PF +/-0,1PF C0G/NP0 25V ROHS; hãng SX:Johanson Dielectrics Inc	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1951	620018061	C0603C0G1E040B	CAP,CHIP CERAMIC 4,0PF +/-0,1PF C0G/NP0 25V ROHS; hãng SX:TDK Corporation of America	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1952	620018062	CL03C2R4BA3GNNC	CAP,CHIP CERAMIC 2,4PF +/-0,1PF C0G/NP0 25V ROHS; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1953	620018063	GRM0335C1E2R2BA01D	CAP,CHIP CERAMIC 2,2PF +/-0,1PF C0G/NP0 25V ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1954	620018064	GRM0335C1E2R0BA01D	CAP,CHIP CERAMIC 2,0PF +/-0,1PF C0G/NP0 25V ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1955	620018065	GJM0335C1ER50WB01E	CAP,CHIP CERAMIC HIGH FREQ 0,5PF +/-0,05PF C0G/NP0 25V ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1956	620019845	Wifi_AP PCB	PCB; hãng SX:AMBO	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1957	620020906	DLW31SN900SQ2L	FILTER,CHOKE COMMON MODE WW 90OHM 50VDC 0,37A ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1958	620020907	RFBPF1608060K68Q1C	FILTER,BAND PASS 4900-5950MHZ IL=1,3DB 50OHM HF-ROHS; hãng SX:Walsin Technology Corporation	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1959	620020908	DEA202450BT-1213C1	FILTER,BANDPASS 2400-2500MHZ IL=1,2DB 2012; hãng SX:TDK Corporation of America	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1960	620020909	DEA142450BT-3024A1	FILTER,BAND PASS 2400-2500MHZ IL=0,91DB 1411 ROHS; hãng SX:TDK Corporation of America	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1961	620021069	MI1206L501R-10	Bead, Ferrite, 2000mA, 60m-ohm; hãng SX:Steward	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1962	620021070	BLM15PD121SN1D	BEAD,FERRITE CHIP 120OHM@100MHZ DCR=0,09OHM 1300MA ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	45,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1963	620021071	BLM18PG121SN1D	BEAD,FERRITE CHIP 120OHM@100MHZ DCR=0,05 2A ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1964	620021112	BLM03HD471SN1D	BEAD,FERRITE CHIP 470-OHM@100MHZ 25% 175MA 1,3OHM ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	45,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1965	620021113	MPZ2012S601AT000	BEAD,FERRITE CHIP 600OHM@100MHZ DCR=0,10OHM 2A ROHS; hãng SX:TDK Corporation of America	Chiếc	74,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1966	620021114	BLM15PD300SN1D	BEAD,FERRITE CHIP 300OHM@100MHZ DCR=0,035OHM 2200MA ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1967	620021115	BLM03AG102SN1D	BEAD,FERRITE CHIP 1000OHM@100MHZ DCR=2,5OHM 100MA ROHS; hãng SX:Murata Manufacturing Co Ltd	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1968	620030591		Đèn chiếu sáng Led ốp trần dạng tấm KT: 300x600mm; Hãng SX: ;	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1969	620030602	PRD12-8DN	Cảm biến tiệm cận Autonics mở cửa; Hãng SX: ;	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1970	620022833	GRM188R71C223KA01D	CAP-CER,SMD;0.022uF,10%,0603,16V,X7R; hãng SX:	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1971	620022979	MCP2551T-E/SN	IC;CAN DRIVER,MCP2551T-E/SN,SOIC 8P 4M9X3M9X1M75,-40TO+85C; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1972	620023003	ISO7240CDW	IC;DIGITAL ISOLATOR,ISO7240CDW,SOIC-16 10M5X7M6,-45TO+125C; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1973	620023073	6.1306421121E10	CON-DIP;64P,2X32,MALE,VERTICAL; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1974	620023264	ERJ-3EKF8452V	RES-SMD;84.5KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1975	620023344	MI0805M221R-10	FB-SMD;220OHM@100MHz,2.5A,0805; hãng SX:	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1976	620023371	C0805C105K4RACTU	CAP-CER,SMD;1uF,10%,0805,16V,X7R; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1977	620023537	ERJ-3EKF1601V	RES-SMD;1.6KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1978	620023590	1734327-2	CON-SMD;6P,MINI USB,RA; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1979	620023616	281698-6	CON-DIP;6P,1X6,2.54MM,MALE,VERTICAL,S HROUDED; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1980	620023638	LP38692MP-3.3/NOPB	IC;LDO REGULATOR 3.3V 1A 2.5%,LP38692MP-3.3/NOPB,SOT-223-5 5P 6M5X3M56,-40TO125C; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1981	620023642	SS34-E3/57T	DIODE-SCHOTTKY;40V,3A,DO-214AB,SS34-E3/57T; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1982	620023756	C0805C104K4RACTU	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,0805,16V,X7R; hãng SX:	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1983	620023760	T495X107K025ZTE150	CAP-TA,SMD;100uF,10%,2917,25V,150mOH M; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1984	620023838	ATS100BSM-1	CRYSTAL;10MHZ,30PPM,18pF,HC49 2P; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1985	620023867	BK2125HS601-T	FB-SMD;600OHM@100MHz,500mA,0805; hãng SX:	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1986	620023934	ERJ-3EKF2801V	RES-SMD;2.8KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1987	620023982	M20-7830942	CON-DIP;18P,2X9,2.54MM,FEMALE,VERTIC AL; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1988	620024097	M20-9760942	CON-DIP;HEADER,18P,2X9,MALE,VERTICA L,TH; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1989	620024107	ERJ-3EKF6812V	RES-SMD;68.1KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1990	620024129	3-641210-2	CON-DIP;HEADER,2P,1X2,MALE,RA; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1991	620024253	LMZ12003TZ-ADJ/NOPB	IC;BUCK CONVERTER,LMZ12003TZ-ADJ/NOPB,TO-PMOD-7 7P 13M77X10M16,-40TO125C; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1992	620024279	24LC01BT-I/SN	IC;EEPROM,24LC01BT-I/SN,SOIC 8P 6M0X4M9,-40TO+125C; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1993	620024329	4.92250821E8	CON-SMD;MICRO SD CARD HOLDER,PUSH-PUSH,RA; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1994	620021707	LTST-C170KRKT	LED-SMD;2.0V,20mA,0805,RED; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1995	620022036	103906-3	CON-DIP;4P,1X4,2.54MM,MALE,VERTICAL,S HROUDED; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1996	620022101	3-644456-2	CON-DIP;HEADER,2P,1X2,MALE,VERTICAL; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1997	620022411	GRM188R61C105KA93D	CAP-CER,SMD;1.0uF,10%,0603,16V,X5R; hãng SX:	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1998	620022593	GRM1885C1H220JA01D	CAP-CER,SMD;22pF,5%,0603,50V,NPO; hãng SX:	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
1999	620022717	MCP2515T-I/SO	IC;SPI TO CAN,MCP2515T-I/SO,SOIC 18P 11M55X7M5X2M65,-40TO+85C; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2000	620036793	EKI 6559TMIAE	Bộ chuyển mạch 8 cổng điện, 2 cổng quang EKI 6559TMIAE; part: EKI 6559TMIAE; Mô tả: Bộ chuyển mạch 8 cổng điện, 2 cổng quang EKI	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2001	620008407	MS3102E24-22S	CONN-SPECIAL;RECEPT,4POS,W/SCKT; hãng SX:Amphenol	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2002	620008408	MS3106E16-10S	CONN-SPECIAL;PLUG,3 POS, STRAIGHT W/SCKT; hãng SX:Amphenol	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2003	620002437	KPN900A1/4	SWITCH KNOB STRAIGHT .937" NATL; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2004	620002570	ECJ-1VC1H330J	CAP-CER,SMD;33PF ,10%,0603,50V,NP0; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2005	620004109	LH1048S	LED-HOLDER;HLDR INDICATOR PNL CHRM T1 3/4; hãng SX:Arcoelectric	Chiếc	27,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2006	620017181	MS3102E16-10P	Conn-special; RECEPTACLE,male,500V,23A,3 chân; hãng SX:Amphenol	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2007	620035803	MS3106E16-10P	CONN-SPECIAL;PLUG,3 POS, STRAIGHT W/PINS; part: MS3106E16-10P; Mô tả: CONN-SPECIAL;PLUG,3 POS, STRAIGHT W/PINS	Chiếc	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2008	620035804	MS3102E16-10S	Conn-special; RECEPTACLE,female, 500V, 23A,3 chân.; part: MS3102E16-10S; Mô tả: Conn-special; RECEPTACLE,female, 500V, 23A,3 chân	Chiếc	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2009	620035805	MS3102E10SL-3S	Conn-special; RCPT 3POS BOX MNT W/SCKT,MS3102E10SL-3S; part: MS3102E10SL-3S; Mô tả: Conn-special; RCPT 3POS BOX MNT W/SCKT,MS310	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2010	620035807	MS3102E24-22P	CONN-SPECIAL;RECEPT,4POS,W/PINS; part: MS3102E24-22P; Mô tả: CONN-SPECIAL;RECEPT,4POS,W/PINS	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2011	620035808	MS3102E22-2S	CONN-SPECIAL;RECEPT,3POS,W/SCKT; part: MS3102E22-2S; Mô tả: CONN-SPECIAL;RECEPT,3POS,W/SCKT	Chiếc	31,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2012	620035813	MS3106E28-6S	CONN-SPECIAL;PLUG,3 POS, STRAIGHT W/SCKT; part: MS3106E28-6S; Mô tả: CONN-SPECIAL;PLUG,3 POS, STRAIGHT W/SCKT	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2013	620035815	MS3102E32-17S	CONN-SPECIAL;RECEPT,4POS,W/SCKT; part: MS3102E32-17S; Mô tả: CONN-SPECIAL;RECEPT,4POS,W/SCKT	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2014	620035819	MS25042-32DA	Protection cap (Plug) dùng cho loại connector MS3106E32; part: MS25042-32DA; Mô tả: Protection cap (Plug) dùng cho loại connecto	Chiếc	24,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2015	620035820	MS25043-32DA	Protection cap (Receptacle) dùng cho loại connector MS3102E32; part: MS25043-32DA; Mô tả: Protection cap (Receptacle) dùng cho l	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2016	620002574	172133	CONN-SPECIAL;N PLUG .141 S/R CABLE; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2017	620006716	3-1437646-3	CONN; BARRIER STRIP 2CIRC VERT; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2018	620002634	251R14S430GV4T	CAP-CER,SMD;43pF,2%,0603,250V,NP0; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2019	620006726	LEA-6H	IC;GPS Module (TCXO. Flash) ,u-blox 6; hãng SX:u-blox	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2020	620006789	SFH690ABT	IC; OPTOCOUPLER PHOTOTRANS 300% 4SOP; hãng SX:Vishay Semiconductor Opto Division	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2021	620002704	DOC052F-010.0M	OSCILLATOR;10.0 MHZ,50PPB,3.3V,SMD; hãng SX:Connor-Winfield	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2022	620002632	ERJ-3EKF75R0V	RES-SMD;75OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2023	620004108	ERJ-3EKF2261V	RES-SMD;2.26KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2024	620006590	172243	CONN-DIP;N,JACK,172246,50OHM,11GHz; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2025	620007819	TCM1C225M8R	CAP-TA,SMD;2p2UF,20%,0603,16V,13.5OHM ; hãng SX:Rohm Semiconductor	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2026	620006614	MS3106E28-12P	CONN-SPECIAL;PLUG,26 POS,INLINE W/PINS; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2027	620009453	AP8M122R	Đèn báo phi 8: Đèn báo màu ĐỎ 24VDC; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2028	620009708	C0603C620J5GACTU	CAP-CER;SMD;62PF .10%.0603.50V; hãng SX:Kemet	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2029	620009713	EEE-FK1K470P	CAP-ALUM;SMD;47uF.20%.80V; hãng SX:Panasonic	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2030	620009722	20020012-D041B01LF	TERM; BLK PLUG. 4 POS. 3.81MM; hãng SX:FCI	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2031	620009733	CDCLVC1110PWR	IC; CLK BUFF; 1:10 250MHZ. 20TSSOP; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2032	620009740	SN74LVCH8T245PWR	IC; BUS TRANSCVR; 8BIT; 24TSSOP; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2033	620009743	ERJ-3EKF4320V	RES-SMD;432OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2034	620009745	C4532X7R1H475K200KB	CAP-CER;SMD;4.7uF .10%.1812.50V; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2035	620009753	HMR3300	IC;MODULE DIG COMPASS UART,3 AXIS; hãng SX:Honeywell Microelectronics & Precision Sensors	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2036	620036807	Jetcon 2301-mw	Bộ chuyển đổi quang đa môt-ethernet công nghiệp:- Technology Standards: IEEE 802.3 10Base-T; IEEE 802.3u 100Base-TX; IEEE 802.3u	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2037	620036809	EKI-6559TMI-AE	Bộ chuyển mạch 8 cổng điện, 2 cổng quang công nghiệp:- Chuẩn Ethernet: IEEE 802.3, 802.3u, 802.3x, 802.3z, 802.3ad, IEEE 802.1d,	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2038	620002375	CPN1	CONN; N PLUG STR 50 OHM SOLDER; hãng SX:Emerson Network Power Connectivity AIM-Cambridge	Cái	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2039	620002437	KPN900A1/4	SWITCH KNOB STRAIGHT .937" NATL; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2040	620005090	ERJ-3EKF24R9V	RES-SMD;24.9OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2041	620007995	C1608C0G1H470F	CAP-CER,SMD;47PF,1%,0603,50V,C0G; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2042	620008021	89110-0001	CONN-SPECIAL;10 POS IDC SOCKET GOLD; hãng SX:3M	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2043	620008009	NC7WZ04	IC;INVERTER,NC7WZ04,SC-70-6,5.5V,-40TO+85C; hãng SX:FAIRCHILD	Chiếc	54,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2044	620009770	HK16088N2J-T	IND-SMD;8.2nH,5%,0603,300mA,240mOHM; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2045	620009794	D3428-6202-AR	CONN-DIP;20POS,VERT S-LATCH 10AU; hãng SX:3M	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2046	620006588	EEE-1HA100AP	CAP-ALUM; SMD; 10UF 50V 20%; hãng SX:Panasonic	Chiếc	28,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2047	620006581	A10905RNCQ	SWITCH ROTARY; hãng SX:C&K Components	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2048	620006587	AK673/2-2-R	CABLE; USB B-B MALE 2M 2.0 VERS; hãng SX:Assmann WSW Components	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2049	620006591	132291	CONN-DIP;SMA,JACK,132291,50OHM,18GHz; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2050	620006597	SFH213-PPPC-D13-ID-BK	CONN; SOCKET IDC 26POS W/STR GOLD; hãng SX:Sullins Connector Solutions	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2051	620006694	ERJ-P06J162V	RES-SMD; 1.6K OHM 1/4W 5% 0805; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2052	620006695	ERJ-6ENF75R0V	RES-SMD; 75 OHM 1/8W 1% 0805; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2053	620006705	S201031MS02Q	SWITCH SLIDE DPST 6A PCB; hãng SX:C&K Components	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2054	620006708	796638-3	TERM; BLOCK HDR 3POS R/A 5.08MM; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2055	620006709	282807-3	TERM; BLOCK PLUG 3POS .200 R/A; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2056	620006713	160R15W104KV4T	CAP-CER; 0.1UF 16V 10% X7R 0805; hãng SX:Johanson Dielectrics Inc	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2057	620006715	199D226X9016D6B1E3	CAP-TANT; RADIAL 22UF 16V 10%; hãng SX:Vishay Sprague	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2058	620006718	1-1634688-0	CONN; HEADER 10POS .100 VERT GOLD; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2059	620006719	5103309-6	CONN; HEADER LOPRO STR 26POS GOLD; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2060	620006720	5-103639-2	CONN; HEADER VERT 3POS PCB TIN; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2061	620006723	5-103957-2	CONN; RECPT 3POS .100 POLAR 15AU; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2062	620006724	25LB15-Q	ENCODER; MECHANICAL 24POS PC MNT; hãng SX:Grayhill Inc	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2063	620006785	500X15W103MV4E	CAP-CER; SMD; 10000PF 50V 20% X7R 0805; hãng SX:Johanson Dielectrics Inc	Chiếc	47,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2064	620006786	EEE-FK1K4R7P	CAP-ALUM; SMD 4.7UF 80V 20%; hãng SX:Panasonic	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2065	620006787	SSA34-E3/5AT	DIODE; SCHOTTKY 40V 3A SMC; hãng SX:Vishay Semiconductor Diodes Division	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2066	620006789	SFH690ABT	IC; OPTOCOUPLER PHOTOTRANS 300% 4SOP; hãng SX:Vishay Semiconductor Opto Division	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2067	620006790	AP1117E50G-13	IC; REG LDO; 5V .1A. SOT-223; hãng SX:Diodes Inc	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2068	620007883	ERJ-3EKF82R0V	RES-SMD;82OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2069	620007995	C1608C0G1H470F	CAP-CER,SMD;47PF,1%,0603,50V,C0G; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2070	620009449	ELJ-RER18GFA	IND-SMD;180NH,2%,0603,80mA,6.5Ohm; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2071	620009780	ELJ-RE6N8ZF A	IND-SMD;6.8NH,+/-0.2NH,0603,430mA,200mOhm; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2072	620009783	06035J3R3BBSTR	CAP-CER,SMD,3.3PF,0.1pF,0603,50V,NP0; hãng SX:Johanson Dielectrics Inc	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2073	620009785	GQM1885C1H7R5CB01D	CAP-CER,SMD,7p5PF,0.25pF,0603,50V,NP0; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2074	620009790	ERJ-3EKF1210V	RES-SMD;1210OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Bourns Inc.	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2075	620009445	TPS5420D	IC;REG BUCK, TPS5420D,8SOIC,ADJ,2A; hãng SX:Texas Instrument	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2076	620009714	EEE-FP1V331AP	CAP-ALUM;SMD;330uF.20%.35V; hãng SX:Panasonic	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2077	620009719	GRM188R71H182KA01D	CAP-CER; SMD;1800PF .10%.0603.50V; hãng SX:Murata	Chiếc	35,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2078	620009777	132147	CONN-DIP;SMA,JACK,132147,50OHM; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2079	620017918	43025-0800	CONN-SPECIAL;HEADER-WIRE HOUSINGS,RECEPTABLE 8P-DUAL ROW; hãng SX:Molex Inc	Cái	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2080	620036857	LSM303DLMTR	IC; ACCELEROMETER; MAGNETOMETER, 28LGA; part: LSM303DLMTR; Mô tả: IC; ACCELEROMETER; MAGNETOMETER, 28LGA	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2081	620037829	AFB0712HHD	FAN-DC; AXIAL, 12V, 70X20, 4400RPM; part: AFB0712HHD; Mô tả: FAN-DC; AXIAL, 12V, 70X20, 4400RPM	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2082	620037831	48M112R	SWITCH; MOM/RED RING PANEL SEALED MT PB; part: 48M112R; Mô tả: SWITCH; MOM/RED RING PANEL SEALED MT PB	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2083	620037834	2132415-2	CONN-DIP;2POS, VERT, 2.5MM; part: 2132415-2; Mô tả: CONN-DIP;2POS, VERT, 2.5MM	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2084	620037836	132170RP	CONN-SPECIAL;SMA ADPT, JACK-R/P, JACK BULK; part: 132170RP; Mô tả: CONN-SPECIAL;SMA ADPT, JACK-R/P, JACK BULK	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2085	620037842	142212	CONN-SPECIAL; PLUG, .085 S/R, CABLE; part: 142212; Mô tả: CONN-SPECIAL; PLUG, .085 S/R, CABLE	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2086	620037843	413990-2	CONN-SPECIAL;SMB PLUG, .085 S/R ,CABLE; part: 413990-2; Mô tả: CONN-SPECIAL;SMB PLUG, .085 S/R ,CABLE	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2087	620037845	796640-2	TERM; BLOCK PLUG, 2POS, STACK 5MM; part: 796640-2; Mô tả: TERM; BLOCK PLUG, 2POS, STACK 5MM	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2088	620031479	17-10002	GIOANG;Gioăng cao su,17-10002; Hãng SX: CONEC;	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2089	620035859	17-300050	Male connector's cap; part: 17-300050; Mô tả: Male connector's cap	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2090	620017526	BZX84-B22,215	DIODE-ZENER; 22V,250MW,SOT23,BZX84-B22,215; hãng SX:NXP Semiconductors	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2091	620017783	PXF4048WS12	REGULATOR;PXF4048WS12, DC-DC CONVERTER 12V 3.333A; hãng SX:TDK-Lambda Americas Inc	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2092	620035864	D75A-010.0M	OSCILLATOR;10.000 MHZ,0.28PPM,3.3V,SMD; part: D75A-010.0M; Mô tả: OSCILLATOR;10.000 MHZ,0.28PPM,3.3V,SMD	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2093	620035867	ESK477M063AL4EA	CAP-ALUM,SMD;470UF,20%, RADIAL,63V; part: ESK477M063AL4EA; Mô tả: CAP-ALUM,SMD;470UF,20%, RADIAL,63V	Chiếc	31,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2094	620035868	EEE-FK1J4R7R	CAP-ALUM,SMD;4.7UF,20%, RADIAL,63V; part: EEE-FK1J4R7R; Mô tả: CAP-ALUM,SMD;4.7UF,20%, RADIAL,63V	Chiếc	80,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2095	620035869	CRCW06032R26FKEA	RES-SMD;2.26 OHM,1%,0603,1/10W; part: CRCW06032R26FKEA; Mô tả: RES-SMD;2.26 OHM,1%,0603,1/10W	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2096	620035870	B1440804	SWITCH;BOOTSEAL GRAY 1/4-40 TTMTA/GAM; part: B1440804; Mô tả: SWITCH;BOOTSEAL GRAY 1/4-40 TTMTA/GAM	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2097	620035872	N5030L 1	SWITCH;BOOT FULL TOGGLE 1/4-40 GRAY; part: N5030L 1; Mô tả: SWITCH;BOOT FULL TOGGLE 1/4-40 GRAY	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2098	620035873	PRS11S-N20F-103B1	RES-VR,SMD;10K OHM,±20%,Square - 0.283" L x 0.461" W x 0.512" H ,0.05W; part: PRS11S-N20F-103B1; Mô tả: RES-VR,SMD;10K OHM,±20%,	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2099	620035874	1057094-1	CONN-SPECIAL;PLUG N-TYPE .085 S/R; part: 1057094-1; Mô tả: CONN-SPECIAL;PLUG N-TYPE .085 S/R	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2100	620035878	FRJ2411	CONN-SPECIAL;MOD JACK DUST CAP GREY; part: FRJ2411; Mô tả: CONN-SPECIAL;MOD JACK DUST CAP GREY	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2101	620035879	85999-3255	CONN-SPECIAL;MODULAR DUST COVER 8POS; part: 85999-3255; Mô tả: CONN-SPECIAL;MODULAR DUST COVER 8POS	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2102	620035880	MRJ-2586-20BP	CONN-SPECIAL;DUST COVER FOR MRJ BLACK; part: MRJ-2586-20BP; Mô tả: CONN-SPECIAL;DUST COVER FOR MRJ BLACK	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2103	620035881	160-000-209R002	CONN-SPECIAL;DUST CAP 9POS FEMALE W/LANYARD; part: 160-000-209R002; Mô tả: CONN-SPECIAL;DUST CAP 9POS FEMALE W/LANYARD	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2104	620017751	BZX84C9V1-TP	DIODE-ZENER;9.1V,350mW,SOT23,BZX84C9V1-TP; hãng SX:Micro Commercial Co	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2105	620017752	MAX3221EIPWR	IC;IC DRV/RCVR RS232 1CH,16-TSSOP,-40°C ~ 85°C,MAX3221EIPWR; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	17,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2106	620020752	854680	FILTER-SMD;SAW,854680,SMP,BW 40MHZ,70MHZ; hãng SX:TriQuint Semiconductor	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2107	620020803	854671	FILTER-SMD;SAW,854671,SMP,BW 22MHZ,70MHZ; hãng SX:TRIQUINT	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2108	620035870	B1440804	SWITCH;BOOTSEAL GRAY 1/4-40 TTMTA/GAM; part: B1440804; Mô tả: SWITCH;BOOTSEAL GRAY 1/4-40 TTMTA/GAM	Chiếc	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2109	620035871	BT1440004	SWITCH;BOOT SEAL BK 1/4-40 TT/MTA/GEM; part: BT1440004; Mô tả: SWITCH;BOOT SEAL BK 1/4-40 TT/MTA/GEM	Chiếc	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2110	620035872	N5030L 1	SWITCH;BOOT FULL TOGGLE 1/4-40 GRAY; part: N5030L 1; Mô tả: SWITCH;BOOT FULL TOGGLE 1/4-40 GRAY	Chiếc	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2111	620035876	172185	CONN-DIP;N,JACK,172185,50OHM,11GHz; part: 172185; Mô tả: CONN-DIP;N,JACK,172185,50OHM,11GHz	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2112	620035885	854656	FILTER-SMD;SAW,854656,SMP,BW 3MHZ,70MHZ; part: 854656; Mô tả: FILTER-SMD;SAW,854656,SMP,BW 3MHZ,70MHZ	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2113	620035886	854663	FILTER-SMD;SAW,854663,SMP,BW 8MHZ,70MHZ; part: 854663; Mô tả: FILTER-SMD;SAW,854663,SMP,BW 8MHZ,70MHZ	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2114	620035890	GRM1885C1H5R5DZ01D	CAP-CER,SMD;5.5pF,0.5pF,0603,50V,NP0; part: GRM1885C1H5R5DZ01D; Mô tả: CAP-CER,SMD;5.5pF,0.5pF,0603,50V,NP0	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2115	620035891	C1608C0G1H330J	CAP-CER,SMD;33pF,5%,0603,50V,C0G; part: C1608C0G1H330J; Mô tả: CAP-CER,SMD;33pF,5%,0603,50V,C0G	Chiếc	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2116	620035894	ERJ-3EKF27R4V	RES-SMD;27.4OHM,1%,0603,1/10W; part: ERJ-3EKF27R4V; Mô tả: RES-SMD;27.4OHM,1%,0603,1/10W	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2117	620035895	B1440004	SWITCH;BOOTSEAL BLK 1/4-40 TT/MTA/GEM; part: B1440004; Mô tả: SWITCH;BOOTSEAL BLK 1/4-40 TT/MTA/GEM	Chiếc	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2118	620009424	TLJR476M010R3200	CAP-TANT; RADIAL; 47UF 10V 20% 0805; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2119	620009445	TPS5420D	IC;REG BUCK, TPS5420D,8SOIC,ADJ,2A; hãng SX:Texas Instrument	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2120	620009452	SDR1006-330KL	IND; RADIAL; 33UH 1.5 A; hãng SX:Bourns Inc.	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2121	620009707	600F100FT	CAP-CER; SMD; 10PF 250V 1% NP0 0805; hãng SX:Kemet	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2122	620009709	C1608C0G1H101F080AA	CAP-CER;SMD;100PF 1%.0603.50V; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2123	620009714	EEE-FP1V331AP	CAP-ALUM;SMD;330uF.20%.35V; hãng SX:Panasonic	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2124	620009717	CBR08C360FAGAC	CAP-CER; SMD; 36PF 250V 1% NP0 0805; hãng SX:Kemet	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2125	620009718	2-1879023-7	IND; SMD; .39UH 5% 1008; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2126	620009719	GRM188R71H182KA01D	CAP-CER; SMD;1800PF .10%.0603.50V; hãng SX:Murata	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2127	620009721	ELJ-RER12JFA	IND; SMD;120NH.5%.0603; hãng SX:Panasonic	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2128	620009722	20020012-D041B01LF	TERM; BLK PLUG. 4 POS. 3.81MM; hãng SX:FCI	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2129	620009723	20020108-D041A01LF	TERM; BLK SOCKET. 4 POS. 3.81MM; hãng SX:FCI	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2130	620009726	ERJ-3EKF17R4V	RES-SMD;17.4OHM.1%.0603.1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2131	620009727	MLF1608DR15K	IND; SMD;0.15uH.0603; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2132	620009728	ERJ-3EKF2870V	RES-SMD;287OHM.1%.0603.1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2133	620009730	S1008-391K	IND; SMD; SHIELDED .39UH; hãng SX:API Delevan Inc	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2134	620009732	AD9854ASTZ	IC; DDS QUADRATURE. CMOS 80- LQFP; hãng SX:Analog Devices	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2135	620009733	CDCLVC1110PWR	IC; CLK BUFF; 1:10 250MHZ. 20TSSOP; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2136	620009734	RL0816S-560-F	RES-SMD;56OHM.1%.0603.1/5W; hãng SX:Susumu	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2137	620035806	MS3102E32-17P	CONN- SPECIAL;RECEPT,4POS,W/PINS; part: MS3102E32-17P; Mô tả: CONN- SPECIAL;RECEPT,4POS,W/PINS	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2138	620009737	LM92CIMX/NOPB	IC; SENSOR / THERM COMP ;DIG 8- SOIC; hãng SX:Allegro Microsystems Inc	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2139	620009738	INA219AIDCNR	IC; CURRENT MONITOR ;1%. SOT23-8; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2140	620035815	MS3102E32-17S	CONN- SPECIAL;RECEPT,4POS,W/SCKT; part: MS3102E32-17S; Mô tả: CONN- SPECIAL;RECEPT,4POS,W/SCKT	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2141	620009740	SN74LVCH8T245PWR	IC; BUS TRANSCVR; 8BIT; 24TSSOP; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2142	620035816	10-040450-028	GIOANG, gioăng cao su, 10-040450-028, dùng cho loại connector MS3102E28; part: 10-040450-028; Mô tả: GIOANG, gioăng cao su, 10-0	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2143	620009741	EEE-FT1V561AP	CAP- ALUM,SMD;560uF,20%,10.3x10.3mm,35 V; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2144	620035896	MS3106E36-5S	PLUG cái, 4 chân, 500V, 30A; part: MS3106E36-5S; Mô tả: PLUG cái, 4 chân, 500V, 30A	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2145	620009748	LQW2BASR12J00L	IND; SMD; RF 120NH 400MA 0805; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2146	620035897	MS3102E36-5P	RECEPTACLE đực, 4 chân, 500V, 30A; part: MS3102E36-5P; Mô tả: RECEPTACLE đực, 4 chân, 500V, 30A	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2147	620009756	282807-2	TERM; BLOCK PLUG 2POS .200 R/A; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2148	620035898	MS3106E36-5P	PLUG đực, 4 chân, 500V, 30A; part: MS3106E36-5P; Mô tả: PLUG đực, 4 chân, 500V, 30A	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2149	620009757	796638-2	TERM; BLOCK HDR 2POS R/A 5.08MM; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2150	620035899	MS3102E32-22S	RECEPTACLE cái, 54chân; part: MS3102E32-22S; Mô tả: RECEPTACLE cái, 54chân	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2151	620009760	MV5754A	LED; SS HI EFF RED DIFFUSED 5MM; hãng SX:Everlight Electronics Co Ltd	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2152	620035900	RJ11FC2N	Protection cap dùng cho loại connector RJ11F21N; part: RJ11FC2N; Mô tả: Protection cap dùng cho loại connector RJ11F21N	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2153	620035901	RJ11FC6N	Protection cap dùng cho loại connector RJ11F6N; part: RJ11FC6N; Mô tả: Protection cap dùng cho loại connector RJ11F6N	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2154	620011092	3PCV-03-006	CONN; BARRIER STRIP 3CIRC VERT; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2155	620037856	MS3102E36-5S	RECEPTACLE cái, 4 chân, 500V, 30A; part: MS3102E36-5S; Mô tả: RECEPTACLE cái, 4 chân, 500V, 30A	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2156	620037857	RJ11F21N	COUPLER MODULAR 6POS-6POS; part: RJ11F21N; Mô tả: COUPLER MODULAR 6POS-6POS	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2157	620037858	RJ11F6N	CONN MOD HOUSING RJ11 UNSHIELDED; part: RJ11F6N; Mô tả: CONN MOD HOUSING RJ11 UNSHIELDED	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2158	620035904	17-300090	Connector - Special; LC type waterproof - male, multi mode; part: 17-300090; Mô tả: Connector - Special; LC type waterproof - ma	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2159	620017783	PXF4048WS12	REGULATOR;PXF4048WS12, DC-DC CONVERTER 12V 3.333A; hãng SX:TDK-Lambda Americas Inc	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2160	620035875	140-0000-973	CONN-SPECIAL;JACK SMA END LAUNCH FIXTURE; part: 140-0000-973; Mô tả: CONN-SPECIAL;JACK SMA END LAUNCH FIXTURE	Chiếc	62,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2161	620035883	3473-6000	CONN-DIP;SOCKET,F,2R*5P*2.54mm,3473-6000; part: 3473-6000; Mô tả: CONN-DIP;SOCKET,F,2R*5P*2.54mm,3473-6000	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2162	620035907	GRM1885C1H5R0CZ01D	CAP-CER,SMD;5PF,0.25pF,0603,50V,NP0; part: GRM1885C1H5R0CZ01D; Mô tả: CAP-CER,SMD;5PF,0.25pF,0603,50V,NP0	Chiếc	58,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2163	620035908	06035A8R2CAT2A	CAP-CER,SMD;8.2PF,0.25pF,0603,50V,NP0; part: 06035A8R2CAT2A; Mô tả: CAP-CER,SMD;8.2PF,0.25pF,0603,50V,NP0	Chiếc	23,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2164	620016087	4302-52	IC;ATTENUATOR,20-QFN,4302-52,31.5dB,0TO4GHZ; hãng SX:Peregrine Semiconductor	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2165	620036838	GRM1885C1H151JA01D	CAP-CER, SMD;150PF, 5%, 0603,50V, NP0; part: GRM1885C1H151JA01D; Mô tả: CAP-CER, SMD;150PF, 5%, 0603,50V, NP0	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2166	620036840	MS27468T13B35P	CONN-RCPT; 22POS, JAM NUT, W/PINS; part: MS27468T13B35P; Mô tả: CONN-RCPT; 22POS, JAM NUT, W/PINS	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2167	620036855	SN74LS47NSR	IC; BCD-7 SEG, DECODER/DRVR, 16-SOP; part: SN74LS47NSR; Mô tả: IC; BCD-7 SEG, DECODER/DRVR, 16-SOP	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2168	620036856	SN7404D	IC; HEX INVERTER, 14-SOIC; part: SN7404D; Mô tả: IC; HEX INVERTER, 14-SOIC	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2169	620036857	LSM303DLMTR	IC; ACCELEROMETER; MAGNETOMETER, 28LGA; part: LSM303DLMTR; Mô tả: IC; ACCELEROMETER; MAGNETOMETER, 28LGA	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2170	620036866	FXO-HC736R-10	OSC; SMD, 10.000 MHZ, 3.3V; part: FXO-HC736R-10; Mô tả: OSC; SMD, 10.000 MHZ, 3.3V	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2171	620036867	VI-402-DP-FH-W	LCD-7SEG; 4DIG 0.5" TRANSFL WIDE; part: VI-402-DP-FH-W; Mô tả: LCD-7SEG; 4DIG 0.5" TRANSFL WIDE	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2172	620036869	MP0050/2	SWITCH; PUSHBUTTON, SPDT, 5A 250V; part: MP0050/2; Mô tả: SWITCH; PUSHBUTTON, SPDT, 5A 250V	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2173	620036870	C1353AABR2	SWITCH; ROCKER DPST, 20A, 250V; part: C1353AABR2; Mô tả: SWITCH; ROCKER DPST, 20A, 250V	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2174	620036894	MP0045/1D2AM012	SWITCH;16MM, SS ROBUST; part: MP0045/1D2AM012; Mô tả: SWITCH;16MM, SS ROBUST	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2175	620016574	PXF60-24S12	IC; MODULE; DC-DC CONVERTER; 12V. 5A. SGL OUT; hãng SX:TDK-Lambda Americas Inc	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2176	620035911	PT02E-16-26S	CONN; RCPT 26POS W/SKT BOX; part: PT02E-16-26S; Mô tả: CONN; RCPT 26POS W/SKT BOX	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2177	620037906	1553624	CONN; M12 4POS ANGLED PLUG; part: 1553624; Mô tả: CONN; M12 4POS ANGLED PLUG	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2178	620037907	QN22-A (M-B)	SWITCH; MOMENTARY INT; part: QN22-A (M-B); Mô tả: SWITCH; MOMENTARY INT	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2179	620037908	H1260FNLT	MODULE XFRMR SGL ETHR LAN 16SOIC; part: H1260FNLT; Mô tả: MODULE XFRMR SGL ETHR LAN 16SOIC	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2180	620024606	P19VT-75RC	Cáp RC-00; hãng SX:Công ty TNHH XT TM và DV KT Siêu Cao Tần/; Mô tả: RC 75 - 00; Dải tần hoạt động 830 – 890 MHZ Trở kháng chuẩn	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2181	620024608	P19VT-75RC	Cáp RC-02; hãng SX:Công ty TNHH XT TM và DV KT Siêu Cao Tần/; Mô tả: RC 75 - 02; Dải tần hoạt động 830 – 890 MHZ. Trở kháng chu	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2182	620026613	RCM75-NF50	Bộ chuyển đổi 50-75 Ohm, N(f)-RC(M); hãng SX:Công ty TNHH XT TM và DV KT Siêu Cao Tần/; Mô tả: Dải tần hoạt động 830 –890 MHZ 1	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2183	620002488	120958-2	CONN;CON PLUG UNIV PWR MOD R/A 8POS; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2184	620009792	MGA-633P8- BLKG	IC;POWER AMP,PW118,SOT-89,5TO500MHZ; hãng SX:	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2185	620014048	MAFR-000667-000001	Isolator 1200-1400 MHz; hãng SX:Skyworks	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2186	620015466	3520074	Coupling for Encoder(Đầu nối cho bộ mã hóa góc quay tuyệt đối); hãng SX:Hengstler/EU(EG)	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2187	620017756	901-9870	CONN-SPECIAL;SMA, PLUG STR 50 OHM,RG-58,SOLDER; hãng SX:Amphenol-RF Division	Chiếc	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2188	620023692	RFSA2023	Voltage Controll Attenuator 50-6000MHz 30dB max; hãng SX:Richardson	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2189	620023726	0500LP15A500E	IC; FILTER LOWPASS UWB 500MHZ; hãng SX:Johanson Technology Inc.	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2190	620024232	ZABDC20-182H-S+	Bi-Directional Coupler 100W 700 to 1800 MHz; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2191	620024275	DTE4048S24	DC DC CONVERTER 24V 40W; hãng SX:XP Power	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2192	620004157	DG4599DL-T1-E3	Analog Switch ICs Lo-Pwr Hi-Spd SPDT; hãng SX:Vishay Semiconductors	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2193	620006569	ZN4PD-272-S+	4-way Divider wideband, 500 to 2700 MH; hãng SX:Mini-circuits	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2194	620001858	1.14002.1010000	SWITCH;SWITCH PUSH;SPST-NO;0.1A;35V; hãng SX:C&KComponents	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2195	620021975		PCB ARRAY; RX, 4 lớp, 200x230x1.6mm, 0.5OZ, FR4-HTG 170, mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh dương; hãng SX:HAVICOM	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2196	620021988		PCB ARRAY; PWR, 4 lớp, 160x230x1.6mm, 0.5OZ, FR4-HTG 170, mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh dương; hãng SX:HAVICOM	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2197	620023186		PCB ARRAY; LO, 4 lớp, 200x230x1.6mm, 0.5OZ, FR4-HTG 170, mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh dương; hãng SX:HAVICOM	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2198	620023586	BFE_2	PCB ARRAY; BFE, 4 lớp, 25.7x150x1.6mm, 0.5OZ, FR4-HTG 170, mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh dương; hãng SX:HAVICOM	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2199	620023791	BFECTR	PCB ARRAY; BFE_CTR, 4 lớp, 100x230x1.6mm, 0.5OZ, FR4-HTG 170, mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh dương; hãng SX:HAVICOM	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2200	620024147		PCB ARRAY; CTR, 4 lớp, 200x230x1.6mm, 0.5OZ, FR4-HTG 170, mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh dương; hãng SX:HAVICOM	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2201	620018697	UIYCC5356A1200T1400N F	Chuyển mạch thu phát: - Dải tần hoạt động 1200-1400 MHz, - Đầu kết nối chuẩn N-F; hãng SX:UYI	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2202	620020938	UIYBPF11963A1215T1400 SF	Bộ lọc thông dải: - Dải tần hoạt động: 1215-1400 MHz, - Đầu kết nối chuẩn SMA-F; hãng SX:UYI	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2203	620014047	BLL6H1214P2S-250	PA module; 250W LDMOS; hãng SX:Ampleon; Mô tả: PA module; 250W LDMOS	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2204	620021765	CBP-1307C+	BPF 1215 to 1400 MHz; hãng SX:Mini-circuits	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2205	620022196	856288	SAW Filter 465 MHz, 6 Mhz; hãng SX:Triquint	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2206	620022748	ZB4PD1-500-S+	4-way Divider wideband, 5 to 500 MH; hãng SX:Mini-circuits	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2207	620022853	HSR-141C-35	35 Ohm Semi Rigid Coax 1.454 Shield Length; hãng SX:Hongsen cables	m	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2208	620023938	BPF-A400+	BPF 390 to 410 MHz; hãng SX:Mini-circuits	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2209	620024149	ZAPD-2-21-3W-S+	2-way Divider 700 to 2100 MHz; hãng SX:Mini-circuits	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2210	620024235	EMPCB.SMAFSTJ.B.HT	SMA Connector Jack, Female Socket 50 Ohm Board Edge, End Launch Solder; hãng SX:Taoglas Limited	Chiếc	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2211	620023248	ET056-E02-P0810	Giao liên Ethernet - 02 kênh 1000M Ethernet; - Dòng 8 x10A;; hãng SX:Rion Electronic	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2212	620011292	903-369P-51A	Đầu Nối (CONNECTOR); hãng SX:Amphenol RF; Mô tả: CONN SMB PLUG R/A 50 OHM SOLDER 10GHz	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2213	620011299	17-101794	Đầu Nối (CONNECTOR); hãng SX:Conec; Mô tả: CONN MOD PLUG 8P8C SHIELDED IP67	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2214	620011280	BC-DM006F	Cáp (CABLE); hãng SX:Bel Inc.; Mô tả: MINI DISPLAYPORT TO DP CABLE 6'	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2215	620011282	ASSHSSH28K152	Đầu Nối (CONNECTOR); hãng SX:JST Sales America Inc.; Mô tả: JUMPER SSH-003T-P0.2-H X2 6"	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2216	620011283	A12SR12SR30K254A	Đầu Nối (CONNECTOR); hãng SX:JST Sales America Inc.; Mô tả: JUMPER 12SR-3S - 12SR-3S 10"	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2217	620011284	3051/1 RD005	Cáp (CABLE); hãng SX:Alpha Wire; Mô tả: HOOK-UP SOLID 22AWG RED 100'	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2218	620011285	3051/1 BK005	Cáp (CABLE); hãng SX:Alpha Wire; Mô tả: HOOK-UP SOLID 22AWG BLACK 100'	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2219	620011287	21109161	Linh kiện khác (NON STANDARD MATERIAL); hãng SX:Laird Technologies EMI; Mô tả: ECCOSORB ELASTOMERS .040X12X12	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2220	620011289	43030-0001	Đầu Nối (CONNECTOR); hãng SX:Molex, LLC; Mô tả: CONN SOCKET 20-24AWG CRIMP TIN	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2221	620011290	39000077	Đầu Nối (CONNECTOR); hãng SX:Molex, LLC; Mô tả: CONN SOCKET 16AWG CRIMP TIN	Chiếc	56,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2222	620011291	414002-2	Đầu Nối (CONNECTOR); hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors; Mô tả: CONN SMB PLUG R/A 50 OHM SOLDER 4GHz	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2223	620011301	A-1PA-137-01KB2	Đầu Nối (CONNECTOR); hãng SX:Amphenol RF Division; Mô tả: CONN JUMPER AMC PLUG-PLUG 1000MM	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2224	620011302	SHR-12V-S-B	Đầu Nối (CONNECTOR); hãng SX:JST Sales America Inc.; Mô tả: CONN HOUSING SH 12POS 1MM WHITE	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2225	620032754	EYG-TF0F0A10A	Đầu nối (Connector); Hãng SX: Panasonic; Mô tả: GRAPHITE PAD ,150X150MM,1.0MM TH	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2226	620032759	43030-0001	Đầu nối (Connector); Hãng SX: Molex; Mô tả: CONN SOCKET 20- 24AWG CRIMP TIN	Chiếc	24,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2227	620032762	414002-2	Đầu nối (Connector); Hãng SX: TE Connectivity; Mô tả: CONN SMB PLUG R/A 50 OHM SOLDER	Chiếc	27,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2228	620032773	U.FL-2LP-04N1-A- (100)	Đầu nối (Connector); Hãng SX: Hirose; Mô tả: CBL ASSY U.FL PLUG-PLUG 2.362"	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2229	620032775	30-01005	Đầu nối (Connector); Hãng SX: Tensility International Corp; Mô tả: CBL 2CON 22AWG SHLD BLK 5M	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2230	620032310	12SR-3S	Connector Data kết nối TMB với server; Hãng SX: JST Sales America Inc; Mô tả: CONN RCPT 12POS IDC 30AWG TIN	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2231	620032314	FTLX8573D3BTL	Module Quang SFP+; Hãng SX: Finisar Corporation; Mô tả: TXRX SFP+ SGL 10.5GB/S 850NM	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2232	620032318	FJ9LCLC-0.5M	Cáp quang TMB to server; Hãng SX: Uniris e USA; Mô tả: FIBER OPTIC CABLE SM LC-LC 0.5M	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2233	620032320	N201-SR1-BL	Cáp Ethernet TMB to server; Hãng SX: Tripp Lite; Mô tả: CABLE MOD 8P8C R/A PLUG- PLUG 1'	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2234	620032325	1248280005	Cáp Ethernet server ra connector mặt máy; Hãng SX: Weid muller; Mô tả: CABLE MOD 8P8C R/A PLG- PLG 1.64'	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2235	620032327	CAT7-PUBL-03	Cáp Ethernet server ra connector mặt máy; Hãng SX: Tera Grand Corporation; Mô tả: CAT 7 FLAT ETHERNET CABLE 3FT	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2236	620032331	A-1PA-137-01KB2	Cáp; Hãng SX: Amphenol RF; Mô tả: CBL ASSY UMCC PLUG-PLUG 3.3'	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2237	620032333	IPRF-S-J12P0G26-M-5	Đầu nối; Hãng SX: Sure-Seal; Mô tả: SMA BULKHEAD CRIMP JACK	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2238	620032337	0732510450	Đầu nối; Hãng SX: Molex; Mô tả: CONN SMA PLUG STR 50 OHM SOLDER	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2239	620015532	VTM1-TR-07TD	CONN-SPECIAL; 7 pin circular, pin (male), panel mount; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares/Tongmao	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2240	620003295	B-36-02	TEST LEAD BANANA TO BANANA 36"; hãng SX:Pomona Electronics	Sợi	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2241	620003296	M55116/2-3	CONN-SPECIAL;6 Pin Audio plug connector with crimp sleeve terminal & wire strain relief; hãng SX:Amphenol Nexus Technologies	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2242	620003314	EGG.TT.302.KLL	CONN;CIRCULAR,2PIN,SOCKET,EGG.T T.302.KLL; hãng SX:Lemo	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2243	620003315	GMD.00.028.DN	CONN;STR REL FOR 00 SERIES CONN; hãng SX:Lemo	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2244	620003323	1.0110081958E10	CONN;RECEPT,PNL MNT,AU,8POS; hãng SX:Top Link	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2245	620003352	LT3758AEMSE#PBF	IC;REG CTRL BST FLYBK,INV,10MSOP; hãng SX:Linear Technology	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2246	620003353	LTC4368IDD-2#PBF	IC;SURGE SUPPRESSION ADJ,10MSOP; hãng SX:Linear Technology	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2247	620003354	LT8601IUJ#PBF	IC;REG BUCK ADJ TRPL SYNC,40QFN; hãng SX:Linear Technology	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2248	620003355	MAX5721EUA+	IC;IC DAC 10BIT DUAL LP SER,8-UMAX,-40°C ~ 85°C,MAX5721EUA+; hãng SX:Maxim Integrated Products	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2249	620003362	APF19-19-10CB/A01	HEATSINK;FORGED W/ADHESIVE TAPE; hãng SX:CTS Thermal Management Products	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2250	620003366	TMS320C6748EZCEA3	IC;DSP FIX/FLOAT POINT,361NFBGA; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2251	620003304	132169	CONN-SPECIAL;CONN SMA ADAPTER JACK-JACK; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2252	620003319	72979	CONN;ADAPT SMB PLUG TO SMA JACK; hãng SX:Pomona Electronics	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2253	620003609	HMC241ALP3ETR	IC;MMIC GAAS SW SP4T,16-VFQFN; hãng SX:Analog Devices Inc.	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2254	620003612	HMC252AQS24E	IC;MMIC GAAS SW SP6T,24QSOP; hãng SX:Analog Devices Inc.	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2255	620003313	MKJ3C7W9-19BN	CONN-SPECIAL;RCPT,19POS,JAM NUT,W/PINS; hãng SX:ITT Cannon, LLC	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2256	620003314	EGG.TT.302.KLL	CONN;CIRCULAR,2PIN,SOCKET,EGG.T T.302.KLL; hãng SX:Lemo	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2257	620003315	GMD.00.028.DN	CONN;STR REL FOR 00 SERIES CONN; hãng SX:Lemo	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2258	620003408	YL1H26N1007K21	CON;phone connector,7pin; hãng SX:Tongmao	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2259	620003411	CX5-4TKNb02	CONN-DIP;4PIN,CX5-4JT; hãng SX:Tongmao	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2260	620003412	1731100008	CONN-DIP;FCT DSUB SDR PLG,25 PN,SLD RMNT; hãng SX:Molex, LLC	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2261	620003415	1.0110081959	CONN;PLUG,PNL MNT,AU,8POS; hãng SX:TOP-LINK	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2262	620003508	ADM7151ACPZ-04-R7	IC;REG LDO ADJ,0.8A,8LFCSP; hãng SX:Analog Devices Inc.	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2263	620003656	687716152002	CABLE;FFC,16POS,0.50MM,5.98"; hãng SX:Würth Electronics Inc.	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2264	620003658	687712050002	CABLE;FFC,12POS,0.50MM,1.97"; hãng SX:Würth Electronics Inc.	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2265	620003659	687712100002	CABLE;FFC,12POS,0.50MM,3.94"; hãng SX:Wurth Electronics Inc.	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2266	620003661	687708100002	CABLE;FFC,8POS,0.50MM,3.94"; hãng SX:Wurth Electronics Inc.	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2267	620003662	687708152002'	CABLE;FFC,8POS,0.50MM,5.98"; hãng SX:Wurth Electronics Inc.	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2268	620003663	687720100002	CABLE;FFC,20POS,0.50MM,3.94"; hãng SX:Wurth Electronics Inc.	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2269	620003664	687720152002	CABLE;FFC,20POS,0.50MM,5.98"; hãng SX:Wurth Electronics Inc.	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2270	620003775	G6SK-2 DC5	RELAY;TELECOM,DPDT,2A,5V; hãng SX:Omron Electronics Inc-EMC Div	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2271	620003780	687718100002	CABLE;FFC,18POS,0.50MM,3.94"; hãng SX:Wurth Electronics Inc.	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2272	620003781	687718152002	CABLE;FFC,18POS,0.50MM,5.98"; hãng SX:Wurth Electronics Inc.	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2273	620015510	MKJ3A6W9-19SN	CONNECTOR-SPECIAL;PLUG 19POS STRGHT W/SKTS; hãng SX:ITT Cannon, LLC	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2274	620015512	FGG.2T.303.KLAC65	CONN;CIRCULAR,3PIN,FLUG, FGG.2T.303.KLAC50Z; hãng SX:Lemo	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2275	620015515	T44-10	IRON POWDER CORE, BLACK, T44-10 (Iron Power Toroid Core;0.229x0.440x0.159inch,Black); hãng SX:Amidon	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2276	620015516	T44-2	Iron Power Toroid Core;0.229x0.440x0.159inch,Red; hãng SX:Amidon	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2277	620015517	T44-6	Iron Powder Core;T-44-6,Yellow,0.44x0.229x0.159inches; hãng SX:Amidon Corp.	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2278	620015518	T68-10	IRON POWDER CORE;T68-10,Black,0.37x0.69x0.19inches; hãng SX:Amidon	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2279	620015519	T68-2	IRON POWDER CORE;T68-2,Red,0.37x0.69x0.19inches; hãng SX:Amidon	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2280	620015520	NHD-C12864KGZ-FSW-GBW	LCD MODULE;NHD-C12864KGZ-FSW-GBW,CHIP ON GLASS,128X64,TRANSFL; hãng SX:Newhaven Display Intl	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2281	620015521	L2801	RF-FET;LDMOS ,500 MHZ,28V, 15W,S02,Single Ended; hãng SX:Polyfet	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2282	620015522	D1022UK	TRANS-POWER;DMOS RF FET SINGLE ENDED,28V,15A,GOLD METALLISED MULTI-PURPOSE SILICON,100W 500MHz; hãng SX:TT electronics Semelab	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2283	620015523	AD8362ARUZ	IC;POWER DETECTOR,AD8362ARUZ,16-TSSOP,50 Hz to 3.8 GHz 65 dB; hãng SX:Analog Devices	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2284	620015525	ADM7150ACPZ-5.0-R7	Linear Voltage Regulator IC Positive Fixed 1 Output 5V 800mA 8-LFCSP-WD (3x3); hãng SX:Analog Devices Inc	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2285	620015527	PIC24EP512GP204-I/ML	IC;MCU 16B MCU 512KB Flsh 48KB RAM,QFN-44 EP; hãng SX:Microchip Technology	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2286	620015529	CY62167EV30LL-45BVXI	IC;SRAM 16MBIT,48-VFBGA,-40°C ~ 85°C,CY62167EV30LL-45BVXI,2.2 V ~ 3.6 V; hãng SX:Cypress Semiconductor Corp	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2287	620015530	TMS320VC5509AGHH	IC;DSP FIX PT 16-BIT,179-LFBGA,-40°C ~ 85°C,TMS320VC5509AGHH; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2288	620015514	Gali-74+	IC;Gali-74+,25dB,SOT89 (IC;GAIN BLOCK,10DB TYP,DC-6GHz,SOT89); hãng SX:MiniCircuits	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2289	620015518	T68-10	IRON POWDER CORE;T68-10,Black,0.37x0.69x0.19inches; hãng SX:Amidon	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2290	620015519	T68-2	IRON POWDER CORE;T68-2,Red,0.37x0.69x0.19inches; hãng SX:Amidon	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2291	620015520	NHD-C12864KGZ-FSW-GBW	LCD MODULE;NHD-C12864KGZ-FSW-GBW,CHIP ON GLASS,128X64,TRANSFL; hãng SX:Newhaven Display Intl	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2292	620015567	V23026B1101B201	RELAY-DIP;SIGNAL RELAY,5VDC,1A,SPDT 1 FORM C Bi-stable; hãng SX:TE Connectivity Potter & Brumfield Relays	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2293	620015510	MKJ3A6W9-19SN	CONNECTOR-SPECIAL;PLUG 19POS STRGHT W/SKTS; hãng SX:ITT Cannon, LLC	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2294	620015460	LMZ14203TZ-ADJ/NOPB	IC; BUCK SYNC ADJ, LMZ14203TZ-ADJ/NOPB, TO-PMOD-7, 3A; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2295	620015520	NHD-C12864KGZ-FSW-GBW	LCD MODULE;NHD-C12864KGZ-FSW-GBW,CHIP ON GLASS,128X64,TRANSFL; hãng SX:Newhaven Display Intl	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2296	620015560	MAX17543ATP+	IC;REG BUCK SYNC ADJ 2.5A,MAX17543ATP+,20TQFN; hãng SX:Maxim Integrated	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2297	620015561	STM32L476RGT6	IC;MCU,STM32L476RGT6,64LQFP,32BIT,1MB-FLASH; hãng SX:STMicroelectronics	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2298	620015608	MAX7408EUA+	IC;IC FILTER LOWPASS 5TH, 8UMAX,-40°C ~ 85°C,MAX7408EUA+; hãng SX:Maxim Integrated Products	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2299	620015609	MAX14841EATA+T	IC;TXRX RS-485 40MBPS,8TDFN,-40°C ~ 125°C,MAX14841EATA+T; hãng SX:Maxim Integrated	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2300	620015610	SN65HVD33DR	IC;TXRX RS-485,14-SOIC (0.154", 3.90mm Width),-40°C ~ 85°C,SN65HVD33DR,3 V ~ 3.6 V; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2301	620015613	PIC24EP512GP204-I/PT	IC;MCU 16B MCU 512KB Flsh 48KB RAM,TQFP-44; hãng SX:Microchip Technology	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2302	620003336	RLM-33-2W+	IC;LIMITER +12 TO +33DBM, ROHS; hãng SX:Minicircuits	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2303	620004812	SI2308BDS-T1-GE3	MOS-FET;N-Channel,60V,2.3A,SOT23-3; hãng SX:Vishay Siliconix	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2304	620005056	ADM2482EBRWZ	IC;TXRX RS485 ISO W/ESD,ADM2482,16SOIC; hãng SX:Analog Devices Inc	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2305	620005057	LM386M-1	IC;AMP AUDIO PWR .325W AB,LM386,8SOIC; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2306	620005058	1-1634613-0	CONN-SPECIAL; BNC JACK R/A 50 OHM PCB; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2307	620005059	68020-472HLF	CONN-SPECIAL; BERGSTIK II .100" DR R/A; hãng SX:FCI	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2308	620005060	1461069-5	RELAY;GEN PURPOSE SPDT 10A 12V; hãng SX:TE-Connectivity	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2309	620004482	C1608C0G1H220J080AA	CAP-CER;22PF,5%,0603,50V,NP0; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	78,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2310	620004534	BAT54	DIODE-SCHOTTKY;30V,0.2A,SOT23-3,BAT54; hãng SX:Fairchild Semiconductor	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2311	620004536	3BC-3-CA-F	LED;3MM,HERED/GRN WHT DIFF TH,3BC-3-CA-F; hãng SX:Bivar Inc	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2312	620004537	PJ-033A	CONN;CON PWR,JCK,2.0 X,VERT,PJ-033A,6.1MM; hãng SX:CUI Inc	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2313	620004546	CL32B106KLJNNNE	CAP-CER;10UF,10%,1210,35V,X7R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	190,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2314	620004549	GMK107B7104KAHT	CAP-CER;0.1UF,10%,0603,35V,X7R; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	220,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2315	620004550	C1608X5R1V225K080AC	CAP-CER;2.2UF,10%,0603,35V,X5R; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	110,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2316	620005191	BAT54J,115	DIODE-SCHOTTKY;30V,200mA,SOD-323F; hãng SX:NXP Semiconductors	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2317	620005461	2853/1 RD005	CABLE;Hook Up,30.5m; hãng SX:Alpha Wire	Cuộn	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2318	620005462	2853/1 BK005	CABLE;Hook Up,30.5m; hãng SX:Alpha Wire	Cuộn	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2319	620005466	C3216JB1V156M160AC	CAP-CER;15UF,20%,1206,35V,JB; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	66,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2320	620005467	C091 31C003 100 2	CONN-DIP; Male,300V, 5A, 3POS REAR MT; hãng SX:Amphenol-Tuchel Electronics	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2321	620005468	IRF7842TRPBF	MOSFET N-CH 40V 18A 8-SOIC; hãng SX:International Rectifier	Chiếc	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2322	620005470	LM324ADR	IC;IC OPAMP GP,LM324ADR,1.2MHZ,14SOIC; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2323	620005474	521-9210F	LED;3MM,HIGH EFF DIFF GREEN,521-9210F; hãng SX:Dialight	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2324	620005476	LRC-LRF2010LF-01-R020F	RES-SMD;0.020OHM,1%,2010,1W; hãng SX:TT Electronics/IRC	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2325	620005477	PMR50HZPFU10L0	RES-SMD;0.01OHM,1%,2010,1W; hãng SX:Rohm Semiconductor	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2326	620005478	CSNL2010FT5L00	RES-SMD;0.005OHM,1%,2010,1.5W; hãng SX:Stackpole Electronics Inc	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2327	620005479	PVZ2A103C04R00	RES;TRIMMER,10K OHM,SMD,0.05W; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2328	620004482	C1608C0G1H220J080AA	CAP-CER;22PF,5%,0603,50V,NP0; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2329	620004522	RB080L-30TE25	DIODE-SCHOTTKY; 30V, 5A,DO-214AC, PMDS; hãng SX:Rohm Semiconductor	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2330	620004523	CDPH4D19FNP-8R0MC	IND-SMD; 8UH,20%, 2.68A, 56 MOHM; hãng SX:Sumida America Components Inc	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2331	620004524	CL21A106KAFN3NE	CAP-CER,SMD;10UF,25V,10%,0805,X5R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2332	620004525	CC0603ZRY5V9BB104	CAP-CER,SMD;0.1uF,20%,0603,50V,Y5V; hãng SX:Yageo	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2333	620004526	TMK107BJ105KA-T	CAP-CER,SMD;1UF,25V,10%,0603,X5R; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2334	620004527	MCS1632R025FER	RES-SMD; 0.025 OHM, 1%, 1632, 1W; hãng SX:Ohmite	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2335	620004528	RC0603JR-07100KL	RES-SMD;100KOHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2336	620004529	RC0603JR-075M1L	RES-SMD;5.1M OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2337	620004530	RC0603JR-0775KL	RES-SMD; 75K OHM, 5%, 0603, 1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2338	620004531	103JT-075	Thermistors-NTC; 10kohm, 1%,75mm; hãng SX:Semitec	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2339	620004533	SK56AFL-TP	DIODE-SCHOTTKY; 60V,5A, DO-221AC; hãng SX:Micro Commercial Co	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2340	620004534	BAT54	DIODE-SCHOTTKY;30V,0.2A,SOT23-3,BAT54; hãng SX:Fairchild Semiconductor	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2341	620004535	SRR1260-100M	IND-SMD; 10UH,20%, 5.5A, 20 MOHM; hãng SX:Bourns Inc.	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2342	620004536	3BC-3-CA-F	LED;3MM,HERED/GRN WHT DIFF TH,3BC-3-CA-F; hãng SX:Bivar Inc	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2343	620004537	PJ-033A	CONN;CON PWR,JCK,2.0 X,VERT,PJ-033A,6.1MM; hãng SX:CUI Inc	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2344	620004538	MCS1632R030FER	RES-SMD; 0.03 OHM, 1%, 1632, 1W; hãng SX:Ohmite	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2345	620004539	RC1206JR-072RL	RES-SMD; 2 OHM, 5%, 1206 , 1/4W; hãng SX:Yageo	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2346	620004540	RC0603FR-07499KL	RES-SDM; 499K OHM, 1%, 0603, 1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2347	620004541	RC0603FR-0736KL	RES-SMD; 36K OHM, 1%, 0603, 1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2348	620016056	MAX481CSA+	IC;IC TXRX RS485/RS422,8-SOIC,0°C ~ 70°C,MAX481CSA+; hãng SX:Maxim Integrated	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2349	620004542	RC0805JR-0710RL	RES-SMD; 10 OHM ; 5% ;0805; 1/8W; hãng SX:Yageo	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2350	620016204	HEF4511BT,652	IC;BCD-7 SEG DECODER/DRVR;HEF4511BT,16SOIC; hãng SX:NXP Semiconductors	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2351	620004543	RC0603FR-07698KL	RES-SMD; 698K OHM, 1%, 0603, 1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2352	620016205	PJ-037B	CONN-SPECIAL; PWR JCK 2.5 X 6.5MM HIGH CUR; hãng SX:CUI Inc	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2353	620004544	RC0603FR-0793K1L	RES-SMD; 93.1K OHM, 1%, 0603, 1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2354	620016206	1734354-1	CONN-SPECIAL; D-SUB RCPT R/A 9POS GOLD/FL; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2355	620004545	3361P-1-103GLF	TRIMMER-SMD; 10K OHM, 0.5W; hãng SX:Bourns Inc.	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2356	620016207	PPPC101LFBN-RC	CONN-SPECIAL; HEADER FEMALE 10POS. 1" GOLD; hãng SX:Sullins Connector	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2357	620016208	PPPC122LFBN-RC	CONN-SPECIAL; HEADER FEMALE 24PS.1" DL GOLD; hãng SX:Sullins Connector	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2358	620004546	CL32B106KLJNNNE	CAP-CER;10UF,10%,1210,35V,X7R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2359	620016209	CONREVSMA006.062	CONN-SPECIAL; RP-SMA JACK 50 OHM EDGE MNT; hãng SX:Linx Technologies Inc	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2360	620004547	CL32A475KLULNNE	CAP-CER; 4.7UF, 10%, 1210, 35V, X5R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2361	620004549	GMK107B7104KAHT	CAP-CER;0.1UF,10%,0603,35V,X7R; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2362	620004550	C1608X5R1V225K080AC	CAP-CER;2.2UF,10%,0603,35V,X5R; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2363	620004552	1056	HOLDER BATT ;COIN, 1220, 12.5MM, SMD; hãng SX:Keystone Electronics	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2364	620004560	AO4468	MOS-FET; N-CHANNEL, 30V, 10.5A, 8SOIC; hãng SX:Alpha & Omega Semiconductor Inc	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2365	620004573	RC0603FR-078K06L	RES-SMD; 8.06K OHM, 1%, 0603, 1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	28,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2366	620015793	ZXCT1009FTA	IC;CURRENT MONITOR,SOT23-3,20V,-25TO+85C,ZXCT1009; hãng SX:Diodes Inc	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2367	620015938	BQ24650RVAT	IC;IC SYNC SW-MODE BAT CHRGR,-40°C ~ 85°C,16VQFN,BQ24650RVAT,5 V ~ 28 V; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2368	620016294	C091 31D003 100 2	CONN-DIP; Plug, Female, 300V, 5A, 3POS INLINE SKT; hãng SX:Amphenol-Tuchel Electronics	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2369	620016297	BQ24600RVAT	IC;IC SYNC SW-MODE BAT CHRGR,BQ24600RVAT,16VQFN; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2370	620016298	IHLP4040DZER3R3M01	IND-SMD;3.3uH,20%,10.92mmx10.30mmx4mm,10A,14.4mOhm; hãng SX:Vishay Dale	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2371	620015938	BQ24650RVAT	IC;IC SYNC SW-MODE BAT CHRGR,-40°C ~ 85°C,16VQFN,BQ24650RVAT,5 V ~ 28 V; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2372	620015939	103AT-4-70374	Thermistors - NTC; 10kohm, 1%, Shape 130 AWG 50mm; hãng SX:Semitec	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2373	620015940	DS1624+	IC;SENSOR TEMPERATURE,DIP8,-55°C ~ 125°C,DS1624,2.7 V ~ 5.5 V; hãng SX:Maxim Integrated	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2374	620015942	BQ20Z45DBT-R1	IC; GAS GAUGE W/IMP TRACK, 38-TFSOP (0.173", 4.40mm Width), -40°C ~ 85°C, BQ20Z45DBT-R1, 4.5 V ~ 25 V; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2375	620015943	BQ40Z60RHBT	IC; BATTERY MANAGER, 32VQFN, -40°C ~ 110°C, BQ40Z60RHBT, 2.2 V ~ 26 V; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2376	620021130		IC; GEN PURPOSE DUAL OPAMP ;8-MSOP; -40 to 125 °C; AD8676ARMZ_ANALOG DEVICES_TLC2272IPWR; hãng SX:	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2377	620021131		CAP-CER,SMD;22pF,5%,0603,50V,NP0_MURATA_GRM1885C1H220JA01D; hãng SX:	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2378	620021132		CAP-CER,SMD;5600pF,10%,0603,50V,X7R_MURATA_GRM188R71H562KA01D; hãng SX:	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2379	750008842		CONN-SMD;HEADER,M,1X6POS,TSM-106-01-T-SV_SAMTEC_TSM-106-01-T-SV	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2380	750008852		IC;DUAL GATE INVERTER,SOT23-6,-40 TO 125°C,SN74LVC2G04DBVR_TEXAS INSTRUMENTS_SN74LVC2G04DBVR	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2381	750008853		IC;REG LDO,8-SOIC,-40 TO 105°C,TPS76801QDR_TEXAS INSTRUMENTS_MIC37102YM	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2382	750008874		OTHER;RF ISOLATOR,CCW,SAB1842R3R_PARTRON_SAB1842R3R	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2383	750008875		OTHER;RF ISOLATOR,CCW,SAB2655R1R_PARTRON_SAB2655R1R	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2384	620021133		IND-SMD;4.7nH,5%,0603,0.7A,116mOHM_Coilcraft_0603CS-4N7XJLW; hãng SX:	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2385	620021168		CAP-CER,SMD;0.1uF,5%,0603,16V,X7R_MURATA_GRM188R71C104JA01D; hãng SX:	Chiếc	97,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2386	620021223		RES-SMD;1MOHM,1%,0603,1/10W_YAGEO_RC0603FR-071ML; hãng SX:	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2387	620021229		RES-SMD;80.6OHM,1%,0603,1/10W_YAGEO_RC0603FR-0780R6L; hãng SX:	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2388	620021230		RES-SMD;88.7OHM,1%,0603,1/10W_YAGEO_RC0603FR-0788R7L; hãng SX:	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2389	620021231		RES-SMD;510OHM,1%,0603,1/10W_YAGEO_RC0603FR-07510RL; hãng SX:	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2390	620021232		RES-SMD;536OHM,1%,0603,1/10W_YAGEO_RC0603FR-07536RL; hãng SX:	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2391	620021233		RES-SMD;576OHM,1%,0603,1/10W_YAGEO_RC0603FR-07576RL; hãng SX:	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2392	620021234		RES-SMD;887OHM,1%,0603,1/10W_YAGEO_RC0603FR-07887RL; hãng SX:	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2393	620021235		RES-SMD;63.4KOHM,1%,0603,1/10W_YAGEO RC0603FR-0763K4L; hãng SX:	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2394	620021264		CAP-CER,SMD;2.2pF,0.1pF,0805,250V,NP0_MURATA_GQM2195C2E2R2BB12D; hãng SX:	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2395	620021266		IC;EEPROM,8-SOIC,-40 TO 85°C,AT24C16D-SSHM-T_ATMEL_AT24C16D-SSHM-T; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2396	620021516		OTHER;FILTER,ITF IFD18403_ITF IFD18403; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2397	620021517		OTHER;FILTER,ITF IFD26504_ITF IFD26504; hãng SX:	Cuộn	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2398	750008339		CAP-CER,SMD;0.8pF,0.1pF,0805,250V,NP0_A TC_600F0R8BT250XT	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2399	750008343		RES-SMD;0.006OHM,1%,2512,1W_YAGEO_P E2512FKE7W0R006L	Chiếc	70,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2400	750008345		RES-SMD;0OHM,JUM,0603,1/10W_YAGEO_RC0603JR-070RL	Chiếc	529,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2401	750008354		RES-SMD;1KOHM,1%,0603,1/10W_YAGEO_RC0603FR-071KL	Bộ	37,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2402	750008387		RES-SMD;100OHM,1%,0603,1/10W_YAGEO_RC0603FR-07100RL	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2403	750008473		RES-SMD;100KOHM,1%,0603,1/10W_YAGEO_RC0603FR-07100KL	Chiếc	23,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2404	750008510		RES-SPECIAL;50 OHM,1%,50W_RN2_S1020	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2405	750008587		RES-SMD;3.01KOHM,1%,0603,1/10W_YAGEO_RC0603FR-073K01L	Chiếc	62,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2406	750008629		RES-VAR;1 TURN 100OHM,1%,1/8W_BOURNS_3313-J-1-101-E	Chiếc	28,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2407	750008640		CAP-CER,SMD;0.2pF,0.1pF,0805,250V,NP0_A TC_600F0R2BT250XT	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2408	750008642		CAP-CER,SMD;0.5pF,0.1pF,0805,250V,NP0_A TC_600F0R5BT250XT	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2409	750008644		CAP-CER,SMD;1.1pF,0.1pF,0805,100V,NP0_MURATA_600F1R1BT250XT	Cái	60,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2410	750008673		RES-SMD;100OHM,1%,0603,1/10W_KOA SPEER_RK73H1JTTDD10R0F	Cái	83,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2411	750008713		IND-SMD;8.2nH,5%,0603,1.4A,54mOHM_COI LCRAFT_0603HP-8N2XJLW	Cái	31,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2412	750008723		Tụ điện CAP CER 330PF 50V 10% X7R 0603 hãng MURATA	Cái	24,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2413	750008738		CAP-CER,SMD;0.01uF,5%,0603,50V,X7R_MURATA_GRM188R71H103JA01D	Cái	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2414	750008754		CAP-CER,SMD;2pF,0.1pF,0805,250V,NP0_AT C_600F2R0BT250XT	Cái	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2415	750008825		CAP-CER,SMD;1uF,10%,1206,100V,X7R_TAI YO YUDEN_HMK316B7105KL-T	Cái	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2416	750008826		CAP-CER,SMD;20pF,2%,0805,250V,NP0_MURATA_600F200JT250XT	Cái	97,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2417	750008336		TRANS-BJT;PNP,40V,200mA,SOT-23-3,MMBT3906-7-F_DIODE INC_MMBT3906-7-F	Cái	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2418	750008345		RES-SMD;0OHM,JUM,0603,1/10W_YAGEO_RC0603JR-070RL	m	434,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2419	750008351		RES-SMD;18OHM,1%,0603,1/10W_YAGEO_RC0603FR-0718RL	Cái	61,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2420	750008355		RES-SMD;2.7OHM,5%,0805,1/8W_YAGEO_RC0805JR-072R7L	Cái	49,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2421	750008358		RES-SMD;3.3OHM,5%,0805,1/8W_YAGEO_RC0805JR-073R3L	m	48,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2422	750008380		IND-SMD;18nH,5%,0603,700mA,170mOHM_COILCRAFT_0603CS-18NXJL	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2423	750008415		RES-SMD;300OHM,1%,0603,1/10W_YAGEO_RC0603FR-07300RL	Cái	97,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2424	750008431		RES-SMD;5.1OHM,1%,0603,1/10W_YAGEO_RC0603FR-075R1L	Cái	37,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2425	750008448		CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,0805,100V,X7R_TAIYO YUDEN_HMK212B7104KG-T	Bộ	28,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2426	750008517		Tụ điện_CAPACITOR_MURATA_CAP CER 10PF 50V 5% NP0 0603_GRM1885C1H100JA01D	Chiếc	309,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2427	750008635		Tụ điện_CAPACITOR_MURATA_CAP CER 10UF 50V 10% X5R 1206_GRM31CR61H106KA12L	Chiếc	1.126,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2428	750008640		CAP-CER,SMD;0.2pF,0.1pF,0805,250V,NP0_ATC_600F0R2BT250XT	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2429	750008644		CAP-CER,SMD;1.1pF,0.1pF,0805,100V,NP0_MURATA_600F1R1BT250XT	Chiếc	23,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2430	750008645		CAP-CER,SMD;1.2pF,0.1pF,0805,250V,NP0_ATC_600F1R2BT250XT	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2431	750008648		CAP-CER,SMD;1.5pF,0.25pF,0603,50V,NP0_MURATA_GRM1885C1H1R5CA01D	Chiếc	26,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2432	750008652		CAP-CER,SMD;2.2pF,0.1pF,0805,100V,NP0_MURATA_GQM2195C2A2R2BB01D	Chiếc	88,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2433	750008656		CAP-CER,SMD;3.6pF,0.1pF,0805,250V,NP0_MURATA_GQM2195C2E3R6BB12D	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2434	750008657		CAP-CER,SMD;3.9pF,0.1pF,0805,250V,NP0_MURATA_GQM2195C2E3R9BB12D	Chiếc	60,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2435	750008683		Tụ điện_CAPACITOR_MURATA_CAP CER 470PF 50V 10% X7R 0603_GRM188R71H471KA01D	Chiếc	51,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2436	750008689		CAP-CER,SMD;2.7pF,0.25pF,0603,50V,C0G NP0_MURATA_GRM1885C1H2R7CA01D	Chiếc	61,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2437	750008706		IND-SMD;1.5nH,0.2nH,0603,300mA,300mOHM_MURATA_LQP18MN1N5C02D	Chiếc	37,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2438	750008709		IND-SMD;1.8nH,0.3nH,0603,500mA,100mOHM_MURATA_LQG18HN1N8S00D	Cái	61,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2439	750008710		IND-SMD;2.2nH,0.2nH,0603,250mA,400mOH M_MURATA_LQP18MN2N2C02D	Cái	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2440	750008711		IND-SMD;3.3nH,0.3nH,0603,300mA,120mOH M_TAIYO YUDEN_HK16083N3S-T	Cái	97,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2441	750008729		Tụ điện_CAPACITOR_MURATA_CAP CER 1000PF 25V 10% X7R 0603_GRM188R71E102KA01D	Cái	245,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2442	750008743		CAP-CER,SMD;1pF,0.1pF,0805,250V,NP0_AT C_600F1R0BT250XT	Tám	53,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2443	750008747		CAP-CER,SMD;2.2uF,10%,0603,25V,X5R_MU RATA_GRM188R61E225KA12D	Tám	61,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2444	750008754		CAP-CER,SMD;2pF,0.1pF,0805,250V,NP0_AT C_600F2R0BT250XT	Cái	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2445	750008756		CAP-CER,SMD;4.7uF,10%,0603,25V,X5R_MU RATA_CL10A475KA8NQNC	Cái	115,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2446	750008757		CAP-CER,SMD;4.7uF,10%,0805,16V,X7R_MU RATA_C0805C475K4RACTU	Cái	117,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2447	750008812		CAP-CER,SMD;0.5pF,0.25pF,0603,50V,C0G NP0_MURATA_GRM1885C1HR50CA01 D	Cái	68,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2448	750008814		CAP-CER,SMD;1.5pF,0.1pF,0603,100V,C0G NP0_MURATA_GQM1885C2A1R5BB01 D	Cái	61,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2449	750008815		CAP-CER,SMD;1.8pF,0.25pF,0603,50V,C0G NP0_MURATA_GRM1885C1H1R8CA01 D	Cái	61,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2450	620021160		CAP-CER,SMD;5.6pF,0.1pF,0805,250V,NP0_A TC_600F5R6BT250XT; hãng SX:	Cái	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2451	620021167		CAP-CER,SMD;2.4pF,0.25pF,0805,100V,NP0_ AVX_08051A2R4CAT2A; hãng SX:	Cái	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2452	620021178		CAP-CER,SMD;2.7pF,0.1pF,0805,250V,NP0_A TC_600F2R7BT250XT; hãng SX:	Cái	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2453	620021212		RES-SMD;3.3OHM,5%,0805,1/8W_YAGEO_R C0805FR-073R3L; hãng SX:	Cái	107,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2454	620021489		CAP-CER,SMD;0.01uF,5%,0603,50V,X7R_KE MET Corporation_C0603C103J5RACTU; hãng SX:	Cái	151,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2455	620021490		CAP-CER,SMD;3.3pF,0.25pF,0603,50V,NP0_S amsung Electro-Mechanics_CL10C3R3BB8NNNC; hãng SX:	Cái	123,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2456	620021493		CAP-CER,SMD;1.1pF,0.1pF,0805,100V,NP0_A VX Corporation_UQCFVA1R1BAT2A\500; hãng SX:	Cái	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2457	620021494		CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,0805,100V,X7R_A VX Corporation_08051C104KAT2A; hãng SX:	Cái	52,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2458	620021495		RES-SMD;100OHM,1%,0603,1/10W_SEI Stackpole Electronics Inc_RMCF0603FT100R; hãng SX:	Cái	21,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2459	620021517		OTHER;FILTER,ITF IFD26504_ITF_IFD26504; hãng SX:	Thanh	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2460	750008328		IC tích hợp IC MEM EEPROM 8192X8 1MHZ 1.8-3.6V SOIC8 hãng ATMEL	Cái	27,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2461	750008330		IC;PWR LDMOS TRANS,ACP-1230-4LS2,-40 TO 150°C,A3T18H360W23S_NXP_A3T18H360W23S	Cái	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2462	750008335		RES-SMD;100OHM,1%,0805,1/8W_YAGEO_R C0805FR-0710RL	Cái	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2463	750008336		TRANS-BJT;PNP,40V,200mA,SOT-23-3,MMBT3906-7-F_DIODE INC_MMBT3906-7-F	Cái	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2464	750008511		RES-SPECIAL;50 OHM,1%,8W_RN2_S1206N	Cái	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2465	750008638		CAP-CER,SMD;0.022uF,10%,0805,100V,X7R_TAIYO YUDEN_HMJ212BB7223KGHT	Cái	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2466	750008676		12-Bit Analog Monitoring and Control Solution with Multichannel ADC, DACs, and Temperature Sensors_TEXAS INSTRUMENTS_AMC7812BSPA	Bộ	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2467	750008713		IND-SMD;8.2nH,5%,0603,1.4A,54mOHM_COI LCRAFT_0603HP-8N2XJLW	Bộ	306,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2468	750008766		Điện trở RES 10.0 OHM 1/10W 1% 0603 SMD hãng YAGEO	Cái	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2469	750008769		FERRITE_MURATA_FERRITE CHIP 60 OHM 0805_BLM21PG600SN1D	Cái	262,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2470	750008775		IC;PWR LDMOS TRANS,SOT1258-7,-40 TO 105°C,BLC9G27XS-380AVT_AMPLEON_BLC9G27XS-380AVT	Cái	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2471	750008789		OTHER;RF SMD ISOLATOR,IL05AR2650AAE_PATRON_IL05AR2650AAE	Tấm	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2472	620007539	DOCSC022F-030.72M	OCXO 30.72MHZ 3.3V LVCMOS SMD; hãng SX:Connor-Winfield	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2473	620007572	AD7291BCPZ-RL7	IC ADC 12BIT SAR 20LFCSP-WQ; hãng SX:Analog Devices	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2474	620007573	AD9375BBCZ	IC RF TXRX CELLULAR 196LFBGA; hãng SX:Analog Devices	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2475	620007574	AD9528BCPZ-REEL7	IC CLOCK GEN 1.25GHZ VCO 72LFCSP; hãng SX:Analog Devices	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2476	620007583	LM350T/NOPB	IC REG LINEAR POS ADJ 3A TO220-3; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2477	620007584	LTM8003IY#PBF	DC DC CONVERTER 0.97-18V 3.5A; hãng SX:Analog Devices	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2478	620007586	LTM4677EY#PBF	DC/DC CNVRTR 2X0.6-1.8V 144BGA; hãng SX:Analog Devices / Linear Technology	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2479	620007587	LTM4643EV#PBF	IC REG BUCK ADJ 3A QD 77LGA; hãng SX:Analog Devices	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2480	620016940	LM1085ISX-ADJ/NOPB	IC; IC REG LDO, DDPK, -40 TO 125°C, LM1085ISX-ADJ/NOPB, VOLTAGE OUTPUT 1.2 V TO 15 V, CURRENT OUTPUT 3A; hãng SX:Texas Instrume	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2481	620014191	XCZU6CG-1FFVB1156I	Mạch tích hợp (IC); hãng SX:Xilinx; Mô tả: IC SOC CORTEX-A53 1156FCBGA	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2482	620014221	SIR871DP-T1-GE3	Bóng bán dẫn; hãng SX:Vishay Siliconix; Mô tả: MOSFET P-CH 100V 48A POWERPAKSO	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2483	620014227	AD7293BCPZ	Mạch tích hợp (IC); hãng SX:Analog Devices; Mô tả: IC POWER AMPLIFIER 12BIT 56LFCSP	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2484	620014228	74HC21D	Mạch tích hợp (IC); hãng SX:Toshiba; Mô tả: DUAL 4-INPUT AND GATE, SOT 108-1	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2485	620020414	W3223	Ăng ten; hãng SX:PulseLarsen Antennas; Mô tả: 25X25X4MM GPS/GLONASSPIN MOUNT	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2486	620020415	IRS-12/4.5-Q48N-C	Mô đun; hãng SX:Murata Power Solutions Inc.; Mô tả: DC DC CONVERTER 12V 4.5A	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2487	620020417	3224X-1-105E	Điện trở; hãng SX:Bourns; Mô tả: TRIMMER 1M OHM 0.25W SMD	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2488	620002444	1SCA104934R1001	MODULE;1SCA104934R1001,CHANGE-OVER SWITCH; hãng SX:ABB/Finland	Cái	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2489	620002767	62-00187-04	CONN-SPECIAL;USB,DUAL-PORT,PANEL; hãng SX:OCP	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2490	620006614	MS3106E28-12P	CONN-SPECIAL;PLUG,26 POS,INLINE W/PINS; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2491	620009481	A9C20847	Khởi động từ 220VAC, 40A, 4 NC; hãng SX:Schneider	Cái	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2492	620009483	OD1225-24MB	Quạt thông gió 24 VDC, 120x120 mm; hãng SX:Orion Fans	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2493	620006615	MS3106E10SL-3P	CONN-SPECIAL;PLUG,3 POS,STRAIGHT W/PINS; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2494	620009484	I-7520	Bộ chuyển đổi RS232-RS485; hãng SX:ICPDAS	Cái	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2495	620006616	MS3106E24-22P	CONN-SPECIAL;PLUG,4 POS,STRAIGHT W/PINS; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2496	620009489	WEV5002-7	Hạt công tắc cầu thang; hãng SX:Panasonic	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2497	620009490	WEV5001-7	Hạt công tắc đơn; hãng SX:Panasonic	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2498	620009491	WEV680290W	Mặt ổ cắm 2 module; hãng SX:Panasonic	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2499	620009492	A9F74450	Ắt 50A 4 cực ACTI9 IC60N 4P 50A C MCB; hãng SX:Schneider/ France	Cái	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2500	620009493	H7HP-AD	Đồng hồ hiển thị thời gian vận hành, LED 6 số, 24VDC; hãng SX:Omron	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2501	620009494	QN22-A (M-R)	Nút nhấn có đèn phi 22, tiếp điểm 5A/250V, 1NO-1NC, Đèn 24VDC, đèn ĐỎ dạng vòng, Ấn Nhà, phi 22, Nút kim loại chìm; hãng SX:Miao	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2502	620009495	HS13 (HS13X, HS13Y-D, HS13Z)	Công tắc (Switch); hãng SX:NKK	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2503	620009496	HYT-604	Cầu đầu 4P-60A; hãng SX:Hanyoung	Cái	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2504	620009497	WEV1181-7	Hạt ổ cắm đơn; hãng SX:Panasonic	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2505	620009498	WEV68010W	Mặt ổ cắm 1 module; hãng SX:Panasonic	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2506	620009500	HYT-2012	Cầu đầu 12-pole 20A; hãng SX:Hanyong	Cái	21,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2507	620008956	CA121003-12	PROTECTING CAP; ALUMINIUM ALLOY; hãng SX:ITT CANNON	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2508	620008957	CA121004-12	PROTECTING CAP; ALUMINIUM ALLOY; hãng SX:ITT CANNON	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2509	620009515	CA3102E32A10S-B	Đầu nối 54 chân dạng CA-Bayonet loại cái; hãng SX:CANNON	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2510	620009516	CA121004-9	CONN-SPECIAL;PROTECTINGCAP,ALUMINIUM ALLOY; hãng SX:ITT CANNON	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2511	620009517	TM11P-66P(50)	Module Connector; hãng SX:Hirose Connector	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2512	620009518	CA121003-9	CONN-SPECIAL;PROTECTINGCAP,ALUMINIUM ALLOY; hãng SX:ITT CANNON	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2513	620006225	YW1P-1EQM3G	Đèn báo phi 22, màu xanh, 220VAC; hãng SX:IDEC	Cái	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2514	620009519	CA121003-11	Nắp che cho loại connector CA-Bayonet trên mặt bích tù, cỡ E32; hãng SX:CANNON	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2515	620006631	A9F74220	Át 20A 2 cực ACTI9 IC60N 2P 20A C MCB; hãng SX:Schneider/ India	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2516	620009520	CA121004-11	Nắp che cho loại connector CA-Bayonet trên cáp, cỡ E32; hãng SX:CANNON	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2517	620006634	A9F74306	Át 6A 3 cực; hãng SX:Schneider/ Ấn độ	Cái	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2518	620006639	OD1225-24MB	Quạt thông gió 24 VDC, 120x120 mm; hãng SX:Orions Fan/ Trung Quốc	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2519	620006642	IPI204	Thiết bị thông thoại IPI 204; hãng SX:Extron/ Mỹ	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2520	620006646		Cầu tiếp mát trong nội tủ; hãng SX:Chợ Hòa Bình	Cái	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2521	620006648	YW1P-1EQ4G	Đèn báo phi 22 màu XANH 24 VDC, 2.6W; hãng SX:IDEC/ China	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2522	620006649	AP8M122G	Đèn báo phi 8, màu xanh, 24VDC; hãng SX:IDEC	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2523	620006651	LC1D12BD	Khởi động từ 24VDC, 12A, 3 cực, 1NO, 1NC; hãng SX:Schneider/ Indonesia	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2524	620006823	EFD8E65HD3A	Bóng đèn máng 220VAC; hãng SX:Panasonic/ Indonesia	Chiếc	24,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2525	620006830	GX207A	Ghế đệm xoay có tựa lưng; hãng SX:Nội thất 190/ Việt Nam	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2526	620006834	LC1D25BD	Khởi động từ 24VDC, 25A, 3 cực, 1NO, 1NC; hãng SX:Schneider/ Indonesia	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2527	620004287	MS3100E32-17P	CONN-SPECIAL; RECEPTACLE đực, 4 chân; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2528	620006604	CA3106E36-5SB	CONN-SPECIAL, PLUG cái, 4 chân; hãng SX:ITT CANNON	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2529	620006605	CA3106E36-5PB	CONN-SPECIAL; PLUG đực, 4 chân; hãng SX:ITT CANNON	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2530	620006606	MS3100E28-12S	CONN-SPECIAL; RECEPTACLE cái, 26 chân; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2531	620006607	MS3100E10SL-3S	CONN-SPECIAL; RECEPTACLE cái, 3 chân; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2532	620006608	CA3102E36-5SB	CONN-SPECIAL; RECEPTACLE cái, 4 chân; hãng SX:ITT CANNON	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2533	620006609	MS3100E24-22S	CONN-SPECIAL; RECEPTACLE cái, 4 chân; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	51,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2534	620006610	MS3100E32-17S	CONN-SPECIAL; RECEPTACLE cái, 4 chân; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2535	620006611	MS3100E32-22S	CONN-SPECIAL; RECEPTACLE cái, 54 chân; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2536	620006612	CA3102E36-5PB	CONN-SPECIAL; RECEPTACLE đực, 4 chân; hãng SX:ITT CANNON	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2537	620006616	MS3106E24-22P	CONN-SPECIAL; PLUG, 4 POS, STRAIGHT W/PINS; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2538	620006619	MS3106E32-17S	CONN-SPECIAL; PLUG, 4 POS, STRAIGHT W/SCKT; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2539	620006837	1605532	CONN-SPECIAL; M23, SCREW, FEMALE, 6 POLES; hãng SX:Phoenix	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2540	620006838	5-555175-3	CONN MOD; PLUG; 6P6C; SHIELDED; hãng SX:TE Conectivity	Chiếc	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2541	620006839	5-569530-3	CONN MOD; PLUG; 8P8C; SHIELDED; hãng SX:TE Conectivity	Chiếc	147,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2542	620002812	53112135	Ốc siết cáp, 25x1,5, dòng Skintop MSR-M-XL, đồng mạ ni ken, chuẩn IP68-10.; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2543	620002813	52103030	Đai ốc, 25x1,5, dòng Skindicht SM-M, đồng mạ ni ken; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2544	620002814	53102030	Gioăng cao su, OM 25, chống Ozone và UV; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2545	620002815	52103135	Nắp dây, 25x1,5, dòng Skindicht BL-M, đồng mạ ni ken, IP68; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2546	620002823	E/NS 35 N - 0800886	Chặn cầu đầu End clamp, độ rộng 9.5 mm - E/NS 35 N; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	65,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2547	620002824	D-UT 2,5/4-TWIN - 3047141	Nắp che cầu đầu trung gian End cover loại D-UT 2,5/4-TWIN; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	78,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2548	620006688	6XV1830-0EH10	OTHER; PROFI BUS CABLE; hãng SX:Siemens/ Đức	Cái	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2549	620006689	6ES7392-1AM00-0AA0	OTHER; S7 300 Front Connector, 40 pin; hãng SX:Siemens/ Đức	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2550	620006734	53112125	Ốc siết cáp, 20x1,5, dòng Skintop MSR-M-XL, đồng mạ ni ken, chuẩn IP68-10.; hãng SX:Lapp Kabel/ Đức	Cái	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2551	620006735	53112155	Ốc siết cáp, 40x1,5, dòng Skintop MSR-M-XL, đồng mạ ni ken, chuẩn IP68-10; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2552	620006736	52103020	Đai ốc, 20x1,5, dòng Skindicht SM-M, đồng mạ ni ken; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	55,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2553	620006737	52103040	Đai ốc, 32x1,5, dòng Skindicht SM-M, đồng mạ ni ken; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	72,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2554	620006738	52103050	Đai ốc, 40x1,5, dòng Skindicht SM-M, đồng mạ ni ken; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	27,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2555	620006614	MS3106E28-12P	CONN-SPECIAL; PLUG, 26 POS, INLINE W/PINS; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2556	620006617	MS3106E32-17P	CONN-SPECIAL; PLUG, 4 POS, STRAIGHT W/PINS; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2557	620006607	MS3100E10SL-3S	CONN-SPECIAL; RECEPTACLE cái, 3 chân; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2558	620002375	CPN1	CONN; N PLUG STR 50 OHM SOLDER; hãng SX:Emerson Network Power Connectivity AIM-Cambridge	Cái	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2559	620002432	MLG1608SR82J	IND-SMD; 820nH, 5%, 0603, 70mA, 5.5Ohm; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	64,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2560	620002433	HSMN-C170	LED; SMD; 468NM BLUE DIFF 0805 SMD; hãng SX:Avago Technologies US Inc.	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2561	620002436	744762210A	IND-SMD; 100nH, 5%, 2.50mm x 2.00mm x 1.00mm, 1A, 180mOHM; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2562	620004107	FSM4JSMATR	SWITCH; TACTILE, SMD 4 PIN, 0.05A, 12V; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2563	620015469	1SCA108043R1001	MODULE; 1SCA104934R1001, CHANGE-OVER SWITCH; hãng SX:ABB/ Finland	Cái	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2564	620015470	1SCA105220R1001	MODULE; 1SCA104934R1001, CHANGE-OVER SWITCH; hãng SX:ABB/ Finland	Cái	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2565	620015471	LC1DT40BD	Khởi động từ 24VDC, 40A, 4 cực, 1NO, 1NC.; hãng SX:	Cái	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2566	620016600	 R87F-A4A13HP	Quạt 220VA, 3A, loại gắn vào thành tủ, kích thước 100x100x25mm; hãng SX:Omron	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2567	620016601	9GL1224G101	Quạt thông gió cho bàn Điều khiển 24 VDC, 120x120mm, khung nhôm; hãng SX:Sanyo Denky/ Nhật Bản	Chiếc	27,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2568	620016602	MT4N-DA-E4	Thiết bị đo, hiển thị ngõ vào 4-20mA, 24VDC; hãng SX:Autonics/ Korea	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2569	620016603	LADN11	Tiếp điểm phụ cho Contactor dòng TeSys 1NO/1NC; hãng SX:Schneider/ France	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2570	620016605	AH-03127-BS	Còi báo khói có đèn chớp màu đỏ 18~24VDC. 1,0W/40mA@24VDC; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2571	620016607		Đai giữ kèm theo ống ghen 1/2", phụ kiện kèm theo ống ghen; hãng SX:Dân Đạt	Chiếc	828,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2572	620016657		Bảng đồng tiếp địa, kèm 2 trụ sứ cách điện; hãng SX:Việt Nam	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2573	620016663	THD-R-C	Cảm biến nhiệt độ, độ ẩm đầu ra dòng 4-20mA, tích hợp 2 kênh đo nhiệt độ và độ ẩm; hãng SX:Autonics/ Korea	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2574	620016666	LAD9V2	Liên động cơ khí cho Contactor LC1DT20BD, LC1D09BD; hãng SX:Schneider/ France	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2575	620017112	H7CX-AW-N	Thiết bị hiển thị số vòng quay Module Speed Counter, 6-Numbers Intergrated RS485; hãng SX:Omron/ China	Cái	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2576	620017547		Connector cấp nguồn 24V cho quạt thông gió (1 đực + 1 cái); hãng SX:-	Bộ	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2577	620017548		Vỏ đèn ốp máng (chưa bao gồm bóng), có lưới sắt bảo vệ; hãng SX:	Chiếc	31,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2578	620015454	1554539	Connector special; Đầu M12, plug, male, 4 poles, D-coded; hãng SX:Phoenix	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2579	620001847	AP1117E33G-13	IC;REG LDO 1.0A 3.3V,SOT-223; hãng SX:Diodes Inc	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2580	620016582	MS3106E32-22P	CONN-SPECIAL;PLUG,54 POS, STRAIGHT W/PINS; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2581	620016624	KPT08B16-26S	CONN-SPECIAL;CONN,PLUG,26POS,INLINE,R/ A,SKT; hãng SX:ITT CANNON	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2582	620006638	QN22-A (L-G)	Nút nhấn có đèn phi 22, Tiếp điểm 5A/250V, 1NO-1NC, Đèn 24VDC, đèn XANH GREEN dạng vòng, ấn Giữ, phi 22, Nút kim loại chìm.; hân	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2583	620016625	MS3100E10SL-3P	CONN-SPECIAL;CONN,RCPT,3POS,WALL,MN T,W/PINS; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2584	620002256	ZUMT619TA	IC;TRANS NPN;SC70-3,ZUMT619T,50V,1000MA; hãng SX:Diodes Incorporated	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2585	620006642	IPI204	Thiết bị thông thoại IPI 204; hãng SX:Extron/ Mỹ	Bộ	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2586	620016667	1543223	CONN-SPECIAL;M12, PLUG,MALE,4 POLES,D-CODED; hãng SX:Phoenix	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2587	620006651	LC1D12BD	Khởi động từ 24VDC, 12A, 3 cực, 1NO, 1NC; hãng SX:Schneider/ Indonesia	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2588	620017579	FB-00BLMA-TL7001	CONNECTOR, FIBRE OPTIC, LC,PLUG; Connector Type:LC Fiber Optic; Series:LTWFB; hãng SX:	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2589	620017580	CA3106E24-22PB	CONN-SPECIAL;CONN,PLUG,4POS,INLINE,W/ PINS; hãng SX:ITT CANNON	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2590	620006727	D5Y-M	LED 7 SEGMENT INT; hãng SX:Autonics	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2591	620017581	CA3102E24-22PB	CONN-SPECIAL;CONN,RCPT,4POS,BOX,MNT, W/PINS; hãng SX:ITT CANNON	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2592	620006836	WEG68030WK	Mắt ổ cắm 3 modul; hãng SX:Panasonic/ Thái Lan	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2593	620017582	CA3106E24-22SB	CONN-SPECIAL;CONN,PLUG,4POS,INLINE,W/SKTS; hãng SX:ITT CANNON	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2594	620017583	CA3102E32A10P-B	Đầu nối 54 chân dạng CA-Bayonet loại đực, gắn trên bảng kết nối; hãng SX:CANNON	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2595	620017584	CA3102E24-22SB	CONN-SPECIAL;CONN,RCPT,4POS,BOX,MNT,W/SKTS; hãng SX:ITT CANNON	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2596	620017585	CA3106E32A10P-B	Đầu nối 54 chân dạng CA-Bayonet loại đực, lắp trên cáp; hãng SX:CANNON	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2597	620017586	CA3106E32A10S-B	Đầu nối 54 chân dạng CA-Bayonet loại cái, lắp trên cáp; hãng SX:CANNON	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2598	620004119	272190	CONN-SPECIAL;7/16 JACK STR 50 OHM SOLDER; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2599	620004129	SN65HVD10QDREP	IC;TRANSCEIVER RS485 3.3V,8-SOIC; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2600	620004238	68602-112HLF	CON- HEADER, 12POS, .100 STR, 30AU; hãng SX:FCI	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2601	620004239	67997-210HLF	CONN-HEADER, 10POS, .100 STR, 15AU; hãng SX:FCI	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2602	620004241	961104-6404-AR	CONN-HEADER, VERT SGL, 4POS, GOLD; hãng SX:3M	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2603	620004242	68602-116HLF	CONN-HEADER, 16POS, .100 STR, 30AU; hãng SX:FCI	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2604	620004245	1N4007	IC;'DIODE-GPP, 1A, 1000V, DO41; hãng SX:Micro Commercial Co	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2605	620004246	H1102FNL	TRANSFORMER; H1102FNL, 16SOIC, XFRMR SGL ETHR LAN; hãng SX:Pulse Electronics Corporation	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2606	620004247	AD8531ARTZ-REEL7	IC;OPAMP,GP R-R CMOS,SOT23-5; hãng SX:Analog Devices Inc	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2607	620004279	272150 	CONN SPECIAL', ADAPTER 7/16, Plug-Jack; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2608	620004281	3-640441-4	CONN-RECEPT, 4POS, 24AWG, MTA100; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2609	620004718	PMR10EZPFV3L00	RES-SMD; 0.003 OHM 1/2W 1% 0805; hãng SX:Rohm Semiconductor	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2610	620004871	ERJ-6GEYJ105V	RES-SMD;1MOHM,5%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2611	620005499	ERJ-6GEYJ103V	RES-SMD;10KOHM,5%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	64,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2612	620006581	A10905RNCQ	SWITCH ROTARY; hãng SX:C&K Components	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2613	620006582	M2011B2B1W01	SWITCH TOGGLE SPST 6A 125V; hãng SX:NKK Switches	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2614	620006588	EEE-1HA100AP	CAP-ALUM; SMD; 10UF 50V 20%; hãng SX:Panasonic	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2615	620006597	SFH213-PPPC-D13-ID-BK	CONN; SOCKET IDC 26POS W/STR GOLD; hãng SX:Sullins Connector Solutions	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2616	620006694	ERJ-P06J162V	RES-SMD; 1.6K OHM 1/4W 5% 0805; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2617	620006695	ERJ-6ENF75R0V	RES-SMD; 75 OHM 1/8W 1% 0805; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2618	620006696	ERJ-6GEYJ122V	RES-SMD;1.2KOHM,5%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2619	620006697	ERJ-6GEYJ221V	RES-SMD;220OHM,5%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2620	620006698	ERJ-6ENF49R9V	RES-SMD;49.9OHM,1%,0805,1/8W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2621	620006704	QN22-A	SW MOMENTARY INT; hãng SX:N/A	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2622	620006705	S201031MS02Q	SWITCH SLIDE DPST 6A PCB; hãng SX:C&K Components	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2623	620006713	160R15W104KV4T	CAP-CER; 0.1UF 16V 10% X7R 0805; hãng SX:Johanson Dielectrics Inc	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2624	620006714	CL21C150JBANNNC	CAP-CER; SMD; 15PF 50V 5% NP0 0805; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America. Inc	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2625	620006715	199D226X9016D6B1E3	CAP-TANT; RADIAL 22UF 16V 10%; hãng SX:Vishay Sprague	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2626	620006717	172-E09-203R021	CONN; DB9 FEMALE SOLDER CUP NKL; hãng SX:Norcomp Inc.	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2627	620006719	5103309-6	CONN; HEADER LOPRO STR 26POS GOLD; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2628	620006721	103639-4	CONN; HEADER VERT 5POS PCB TIN; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2629	620006722	5-103957-4	CONN; RECEPT 5POS .100 POLAR 15AU; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2630	620006727	D5Y-M	LED 7 SEGMENT INT; hãng SX:Autonics	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2631	620006785	500X15W103MV4E	CAP-CER; SMD; 10000PF 50V 20% X7R 0805; hãng SX:Johanson Dielectrics Inc	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2632	620001836	PW118	IC;POWER AMP,PW118,SOT-89,5TO500MHZ; hãng SX:Prewell	Chiếc	53,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2633	620006786	EEE-FK1K4R7P	CAP-ALUM; SMD 4.7UF 80V 20%; hãng SX:Panasonic	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2634	620006787	SSA34-E3/5AT	DIODE; SCHOTTKY 40V 3A SMC; hãng SX:Vishay Semiconductor Diodes Division	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2635	620006789	SFH690ABT	IC; OPTOCOUPLER PHOTOTRANS 300% 4SOP; hãng SX:Vishay Semiconductor Opto Division	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2636	620006791	BT05CV	IC;POWER AMP,BT05CV,SOT89,5TO4000MHZ; hãng SX:BEREX	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2637	620006855	61300611121	CONN-HEADER, 6 POS, 2.54; hãng SX:Wurth Electronics Inc	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2638	620006606	MS3100E28-12S	CONN-SPECIAL; RECEPTACLE cái, 26 chân; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2639	620006609	MS3100E24-22S	CONN-SPECIAL; RECEPTACLE cái, 4 chân; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2640	620006610	MS3100E32-17S	CONN-SPECIAL; RECEPTACLE cái, 4 chân; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2641	620006613	MS3100E24-22P	CONN-SPECIAL; RECEPTACLE đực, 4 chân; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2642	620006616	MS3106E24-22P	CONN-SPECIAL; PLUG,4 POS, STRAIGHT W/PINS; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2643	620009563	6GK1571-0BA00-0AA0	Bộ nạp chương trình cho PLC qua cổng USB SIMATIC S7, PC ADAPTER USB; hãng SX:Siemens/ Đức	Cái	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2644	620001858	1.14002.1010000	SWITCH;SWITCH PUSH;SPST-NO;0.1A;35V; hãng SX:C&KComponents	Chiếc	57,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2645	620001886	C0805C106M8RACTU	CAP-CER,SMD;10UF,20%,0805,10V,XR7; hãng SX:Kemet	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2646	620009654	MP9100-0.75-1%	RES 0.75 OHM 100W 1% TO247; hãng SX:Caddock Electronics Inc.	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2647	620009655	AP101 1R8 J	RES 1.8 OHM 100W 5% TO-247; hãng SX:Ohmite	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2648	620009656	MP9100-3.30-1%	RES 3.3 OHM 100W 1% TO247; hãng SX:Caddock Electronics Inc.	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2649	620009657	AP101 6R2 J	RES 6.2 OHM 100W 5% TO-247; hãng SX:Ohmite	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2650	620009658	TEH100M15R0FE	RES 15 OHM 100W 1% TO247; hãng SX:Ohmite	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2651	620009659	AP101 1K J	RES 1K OHM 100W 5% TO-247; hãng SX:Ohmite	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2652	620009660	PF2205-1K5F1	RES 1.5K OHM 50W 1% TO220; hãng SX:Riedon	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2653	620009661	AP101 3K3 J	RES 3.3K OHM 100W 5% TO-247; hãng SX:Ohmite	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2654	620009662	AP101 6K8 J	RES 6.8K OHM 100W 5% TO-247; hãng SX:Ohmite	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2655	620009663	MP925-15.0K-1%	RES 15K OHM 25W 1% TO220; hãng SX:Caddock Electronics Inc.	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2656	620009295	4510041	CABLE H05V-K 1X0.5 MM2 RED; hãng SX:	m	62,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2657	620009319	4510051	CABLE H05V-K 1X0.5 MM2 WHT; hãng SX:	m	392,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2658	620009323	4520011	CABLE H07V-K 1X1.5 MM2 BLK; hãng SX:	m	0,40	Vật tư linh kiện, mạch in
2659	620009324	4520041	CABLE H07V-K 1X1.5 MM2 RED; hãng SX:	m	188,58	Vật tư linh kiện, mạch in
2660	620009531	52103115	Nắp dây , 16x1,5, dòng Skindicht BL-M, đồng mạ ni ken, IP68; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	91,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2661	620009532	52103125	Bịt lỗ có gen; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	82,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2662	620009533	52103145	Bịt lỗ có gen; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2663	620009534	52103155	Nắp dây, 40x1,5, dòng Skindicht BL-M, đồng mạ ni ken, IP68; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2664	620009535	53102010	Gioăng cao su, OM 16, Chống Ozone và UV; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	64,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2665	620009536	53102021	Gioăng cao su, OM 20, chống Ozone và UV; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	55,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2666	620009537	53102040	Gioăng cao su, OM 32, chống Ozone và UV; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	26,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2667	620009538	53102050	Gioăng cao su, OM 40, chống Ozone và UV; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2668	620009539	10432000	Giắc cắm Female 4 pos (4 + PE), 23 A; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2669	620009540	10431000	Giắc cắm Male 4 pos (4 + PE), 23 A; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2670	620009541	10422000	Vỏ cho giắc cắm Female 4 pos (4 + PE), 23 A; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2671	620009542	4510021	CABLE H05V-K 1X0.5 MM2 BLU; hãng SX:	m	122,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2672	620009543	4510091	CABLE H05V-K 1X0.5 MM2 ORG; hãng SX:	m	144,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2673	620009546	4520042	CABLE H07V-K 1X2.5 MM2 RED; hãng SX:	m	135,34	Vật tư linh kiện, mạch in
2674	620009547	4520012	CABLE H07V-K 1X2.5 MM2 BLK; hãng SX:	m	158,85	Vật tư linh kiện, mạch in
2675	620002482	C0603C472K5RACTU	CAP-CER; 4700PF,50V, 10%, X7R, 0603; hãng SX:Kemet	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2676	620009550	4520045	CABLE H07V-K 1X10 MM2 RED; hãng SX:	m	205,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2677	620009551	4520015	CABLE H07V-K 1X10 MM2 BLK; hãng SX:	m	187,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2678	620009552	4520005	CABLE H07V-K 1X10 MM2 G/Y; hãng SX:	m	34,32	Vật tư linh kiện, mạch in
2679	620002485	90311-010LF	CONN-HOUSING; 10POS, 2MM, W/KEY; hãng SX:Amphenol FCI	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2680	620009475	171-050-113R911	Đầu nối PCB 50 chân loại đực; hãng SX:NorComp	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2681	620004154	100B120JT500XT	CAP-CER; SMD, 12pF, 500V P90, 1111; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	23,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2682	620008190	LADN22	Contact Blocks for TeSys Contactor D Types 2NO/2NC; hãng SX:Schneider	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2683	620009567	A9F74340	Aptomat Schneider ACTI9 IC60N, 3 cực, 40A cho Máy phát bảo vệ ngắn mạch; hãng SX:Schneider	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2684	620009568	IX 342	Đồng hồ hiển thị encoder SSI, 12-24VDC; hãng SX:Motrona	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2685	620009569	FXW302R	Hạt đèn báo 1 module; hãng SX:Nano	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2686	620009570	D4MC-5020	Công tắc hành trình cho cửa sổ lật khoang máy nỏ; hãng SX:Omron	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2687	620009571	WEV1081-7	Hạt ổ cắm đơn 2 chấu; hãng SX:Panasonic	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2688	620009572	WEG6806-W	Mặt ổ cắm 6 module dòng WIDE màu trắng; hãng SX:Panasonic	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2689	620009573	SF-7QS2000 - 1605643	Chấu đồng cho connector M32; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2690	620008008	LM321MF/NOPB	IC;OP AMP,LM321MF/NOPB,SOT235; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2691	620009007	172278-10	CONN-SPECIAL; ADAPT JACK-JACK N 50 OHM; hãng SX:Amphenol-RF Division	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2692	620009363	ELJ-RE68NGFA	IND-SMD;68nH,2%,0603,250mA,1.3OHM; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	73,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2693	620009389	0039000039	CONN TERM FEMALE 18-24AWG TIN; hãng SX:MOLEX INC	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2694	620009414	100R15X106KV4E	CAP-CER; SMD; 10UF 10V 10% X5R 0805; hãng SX:Johanson Dielectrics Inc	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2695	620009419	C0805C106K8RACTU	CAP-CER,SMD,10UF,10%,0805,10V,X7R; hãng SX:Kemet	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2696	620009422	C0805C180J5GACTU	CAP-CER; 18PF,50V, 5%, NP0, 0805; hãng SX:Kemet	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2697	620009423	GRM1555C1H471JA01D	CAP-CER; SMD, 470PF,5%, 0603,50V,C0G; hãng SX:Murata Electronics	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2698	620009424	TLJR476M010R3200	CAP-TANT; RADIAL; 47UF 10V 20% 0805; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2699	620009425	UHW1V471MPD	CAP-CER; ALUM,470UF, 35V, 20%, RADIAL; hãng SX:Nichicon	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2700	620009426	1737822	TERM BLOCK PLUG 3POS 7.5MM; hãng SX:Phoenix Contact	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2701	620009427	1766466	TERM BLOCK HDR 3POSVERT 7.5MM; hãng SX:Phoenix Contact	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2702	620009429	39012085	CONN-RECEPT; 8POS, DUAL; hãng SX:Molex LLC	Chiếc	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2703	620009430	39012165	CONN-RECEPT; 16POS, DUAL; hãng SX:Molex LLC	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2704	620009432	0039299169	CONN-DIP; 16POS, DLVERT, GOLD; hãng SX:Molex LLC	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2705	620009439	83052AGILF	IC; CLK MULTPLX 2:1, 250MHZ, 8TSSOP; hãng SX:IDT, Integrated Device Technology Inc	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2706	620009440	HMC992LP5E	RF IF AGC 50MHZ-800MHZ 32SMT; hãng SX:DIGIKEY	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2707	620009445	TPS5420D	IC;REG BUCK, TPS5420D,8SOIC,ADJ,2A; hãng SX:Texas Instrument	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2708	620009446	5-1624113-1/36502AR20JTDG	IND-FIXED,200NH, 400MA, 660 MOHM; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2709	620009447	AIAC-4125C-R206J-T	IND-FIXED, SMD, 206NH,3A, 10.5 MOHM; hãng SX:Abracon LLC	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2710	620009448	ELJ-RER12GFA	IND-SMD;120nH,2%,0603,130mA,3OHM; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2711	620009449	ELJ-RER18GFA	IND-SMD;180NH,2%,0603,80mA,6.5Ohm; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	38,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2712	620009450	L-05B6N8JV6T	IND-SMD;6.8NH,0603,; hãng SX:Johanson Technology Inc	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2713	620009451	MLG1005S0N3CT000	IND-SMD;0.3NH, 0603,1 A,100 MOhm; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2714	620009452	SDR1006-330KL	IND; RADIAL; 33UH 1.5 A; hãng SX:Bourns Inc.	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2715	620009453	AP8M122R	Đèn báo phi 8: Đèn báo màu ĐỎ 24VDC; hãng SX:	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2716	620009457	ERJ-6ENF3241V	RES-SMD; 3.24K OHM 1/8W 1% 0805; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2717	620009458	25LB10-Q	SWITCH; ENCODER MECHANICAL, 36POS PC MNT; hãng SX:Grayhill Inc	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2718	620009460	22543433	CONN-SPECIAL; 62_N-0-0-1/-3-E; hãng SX:Huber+suhrner	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2719	620009461	22542173	CONN-SPECIAL;13_N-50-0-1/133_NE; hãng SX:Huber+suhrner	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2720	620009462	ATS-1143-C1-R0	HEATSINK;1/2 BRICK HEATSINK 58X61X6.1MM; hãng SX:Advanced ThermalSolutions Inc	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2721	620009463	MMM-3033-DSL	Bộ nhớ DDR2-800 1GB 200PIN SODIMM; hãng SX:Terasic	Chiếc	24,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2722	620009464	C0805C560F5GACTU	CAP-CER, SMD;56PF,1%,0805,50V,NPO; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2723	620009465	C1210C106M5R2C7186	CAP-CER, SMD; 10uF, 20%, 1210, 50V, X7R; hãng SX:Kemet	Chiếc	17,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2724	620009466	72973	CONN-SPECIAL; PANEL MOUT; JACK SMA F TO F PANEL MOUNT; hãng SX:Pomona Electronic	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2725	620009467	1761681-3	CONN; HEADER PIN 10POS; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2726	620009468	ATS-1178-C1-R0	HEATSINK,1/8 BRICK HEATSINK 58X23X6.1MM; hãng SX:Advanced ThermalSolutions Inc	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2727	620009469	MGA-30689-BLKG	IC;POWER AMP,MGA-30689-BLKG; hãng SX:Broadcom Limited	Chiếc	24,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2728	620009470	22542452	CONN-SPECIAL; 61_N-0-0-1/-3-E; hãng SX:Huber+suhrner	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2729	620009471	HF365/14SF	CABLE;14COND,RIBBON,LT GRY,100FT; hãng SX:3M	Cuộn	0,97	Vật tư linh kiện, mạch in
2730	620009472	EEV-TG2A331M	CAP-ALUM, SMD,330UF, 20%,100V; hãng SX:Panasonic ElectronicComponents	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2731	620009473	1658527-5	CONN-RCPT; 14POS, POLAR, GOLD; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2732	620009474	22642845	CONN-SPECIAL; 11_N-50-7-44/133_NE; hãng SX:Huber+suhrner	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2733	620009581	XC1305CT-ND	CRYSTAL, 25MHz, 18pF, SMD; hãng SX:ECS Inc	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2734	620004833	C0603C104K8RACTU	CAP-CER,SMD;0.1UF,10%,0603,10V,XR7; hãng SX:Kemet	Chiếc	53,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2735	620005022	ERJ-3EKF1962V	RES-SMD; 19.6k, 1%, 0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2736	620005779	TXB0104PWR	IC; 4-BIT, TRNSTR, 14TSSOP; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2737	620005862	C0402C105K8PACTU	CAP-CER,SMD;1UF,10%,0402,10V,X5R; hãng SX:Kemet	Chiếc	107,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2738	620016620	6ES7390-1AF30-0AA0	MODULE;6ES7390-1AF30-0AA0,SIMATIC S7-300, RAIL L=530MM; hãng SX:Siemens	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2739	620016621	6ES7972-0BA12-0XA0	OTHER; Bus Connector for Profibus, 12 MBit/s; hãng SX:Siemens/ Đức	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2740	620017117	6ES7338-4BC01-0AB0	OTHER; PLC Signal S7 300 for 3 SSI Sensor; hãng SX:Siemens/ Đức	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2741	620017593	6ES7392-1AJ00-0AA0	MODULE;6ES7392-1AJ00-0AA0,SIMATIC S7-300 FRONT CONNECTOR FOR SIGNAL MODULES; hãng SX:Siemens	Cái	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2742	620017595	6ES7341-1CH02-0AE0	Bộ kết nối mạng RS422/485. SIMATIC NET, CP341 COMMUNICATION PROCESSOR PROCESSOR WITH RS422/485; hãng SX:Siemens	Cái	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2743	620017597	6ES7332-5HB01-0AB0	Mô đun tương tự 2AOx12Bit. SIMAIC S7-300, ANALOG OUTPUT SM322; hãng SX:Siemens	Cái	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2744	620017598	6GK7343-1GX31-0XE0	Bộ kết nối mạng Ethernet. SIMATIC NET, CP343-1 ADVANCED; hãng SX:Siemens	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2745	620020904	6SL3210-1KE21-3AP1	Biến tần Siemens 5.5 KW, 3-Phase 220/380V, 12.5A, Filtered, chuẩn giao tiếp Profibus, Frame size B; hãng SX:Siemens	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2746	620025881	6ES7322-1BH10-0AA0	Simatic S7-300, Digital Output SM322 High speed, galvanically isolated, 16 DO, 24V DC, 0.5A, switching frequency max. 1kHz, 1x20	Cái	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2747	620016628	53112115	Ốc siết cáp, 16x1,5, dòng skintop MSR-M-XL, đồng mạ ni ken, chuẩn IP68-10; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2748	620016629	52103010	Đai ốc, 16x1,5, dòng Skindicht SM-M, đồng mạ ni ken; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	64,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2749	620017590	53112145	Ốc siết cáp, 32x1,5, dòng Skintop MSR-M-XL, đồng mạ ni ken, chuẩn IP68-10; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2750	620017591	19426000	Vỏ cho giắc cắm Male 4 pos (4 + PE), 23 A; hãng SX:Lapp Kabel	Cái	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2751	620009559	600F1R0BT	CAP-CER; SMD; 1PF 250V NP0 0805; hãng SX:Kemet	Chiếc	48,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2752	620015477	RJFC6G	CONN-SPECIAL; Ethernet Connectors Metallic Plug Cap RJ45 Cat5e Olive; hãng SX:Amphenol PCD	Cái	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2753	620015478	RJFC2G	CONN-SPECIAL; Ethernet Connectors Sq Flange Recept Cap RJ45 Cat5e Olive; hãng SX:Amphenol PCD	Cái	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2754	620009561	510YB06AWAJ2S	Thiết bị chống sét; hãng SX:Emerson	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2755	620016569	FB-00BLMA-LL7001	Connector - Special; LC type waterproof - male, multi mode; hãng SX:Amphenol	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2756	620017703	MS3100E14S-2S	Đầu nối 4 chân cắm (loại cái), 500VAC/ 700VDC, 13A, lắp trên tủ; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2757	620017704	MS3106E14S-2P	Đầu nối 4 chân cắm (loại đực), 500VAC/ 700VDC, 13A, trên máng cáp; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2758	620017705	MS3100E20-4S	Đầu nối 4 chân cắm (loại cái), 900VAC/ 1250VDC, 41A, lắp trên tủ; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2759	620017706	MS3106E20-4P	Đầu nối 4 chân cắm (loại đực), 900VAC/ 1250VDC, 41A, lắp trên máng cáp; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2760	620017707	MS3420-6	Gioăng cho connector CA-B Connector CAB/VG 14S Bushing; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	26,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2761	620017708	MS3420-16	Gioăng cho connector CA-B Connector CAB/VG 24 Bushing; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	59,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2762	620017709	012-8556-000	Gioăng cho connector CA-B Connector CAB/VG 28 Bushing; hãng SX:ITT Cannon	Chiếc	21,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2763	620017710	MS3420-20	Gioăng cho connector CA-B Connector CAB Bushing 32; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2764	620017711	MS3100E22-19S	Đầu nối 14 chân cắm (loại cái), 500VAC/ 700VDC, 13A, lắp trên tủ; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2765	620017712	MS3106E22-19P	Đầu nối 14 chân cắm (loại đực), 500VAC/ 700VDC, 13A, lắp trên tủ; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2766	620017714	MS3420-4	Gioăng cho connector CA-B Connector Bushing 10SL/12/12S; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2767	620017604	EMD-SL-PS-24DC - 2885359	Module nguồn cung cấp cho dòng EMD-SL, 20 V DC ... 30 V DC; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2768	620017605	UT 2,5-MT - 3046362	Cầu đấu trung gian loại có dao cắt, Knife Disconnecter Terminal Block UT 2,5 - MT, 20A, 400V, bề rộng 5.2mm; hãng SX:Phoenix C	Cái	42,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2769	620017606	FBS 3-5 - 3030174	Thanh nối chung cho cầu đấu FBS 3-5, 3 vị trí, khoảng cách giữa 2 vị trí 5.2 mm; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	38,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2770	620017607	UCT-TM 5 - 0828734	Nhân cho cầu đấu rộng 5.2mm, 72 nhân/tám, cỡ chữ: 4.6 x 10.5 mm; hãng SX:Phoenix Contact	Tám	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2771	620017608	UCT-TM 8 - 0828740	Nhân cho chặn cầu đấu E/NS 35 N, rộng: 8.2 mm, cỡ chữ: 7.6 x 10.5 mm; hãng SX:Phoenix Contact	Tám	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2772	620017609	D-UT 2,5/10 - 3047028	Nắp che cầu đấu trung gian End cover loại D-UT 2,5/10; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2773	620017610	UT 4 - 3044102	Cầu đấu trung gian, Feed-through Terminal Block UT 4, 32A, 1000V, bề rộng 6.2mm, chiều dài 47.7mm; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2774	620017611	UTTB 2,5 - 3044636	Cầu đấu trung gian, 2 tầng, Double-level terminal block UTTB 2,5, 24A, 500V, bề rộng 5.2mm, chiều dài 69.9mm; hãng SX:Phoenix Co	Cái	48,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2775	620017612	UTTB 4 - 3044814	Cầu đấu trung gian, 2 tầng, Double-level terminal block UTTB 4, 30A, 800V, bề rộng 6.2mm, chiều dài 69.9mm; hãng SX:Phoenix Cont	Cái	36,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2776	620017613	D-RSC 5 - 3058020	Nắp che cầu đấu trung gian End cover loại D-RSC 5; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	38,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2777	620017614	AP RSC - 3058017	Nắp che nhựa cho cầu đấu RSC, Cover profile, chiều dài 1m; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2778	620017615	D-UTTB 2,5/4 - 3047293	Nắp che cầu đấu trung gian End cover loại D-UTTB 2,5/4; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2779	620017616	ZB 9:UNBEDRUCKT - 0829127	Nhân cho cầu đấu Zack marker strip ZB9, rộng 9mm, 10 nhân/hàng, cỡ chữ: 9 x 10.5 mm; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2780	620017617	AB-SK 65 - 3026489	Thanh đỡ cho thanh cái, Support bracket for busbars, loại 1 bên, bề rộng 6.2mm, chiều dài 95.5mm; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2781	620017618	AB-SK 65-D INSULATED - 3040889	Thanh đỡ cho thanh cái, Support bracket for busbars, loại 2 bên, bề rộng 8.2mm, chiều dài 150mm; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2782	620017619	NLS-CU 3/10 SN 1000MM - 0402174	Thanh cái để giữ dây, PEN conductor busbar, 3mm x 10mm, chiều dài 1000mm; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2783	620017620	SK8 - 3025163	Vít kẹp dây cho thanh cái, Shield connection clamp for shield busbars SK 8, đường kính cáp 3 mm ... 8 mm; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2784	620017621	SK14 - 3025176	Vít kẹp dây cho thanh cái, Shield connection clamp for shield busbars SK 14, đường kính cáp 3 mm ... 14 mm; hãng SX:Phoenix Contac	Cái	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2785	620017622	SK20 - 3025189	Vít kẹp dây cho thanh cái, Shield connection clamp for shield busbars SK 20, đường kính cáp 5 mm ... 20 mm; hãng SX:Phoenix Contac	Cái	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2786	620017623	NS 35/ 7,5 CAP - 1206560	Che cho 2 đầu thanh DIN, DIN rail end piece, cho thanh DIN loại NS 35/7.5; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	86,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2787	620017624	PLC-RSC-24DC/21HC - 2967620	Rơ le 24VDC kèm đế, mạch bảo vệ chống phân cực ngược, Free-wheeling diode, có LED biểu thị trạng thái cuộn dây, 1 PDT, 250VAC/DC	Cái	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2788	620017626	FBS 10-5 - 3030213	Thanh nối chung cho cầu đấu FBS 10-5, 10 vị trí, khoảng cách giữa 2 vị trí 5.2 mm; hãng SX:Phoenix Contact	Thanh	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2789	620017627	FBS 20-5 - 3030226	Thanh nối chung cho cầu đấu FBS 20-5, 20 vị trí, khoảng cách giữa 2 vị trí 5.2 mm; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2790	620017628	UT 2,5 - 3044076	Cầu đầu trung gian, Feed-through Terminal Block UT 2,5, 24A, 1000V, bề rộng 5.2mm, chiều dài 47.7mm; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2791	620017630	HC-A 4-EBUS - 1774908	Giắc cắm loại cái, HEAVYCON female insert, 4 vị trí + PE, 230/400 V, 16 A, tiết diện dây từ 0.5 mm2 ... 1.5 mm2; hãng SX:Phoenix C	Cái	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2792	620017631	HC-A 4-ESTS - 1774911	Giắc cắm loại đực, HEAVYCON male insert, 4 vị trí + PE, 230/400 V, 16 A, tiết diện dây từ 0.5 mm2 ... 1.5 mm2; hãng SX:Phoenix Con	Cái	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2793	620017632	HC-D 7-KML-61/M1PG11/PA - 1772308	Vỏ cho giắc cắm loại cái, Coupling housing with single locking latch, 1 x Pg11; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2794	620017633	HC-D 7-TFL-57/M1PG11G/PA - 1772269	Vỏ cho giắc cắm loại đực, Sleeve housing for single locking latch, 1 x Pg11; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2795	620017634	SACC-M12FST-3PECON-PG11-M - 1404644	Connector loại cái, Socket straight M12, T-coded, Cable gland Pg11, 4 vị trí, 63 V DC, 12 A, , tiết diện dây từ 0.75 mm2 ... 1.5 m	Bộ	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2796	620017635	SACC-M12MST-3PECON-PG11-M - 1404643	Connector loại đực, Plug straight M12, T-coded, Cable gland Pg11, 4 vị trí, 63 V DC, 12 A, , tiết diện dây từ 0.75 mm2 ... 1.5 mm2	Bộ	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2797	620017639	PLT-SEC-T3-BE -2905557	Đế cắm cho chống sốc điện áp đường nguồn 24VDC Type 3 surge protection base element PT -BE/FM; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2798	620017640	QUINT-PS 1AC/24DC/10 - 2866763	Bộ nguồn AC/DC QUINT 1 pha với công nghệ SFB, đầu ra 24 V DC/10 A, có Active PFC, power boost đầu ra lên đến 15 A, biểu thị trạn	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2799	620020713	ETD-SL-1T-DTF - 2866161	Rơ le thời gian, 24VDC, 2 PDTs, dải điều chỉnh thời gian: 50 ms - 100 h, chức năng ON-DELAY, OFF-DELAY, có LED biểu thị trạng th	Cái	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2800	620020714	UCT-TM 6 - 0828736	Nhân cho rơ le, rộng 6.2 mm, 60 nhân/tám, cỡ chữ: 5.6 x 10.5 mm; hãng SX:Phoenix Contact	Tám	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2801	620020715	PLC-RSC-24DC/21-21 - 2967060	Rơ le 24VDC kèm đế, mạch bảo vệ chống phân cực ngược, Free-wheeling diode, có LED biểu thị trạng thái cuộn dây, 2 PDT, 250VAC/DC	Cái	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2802	620020716	REL-MR-24DC/21-21 - 2961192	Rơ le 24VDC dạng cắm, dòng tiêu thụ 17mA, tiếp điểm lực, 2 PDT, 8A; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	204,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2803	620020717	RIF-4-BPT/3X21 - 2900961	Đế cho rơ le dòng RIF-4, 3 PDT, 440 V AC, 250 V DC, 16 A, gắn trên DIN NS 35/7,5; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2804	620020718	RIF-RH-4 - 2900956	Thanh giữ rơ le với đế dòng RIF-4, có vị trí đánh nhãn rơ le; hãng SX:Phoenix Contact	Cái	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2805	620020773	GRM120 -30	Bộ lọc khí cho quạt thông gió 120x120mm; hãng SX:Orion Fans / China	Bộ	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2806	620025196	QN22-A (M-G)	Nút nhấn có đèn phi 22, tiếp điểm 5A/250V, 1NO-1NC, Đèn 24VDC, đèn XANH GREEN dạng vòng, Ấn Nhà, phi 22, Nút kim loại chìm; hãng	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2807	620025883	LIT 4X1-24 - 2804649	Thiết bị chống sốc cho đường tín hiệu 24VDC, cho 4 tín hiệu trên một thiết bị LIT 4x1-24, độ rộng 6.2 mm; hãng SX:Phoenix	Cái	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2808	620025884	VIP-3/SC/D50SUB/F/LED 0;- 232223	Khối cầu đầu kết nối giữa tín hiệu cấp trường về cấp điều khiển, 50 chân, D-SUB socket strip, 24 V DC, dòng tiêu thụ tối đa cho	Cái	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2809	620025885	RSC 4 - 3058127	Cầu đầu trung gian đầu nối kiểu bu lông, Feed-through terminal block with bolt connection method RSC 4, 32A, 800V, bề rộng 9mm,	Cái	46,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2810	620015491	142138	CONN-SPECIAL;CONN SMB MALE JACK STRGHT PCB; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2811	620015820	SMBJ13CA	TVS-DIODE;BI-DIR,600W,13V,DO-214AA,SMBJ13CA; hãng SX:Bourns Inc.	Chiếc	17,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2812	620015828	TCD-20-4+	IC;COUPLER,TCD-20-4,20dB DIRECTIONAL 5 TO 1000MHz; hãng SX:MINI-CIRCUIT	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2813	620015831	SM-42TW102	RES-VR,SMD;1K OHM,±10%,Square - 0.189" L x 0.138" W x 0.201" H ,0.25W; hãng SX:Copal Electronics Inc	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2814	620015870	67996-114HLF	CON-HEADER BERGSTIK II, .100", DR STRAIGHT, 14 POS; hãng SX:FCI	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2815	620015871	202109-10	CONN-SPECIAL;CONN N MALE TERMINATOR 50 OHMS; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2816	620015872	172235	CONN-SPECIAL;RF/COAXIAL, N PLUG, R/A, 50 OHM, SOLDER; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2817	620015877	LCM-S01602DSF/A	LCD, MODULE 16X2 CHARACTER, 80 mm x 36.mm, x 12.7 mmW/LED; hãng SX:Lumex Opto/Components Inc.	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2818	620016656	SN74HC148DR	IC;PRIORITY ENCODER 8-3L,16-SOIC,-40°C ~ 85°C,SN74HC148DR0.; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2819	620017511	OSTTC022162	CONN-SPECIAL;Term block,5.08MM vert 2POS PCB.; hãng SX:On Shore Technology Inc.	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2820	620017519	1830606	CONN-SPECIAL;TERM BLK HDR PCB, 3POS, 3.81MM, GRN; hãng SX:Phoenix Contact	Chiếc	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2821	620017524	OSTYK22104030	CONN-SPECIAL; BARRIER, STRIP, 4CIRC, 6.35MM; hãng SX:On Shore Technology Inc	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2822	620017526	BZX84-B22,215	DIODE-ZENER; 22V,250MW,SOT23,BZX84-B22,215; hãng SX:NXP Semiconductors	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2823	620017528	ACS714ELCTR-30A-T	IC;CURRENT SENSOR,ACS714ELCTR-30A-T,8-SOIC,30A,5V,-40TO+125C; hãng SX:Allegro Microsystems Inc	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2824	620017529	HMC349MS8G	IC;high isolation SPDT non-reflective switch, DC-4HGz, HMC349MS8G; hãng SX:Hittite Microwave	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2825	620017533	UT-250C	COAXIAL CABLE;UT-250C,6.1m,Φ0.25",50OHM,DC~19GHZ; hãng SX:Micro-Coax	Sợi	0,74	Vật tư linh kiện, mạch in
2826	620017534	SCPQ-180+	IC;IC 2 Ways Power Splitter10W,90 deg, SCPQ-180+; hãng SX:MINI-CIRCUIT	Chiếc	53,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2827	620017535	SYM-18H+	IC;5-1800MHz,Level 17 SurfaceMount Frequency Mixer, SYM-18H+; hãng SX:MINI-CIRCUIT	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2828	620017538	P0054	CARD FPGA: Bo mạch Altera DE4 Chip Startix IV, GXEP4 SGX230 và các phụ kiện đi kèm theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất; hãng SX:Ter	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2829	620017540	SHB11-PBPC-D20-ST-BK	CONN-DIP;HEADER,VERT.,100,40POS,GOLD,4-1634688-0; hãng SX:Sullins Connector Solutions	Chiếc	17,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2830	620017541	CLA4609-086LF	DIODES-PIN;250V,200mA,QFN-3 CLA4609-086LF; hãng SX:SKYWORKS/China	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2831	620017542	SPF-5043Z	IC;GaAs pHEMT Low NoiseMMIC Amplifier,SPF5043Z; hãng SX:RFMD	Chiếc	174,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2832	620017543	CLA4605-219	DIODES-PIN; 30-60V,200mA,SMT,CLA4605-219; hãng SX:Skyworks Solutions, Inc/ USA	Chiếc	62,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2833	620017544	PE43703	IC;ATTENUATOR RF DSA7 bit 50 ohm,32-QFN,31.75dB,9 kHz-6000MHz,PE43703; hãng SX:Peregrine Semiconductor	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2834	620020801	854654	FILTER-SMD;SAW,SMP,BW 2MHZ,70MHZ,854654; hãng SX:Triquint Semiconductor	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2835	620020901	854655	FILTER-SMD;SAW,SMP,BW 2.5MHZ,70MHZ,854655; hãng SX:TRIQUINT	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2836	620020902	TT63213B-161M	FILTER;FILTER BANDPASS, acceptable specify range 146MHz to 165MHz, TT63213B-161M; hãng SX:Temwell	Chiếc	17,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2837	620020903	RLP-176+	FILTER;FILTER LOW PASS,DC to 176 MHz,RLP-176+; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2838	620021111	BLM21BD152SN1D	FERRITE BEAD;SMD,200mA,1500 OHM@100MHz,0805; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2839	620025876	S8JC-ZS05024CD-AC2	Bộ chuyển đổi nguồn AC sang DC: - Bộ nguồn 24VDC, 50W: - Nguồn cấp 200~240VAC (185~264VAC), 50/60Hz. - Điện áp ngõ ra: 24VDC	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2840	620009373	600F0R4AT250XT	CAP-CER; SMD, 0.4pF, 250V NP0, 0805; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	26,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2841	620009374	600F0R5AT250XT	CAP-CER; SMD, 0.5pF, 250V NP0, 0805; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	51,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2842	620009375	600F0R6BT250XT	CAP-CER; SMD, 0.6pF, 250V NP0, 0805; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	231,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2843	620009376	600F0R8BT250XT	CAP-CER; SMD, 0.8pF, 250V NP0, 0805; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	303,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2844	620009377	600F0R7BT250XT	CAP-CER; SMD, 0.7pF, 250V NP0, 0805; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	188,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2845	620009378	C1608C0G1H103K080AA	CAP CER 10000PF 50V C0G 0603; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2846	620009379	S1411-46R	SHIELD; SMD, RFL, MAXI TIN; hãng SX:Harwin Inc.	Chiếc	189,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2847	620009380	100B3R3CT500XT	CAP-CER; SMD, 3.3pF, 500V P90, 1111; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2848	620016582	MS3106E32-22P	CONN-SPECIAL;PLUG,54 POS, STRAIGHT W/PINS; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2849	620009478	EMD-FL-3V-400	Bộ giám sát ngược pha; hãng SX:Phoenix Contact	Bộ	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2850	620015494	1432677	Connector special; Đầu M12, plug, female, 5 poles, A-coded; hãng SX:Phoenix	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2851	620009155	T491A106K010AT	CAP-TA,SMD;10UF,10%,1206,10V; hãng SX:Kemet	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2852	620009406	ERJ-3EKF40R2V	RES-SMD; 40.2 OHM 1/10W 1% 0603; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	36,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2853	620009591	C0603C105K9RACTU	CAP-CER,SMD,1UF,10%,0603,6.3V,X7R; hãng SX:Kemet	Chiếc	985,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2854	620009609	ERJ-3EKF6041V	RES-SMD;6.04KOHM,1%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2855	620009610	C0603C332K5RACTU	CAP-CER,SMD;3300pF,10%,0603,50V,X7R; hãng SX:Kemet	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2856	620009614	LMK212SD104KG-T	CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,0805,10V; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	47,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2857	620009615	ECS-2033-240-AU	OSC, SMD; 24.000MHZ, 3.3V; hãng SX:ECS Inc	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2858	620009618	C0603C822K5RACTU	CAP-CER;8200PF;50V;10%;X7R;0603; hãng SX:	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2859	620009622	1008CS-222XGLB	INDUCTOR;RF;2.2UH;2%;160MHZ;SMD ; hãng SX:COILCRAFT	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2860	620009623	ERJ-2RKF33R0X	RES-SMD;33OHM,1%,0402,1/10W; hãng SX:	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2861	620009624	ERJ-3EKF6981V	RES SMD 6.98K OHM 1% 1/10W 0603; hãng SX:	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2862	620009625	ERJ-3EKF7680V	RES-SMD,768OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2863	620009626	ERJ-3EKF8451V	RES-SMD,8.45KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2864	620009353	R230	Bộ tự động điều chỉnh điện áp (AVR); hãng SX:Leroys Somer	Cái	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2865	620015434	SCA-4-10+	Switch;Splitter/Combiner;4-Way;0°;500;5 to 1000 MHz; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2866	620017026	MGA-31189-BLKG	IC;RF AMPLIFIER,MGA-31189-BLKG,0.25W,S0789; hãng SX:Avago Technologies US Inc.	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2867	620019465	9178B CL005	Cáp; hãng SX:Alpha Wire	Cuốn	0,94	Vật tư linh kiện, mạch in
2868	620019764	ADC-26-52+	Vi mạch; hãng SX:Mini Circuit	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2869	620019765	132173	Đầu nối; hãng SX:Amphenol-RF Division	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2870	620019766	SRF1280A-101M	Cuộn cảm; hãng SX:Bourns Inc.	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2871	620017571	TABLO_V1.1	PCB ARRAY; TABLO_V1.1 , 2 lớp, 100*150*1.6 mm, FR4, mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh đậm.; hãng SX:Vital-Links PCB	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2872	620017572	TABLO_SUB_V1.1	PCB ARRAY; TABLO_SUB_V1.1 , 2 lớp, 100*150*1.6 mm, FR4, mạ vàng, chữ trắng, sơn xanh đậm.; hãng SX:Vital-Links PCB	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2873	620017573	UPS BOARD1	PCB ARRAY; UPS BOARD1, 2 Lớp, Kích thước 100*74*1.6 mm, FR4, chữ trắng, mạ vàng, sơn xanh đậm.; hãng SX:Vital-Links PCB	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2874	620017574	UPS BOARD2	PCB ARRAY; UPS BOARD2, 2 Lớp, Kích thước 86*116*1.6 mm, FR4, chữ trắng, mạ vàng, sơn xanh đậm.; hãng SX:Vital-Links PCB	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2875	620017575	TU_ATS_BRD_REV1	PCB ARRAY; TU_ATS_BRD_REV1, 2 Lớp, Kích thước 200*120*1.6 mm, FR4, chữ trắng, mạ vàng, sơn xanh đậm.; hãng SX:Vital-Links PCB	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2876	620017576	TU_CTR2_BRD_REV1	PCB ARRAY; TU_CTR2_BRD_REV1, 2 Lớp, Kích thước 100*120*1.6 mm, FR4, chữ trắng, mạ vàng, sơn xanh đậm.; hãng SX:Vital-Links PCB	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2877	620017577	TU_CTR1_BRD_REV1	PCB ARRAY; TU_CTR1_BRD_REV1, 2 Lớp, Kích thước 210*155*1.6 mm, FR4, chữ trắng, mạ vàng, sơn xanh đậm.; hãng SX:Vital-Links PCB	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2878	620009377	600F0R7BT250XT	CAP-CER; SMD, 0.7pF, 250V NP0, 0805; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2879	620009643	600F1R2BT250XT	CAP-CER; SMD, 1.2pF, 250V NP0, 0805; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2880	620009644	600F1R0BT250XT	CAP-CER,SMD;1PF,0805,250V,NP0; hãng SX:American Technical Ceramics	Chiếc	17,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2881	620009645	MGA-30689-TR1G	IC; GAIN BLOCK, 40DBM LN, SOT-89; hãng SX:Avago Technologies US Inc.	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2882	620017518	NC7WZ04P6X	IC; INVERTER, UHS DUAL HS SC70-6, SOT-363; hãng SX:Fairchild Semiconductor	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2883	620020712	RIF-3-RPT-LDP-24DC/3X21	Rơ le 4 cặp tiếp điểm dạng cắm, có chân đế; hãng SX:Phoenix Contact	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2884	620015473	M80-7044505	CONN-RECEPT; 45 Position, 0.079" (2.00mm), Gold, Through Hole; hãng SX:Harwin Inc	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2885	620015491	142138	CONN-SPECIAL;CONN SMB MALE JACK STRGHT PCB; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2886	620017530	ISL3180EIBZ	IC;IC TX/RX RS-485/RS-422;14-SOIC;ISL3180EIBZ; hãng SX:Intersil	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2887	620020750	BNX025H01L	EMI-Filters,50MOHM,25V,15A; hãng SX:Murata	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2888	620017553		Mạch điều khiển từ trung tâm xe thiết bị (CTR-01), 2 Lớp, Kích thước 160x125x1.6 mm, FR4, chữ trắng, lớp mạch màu xanh lá cây; h	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2889	620017554		Mạch điều khiển từ UPS xe thiết bị(UPS-01), 2 Lớp, Kích thước 365x140x1.6 mm, FR4, chữ trắng, lớp mạch màu xanh lá cây; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2890	620017555		Mạch điều khiển từ ATS xe thiết bị (ATS-01), 2 Lớp, Kích thước 270*140*1.6 mm, FR4, chữ trắng, lớp mạch màu xanh lá cây.; hãng S	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2891	620017556		Mạch điều khiển bàn điều khiển 1, 2 (Geber_CTR_01)xe chỉ huy, 2 Lớp, Kích thước 200x120x1.6 mm, FR4, chữ trắng, lớp mạch màu xan	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2892	620017557		Mạch điều khiển từ trung tâm xe chỉ huy (Geber_TU_TT_BRD_REV1), 2 Lớp, Kích thước 120x100x1.6 mm, FR4, chữ trắng, lớp mạch màu x	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2893	620025878		Mạch điều khiển từ thông tin xe chỉ huy(Geber_TT_CONTROL_BOARD), 2 Lớp, Kích thước 300x180x1.6 mm, FR4, chữ trắng, lớp mạch màu	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2894	620002903	3D33N	Ổ cắm kéo dài Lioa 3m; hãng SX:Lioa	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2895	620003666	SH-30000	Ổn áp điện xoay chiều 30 KVA; hãng SX:Lioa	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2896	620003667	DRI-5000	Ổn áp Lioa 5000VA; hãng SX:Lioa	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2897	620003674	Ổ cắm HDSF316IP44,Phích cắm: HDPM316IP44	Phích cắm ổ cắm công nghiệp HIMEL; hãng SX:HIMEL	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2898	620003739		Lạt nhựa loại 100 cái/túi, dài 25cm; hãng SX:Xuân lộc thọ	Bag	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2899	620008947	N889	Chuột Dell, cổng USB; hãng SX:Dell/China	Cái	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2900	620002952	4D52N	Ổ cắm điện Lioa 4 chấu, dây dài 5m; hãng SX:Lioa	Cái	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2901	620002954	DRI-1000	Ổn áp điện – DRI-1000 - Lioa -Điện áp vào (dải điện áp): 90V ~ 250V -Điện áp ra: 100V - 120V - 220V ± 1,5 ~ 2% -Tần số làm vi	Cái	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2902	620008944	CP75–54IIB	Đầu cáp quân sự RF/Thị tần; hãng SX:Контакт	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2903	620008945	SHR32P8ESH3	Đầu cáp quân sự nhiều chân; hãng SX:Контакт	Bộ	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2904	620024976	301-RG5900-SSBK-1223	Cáp tín hiệu (để truyền tín hiệu video) – 301-RG5900-SSBK-1223 - Cáp được bọc kim chống nhiễu -Trở kháng 75 Ohm -Đường kính	Bộ	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2905	620002601	LQG15HS10NJ02D	IND-SMD;10nH,5%,0402,300mA,0.4ohm; hãng SX:MURATA	Chiếc	53,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2906	620003650	GRM1555C1H4R7CA01D	CAP-CER,SMD;4.7pF,0.25pF,COG,50V,0402; hãng SX:MURATA	Chiếc	78,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2907	620003651	RC0402JR-070RL	RES-SMD;0OHM,5%,0402,1/16W; hãng SX:YAGEO	Chiếc	1.140,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2908	620003908	GRM1555C1H8R2DA01D	CAP-CER,SMD;8.2pF,0.5pF,COG,50V,0402; hãng SX:MURATA	Chiếc	195,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2909	620003911	GRM155R71H103KA88D	CAP-CER,SMD;10nF,10%,X7R,50V,0402; hãng SX:MURATA	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2910	620003992	RC0402FR-074K99L	RES-SMD;4.99KOHM,1%,0402,1/16W; hãng SX:YAGEO	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2911	620005181	LQG15HS47NJ02D	IND-SMD;47nH,5%,0402,150mA, 0.72ohm; hãng SX:MURATA	Chiếc	58,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2912	620005631	LW Q38G-Q1S1-3K6L-1	LED-SMD;2,85V,5mA,0603,White; hãng SX:Osram	Chiếc	179,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2913	620005636	RC0805JR-070RL	RES-SMD; 0.0 OHM ;Jumper;0805; 1/8W; hãng SX:Yageo	Chiếc	70,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2914	620005794	F930J476MAA	CAP-TA,SMD;47uF,20%,1206,6.3V,2.5OHM; hãng SX:NICHICON	Chiếc	68,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2915	620005894	RC0402JR-0710KL	RES-SMD;10kOHM,5%,0402,1/16W; hãng SX:YAGEO	Chiếc	99,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2916	620006009	RC0402JR-071KL	RES-SMD;1KOHM,5%,0402,1/16W; hãng SX:YAGEO	Chiếc	81,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2917	620006109	LQG15HS18NJ02D	IND-SMD;18nH,5%,0402,300mA,0.6ohm; hãng SX:MURATA	Chiếc	39,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2918	620006394	GRM155R61A104KA01D	CAP-CER,SMD;100nF,10%,X5R,10V,0402; hãng SX:MURATA	Chiếc	910,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2919	620006399	GRM1555C1H560JA01D	CAP-CER,SMD;56pF,5%,COG,50V,0402; hãng SX:MURATA	Chiếc	112,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2920	620008605	RC0402FR-075K1L	RES-SMD;5.1kOHM,1%,0402,1/16W; hãng SX:YAGEO	Chiếc	51,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2921	620008606	GRM188R61A225KE34D	CAP-CER,SMD;2.2uF,10%,X5R,10V,0603; hãng SX:MURATA	Chiếc	97,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2922	620008607	GRM1555C1H220JA01D	CAP-CER,SMD;22pF,5%,COG,50V,0402; hãng SX:MURATA	Chiếc	155,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2923	620008608	GRM1555C1H330JA01D	CAP-CER,SMD;33pF,5%,COG,50V,0402; hãng SX:MURATA	Chiếc	267,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2924	620010115	GRM188R60J475KE19D	CAP-CER,SMD;4.7uF,10%,0603,50V; hãng SX:Analog Technologies	Chiếc	307,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2925	620013933	RC0402JR-072KL	RES-SMD;2KOHM,5%,0402,1/16W; hãng SX:YAGEO	Chiếc	77,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2926	620021581	GRM155R71H102KA01D	CAP-CER,SMD;1nF,10%,X7R,50V,0402; hãng SX:	Chiếc	200,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2927	620021595	MM3Z5V1B	DIODE-ZENER;5.1V,200mV,SOD-323F,MM3Z5V1B; hãng SX:	Chiếc	98,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2928	620021596	LQG15HS22NJ02D	IND-SMD;22nH,5%,0402,300mA,0.6ohm; hãng SX:	Chiếc	79,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2929	620021601	PAS3225P3R3113	CAP-SUP,SMD;11mF,200OHM, 3V3, 1210; hãng SX:	Chiếc	56,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2930	620021608	ECS-.327-7-38-TR	CRYSTAL;32.768kHz,±20ppm,7pF,6.7x1.5MM; hãng SX:	Chiếc	71,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2931	620021610	RL0805FR-7W0R22L	RES-SMD;0.22OHM,1%,0805,1/4W; hãng SX:	Chiếc	77,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2932	620021681	C0402C100K5GACTU	CAP-CER,SMD;10pF,10%,0402,50V,C0G; hãng SX:	Chiếc	53,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2933	620021684	LQG15HS8N2J02D	IND-SMD;8.2nH,5%,0402,300mA,0.46ohm; hãng SX:	Chiếc	114,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2934	620021692	GJM1555C1H4R3BB01D	CAP-CER,SMD;4.3pF,0.1pF,NP0,50V,0402; hãng SX:	Chiếc	641,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2935	620021721	RC0402FR-07330KL	RES-SMD;330K,1%,0402,1/16W; hãng SX:	Chiếc	83,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2936	620021736	RC0402JR-07220RL	RES-SMD;220OHM,5%,0402,1/16W; hãng SX:	Chiếc	90,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2937	620021755	RC0402JR-0739KL	RES-SMD;39KOHM,5%,0402,1/16W; hãng SX:	Chiếc	96,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2938	620021782	MLP2012S2R2MT0S1	IND-SMD;2.2uH,20%,0805,800mA,0.23ohm; hãng SX:	Chiếc	190,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2939	620021806	LQW15AN4N7B00D	IND-SMD;4.7nH,0.1nH,0402,750mA,70mOhm; hãng SX:	Chiếc	70,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2940	620021817	GRM1555C1H180JA01D	CAP-CER,SMD;18pF,5%,COG,50V,0402; hãng SX:	Chiếc	249,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2941	620021830	SKY14151	IC;ANTENNA SWITCH,SKY14151,QFN-16 3.0X3.0MM; hãng SX:	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2942	620021848	TPA2010D1YZFT	IC;AUDIO AMP,TPA2010D1YZFT,DSBGA-9 1.55X1.55MM; hãng SX:	Chiếc	38,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2943	620021866	GJM1555C1H5R6CB01D	CAP-CER,SMD;5.6pF,0.25pF,COG,50V,0402; hãng SX:	Chiếc	91,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2944	620021876	GRM1555C1H270JA01D	CAP-CER,SMD;27pF,5%,COG,50V,0402; hãng SX:	Chiếc	163,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2945	620021878	GRM1555C1H6R8DA01D	CAP-CER,SMD;6.8pF,0.5pF,COG,50V,0402; hãng SX:	Chiếc	136,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2946	620021880	GRM188R60J225KE19D	CAP-CER,SMD;2.2uF,10%,X5R,6.3V,0603; hãng SX:	Chiếc	311,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2947	620021886	RC0402JR-0720KL	RES-SMD;20kOHM,5%,0402,1/16W; hãng SX:	Chiếc	91,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2948	620021898	ZX62R-B-5P	CONN-SMD;CONN MICRO USB,5PIN,9.0x5.9MM,ZX62R-B-5P; hãng SX:	Chiếc	31,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2949	620021903	RC0402JR-0715RL	RES-SMD;15OHM,5%,0402,1/16W; hãng SX:	Chiếc	84,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2950	620021931	C2012X5R0J226K125AB	CAP-CER,SMD;22uF,10%,X5R,6.3V,0805; hãng SX:	Chiếc	72,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2951	620021960	LQG15HS2N2S02D	IND-SMD;2.2nH,0.3nH,0402,300mA,0.2ohm; hãng SX:	Chiếc	86,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2952	620021977	TOM-1545L-R	MIC MODULE;TOM-1545L-R,Sensitivity -45dB ±3dB,S/N 60dB,Impedance 2.2K,4.0Dia/1.7MM; hãng SX:	Chiếc	58,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2953	620021982	LQW15AN12NG00D	IND-SMD;12nH,2%,0402,500mA,140mOhm; hãng SX:	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2954	620021995	RC0402JR-0710RL	RES-SMD;10OHM,5%,0402,1/16W; hãng SX:	Chiếc	106,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2955	620022020	BLM15AG601SN1D	FB;600Ohm@100MHz,300mA,0402; hãng SX:	Chiếc	228,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2956	620022038	NCP15WF104F03RC	RES-SMD;100kOHM,1%,0402,1/16W; hãng SX:	Chiếc	136,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2957	620022054	AW9384DNR	IC;LCD BACKLIGHT DRIVER,AW9384DNR,QFN-8 2.0X2.0MM; hãng SX:	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2958	620022058	GJM1555C1H1R8BB01D	CAP-CER,SMD;1.8pF,0.1pF,NP0,50V,0402; hãng SX:	Chiếc	46,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2959	620022059	LQG15HS15NJ02D	IND-SMD;15nH,5%,0402,300mA,0.5ohm; hãng SX:	Chiếc	58,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2960	620022079	LQG15HS4N7S02D	IND-SMD;4.7nH,0.3nH,0402,300mA,0.23ohm; hãng SX:	Chiếc	179,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2961	620022080	MT6276WA/C	IC;BASEBAND PROCESSOR,MT6276,BGA-515 13.5X13.5MM; hãng SX:	Chiếc	49,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2962	620022082	RC0402JR-0751RL	RES-SMD;51OHM,5%,0402,1/16W; hãng SX:	Chiếc	58,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2963	620022089	GRM1555C1H390JA01D	CAP-CER,SMD;39pF,5%,COG,50V,0402; hãng SX:	Chiếc	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2964	620022102	ACPM-5001-TR1	IC;RF PA,ACPM-5001-TR1,QFN-10 3.0X3.0MM; hãng SX:	Chiếc	53,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2965	620022120	RC0402JR-07100KL	RES-SMD;100kOHM,5%,0402,1/16W; hãng SX:	Chiếc	103,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2966	620022226	RTC56151	IC;ANTENNA SWITCH,QFN-16 3.0X3.0MM; hãng SX:	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2967	620022233	GRM155R71H221KA01D	CAP-CER,SMD;220pF,10%,X7R,50V,0402; hãng SX:	Chiếc	131,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2968	620022236	AW3206DNR	MOS-FET;P-Channel,10V,1A,DFN8 2.0x2.0MM; hãng SX:	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2969	620022305	GRM1555C1H820JA01D	CAP-CER,SMD;82pF,5%,COG,50V,0402; hãng SX:	Chiếc	166,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2970	620022342	RC0402JR-07220KL	RES-SMD;220kOHM,5%,0402,1/16W; hãng SX:	Chiếc	96,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2971	620022385	LQG15HSR10J02D	IND-SMD;100nH,5%,0402,150mA, 1.25ohm; hãng SX:	Chiếc	58,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2972	620022403	GRM219R60J106KE19D	CAP-CER,SMD;10uF,10%,X5R,6.3V,0805; hãng SX:	Chiếc	126,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2973	620022482	FM64D1G12A-5BAGE	IC;MCP NAND+SDRAM,FM64D1G12A-128MB FLASH-64MB DDR,BGA-150 8.0X9.0MM; hãng SX:	Chiếc	17,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2974	620022485	VPH_321A_03_03	Tấm chắn điện từ 3 (Shield can3); hãng SX:	Chiếc	78,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2975	620022486	VPH_321A_01_03	Vỏ jack USB (USB Jack Cover); hãng SX:	Chiếc	60,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2976	620022508	RC0402JR-071ML	RES-SMD;1MOHM,5%,0402,1/16W; hãng SX:	Chiếc	80,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2977	620022600	RC0402JR-076K8L	RES-SMD;6.8KOHM,5%,0402,1/16W; hãng SX:	Chiếc	95,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2978	620022613	VPH_321A_03_01	Tấm chắn điện từ 1 (Shield can1); hãng SX:	Chiếc	68,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2979	620022614	LM2794TL/NOPB	IC;LED DRIVER,LM2794TL/NOPB,DSBGA-14 2.45X2.15MM; hãng SX:	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2980	620022623	TSX-3225 24.0000MF20G-AC3	CRYSTAL;24MHz,±10ppm,9pF,3.2x2.5M M; hãng SX:	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2981	620022697	LQG15HS4N3S02D	IND-SMD;4.3nH,0.3nH,0402,300mA,0.2ohm; hãng SX:	Chiếc	58,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2982	620022713		Khay sim (Tray simcard M1); hãng SX:	Chiếc	68,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2983	620022743	VPH_321A_01_04	Nút hỗ trợ (support key assembly); hãng SX:	Chiếc	40,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2984	620022749	VHP-211A	DOME SHEET;VHP-211A,21 KEYS; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2985	620022822	GRM1555C1H100JA01D	CAP-CER,SMD;10pF,0.5pF,COG,50V,0402; hãng SX:	Chiếc	102,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2986	620022829	LQG15HS3N3S02D	IND-SMD;3.3nH,5%,0402,300mA,0.2ohm; hãng SX:	Chiếc	485,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2987	620022881		Tấm chắn điện từ 2 (Shield can2); hãng SX:	Chiếc	78,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2988	620022894	GRM1555C1H102FA01D	CAP-CER,SMD;1000PF,1%,NP0,50V,0402; hãng SX:	Chiếc	36,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2989	620022992	TPD1E10B06DPYR	ESD;BI-DIR,12pF,6V,X2SON 1.0x0.6MM; hãng SX:	Chiếc	91,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2990	620022997	Nokia, Việt Nam	BATTERY;BL-4U, High Quality, 66x44x4.5MM, 1200mAh, đã dán tem; hãng SX:	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2991	620023024	1PS79SB30,115	DIODE-SCHOTTKY;40V,200mA,SOD-523,1PS79SB30; hãng SX:	Chiếc	105,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2992	620023060	LQG15HS6N2S02D	IND-SMD;6.2nH,0.3nH,0402,300mA,0.22ohm; hãng SX:	Chiếc	127,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2993	620023063	VPH_321A_02_03	Bàn phím (Key pad assembly); hãng SX:	Chiếc	55,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2994	620023086	RC0402FR-0739KL	RES-SMD;39KOHM,1%,0402,1/16W; hãng SX:	Chiếc	57,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2995	620023190	VPH_321A_11_01	Vỏ ốp lưng (Case cover); hãng SX:	Chiếc	278,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2996	620023253	GRM1555C1H1R2CA01D	CAP- CER,SMD;1.2pF,0.25pF,COG,50V,0402; hãng SX:	Chiếc	86,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2997	620023276	LXES1UBBB1-008	ESD;BI-DIR,0.5pF,6V,2-UDFN; hãng SX:	Chiếc	76,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2998	620023315	GRM155R60J105KE19D	CAP- CER,SMD;1uF,10%,X5R,6.3V,0402; hãng SX:	Chiếc	1.396,00	Vật tư linh kiện, mạch in
2999	620023323	C1005X5R1A104M050BA	CAP- CER,SMD;100nF,20%,0402,10V,X5R; hãng SX:	Chiếc	114,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3000	620023422	VPH_321A_01_05_02	Chuyển rung phụ (Silent sub part); hãng SX:	Chiếc	67,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3001	620023438	LQG15HS2N7S02D	IND- SMD;2.7nH,0.3nH,0402,400mA,0.15ohm; hãng SX:	Chiếc	709,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3002	620023604	VPH_321A_02_06	Màng loa (Speaker Grill); hãng SX:	Chiếc	68,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3003	620023617	LQG15HS1N5S02D	IND- SMD;1.5nH,0.3nH,0402,400mA,0.1ohm; hãng SX:	Chiếc	86,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3004	620023619	GRM155R61A223KA01D	CAP- CER,SMD;22nF,10%,0402,10V,X7R; hãng SX:	Chiếc	400,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3005	620023667		Vỏ sau (Back cover); hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3006	620023870	RC0402JR-07100RL	RES-SMD;100OHM,5%,0402,1/16W; hãng SX:	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3007	620023879	VPH_321A_03_05	Vít bo mạch PCBA Screw (M1.2x0.25x4.1); hãng SX:	Chiếc	100,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3008	620023918	WKBAH013-B31	CONN-SMD;CONN BAT,3PIN,3.7PITCH,9.5x4.4MM; hãng SX:	Chiếc	27,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3009	620023998	MM8030-2610RJ3	CONN-SMD;RF Connectors,2.0x2.0MM,11GHz,MM8030- 2610B; hãng SX:	Chiếc	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3010	620024061	RC0402JR-0747KL	RES-SMD;47KOHM,5%,0402,1/16W; hãng SX:	Chiếc	100,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3011	620024120	LQG15HS6N8J02D	IND- SMD;6.8nH,5%,0402,300mA,0.3ohm; hãng SX:	Chiếc	86,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3012	620024151	SAWFD881MCF0F0AR1S	FILTER- SMD;SAW,1.5X1.1MMX10PINS,850- 900MHZ; hãng SX:	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3013	620024173	VPH_321A_01_05_01	Nút chuyển rung (Silent key); hãng SX:	Chiếc	68,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3014	620024199	TLV70228DBVT	IC;POSIFIXED REG,TLV70228DBVT,SOT23-5 3.05X1.75MM; hãng SX:	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3015	620024283	VPH_321A_02_04	Vỏ giữa (Middle cover); hãng SX:	Chiếc	84,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3016	620017144		"Lạt nhựa (100 cái/túi) - 4x200mm - Chất liệu: nhựa"; hãng SX:	Cái	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3017	620017145	NP-P452HG	Máy chiếu (bao gồm phụ kiện: Bộ giá treo trần, cáp HDMI 20M); hãng SX:NEC	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3018	620019724	BKN 2P	Áptomat; hãng SX:LS	Cái	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3019	620019736	ATC01	Kệ CPU; hãng SX:Hòa Phát	Cái	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3020	620019724	BKN 2P	Áptomat; hãng SX:LS	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3021	620002883	P96ES	Màn chiếu điện điều khiển từ xa Kích thước: 96x96 inch; hãng SX:Shenzhen/Dalite	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3022	620002952	4D52N	Ổ cắm điện Lioa 4 chấu, dây dài 5m; hãng SX:Lioa	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3023	620008301	DRI30000	Ổn áp Lioa; hãng SX:Lioa	Cái	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3024	620008337	AT1400	Bàn làm việc đơn; hãng SX:Hòa Phát	Cái	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3025	620008326	TP-LINK MC210CS	Bộ chuyển đổi quang điện; hãng SX:Tp- Link	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3026	620008301	DRI30000	Ôn áp Lioa; hãng SX:Lioa	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3027	620008302	GXP1625	Điện thoại IP; hãng SX:Grandstream	Cái	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3028	620008317	SWB-06	Dây nhựa xoắn; hãng SX:	Bag	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3029	620008318	SWB-15	Dây nhựa xoắn; hãng SX:	Bag	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3030	620008319	SWB-24	Dây nhựa xoắn; hãng SX:	Bag	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3031	620008320		Bảng dính xốp đen 2 mặt 5cm; hãng SX:	Cuộn	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3032	620008321	TZe-221V	Nhân in TZE 221V; hãng SX:Brother	Hộp	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3033	620008322	20411	Cáp chuyển đổi Display port to HDMI; hãng SX:Ugreen	Cái	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3034	620008324	AN-UM100SM-20	Convertor quang đơn mode; hãng SX:AD-net	Bộ	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3035	620008316	ODF-R-24	ODF 12 FO trong nhà (lắp 12FO FCU); hãng SX:Benet	Bộ	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3036	620017140	MT-SW501-MH	HDMI switch (Bộ chuyển mạch 5 vào ra 1, có điều khiển từ xa); hãng SX:MT-VIKI	Bộ	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3037	620017141		Đầu chuyển tín hiệu chuẩn DVI sang DSUB/VGA; hãng SX:MSI/Đài Loan	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3038	620008207	Ugreen 10299	Cáp HDMI 20m; hãng SX:Ugreen; Mô tả: Cáp HDMI to HDMI dài 20m	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3039	620008211	3-Space™ Mini Bluetooth	Cảm biến chuyển động; hãng SX:Yost Labs; Mô tả: Cảm biến chuyển động IMU có khả năng truyền dữ liệu	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3040	620006353	GCM155R71H103KA55D	Tụ điện (Capacitor): CAP-CER,SMD;10000pF,±10%,0402,6.3V,X7R; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3041	620007702	STM32F103C8T6	IC MCU 32BIT 64KB FLASH 48LQFP; hãng SX:STMicroelectronics	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3042	620007788	MPU-9250	GYRO/ACCEL/COMPASS/9-AXIS; hãng SX:InvenSense	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3043	620005102	EG1218	SWITCH;SLIDE SPDT 30V.2A PC MNT; hãng SX:E-Switch	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3044	620003015	6-2111989-3	Đầu hạt mạng CAT6; hãng SX:AMP	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3045	620011183	ZX62D-B-5PA8(30)	USB, DVI, HDMI Connectors; hãng SX:Hirose Electric Co Ltd; Mô tả: CONN-SMD; USB 2.0 B-TYPE, F, 5 PIN, ZX62D-B-5PA8(30)	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3046	620011185	SI1317DL-T1-GE3	TRANSISTOR; hãng SX:Vishay; Mô tả: MOS-FET;P-CH,20V,1.4A,SOT323_SC70,SI1317DL-T1-GE3	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3047	620011186	25336NA	SLIDE-SWITCH; hãng SX:APEM Inc; Mô tả: SLIDE-SWITCH;3POS,4A 125V,2.54,25336NA, R/A	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3048	620011187	PKGS-00GXP1-R	Sensor shock; hãng SX:Murata Electronics North America; Mô tả: Vibration, Piezo Film Shock Sensor 0 ~ 50G 0.840pC/G Surface Moun	Chiếc	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3049	620011188	RC0402JR-0720ML	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES SMD 20M OHM 5% 1/16W 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3050	620011189	RC0402JR-0710ML	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES SMD 10M OHM 5% 1/16W 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3051	620011190	RC0402JR-073M3L	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES SMD 3.3M OHM 5% 1/16W 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3052	620011191	RC0402JR-071M5L	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES SMD 1.5M OHM 5% 1/16W 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3053	620011192	RC0402JR-071ML	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES SMD 1M OHM 5% 1/16W 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3054	620011193	RC0402JR-07680KL	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES SMD 680K OHM 5% 1/16W 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3055	620011194	RC0402JR-07470KL	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES SMD 470K OHM 5% 1/16W 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3056	620011195	RC0402JR-07330KL	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES SMD 330K OHM 5% 1/16W 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3057	620011196	RC0402JR-07220KL	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES SMD 220K OHM 5% 1/16W 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3058	620011197	RC0402JR-0710KL	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES SMD 10K OHM 5% 1/16W 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3059	620011198	RC0402JR-071KL	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES SMD 1K OHM 5% 1/16W 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3060	620011199	RC0402JR-07470RL	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES SMD 470 OHM 5% 1/16W 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3061	620011200	RC0402JR-07220RL	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES SMD 220 OHM 5% 1/16W 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3062	620011201	RC0402JR-07100RL	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES SMD 100 OHM 5% 1/16W 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3063	620011202	RC0402JR-0747RL	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES SMD 47 OHM 5% 1/16W 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3064	620011203	RC0402JR-070RL	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES SMD 0 OHM JUMPER 1/16W 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3065	620011209	CRCW0603330KFKEA	Resistor; hãng SX:Vishay Dale; Mô tả: RES-SMD;330KOHM,1%,0603,1/10W	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3066	620011210	CRCW0603220KFKEAC	Resistor; hãng SX:Vishay Dale; Mô tả: RES-SMD;220KOHM,1%,0603,1/10W	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3067	620011213	RC0603FR-074K7L	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES-SMD;4.7kOHM,1%,0603,1/10W	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3068	620011214	RC0603FR-072K2L	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES-SMD;2.2KOHM,1%,0603,1/10W	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3069	620011216	CRCW060322R0FKEAC	Resistor; hãng SX:Vishay Dale; Mô tả: RES-SMD;22OHM,1%,0603,1/10W	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3070	620011217	RC0603FR-0710KP	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES-SMD;10kOHM,1%,0603,1/10W	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3071	620011219	RT0603FRE07220KL	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES SMD 220K OHM 1% 1/10W 0603	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3072	620011220	RT0603DRE07330KL	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES SMD 330K OHM 0.5% 1/10W 0603	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3073	620011221	RT0603FRE07470KL	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES SMD 470K OHM 1% 1/10W 0603	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3074	620011222	RC0603FR-07680KL	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES SMD 680K OHM 1% 1/10W 0603	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3075	620011224	RC0603FR-070RL	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES-SMD;0OHM,0603,1/10W	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3076	620011226	RC0603FR-071ML	Resistor; hãng SX:Yageo; Mô tả: RES-SMD;1MOHM,1%,0603,1/10W	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3077	620011229	ABLS-16.000MHz-B4-T	OSCILLATORS, CRYSTALS; hãng SX:Abracon LLC; Mô tả: CRYSTAL;16.0000MHZ,30ppm,18PF,11.4x4.7mm,ABLS-16.000MHz-B4-T	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3078	620011234	TS882IST	IC; hãng SX:STMicroelectronics; Mô tả: IC COMPARATOR R-R 1.1V 8MSOP	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3079	620011235	TS881ICT	IC; hãng SX:STMicroelectronics; Mô tả: IC, COMPARATOR, R-R, 1.1V, SC70-5	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3080	620011236	BNO080	IC; hãng SX:Hillcrest Laboratories.Inc; Mô tả: IC,IC-IMU,LGA-28,-40 to 85°C,BNO080	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3081	620011237	ST3485EIDT	IC; hãng SX:STMicroelectronics; Mô tả: IC TXXR 3.3V RS485/422;8SO,ST3485EIDT	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3082	620011238	ATTINY10-TSHR	IC; hãng SX:Microchip Technology; Mô tả: IC, MCU 8BIT 1KB FLASH, SOT23	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3083	620011241	AU-Y1005-2	Connectors; hãng SX:Assmann WSW Components; Mô tả: CONN-DIP;USB-TYPE A, 4 PIN, AU-Y1005-2	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3084	620011242	M12A-04PMMS-SF8001	Connector; hãng SX:Amphenol LTW; Mô tả: CONN PLUG MALE 4POS SOLDER CUP	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3085	620011243	12-04BFFA-SL8001	Connector; hãng SX:Amphenol LTW; Mô tả: CONN RCPT FEMALE 4POS SOLDER CUP	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3086	620011245	ACM2012-201-2P-T001	Common Mode Choke; hãng SX:TDK Corporation; Mô tả: CMC-SMD;350mA,2x1.2mm,200Ohm@100MHz,ACM2012-201-2P-T001	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3087	620011246	USBLC6-2SC6	Circuit Protection; hãng SX:STMicroelectronics; Mô tả: IC; TVS-DIODES , SOT23-6, -40°C ~ 125°C (TJ), USBLC6-2SC6 , 5.25 VWM, 17	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3088	620011247	CC0402KRX5R6BB105	Capacitor; hãng SX:Yageo; Mô tả: CAP CER 1UF 10V X5R 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3089	620011248	CC0402KPX7R7BB104	Capacitor; hãng SX:Yageo; Mô tả: CAP CER 0.1UF 16V X7R 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3090	620011249	CC0402KRX7R9BB471	Capacitor; hãng SX:Yageo; Mô tả: CAP CER 470PF 50V X7R 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3091	620011251	CC0402JRNPO9BN101	Capacitor; hãng SX:Yageo; Mô tả: CAP CER 100PF 50V C0G/NPO 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3092	620011253	CC0402JRNPO9BN220	Capacitor; hãng SX:Yageo; Mô tả: CAP CER 22PF 50V C0G/NPO 0402	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3093	620011257	CC0603KRX5R7BB475	Capacitor; hãng SX:Yageo; Mô tả: CAP-CER,SMD;4.7uF,10%,0603,16V,X5R	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3094	620011258	CC0603KRX7R8BB105	Capacitor; hãng SX:Yageo; Mô tả: CAP-CER,SMD;1uF,10%,0603,25V,X7R	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3095	620011259	CC0603KRX5R9BB225	Capacitor; hãng SX:Yageo; Mô tả: CAP-CER,SMD;2.2uF,10%,0603,50V,X5R	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3096	620011260	CC0603KRX7R9BB104	Capacitor; hãng SX:Yageo; Mô tả: CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,0603,50V,X7R	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3097	620011263	EEE-1VA100SR	Capacitor; hãng SX:Panasonic Electronic Components; Mô tả: CAP-ALUM,SMD; 10uF,20%,35V	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3098	620011264	EEE-1CA221XP	Capacitor; hãng SX:Panasonic Electronic Components; Mô tả: CAP-ALUM,SMD; 220uF,20%,16V	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3099	620011265	EEE-1VA101XP	Capacitor; hãng SX:Panasonic Electronic Components; Mô tả: CAP-ALUM,SMD; 100uF,20%,35V	Cái	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3100	620011266	CL21A106KOQNNNE	Capacitor; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics; Mô tả: CAP CER 10UF 16V X5R 0805	Cái	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3101	620011267	CC0603KRX7R9BB333	Capacitor; hãng SX:Yageo; Mô tả: CAP-CER,SMD;0.033uF,10%,0603,50V,X7R	Sợi	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3102	620011268	CC0603KRX7R9BB102	Capacitor; hãng SX:Yageo; Mô tả: CAP-CER,SMD;1000pF,10%,0603,50V,X7R	Sợi	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3103	620011269	CC0603KRX7R9BB103	Capacitor; hãng SX:Yageo; Mô tả: CAP-CER,SMD;10000pF,10%,0603,50V,X7R	Sợi	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3104	620011270	CC0603JRNPO8BN220	Capacitor; hãng SX:Yageo; Mô tả: CAP-CER,SMD;22pF,5%,0603,25V,COG-NOP	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3105	620011272	B00HUWVMBW	Cables, Wires; hãng SX:Ultra Clarity Cables; Mô tả: HDMI extension cable - 20ft - Male to Female connector	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3106	620011273	ATOMCAB015	Cables, Wires; hãng SX:Atomos; Mô tả: Micro to Full HDMI Coiled Cable, 11.8 to 17.7"	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3107	620011274	C1352A.18.10	Cables, Wires; hãng SX:General Cable/Carol Brand; Mô tả: CBL 2PR CPU SHLD PVC 22AWG 50'	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3108	620011275	31-00024	Cables, Wires; hãng SX:Tensility International Corp; Mô tả: CBL COIL SHLD 3C 22AWG 1115MM	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3109	620011276	31-00042	Cables, Wires; hãng SX:Tensility International Corp; Mô tả: CBL COIL SHLD 4C 22AWG 1115MM	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3110	620011279	BOB-09822	ACCESSORIES; hãng SX:SparkFun Electronics; Mô tả: SPARKFUN USB TO RS-485 CONVERTER	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3111	620019719	LM2596SX-ADJ/NOPB	IC; hãng SX:Texas Instruments; Mô tả: IC, IC REG BUCK ADJ 3A, TO-263-5, -40 TO 125 °C, LM2596SX-ADJ/NOPB	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3112	620019793	A9PS16-0012	SWITCH; hãng SX:Omron Electronics Inc-EMC Div; Mô tả: SWITCH PUSH;SPST-NO,0.1A,28V,RIGHT ANGLE,A9PS16-0012	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3113	620019798	LQG18HN2N7S00D	Inductors; hãng SX:Murata Electronics North America; Mô tả: IND-SMD;2.7nH,0603,500mA, 150mOhm	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3114	620019799	MP8802DJ-3.3-LF-P	IC; hãng SX:Monolithic Power Systems Inc.; Mô tả: IC, IC REG LINEAR,TSOT-23-5, -40 TO 85°C, MP8802DJ-3.3-LF-P, 3.3V/1.25 V ~ 5V/	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3115	620019801	STM32F405RGT6	IC; hãng SX:STMicroelectronics; Mô tả: IC, IC MCU, 64LQFP, -40 to 125°C, STM32F405RGT6, 32BIT 1MB FLASH	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3116	620019803	TPS79601DRBR	IC; hãng SX:Texas Instruments; Mô tả: IC; REG Adj 1.2 V ~ 5.5 V 1A, 8-SON (3x3),-40°C ~ 125°C, TPS79601DRBR	m	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3117	620019804	NRF24L01P-R7	IC; hãng SX:Nordic Semiconductor ASA; Mô tả: IC, IC-RF , 20VQFN, -40 to 85°C, NRF24L01P-R7	m	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3118	620019805	CDSOD323-T03SC	DIODE; hãng SX:Bourns Inc; Mô tả: TVS-DIODE;BI-DIR,400W,3.3V/10.9VC,CDSOD323-T03SC	m	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3119	620019806	SMBJ12CA-13-F	DIODE; hãng SX:Diodes Incorporated; Mô tả: TVS-DIODE;600W,12VWM/19.9VC,SMB,SMBJ12CA-13-F	m	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3120	620019812	61300211121	Connector; hãng SX:Würth Electronics Inc; Mô tả: CONN-DIP;HEADER,M,1RX3PX2.54MM,61300211121	m	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3121	620019814	RECE.20279.001E.01	CONNECTOR; hãng SX:Taoglas Limited; Mô tả: CON-SMD;M,3X3.1X1.26MM,RECE.20279.001E.01, IPEX MHF1, 50OHM 6GHz	m	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3122	620019815	CC0603KRX7R9BB471	Capacitor; hãng SX:Yageo; Mô tả: CAP CER, SMD; 470PF, ±10%, 50V, X7R, 0603	m	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3123	620019819	AK670/2-1-BLACK	CABLE; hãng SX:Assmann WSW Components; Mô tả: CABLE, USB 2.0 A-A MALE, BLACK, 1M, AK670/2-1-BLACK	m	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3124	620019822	FXP840.07.0055B	ANTENNA; hãng SX:Taoglas Limited; Mô tả: Antenna WIFI 2.4GHz-5GHz, 2dBi-2.5dBi, 14.4x1.5mm	Cái	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3125	620013901	RC0402JR-0750RL	RES-SMD;500OHM,1%,0402,1/16W; hãng SX:Yageo	Cái	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3126	620013902	SXH-001T-P0.6	CONTACT-CRIMP; hãng SX:JST Sales America Inc.	Cái	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3127	620013903	STP10P6F6	MOS-FET;P-CH,60V,10A,DPAK,STP10P6F6; hãng SX:STMicroelectronics	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3128	620013904	CSH-EP10-2S-8P	COIL FORMER HORIZOTAL;; hãng SX:Ferroxcube	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3129	620013905	CLA-E42/21/15	CLAMP,Supply for E42/21/15; hãng SX:Ferroxcube	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3130	620013906	SPR-E42/21/15	SPRING, Supply for E42/21/15; hãng SX:Ferroxcube	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3131	620013907	1N4007G-T	DIODE-RECTIFIER, 1kV/1A, DO-41, 1N4007G-T; hãng SX:Diodes Incorporated	Cái	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3132	620013908	PHR-2	CONN HOUSING PH 2POS 2MM WHITE; hãng SX:JST Sales America Inc.	Cái	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3133	620013909	A1B	LAMP NEON, 65VAC, 90VDC, 6.5mm WIRE; hãng SX:Visual Communications Company - VCC	Cái	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3134	620013910	DB4	DIAC,35-45V,2A,DO-35,DB4; hãng SX:STMicroelectronics	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3135	620013911	EC103M	THYRISTOR, 600V,0.8A,TO-92,EC103M; hãng SX:STMicroelectronics	m	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3136	620013912	93R1A-R22-A25L	RES-VR; 1MOHM,93R1A-R22-A25L,2W; hãng SX:Bourns Inc	m	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3137	620013913	SI3900DV-T1-E3	Transistor-FET;N-CH,20V,2A,SOT-26; hãng SX:Diodes Incorporated	m	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3138	620013914	LQM2HPN2R2MG0L	IND-SMD;2.2uH,1008,1.3A,100mOhm; hãng SX:Murata Electronics North America	m	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3139	620013915	RC0402FR-072K7L	RES-SMD; 2.7KOHM,1%,0402,1/16W; hãng SX:VISHAY DALE	m	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3140	620013916	SPECTRA® 360 ELECTRODE GEL	Gel-massage; hãng SX:Parker Laboratories Electrode	m	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3141	620013917	SBH441A	BATTERY HOLDER; 4 CELL; COVERED; SBH441A; hãng SX:MPD	m	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3142	620013918	259	CHARGE; USB LION/LIPOLY CHARGER 1A 4.2V; hãng SX:Adafruit Industries LLC	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3143	620013919	EB1008022	Electrode Pad 5.9 x 4.7 x 0.2 inc; hãng SX:AUVON	m	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3144	620017212	1825910-6	SWITCH;TACTILE SPST-NO 0.05A 12V,4PIN,1825910-6; hãng SX:TE Connectivity	m	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3145	620018629	MH010013	BATTERY-LITHIUM, 3.7V, 2000mAh, 62mm X 38.5mm X 8.5mm, 2011; hãng SX:Adafruit Industries LLC	m	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3146	620018652	OPV332	Laser Diode 850nm;1.5mW; 20mA Radial; 3mm Dia (T-1); hãng SX:TT Electronics/Optek Technology	m	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3147	620018653	OPV302	Laser Diode 850nm;1.5mW; 12mA Radial; 3mm Dia (T-1); hãng SX:TT Electronics/Optek Technology	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3148	620018654	IRL540NPBF	MOS-FET;N-CH,100V,36A,TO-220AB,IRL540NPBF; hãng SX:Infineon Technologies	m	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3149	620018655	LM393DT	IC; COMPARATOR GENERAL PURPOSE,8-SO,0 to 70°C,LM393DT; hãng SX:STMicroelectronics	m	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3150	620018656	CC3200MODR1M2AMOB T	WIFI MODULE; 802.11b/g/n, 2.4GHz, 63-SMD, CC3200MODR1M2AMOB; hãng SX:Texas Instruments	m	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3151	620018657	E168-18	CORE, E-CORE, POWDER IRON, 42.8 x 42.2 x 15mm, E168-18; hãng SX:Micrometals, Inc	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3152	620018658	B32654A7224K000	CAP-FILM,DIP ;0.22µF,±5%,14.0mmx31.5mm,550VAC,1 250VDC; hãng SX:EPCOS (TDK)	m	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3153	620018659	C330C104K2R5TA	CAP-CER,DIP; 0.1µF,±10%,7.11mmx 4.07mm,200VDC,X7R; hãng SX:KEMET	m	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3154	620018660	B32794D4225K	CAP-FILM,DIP ;2.2µF,±5%,14.0mmx31.5mm,400VAC,10 50VDC; hãng SX:EPCOS (TDK)	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3155	620018661	1N4571A-1	DIODE-ZENER, 6.4V, 500mW, DO-35, 1N4571A-1; hãng SX:Microsemi Corporation	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3156	620018662	CMF556K0000BHEB	RES-DIP; 6KOHM,±0.1%,7.37mm x 2.29mm, 0.5W 1/2W; hãng SX:Vishay Dale	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3157	620018663	B88069X2380S102	GDT-DIP, 350V, 20%, 20KA, B88069X2380S102; hãng SX:EPCOS (TDK)	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3158	620018664	T491A226K010AT	CAP-TANT; SMD; 22µF, 20%, 1206 (3216 Metric), 10V, 3.2 Ohm; hãng SX:KEMET	Cái	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3159	620018665	T491A105K010AT	CAP-TANT; SMD; 1µF,10%, 1206 (3216 Metric) , 10V, 10 Ohm; hãng SX:KEMET	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3160	620018666	DF12A(3.0)-40DS-0.5V(81)	CONN-SMD; RECEPT, 40 PIN, M, 2 x 40 x 0.5, DF12A(3.0)-40DS-0.5V; hãng SX:Hirose Electric Co Ltd	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3161	620018667	TFP401AMPZPEP	IC, IC PANELBUS DVI REC, 100-HTQFP, 0 TO 70°C, TFP401AMPZPEP; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3162	620018668	24AA02T-I/OT	IC; EEPROM, SOT23-5, -40°C ~ 85°C (TA), 24AA02T-I/OT, 2KBIT 400KHZ; hãng SX:Microchip Technology	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3163	620018669	LP5907MFX-1.8/NOPB	IC; IC REG LINEAR 1.8V 250MA SOT23 -40°C ~ 125°C; hãng SX:Texas Instruments	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3164	620018670	ADP1706ACPZ-3.3-R7	IC; IC REG LINEAR; 8-LFCSP-WD, -40°C ~ 125°C, ADP1706ACPZ-3.3-R7; hãng SX:Analog Devices Inc.	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3165	620018671	LM2687MM	IC; IC REG SWTCH; 8VSSOP, -40°C ~ 85°C (TA), ADJ, LM2687MM; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3166	620018672	0873690400	HOUSING CONN,2MM, WTB, 4 POS, Receptacle; hãng SX:Molex Connector Corporation	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3167	620018673	CC3200R1M2RGCR	IC; RF+MCU, PVQFN-64,-40°C ~ 85°C , CC3200R1M2RGCR; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3168	620018674	AT25DF081A-SSH-T	IC; FLASH, SOIC-8, -40°C ~ 85°C, AT25DF081A-SSH-T; hãng SX:Adesto Technologies	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3169	620018675	E4T-500-236-S-H-M-2	ENCODER, 500 CPR, 6 mm Bore, Single Ended , Hole in cover , Alternate metric M2.5, length 4mm screws Base; hãng SX:USDigital	m	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3170	620018677	FXP831.07.0100C	Antenna WIFI 2.4GHz-5GHz 3dBi-5dBi, 45x7mm; hãng SX:Taoglas Limited	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3171	620020937	DEA202450BT-1294C1-H	FILTER;BANDPASS FILTER, 2X1.35MM, 2.4GHz, DEA202450BT-1294C1-H; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3172	620013931	ESync 2	Thiết bị đồng bộ tín hiệu marker; hãng SX:NaturalPoint/Optitrack	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3173	620025210	LM85053D6-CU	Laser Diode; hãng SX:SHHO; Mô tả: - Output Wavelength: 850nm - Size: 6*12mm - Output power: <5mW - Working Voltage: 3-5VDC -	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3174	620026110	CSLW6B200M	SENSOR-CURRENT;HALL EFFECT, OPEN LOOP, BI-DIR, 200mA 1 CHANNEL,16.2x13.5mm,PCB Mount; hãng SX:Honeywell sensing and Productivity	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3175	620010912	CS1758Q9-AT-E	KVM Switch; hãng SX:Aten	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3176	620010906	D1P34AV	Máy trạm HP Z230 Tower Workstation; hãng SX:HP	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3177	620021265		RES-SMD;1M,5%,1/10W,0603_Panasonic_ERJ-3GEYJ105V; hãng SX:	Cái	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3178	620021497	GRM1885C1H330JA01D	CAP-CER,SMD;33pF,5%,0603,50V,C0G_Murata_GRM1885C1H330JA01D; hãng SX:	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3179	620021498		CAP-ALUM,SMD;2200uF,20%,10MX10M,6.3 V_Panasonic_EEE-FT0J222AP; hãng SX:	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3180	620021499		LED-SMD;2.1V,20mA,0805,GREEN_Lite-On Inc_LTST-C170GKT; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3181	620021500		CONN-DIP;HEADER 1X4,PITCH 2M54,DIP_FCI_68000-404HLF; hãng SX:	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3182	620021501		CONN B2B ANT JACK STR 50 OHM SMD_HIROSE_U.FL-R-SMT(01); hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3183	620021502		MOSFET N-CH 50V 0.22A SOT-23 Fairchild_BSS138; hãng SX:	Chiếc	438,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3184	620021503		MOS-FET;P-Channel,30V,4A,SOT23_AO Semicon_AO3401A; hãng SX:	Chiếc	210,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3185	620021504		RES-SMD;10KOHM,1%,1/10W,0603_PANAS ONIC_ERJ-3EKF1002V; hãng SX:	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3186	620021505		RES-SMD;1KOHM,5%,1/10W,0603_PANASO NIC_ERJ-3GEYJ102V; hãng SX:	Chiếc	326,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3187	750007930		FUSE; 250V 1A	Cái	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3188	750007944		Antenna GSM GPRS TCP IP	Cái	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3189	750007951		RES-SMD;0OHM,5%,1/10W,0603_RMCF0603 ZT0R00	Cái	483,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3190	750007954		IC;REG,TPS7A4501DCQT,SOT-23	Cái	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3191	750007959		MODULE PWR; OUTPUT 12V 830mA	Cái	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3192	750007960		MODULE SIM800C;15M7X17M6X2M4	Cái	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3193	750007961		RES-SMD;10KOHM,5%,1/10W,0603_RMCF0603JT10K0	Cái	1.126,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3194	750007975		VARISTOR 470V 4.5KA DISC 14MM	Cái	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3195	750007982		Filter CMC 1.5A 2LN 1 KOHM SMD	Cái	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3196	750007983		IC;OPTOISOLATOR 5KV TRIAC 6SMD	Cái	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3197	750007984		TRIAC ALTERNISTOR 800V TO220AB	Cái	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3198	750007989		CAP-CER,SMD;2nF,5%,0603,50V,C0G_GRM1885C1H202JA01D	Cái	39,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3199	750007990		CONN MICRO SIM CARD HINGED TYPE	Cái	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3200	750007993		Li polymer Battery 3.7V 1200mAh	Cái	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3201	750007995		RES-SMD;51OHM,5%,1/10W,0603_ERJ-3GEYJ510V	Cái	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3202	750008010		RES-SMD;200OHM,5%,1/10W,0603_ERJ-3GEYJ201V	Cái	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3203	750008011		RES-SMD;330OHM,5%,1/10W,0603_ERJ-3GEYJ331V	Cái	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3204	750008012		RES-SMD;470OHM,5%,1/10W,0603_ERJ-3GEYJ471V	Cái	235,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3205	750008014		AC Filter CMC 2.2MH 500MA 2LN SMD	Cái	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3206	750008015		CAP-CER,SMD;10nF,10%,1210,1KV,X7R_GRM32QR73A103KW01L	Cái	440,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3207	750008016		CAP-CER,SMD;10uF,20%,0603,25V,X5R_GRM188R61E106MA73D	Cái	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3208	750008017		CAP-CER,SMD;47uF,20%,1206,10V,X5R_GRM31CR61A476ME15L	Cái	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3209	750008018		IC-POSIFIXED REG,LP2985-33DBVRG4	Cái	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3210	750008019		IC-POSIFIXED REG,LP2985-50DBVRG4	Cái	210,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3211	750008020		PUSH-BUTTON;EVQ-PF304R_EVQ-PF304R	Cái	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3212	750008021		RES-SMD;100KOHM,1%,1/10W,0603_ERJ-3EKF1003V	Cái	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3213	750008022		RES-SMD;2.2KOHM,5%,1/10W,0603_ERJ-3GEYJ222V	Cái	27,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3214	750008023		RES-SMD;5.6KOHM,5%,1/10W,0603_ERJ-3GEYJ562V	Cái	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3215	750008027		CAP-CER,SMD;0.1uF,10%,0603,25V,X7R_GR M188R71E104KA01D	Chiếc	786,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3216	750008028		CAP-CER,SMD;2.2uF,10%,0603,25V,X5R_TM K107BBJ225KAHT	Cái	440,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3217	750008029		CAP-CER,SMD;4.7uF,20%,0603,16V,X5R_GR M188R61C475MAAJD	Cái	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3218	750008030		CONN-DIP;HEADER 1X3,PITCH 2M54,DIP	Cái	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3219	750008031		DIODE;1000V,1A,DO-214AC,MRA4007T3G	Cái	210,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3220	750008032		IC-Buffer; Non-Inverting 1 Element	Cái	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3221	750008035		RES-SMD;3.16KOHM,1%,1/10W,0603_ERJ-3EKF3161V	Cái	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3222	750008045		RES-SMD;10OHM,1%,2W,2512_CRM2512-FX-10R0ELF	Cái	220,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3223	750008047		CAP-CER,SMD;10nF,20%,1812,250VAC,X7R_GA243QR7E2103MW01L	Cái	31,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3224	750008051		IC;Photocoupler,PC817X,SOP4 6M5X4M58	Cái	630,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3225	750008063		RES-SMD;47KOHM,5%,1/10W,0603_RC0603JR-0747KL	Cái	565,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3226	750008067		CONN-DIP;HEADER SHROUDED 1X2,PITCH 2MM,DIP	Cái	630,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3227	750008068		CONN-DIP;HEADER SHROUDED 1X3,PITCH 2MM,DIP	Cái	214,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3228	750008069		CONN-DIP;HEADER SHROUDED 1X6,PITCH 2MM,DIP	Cái	210,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3229	750008070		CONN-DIP;HEADER SHROUDED 1X7,PITCH 2MM,DIP	Cái	420,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3230	750008079		IC;Single Cell Li-Ion and Li-Pol Battery Charger	Cái	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3231	750008081		Tụ điện_CAPACITOR_MURATA_CAP CER 4.7UF 6.3V 10% X5R 0603_GRM188R60J475KE19D	Cái	73,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3232	750008089		RES-SMD;4.7OHM,5%,2W,2011_ERJ-B1BJ4R7U	Cái	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3233	750008096		IC; Mixed-Signal Microcontrollers 128KB Flash 8KB SRAM	Cái	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3234	750008110		DIODE;Zener Diode 5.1V 500mW ±5% Surface Mount SOD-123_MMSZ5231BT1G	Cái	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3235	750008121		RES-SMD;10OHM,5%,1/10W,0603_ERJ-3GEYJ100V	Cái	220,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3236	750008517		Tụ điện_CAPACITOR_MURATA_CAP CER 10PF 50V 5% NP0 0603_GRM1885C1H100JA01D	Cái	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3237	750008728		Tụ điện_CAPACITOR_MURATA_CAP CER 0.47UF 16V 10% X7R 0603_GRM188R71C474KA88D	Cái	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3238	750008801		CAP-CER,SMD;0.01uF,10%,0603,25V,X7R_MURATA GRM188R71E103KA01D	Chiếc	1.125,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3239	200006503		Thiết bị điều khiển đèn chiếu sáng công cộng Smart Light VSL V1.2	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3240	200006503		Thiết bị điều khiển đèn chiếu sáng công cộng Smart Light VSL V1.2	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3241	200006503		Thiết bị điều khiển đèn chiếu sáng công cộng Smart Light VSL V1.2	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3242	200006503		Thiết bị điều khiển đèn chiếu sáng công cộng Smart Light VSL V1.2	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3243	200006503		Thiết bị điều khiển đèn chiếu sáng công cộng Smart Light VSL V1.2	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

[illegible]

[illegible]

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3318	200006503		Thiết bị điều khiển đèn chiếu sáng công cộng Smart Light VSL V1.2	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3319	200006503		Thiết bị điều khiển đèn chiếu sáng công cộng Smart Light VSL V1.2	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3320	200006503		Thiết bị điều khiển đèn chiếu sáng công cộng Smart Light VSL V1.2	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3321	200006503		Thiết bị điều khiển đèn chiếu sáng công cộng Smart Light VSL V1.2	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3322	200006503		Thiết bị điều khiển đèn chiếu sáng công cộng Smart Light VSL V1.2	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3323	200006503		Thiết bị điều khiển đèn chiếu sáng công cộng Smart Light VSL V1.2	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3324	200006503		Thiết bị điều khiển đèn chiếu sáng công cộng Smart Light VSL V1.2	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3325	200006503		Thiết bị điều khiển đèn chiếu sáng công cộng Smart Light VSL V1.2	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3326	200006503		Thiết bị điều khiển đèn chiếu sáng công cộng Smart Light VSL V1.2	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3327	200006503		Thiết bị điều khiển đèn chiếu sáng công cộng Smart Light VSL V1.2	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3328	200006503		Thiết bị điều khiển đèn chiếu sáng công cộng Smart Light VSL V1.2	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3329	200006503		Thiết bị điều khiển đèn chiếu sáng công cộng Smart Light VSL V1.2	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3330	200006503		Thiết bị điều khiển đèn chiếu sáng công cộng Smart Light VSL V1.2	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3331	200006503		Thiết bị điều khiển đèn chiếu sáng công cộng Smart Light VSL V1.2	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3332	200006503		Thiết bị điều khiển đèn chiếu sáng công cộng Smart Light VSL V1.2	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3333	200006503		Thiết bị điều khiển đèn chiếu sáng công cộng Smart Light VSL V1.2	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3334	620024417	VPH-411S-16-2	BACK BOTTOM COVER; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3335	620024418	VPH-411S-38-2	THERMALLY CONDUCTIVE DISPERSION SPONGE FOR TOP; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3336	620024421	VPH-411S-3-2	RIGHT COVER; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3337	620024430	VPH-411S-7-2	TOP FRONT DECOR 1; hãng SX:	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3338	620024438	VPH-411S-1-2	INNER BASE ; hãng SX:	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3339	620024439	VPH-411S-26-2	MIC SPONGE; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3340	620024440	VPH-411S-25-2	SENSOR SPONGE; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3341	620024441	VPH-411S-2-2	BACK DECOR; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3342	620024443	VPH-411S-14-2	RECEIVER RUBBER ASSY; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3343	620024446	VPH-411S-40-2	RESONANCE BOX SPONGE; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3344	620024447	VPH-411S-41-2	SPEAKER SPONGE; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3345	620024451	VPH-411S-11-2	POWER KEY; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3346	620024457	VPH-411S-42-2	TOP MIC SPONGE; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3347	620024461	VPH-411S-34-2	FPC BATTERY SPONGE; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3348	620024469	VPH-411S-18-2	MIC MESH; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3349	620024472	VPH-411S DB REV 04/ VPH-411S DB Rev3	Daughter Board Rev 03; hãng SX:	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3350	620024473	VPH-411S-37-2	CONNECTER B-B SPONGE; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3351	620024477	VPH-411S-23-2	SIM SPONGE; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3352	620024478	QPA-4373-0-44LGAMT-09-0	IC;RF/ANALOG PA,QFE4373,LGA15; hãng SX:	Chiếc	78,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3353	620024492	VPH-411S-5-2	BACK BASE; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3354	620024494	VPH-411S-4-2	LEFT COVER; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3355	620024502	VPH-411S-36-2	RECEIVER SPONGE; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3356	620024503	Đen, nâu sậm, nâu đỏ	Bọc da ốp điện thoại: Da cá sấu; hãng SX:	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3357	620024510	VPH-411S-9-2	BOTTOM FRONT DECOR; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3358	620024517	VPH-411S-8-2	TOP FRONT DECOR 2; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3359	620024521	VPH-411S-27-2	LED SPONGE; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3360	620024523	VPH-411S-35-2	FPC SIM SPONGE; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3361	620024524	VPH-411S-15-2	TOP BACK COVER; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3362	620024531	USB1PACVBK	USB Wall Charger with Quick Charge 2.0 - International Travel - Black; hãng SX:	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3363	620024535	VPH-411S-6-2	BACK COVER; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3364	620024550	VPH-411S-13-2	TOP BASE; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3365	620024551	VPH-411S-12-2	VOLUME KEY; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3366	620024560	VPH-411S-43-2	BOTTOM MIC SPONGE; hãng SX:	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3367	620024563	FPC SENSOR REV 01/ VPH-411s_FPC_SENDOR	FPC SENSOR REV 01; hãng SX:	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3368	620026563	Vàng trắng	Mạ bộ vỏ kim loại điện thoại. Bộ vỏ kim loại gồm các chi tiết sau: Back Décor; Righr Cover; Left Cover; Back Case; Top FRT Decor	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3369	620002429	3057 GR005	HOOK-UP STRND 16 AWG GREEN 100'; hãng SX:ALPHA WIRE	Cuộn	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3370	620003521	100B6R8CT500XT	CAP-CER,SMD;6.8pF,+/- 0.25pF,1111,500V; hãng SX:ATC	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3371	620003928	GRM188R71H103KA01D	CAP-CER,SMD;10000pF,10%,0603,50V,X7R; hãng SX:Murata	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3372	620004090	2425-018-X7W0-502PLF	DC FEED;THRU, 5000pF, 200V, X7W; hãng SX:Tusonix a Subsidiary of CTS Electronic Components	Chiếc	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3373	620015902	DBCM-0305-AA00	Coupler; 3 dB, DBCM-0305-AA00 (700W), 7/16 F; hãng SX:Exir	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3374	620020860	LPF-1112504	Filter; Custom LP filter, 7 cells, 1-5/8" unflange; hãng SX:Exir	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3375	620004215	DK0008T	BỘ KIT DK0008T; hãng SX:ATC	Bộ	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3376	620004218	ERJ-6GEYJ1R5V	RES-SMD;1.5Ohm, 5%,0805; hãng SX:PANASONIC ELECTRONIC COMPONENTS (VA)	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3377	620004219	P450-006	D-SUB CABLE ASSEMBLY DB09 BLACK, INDIVIDUAL (Round) 6.0" (1.83) Receptacle, FEMALE SOCKETS TO RECEPTACLE, FEMALE SOCKETS SHIELDE	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3378	620004220	ERJ-P06F1102V	RES-SMD; 0.5 W , 0805, 11 Kohm, 1%; hãng SX:Panasonic	Chiếc	175,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3379	620004221	BZT52C2V4-TP	DIODE-ZENER;2,4 V,500MW, 50 uA; hãng SX:Micro Commercial Co	Chiếc	152,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3380	620004222	TPSD226M025R0200	CAP-TAN; SMD 22 uF 25V 20% L ESR; hãng SX:AVX CORPORATION (VA)	Chiếc	162,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3381	620004225	24-7068-1401	Soldeer activated rosin flux 1lb 0.020 diameter; hãng SX:KESTER SOLDER	Cuộn	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3382	620004226	D1D20	SOLID STATE RELAY SPST-NO (1 Form A) HOCKEY PUCK; hãng SX:CRYDOM CO	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3383	620002374	6648318-1	CONN-SPECIAL;SOCKET,#12 CRIMP,REMOVABLE; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	36,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3384	620002383	1648325-1	CONN-SPECIAL;SOCKET #20 CRIMP GOLD; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3385	620004119	272190	CONN-SPECIAL;7/16 JACK STR 50 OHM SOLDER; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3386	620004219	P450-006	D-SUB CABLE ASSEMBLY DB09 BLACK, INDIVIDUAL (Round) 6.0" (1.83) Receptacle, FEMALE SOCKETS TO RECEPTACLE, FEMALE SOCKETS SHIELDE	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3387	620004273	3365/16 300SF	CABLE, RIBN, 16COND, 0.050, GRAY 5'; hãng SX:3M	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3388	620004274	3365/14 300SF	CABLE, RIBN, 14COND, 0.050, GRAY 5'; hãng SX:3M	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3389	620004275	M1AXA-1636J	CABLE, IDC - MSC16A/MC16G/X, 3'; hãng SX:3M	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3390	620004277	9538 060100	WIRE; MULTI-CONDUCTOR CABLES 24AWG 8C SHIELD 100FT SPOOL CHROME; hãng SX:Belden Wire& Cable	Cuộn	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3391	620004279	272150 	CONN SPECIAL', ADAPTER 7/16, Plug-Jack; hãng SX:	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3392	620004280	71600-010LF	CONN-IDC, SOCKET, 10POS DUAL, 30AU; hãng SX:FCI	Chiếc	17,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3393	620004281	3-640441-4	CONN-RECEPT, 4POS, 24AWG, MTA100; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3394	620004282	3-644563-6	CONN-RECEPT, 6POS, 24AWG, MTA100; hãng SX:TE Connectivity AMP Connectors	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3395	620004283	89116-0001	CONN-IDC, SOCKET, 16 POS GOLD; hãng SX:3M	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3396	620004284	CON SMA012-R58	CONNSMAPLUGR/A50OHM,SOLDER,CON SMA012-R58; hãng SX:Linx Technologies Inc	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3397	620004285	749810-7	CONN; DSUB PLUG 9POS STR IDC; hãng SX:TE CONNECTIVITY AMP	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3398	620004286	138-4694-001	CONN N PLUG STR 50 OHM SOLDER; hãng SX:Cinch Connectivity Solutions Johnson	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3399	620004287	MS3100E32-17P	CONN-SPECIAL; RECEPTACLE đực, 4 chân; hãng SX:Amphenol Industrial	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3400	620004288	DF11-10DS-2C	CONN SOCKET 10POS 2MM DUAL CRIMP; hãng SX:Hirose Electric	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3401	620004289	R158-716M-A0	Adapter; 1-5/8" to 7/16 male; hãng SX:Exir	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3402	620004290	R158-716F-A0	CONN; ADAPTER 1-5/8" UNFLANGE TO 7/16 FEMALE; hãng SX:EXIR	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3403	620004291	AF45-40-00 20-60V DC	AF45-40-00 20-60V DC 4-POLE CONTACTOR; hãng SX:ABB	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3404	620004292	D2VW-5L1B-1HS	SWITCH; SWITCH SNAP ACTION SPDT 5A 125V; hãng SX:OMRON ELECTRONICS	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3405	620004293	MDB-E09SE760	CONN; D-SUB RCPT 9POS VERT SOLDER; hãng SX:Amphenol Commercial Products	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3406	620015856	132114	CONN-SPECIAL;BULK; CONN SMA PLUG RG 174/316/LMR 100; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3407	620015857	TL14970D025T5XUMA1	Current Sensor 25A 1 Channel Hall Effect, Differential Unidirectional 8-SMD Module; hãng SX:INFINEON TECHNOLOGIES (VA)	Chiếc	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3408	620015858	3302/14 300SF	FLAT RIBBON CABLE MULTIPLE 14 CONDUCTORS 0.050" FLAT CABLE 25'; hãng SX:3M (VA)	Cuộn	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3409	620015859	SMD291AX250T3	Leaded No-clean Solder paste Sn63Pb37 (63/37) Jar, 250g (9oz); hãng SX:CHIP QUIK INC	Hộp	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3410	620015860	3/4-5-1170	Shielding Tape; Tape Alum Foil 19.05mm x 4.6m; hãng SX:3M (TC)	Cuộn	24,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3411	620015880	1700/20 100SF	CABLE; FLAT RIBBON CABLE MULTIPLE 20 (10 PAIR TWISTED) CONDUCTORS 0.050" (1.27MM) FLAT TWISTED PAIR 10.0" (3.05M); hãng SX:3M	Cuộn	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3412	620015882	DF11-6DS-2DSA(06)	CONN; 6 POSITION RECEPTACLE CONNECTOR 0.079" (2.0MM) THROUGH HOLE GOLD; hãng SX:HIROSE ELECTRIC CO LTD	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3413	620015883	DF11-12DS-2C	CONN; HEADER & WIRE HOUSINGS 2MM RECEPT HOUSING 12P DUALROW CRIMP; hãng SX:HIROSE ELECTRIC CO LTD	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3414	620015884	DF11-2428SC	CONN; HEADER & WIRE HOUSINGS FEMALE CONTACT TIN 24-28AWG LOOSE; hãng SX:HIROSE ELECTRIC CO LTD	Chiếc	300,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3415	620015885	DF11-20DS-2C	CONN; HEADER & WIRE HOUSINGS 2MM RECEPT HOUSING 20P DUALROW CRIMP; hãng SX:HIROSE ELECTRIC CO LTD	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3416	620015886	R158-CKIT-B0	CONN; COUPLING KIT 1-5/8" UNFLANGE WITH SOLID COPPER SLEEVE; hãng SX:EXIR	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3417	620015888	16_716-50-12-50/033_-E	CONN; 7/16 DIN CONNECTOR FOR 1/2" COAXIAL CABLE, RIGHT ANGLE; hãng SX:Huber-Suhner	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3418	620015889	132348	CONN; CONNECTOR CAP (COVER) FOR SMA PLUGS; hãng SX:AMPHENOL-RF DIVISION	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3419	620015891	MBN0.25SV100	BRAID; TABULAR GROUND BRAID 0.250" (6.35MM, 1/4") - OUTER DIA X 100' (30.5M) 36 AWG; hãng SX:Techflex	Cuộn	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3420	620015892	MBN0.63SV	BRAID; TABULAR GROUND BRAID 0.625" (15.88MM, 5/8") - OUTER DIA X 100' (30.5M) 34 AWG; hãng SX:Techflex	Cuộn	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3421	620015894	37104 010250	WIRE; HOOK-UP WIRE 4AWG 1C EPDM 250FT SPOOL BLACK; hãng SX:Belden Wire& Cable	Cuộn	1,50	Vật tư linh kiện, mạch in
3422	620015897	9918 002100	WIRE; HOOK-UP WIRE 18 AWG 1C PVC 100FT SPOOL RED; hãng SX:Belden Wire& Cable	Cuộn	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3423	620008509	CL10A106MQ8NNNC	Tụ gồm nhiều lớp, Mã:CL10A106MQ8NNNC, NSX:SAMSUNG, Mô tả:Tụ gồm nhiều lớp, điện dung 10uF, sai số 20%, điện áp 6.3V, vật liệu X5	Chiếc	7.998,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3424	620021671	C1005NPO109CG	Ceramic Capacitance,C0G,1.0pF,±0.25pF,0402,50V ; hãng SX:	Chiếc	10.006,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3425	620021720	CC0402JRNPO9BN390	Ceramic Capacitance,C0G,39pF,±5%,0402,50V; hãng SX:	Chiếc	9.997,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3426	620021768	VPH232 SH BBB	VPH232 Shield Case; hãng SX:	Chiếc	990,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3427	620021827	0402WGJ0153TCE	Resistance,15K,±5%,0402,1/16W,50V; hãng SX:	Chiếc	10.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3428	620021854	0402WGF6201TCE	BATTERY; 1000mAh; 3.7VDC, BL-5C, Nokia type; hãng SX:	Chiếc	993,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3429	620021863	CL10A226MQ8NNNC	Ceramic Capacitance,X5R,22uF,±20%,0603,6.3V; hãng SX:	Chiếc	5.991,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3430	620021893	RC0402FR-071K5L	Resistance,1.5K,±1%,0402,1/16W,50V; hãng SX:	Chiếc	9.995,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3431	620021937	CLH1005T-3N3S-S	Inductance 3.3nH ±0.3nH 0402,300mA; hãng SX:	Chiếc	10.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3432	620021940	BK1080NB	MODULE;SPEAKER,8Ohm,0.7W,95dB,f0 -20KHz; hãng SX:	Chiếc	926,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3433	620021943	CLH1005T-1N0S-S	Inductance,1.0nH,±0.3nH,0402,300mA; hãng SX:	Chiếc	10.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3434	620021978	0402WGJ0000TCE	Resistance,0R,±5%,0402,1/16W,50V; hãng SX:	Chiếc	19.996,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3435	620022027	CLH1005T-5N6S-S	Inductance,5.6nH,±0.3nH,0402,300mA; hãng SX:	Chiếc	10.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3436	620022248	0402WGF6201TCE	Resistance,6.2K,±1%,0402,1/16W,50V; hãng SX:	Chiếc	9.998,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3437	620022392	C1005X5R104KD	Ceramic Capacitance,X5R,100nF,±10%,0402,6.3V; hãng SX:	Chiếc	10.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3438	620022437	C1005NPO101JG	Ceramic Capacitance,C0G,100pF,±5%,0402,50V; hãng SX:	Chiếc	10.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3439	620022467	C1005NPO100JG	Ceramic Capacitance,C0G,10pF,±5%,0402,50V; hãng SX:	Chiếc	10.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3440	620022547	PAN30-03466-S10701	Battery Connector; hãng SX:	Chiếc	999,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3441	620022555	C1005X7R223KD	Ceramic Capacitance,X7R,22nF,±10%,0402,10V; hãng SX:	Chiếc	10.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3442	620022562	RC0402JR-07510RL	Resistance,510R,±5%,0402,1/16W,50V; hãng SX:	Chiếc	9.998,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3443	620022568	CLH1005T-1N2S-S	Inductance,1.2nH,±0.3nH,0402,300mA; hãng SX:	Chiếc	10.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3444	620022598	CESD7V0D5	TVS;7V;65pF;SOD-523; hãng SX:	Chiếc	8.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3445	620022627	CC0402KRX5R5BB105	Ceramic Capacitance,X5R,1uF,±10%,0402,6.3V; hãng SX:	Chiếc	19.994,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3446	620022645	SFI0402-120E100NP-LF	12VDC,10pF,0402; hãng SX:	Chiếc	10.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3447	620022675	MC3117	MOS-FET;P-Channel,20V,1.25A,DFN6; hãng SX:	Chiếc	3.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3448	620022790	CLH1005T-1N5S-S	Inductance 1.5nH ±0.3nH 0402,300mA; hãng SX:	Chiếc	10.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3449	620022813	HS8292U	MODULE;LCD,8bit,2.4",240x320,262K colors; hãng SX:	Chiếc	850,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3450	620022846	RC0402FR-0747KL	Resistance,47K,±1%,0402,1/16W,50V; hãng SX:	Chiếc	9.993,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3451	620022849	MC3117	MODULE;VIBRATOR,HZF1027A-P03L8; hãng SX:	Chiếc	926,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3452	620022878	DTC143ZM	Digital Audion; hãng SX:	Chiếc	8.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3453	620022900	CXC6X260000GHVRN00	26MHz;9.0pF;+/-10;3225; hãng SX:	Chiếc	2.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3454	620022923	JAF00-05382-0101	Earphone Connector; hãng SX:	Chiếc	999,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3455	620022925	BK1080NB	SINGLE-CHIP BROADCAST FM RADIO TUNER;2*2mm;QFN12; hãng SX:	Chiếc	3.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3456	620022933	CC0402KRX7R7BB473	Ceramic Capacitance,X7R,47nF,±10%,0402,10V; hãng SX:	Chiếc	10.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3457	620022982	ORH-B36G	Blue Color LED 0603; hãng SX:	Chiếc	8.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3458	620023037		RF Test Connector; hãng SX:	Chiếc	1.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3459	620023081	SBJ100505T-102Y-N	Magnetic Bead,0402,1000ohm@100M,1.8ohm,150m A; hãng SX:	Chiếc	10.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3460	620023099	RL0805FR-7W0R62L	Resistance 0.62R ±1% 0805 1/4W 150V; hãng SX:	Chiếc	4.997,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3461	620023141	RFBLN2012090BS0T53	MODULE;MIC,2V,2.2KOhm,100-20KHz; hãng SX:	Chiếc	921,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3462	620023161	VPH232-24	VPH232-24 PCB; hãng SX:	Chiếc	1.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3463	620023171	GBK160808T-601Y-N	Bead 600R@100MHz,0402,450mA, Max 0.34R; hãng SX:	Chiếc	4.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3464	620023214	CC0402KRX7R7BB103	Ceramic Capacitance,X7R,10nF,±10%,0402,10V; hãng SX:	Chiếc	9.995,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3465	620023239	0402WGJ0202TCE	Resistance,2K,±5%,0402,1/16W,50V; hãng SX:	Chiếc	9.998,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3466	620023252	CLH1005T-68NJ-S	Inductance,68nH,±5%,0402,300mA; hãng SX:	Chiếc	10.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3467	620023260	UAF95-05254-S125	USB 5pin; hãng SX:	Chiếc	1.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3468	620023267	CC0603KRX5R7BB225	Ceramic Capacitance,X5R,2.2uF,±10%,0603,16V; hãng SX:	Chiếc	3.998,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3469	620023269	C1005NPO270JG	Ceramic Capacitance,C0G,27pF,±5%,0402,50V; hãng SX:	Chiếc	10.008,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3470	620023337	0402WGJ0330TCE	Resistance,33R,±5%,0402,1/16W,50V; hãng SX:	Chiếc	9.998,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3471	620023357	CC0402JRNPO9BN220	Ceramic Capacitance,C0G,22pF,±5%,0402,50V; hãng SX:	Chiếc	9.997,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3472	620023408	C1005NPO470JG	Ceramic Capacitance,C0G,47pF,±5%,0402,50V; hãng SX:	Chiếc	10.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3473	620023463	RC0402FR-071K5L	CHARGER; 5VDC; 500mA,110~240V; hãng SX:	Chiếc	999,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3474	620023482	CLH1005T-R10J-H	Inductance,100nH,±5%,0402,150mA; hãng SX:	Chiếc	10.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3475	620023504	AW5007STR	FM LNA,SOT363-6L,2.2x2.2x1mm; hãng SX:	Chiếc	3.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3476	620023519	RC0402JR-076R8L	Resistance,6.8R,±5%,0402,1/16W,50V; hãng SX:	Chiếc	9.997,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3477	620023527	03-2421138-A	SIM & T-Card 3 in 1; hãng SX:	Chiếc	1.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3478	620023577	RFBLN2012090BS0T53	Balun;914.5MHz/1897.5MHz;1.5dB;2.0x1.25mm; hãng SX:	Chiếc	2.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3479	620023637	0402WGJ0000TCE	Camera Lens; hãng SX:	Chiếc	902,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3480	620023662	CC0402KRX7R9BB102	Ceramic Capacitance,X7R,1nF,±10%,0402,50V; hãng SX:	Chiếc	9.998,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3481	620023691	AW5007STR	MODULE;RECEIVER,32Ohm,110dB,30m W,100-10KHz; hãng SX:	Chiếc	886,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3482	620023725	0402WGF1001TCE	Resistance,1K,±1%,0402,1/16W,50V; hãng SX:	Chiếc	9.998,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3483	620023735	SC6531DA	BGA233;11X10;050;BB;GSM,32M+32M; hãng SX:	Chiếc	1.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3484	620023766	0402WGJ0202TCE	USB CABLE, 1M; hãng SX:	Chiếc	994,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3485	620023806	CLH1005T-33NJ-S	Inductance,33nH,±5%,0402,300mA; hãng SX:	Chiếc	9.800,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3486	620023836	MPL2012S2R2MHT	Inductance,2.2μH±20%,0805,800mA,O.25 ohm; hãng SX:	Chiếc	3.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3487	620023883	HS8292U	QUAD-BAND TX / DUAL-BAND RX GSM/GPRS FEM; hãng SX:	Chiếc	1.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3488	620023936	SC6531DA	MODULE;CAMERA,0.08Mpx.; hãng SX:	Chiếc	912,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3489	620024048	CC0402JRNPO9BN560	Ceramic Capacitance,C0G,56pF,±5%,0402,50V; hãng SX:	Chiếc	9.994,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3490	620024214	CL10A475KQ8NNNC	Ceramic Capacitance,X5R,4.7uF,±10%,0603,6.3V; hãng SX:	Chiếc	3.999,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3491	620024230	RC0603JR-070RL	Resistance,0R,±5%,0603,1/8W,50V; hãng SX:	Chiếc	4.998,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3492	620024259	C1005NPO330JG	Ceramic Capacitance,C0G,33pF,±5%,0402,50V; hãng SX:	Chiếc	10.005,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3493	620024276	CL05A105KQ5NNNC	Ceramic Capacitance,X5R,1uF,±10%,0402,6.3V; hãng SX:	Chiếc	9.998,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3494	620026438	0402WGF1001TCE	Led light; hãng SX:	Chiếc	1.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3495	620002554	ERJ-3EKF2001V	RES-SMD;2KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	243,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3496	620002664	ERJ-3EKF49R9V	RES-SMD;49.9OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	217,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3497	620003446	B82422H1682K	IND-SMD; 6.8UH,10%,1210,570MA,350mOhm; hãng SX:EPCOS	Chiếc	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3498	620003474	GRM1885C1H100FA01D	CAP-CER,SMD;10PF,50V,1%,0603,NP0; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3499	620003820	741X083472JP	RES-ARRAY;4.7KOHM,5%,4,0804; hãng SX:CTS Resistor Products	Chiếc	135,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3500	620003895	ERJ-3GEYJ474V	RES-SMD;470KOHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3501	620003939	LF10WBP-12P	CONN-SPECIAL;PLUG WATERPROOF 12POS MALE; hãng SX:Hirose Electric Co Ltd	Chiếc	37,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3502	620004041	UMK107BJ105KA-T	CAP-CER,SMD;1uF,10%,0603,50V,X5R; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3503	620004059	RMCF0603FT47K0	RES-SMD;47KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Stackpole Electronics Inc	Chiếc	115,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3504	620004060	ZXMP3A13FTA	MOS-FET;P-Channel,30V,1.4A,SOT23-3; hãng SX:Diodes Inc	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3505	620004061	LM2904DGKR	IC;OPAMP GP 700KHZ,8VSSOP; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3506	620004062	CL31B475KAHNNNE	CAP-CER,SMD;4.7UF,10%,1206,25V,X7R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	81,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3507	620004063	TMK325B7226MM-TR	CAP-CER,SMD;22UF,20%,1210,25V,X7R; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	24,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3508	620004064	CDBU0530	DIODE-SCHOTTKY;20V,500mA,0603; hãng SX:Comchip Technology	Chiếc	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3509	620004065	ADF4351BCPZ	IC;SYNTH PLL VCO,ADF4351BCPZ,32LFCSP; hãng SX:Analog Devices Inc	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3510	620004066	B82422H1224K	IND-SMD;220UH,10%,1210,100MA,10.9 Ohm; hãng SX:EPCOS Inc	Chiếc	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3511	620004067	LQH44PN4R7MP0L	IND-SMD;4.7UH,20%,1515,1700MA,80 MOHM; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	39,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3512	620004068	B82422A1822K100	IND-SMD;8.2UH,10%,1210,130MA,3 OHM; hãng SX:EPCOS Inc	Chiếc	24,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3513	620004069	74LVC2G125DP,125	IC;BUS BUFF DVR TRI-ST DL,8TSSOP; hãng SX:NXP Semiconductors	Chiếc	23,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3514	620004112	C0603C103K5RACTU	CAP-CER,SMD;10000pF,10%,0603,50V,X7R; hãng SX:Kemet	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3515	620004518	ERJ-3GEYJ103V	RES-SMD;10KOHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	540,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3516	620004519	ERJ-3GEYJ222V	RES-SMD;2.2 KOHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3517	620004598	BGA 612 H6327	IC;RF Amplifiers,SOT343,-,BGA 612 H6327; hãng SX:Infineon Technologies	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3518	620004604	C0603C104K4RACTU	CAP-CER,SMD;0.1UF,10%,0603,16V,X7R; hãng SX:Kemet	Chiếc	17,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3519	620004606	CL21A475KOFNNNE	CAP-CER,SMD;4.7UF,10%,0805,16V,X5R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3520	620004607	CL21B106KPQNNNE	CAP-CER,SMD;10UF,10%,0805,10V,X7R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	300,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3521	620005019	CL10C120JB8NNNC	CAP-CER,SMD;12PF,50V,5%,0603,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3522	620005091	ERJ-3GEYJ470V	RES-SMD;47OHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	35,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3523	620005094	ERJ-3EKF52R3V	RES-SMD;52.3OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3524	620005097	ERJ-3GEYJ472V	RES-SMD;4.7KOHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	54,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3525	620005099	ERJ-3EKF7872V	RES-SMD;78.7KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	136,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3526	620005204	801-43-036-10-012000	CONN-DIP;SOCKET STRIP LOPRO,36 PIN; hãng SX:Mill-Max Manufacturing Corp	Thanh	482,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3527	620005266	ERJ-3GEYJ151V	RES-SMD;150OHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	86,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3528	620005472	LBC3225T330KR	IND-SMD;33UH,10%,1210,300mA,533mOhm; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3529	620005542	CL21B105KAFNNNE	CAP-CER,SMD;1UF,10%,0805,25V,X7R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	252,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3530	620005566	CL10C390FB81PNC	CAP-CER,SMD;39PF,1%,0603,50V,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3531	620005583	CL10C680FB8NNNC	CAP-CER,SMD;68PF,1%,0603,50V,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	83,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3532	620005609	MLZ2012A1R0M	IND-SMD;1UH,MULTILAYER,0805,900mA,1 00mOHM; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3533	620005637	ERJ-3GEYJ1R0V	RES-SMD;1OHM,5%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	259,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3534	620005655	ERJ-3GEYJ154V	RES-SMD;150 KOHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3535	620005660	ERJ-3EKF2211V	RES-SMD;2.21KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3536	620005666	ERJ-3EKF2103V	RES-SMD;210KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3537	620005670	ERJ-3EKF2433V	RES-SMD;243KOHM,1%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3538	620005674	ERJ-3GEYJ3R3V	RES-SMD;3.3OHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	47,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3539	620005678	ERJ-3GEYJ334V	RES-SMD;330 KOHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	83,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3540	620005682	ERJ-3EKF3480V	RES-SMD;348OHM,1%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	48,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3541	620005700	ERJ-3EKF6492V	RES-SMD;64.9KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	65,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3542	620007141	RMCF0603FT4K70	RES-SMD;4.7KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Stackpole Electronics Inc	Chiếc	75,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3543	620007176	ERJ-3EKF5230V	RES-SMD;523 OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3544	620007866	GQM2195C2A100GB01D	CAP-CER,SMD;10pF,2%,0805,100V,NP0; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	42,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3545	620008510	LQH32PN4R7NN0L	IND-SMD;4.7UH,30%,1210,1000mA,180mOh ms; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3546	620009212	CL21C102JBCNNNC	CAP-CER,SMD;1000PF,50V,5%,0805,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3547	620009919	ERJ-3GEYJ124V	RES-SMD;120 KOHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3548	620009931	ERJ-3GEYJ333V	RES-SMD;33 KOHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	214,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3549	620009937	ERJ-3GEYJ473V	RES-SMD;47 KOHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3550	620009939	ERJ-3GEYJ561V	RES-SMD;560OHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	75,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3551	620009944	ERJ-3GEYJ681V	RES-SMD;680OHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	59,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3552	620009952	LQW2UASR12J00L	IND-SMD;120NH,1008,650MA, 950MHZ; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3553	620010212	ERJ-3EKF2611V	RES-SMD;2.61KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic	Chiếc	51,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3554	620010235	ERJ-3EKF3571V	RES-SMD;3.57KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	26,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3555	620011148	08051A180FAT2A	CAP-CER,SMD;18PF,1%,0805,100V,NP0; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	68,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3556	620012247	LQW18AN22NJ00D	IND-SMD;22NH,5%,0603,500mA,170mOhms; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3557	620012282	1206CS-820XGLB	IND-SMD;82NH,2%,1206CS,900mA,210mOhms; hãng SX:Coilcraft	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3558	620012283	1206CS-121XGLB	IND-SMD;120NH,2%,1206CS,800mA,260mOhms; hãng SX:Coilcraft	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3559	620013436	C2012X7R1A106K125AC	CAP-CER,SMD;10UF,10%,0805,10V,X7R; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	110,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3560	620013439	CL10C820GB8NNNC	CAP-CER,SMD;82PF,2%,0603,50V,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	1.000,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3561	620013444	C1608C0G2A121J080AA	CAP-CER,SMD;120PF,100V,5%,0603,NP0; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3562	620013446	CL10C470GB8NNNC	CAP-CER,SMD;47PF,2%,0603,50V,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	190,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3563	620013447	GRM1885C1H150FA01D	CAP-CER,SMD;15PF,50V,1%,0603,NP0; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	17,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3564	620013448	CL10C680GB8NNNC	CAP-CER,SMD;68PF,2%,0603,50V,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3565	620013449	CL10C910JB8NNNC	CAP-CER,SMD;91PF,50V,5%,0603,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3566	620013450	CL10C221GB8NCNC	CAP-CER,SMD;220PF,2%,0603,50V,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	120,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3567	620013451	CL10C8R2BB8NNNC	CAP-CER,SMD;8.2PF,+/-0.1pF,0603,50V,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	17,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3568	620013454	CL10C1R8BB8NNNC	CAP-CER,SMD;1.8PF,50V,±0.1pF,0603,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3569	620013455	CL10C0R5CB8NNNC	CAP-CER,SMD;0.5PF,50V,±0.25pF,0603,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3570	620013458	CL10C3R9BB8NNNC	CAP-CER,SMD;3.9PF,50V,±0.1pF,0603,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3571	620013460	CL21B153KCCNNNC	CAP-CER,SMD;0.015UF,100V,10%,0805,X7R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3572	620013464	08051A560FAT2A	CAP-CER,SMD;56PF,1%,0805,100V,NP0; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	59,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3573	620013466	08051A120FAT2A	CAP-CER,SMD;12PF,1%,0805,100V,NP0; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	67,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3574	620013467	08051A270FAT2A	CAP-CER,SMD;27PF,1%,0805,100V,NP0; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3575	620013468	GQM2195C2A3R9BB01D	CAP-CER,SMD;3.9PF,+/-0.1pF,0805,100V,NP0; hãng SX:Murata Electronics	Chiếc	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3576	620013471	VJ0805A220FXBPW1BC	CAP-CER,SMD;22pF,1%,0805,100V,NP0; hãng SX:Vishay / Vitramon	Chiếc	45,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3577	620013472	JMK107BJ225KA-T	CAP-CER,SMD;2.2UF,10%,0603,6,3V,X5R; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3578	620013473	CL10B223KA8NNWC	CAP-CER,SMD;0.022UF,25V,10%,0603,X7R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3579	620013476	CL10B393KO8NNNC	CAP-CER,SMD;0.039UF,10%,0603,16V,X7R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	73,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3580	620013478	CL10B471KB8NNNC	CAP-CER,SMD;470PF,50V,10%,0603,X7R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	68,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3581	620013480	CL10B474KO8NNNC	CAP-CER,SMD;0.47UF,10%,0603,16V,X7R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	140,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3582	620013509	CL10C820FB8NNNC	CAP-CER,SMD;82PF,1%,0603,50V,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3583	620013521	HMC589ST89E	IC;GAIN BLOCK AMP,HMC580ST89E,SOT89; hãng SX:Hittite Microwave Corporation	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3584	620013524	L2701	RF-FET;LDMOS ,500 MHZ,28V, 30W,S02,Single Ended; hãng SX:Polyfet	Chiếc	21,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3585	620013533	08051A220FAT2A	CAP-CER,SMD;22pF,1%,0805,100V,NP0; hãng SX:AVX	Chiếc	45,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3586	620013550	1206CS-221XGLB	IND-SMD;220NH,2%,1206CS,670mA,500mOh ms; hãng SX:Coilcraft	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3587	620013551	1206CS-151XGLB	IND-SMD;150NH,2%,1206CS,750mA,310mOh ms; hãng SX:Coilcraft	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3588	620013552	1206CS-181XGLB	IND-SMD;180NH,2%,1206CS,700mA,430mOh ms; hãng SX:Coilcraft	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3589	620013553	1206CS-680XGLB	IND-SMD;68NH,2%,1206CS,900mA,260mOh ms; hãng SX:Coilcraft	Chiếc	26,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3590	620013555	AIML-0805-5R6K-T	IND-SMD;5.6UH,10%,0805,15 mA,900 mOhms; hãng SX:Abracon Corporation	Chiếc	19,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3591	620013557	LRC-LRF1206LF-01-R025F	RES-SMD;0.025OHM,1%,1206,0.5W; hãng SX:TT Electronics/IRC	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3592	620013567	RMCF0603ZT0R00	RES-SMD;0OHM,Jumper,0603,1/10W; hãng SX:Stackpole Electronics Inc	Chiếc	200,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3593	620013577	RMCF0603FT1K00	RES-SMD;1KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Stackpole Electronics Inc	Chiếc	75,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3594	620013597	RMCF0603FT5K60	RES-SMD;5.6KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Stackpole Electronics Inc	Chiếc	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3595	620013598	RC0603FR-0759KL	RES-SMD;59KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3596	620013641	CL10B105KO8NNNC	CAP-CER,SMD;1UF,10%,0603,16V,X7R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	83,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3597	620013670	LQW18AN68NJ00D	IND-SMD;68nH,5%,0603;340mA,0.238Ohm; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3598	620013671	LQW18ANR33J00D	IND-SMD;330NH,5%,0603,85mA,5.5Ohms; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	47,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3599	620013672	LQW18AN82NG00D	IND-SMD;82NH,2%,0603,250mA,600mOhms; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3600	620013675	LQW2UAS1R0J00L	IND-SMD;1000NH,5%,1008,370mA,1.75Ohms; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	31,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3601	620013676	LBR2012T2R2M	IND-SMD;2,2UH,20%,SMD,260mA,100mOH M; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3602	620013677	LB2012T6R8M	IND-SMD;6,8UH,20%,SMD,135mA,611mOH M; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3603	620013681	ERJ-3GEYJ242V	RES-SMD;2.4KOHM,5%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	214,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3604	620013682	ERJ-3GEYJ910V	RES-SMD;91OHM,5%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	51,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3605	620013683	ERJ-3EKF5761V	RES-SMD;5.76KOHM,1%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3606	620013684	ERJ-3GEYJ204V	RES-SMD;200KOHM,5%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3607	620013685	ERJ-3EKF6042V	RES-SMD;60.4KOHM,1%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3608	620013686	ERJ-3EKF1741V	RES-SMD;1.74KOHM,1%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	214,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3609	620013687	ERJ-3EKF51R1V	RES-SMD;51.1OHM,1%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	214,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3610	620013688	ERJ-3EKF8663V	RES-SMD;866KOHM,1%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	37,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3611	620013689	ERJ-3EKF1333V	RES-SMD;133KOHM,1%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	31,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3612	620013690	ERJ-3GEYJ106V	RES-SMD;10MOHM,5%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	259,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3613	620013691	ERJ-3EKF2053V	RES-SMD;205KOHM,1%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3614	620013692	ERJ-3EKF6342V	RES-SMD;63.4KOHM,1%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3615	620013693	ERJ-3EKF6043V	RES-SMD;604KOHM,1%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	38,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3616	620013694	ERJ-3EKF1373V	RES-SMD;137KOHM,1%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	214,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3617	620013695	ERJ-3EKF14R3V	RES-SMD;14.3OHM,1%,0603,0.1W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3618	620013696	ERJ-P06J681V	RES-SMD;680HM,5%,0805,0.5W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	49,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3619	620013697	RMCF0603FT220K	RES-SMD;220KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Stackpole Electronics Inc	Chiếc	76,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3620	620013698	RT0603DRD07100KL	RES-SMD;100KOHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	81,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3621	620013699	ERJ-3EKF4321V	RES-SMD,4.32KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3622	620014241	CL21B472KCANFNC	CAP-CER,SMD;4700PF,100V,10%,0805,X7R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3623	620014242	CL10B472KB8SFNC	CAP-CER,SMD;4700PF,50V,10%,0603,X7R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3624	620014243	CL10C181FB8NNNC	CAP-CER,SMD;180PF,50V,1%,0603,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3625	620014246	CL10C271FB8NNWC	CAP-CER,SMD;270PF,50V,1%,0603,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	134,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3626	620014247	CL10C560JB8NNNC	CAP-CER,SMD;56PF,50V,5%,0603,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	91,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3627	620014249	CL10C391JB8NNNC	CAP-CER,SMD;390PF,50V,5%,0603,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3628	620014250	CL10C101FB81PNC	CAP-CER,SMD;100PF,50V,1%,0603,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3629	620014251	CL10C270FB8NNNC	CAP-CER,SMD;27PF,50V,1%,0603,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3630	620014252	CL10B331KB8NFNC	CAP-CER,SMD;330PF,50V,10%,0603,X7R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3631	620014253	C1608C0G1H220F080AA	CAP-CER,SMD;22PF,50V,1%,0603,COG; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3632	620014254	CL10B221KB8NNNC	CAP-CER,SMD;220PF,50V,10%,0603,X7R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3633	620014255	CL10B103KB8NCNC	CAP-CER,SMD;10000PF,50V,10%,0603,X7R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	500,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3634	620014256	CL10B225KP8NNNC	CAP-CER,SMD;2.2UF,10V,10%,0603,X7R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3635	620014257	CL10B224KO8NNNC	CAP-CER,SMD;0.22UF,16V,10%,0603,X7R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3636	620014259	CL10B272KB8SFNC	CAP-CER,SMD;2700PF,50V,10%,0603,X7R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3637	620014260	CL10B562KB8SFNC	CAP-CER,SMD;5600PF,50V,10%,0603,X7R; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3638	620014286	GRM1885C1H750JA01D	CAP-CER,SMD;75PF,5%,0603,50V,NP0; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	68,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3639	620014287	ERJ-3EKF1183V	RES-SMD; 118K OHM, 1/10W, 1%, 0603; hãng SX:Panasonic	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3640	620014288	C1608C0G1H151F080AA	CAP-CER,SMD;150pF,1%,0603,50V,NP0; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	140,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3641	620014289	08051A390JAT2A	CAP-CER,SMD;39PF,5%,0805,100V,NP0; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	75,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3642	620014290	C0805C680J1GACTU	CAP-CER,SMD;68pF,5%,0805,100V,NP0; hãng SX:Kemet	Chiếc	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3643	620014291	C0805C330J1GACTU	CAP-CER,SMD;33pF,5%,0805,100V,NP0; hãng SX:Kemet	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3644	620014292	GQM2195C2A3R3BB01D	CAP-CER,SMD;3.3PF,+/- 0.1pF,0805,100V,NP0; hãng SX:Murata Electronics	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3645	620014293	CL21C470JCANNNC	CAP-CER,SMD;47pF,5%,0805,100V,NP0; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	68,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3646	620014294	GRM188R71H122KA01D	CAP-CER,SMD;1200PF,50V,10%,0603,X7R; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3647	620014295	1206CS-330XGLC	IND-SMD;33NH,2%,1206CS,1A,110mOhms; hãng SX:Coilcraft	Chiếc	75,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3648	620014296	0807SQ-14NGLC	IND-SMD;13.7NH,2%,0807SQ,2.7A,8mOhms; hãng SX:Coilcraft	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3649	620014297	CW201212-R10J	IND-SMD;100NH,5%,0805,400mA,430mOhm; hãng SX:Bourns Inc	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3650	620014298	LQW18AN33NJ10D	IND-SMD;33NH,5%,0603,550mA,132mOhms; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	35,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3651	620015766	XF3M-3015-1B	CONN-SMD;CONN FPC 0.5MM PITCH SMD,30POS,XF3M-3015-1B; hãng SX:Omron Electronics Inc-EMC Div	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3652	620015788	LT8610EMSE#PBF	IC;REG BUCK ADJ 2.5A SYNC,-40°C ~ 125°C (TJ),16-TFSOP (0.118", 3.00mm Width) ,LT8610EMSE#PBF; hãng SX:Linear Technology	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3653	620015789	NCP21XV103J03RA	THERMISTOR;NTC,10Kohm@25°C,±5%, 0805,200mW; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3654	620015790	ADM2582EBRWZ-REEL7	IC;TXRX RS485 ISOLATED,ADM2582EBRWZ-REEL7,20SOIC; hãng SX:Analog Devices Inc	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3655	620015791	MAX9814ETD+T	IC;AUDIO AMP,MAX9814ETD+T,14TDFN,AMP AUDIO MONO AB MIC; hãng SX:Maxim Integrated	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3656	620015792	MAX7408CUA+	IC;LPF,MAX7408CUA+,8UMAX,LOWPASS FILTER 5TH; hãng SX:Maxim Integrated	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3657	620015793	ZXCT1009FTA	IC;CURRENT MONITOR,SOT23-3,20V,-25TO+85C,ZXCT1009; hãng SX:Diodes Inc	Chiếc	24,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3658	620015794	ADL5513ACPZ-R7	IC;Logarithmic Detector/CTRLR,16-VFQFN,ADL5513ACPZ-R7,2.7 V ~ 5.5 V; hãng SX:Analog Devices Inc	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3659	620015795	MAX3362EKA#TG16	IC;IC TXRX RS485/RS422 3.3V,SOT23-8,-40°C ~ 125°C,MAX3362EKA#TG16; hãng SX:Maxim Integrated	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3660	620015796	MAX5741AUB+	IC;Digital to Analog Converter,10-TFSOP, 10-MSOP (0.118", 3.00mm Width),-40°C ~ 125°C,MAX5741AUB+; hãng SX:Maxim Integrated	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3661	620016042	ADCB-20-82+	IC; Power coupler , ADCB-20-82+ , Non-standard package, 50Ohm, 20dB, 1 to 800MHz; hãng SX:Mini-Circuit	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3662	620016053	AS204-80LF	IC;SW SP4T 300K-3.5GHZ,16-SSOP,AS204-80LF; hãng SX:Skyworks Solutions Inc	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3663	620016748	NEO-M8N	RECEIVER MODULE;NEO-M8N,U-BLOX GNSS MODULE; hãng SX:U-BLOX	Chiếc	17,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3664	620016845	TC1-1TG2+	TRANSFORMER;TC1-1TG2+ ,50 Ohm,0.4TO500MHz,1:1; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	39,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3665	620018548	GRM2195C2A4R7CD01D	CAP-CER,SMD;4.7PF,+/- 0.25pF,0805,100V,NP0; hãng SX:Murata Electronics	Chiếc	44,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3666	620018560	S8221	RF-FET;VDMOS,850 MHZ,12.5 V, 2W,S08,Single Ended; hãng SX:Polyfet	Chiếc	23,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3667	620018564	ADE-1L+	IC;FREQUENCY MIXER,ADE-1L+,CD542,2MHz TO 500MHz; hãng SX:Minicircuit	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3668	620018565	MAX6107EUR+T	IC;VREF,MAX6107,SOT-23-3,SERIES PREC 4.5V; hãng SX:Maxim Integrated	Chiếc	29,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3669	620026144		Khung vỏ cơ khí máy VRH811/S. Gồm: - 01 Thân trước: Nhôm A380.0 - 01 Thân sau: Nhôm A380.0 - 01 Thân giữa: Nhôm A380.0 - 01	Bộ	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3670	620025065	ERJ-3GEYJ271V	RES-SMD;270OHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	35,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3671	620006431	ERJ-2GEJ473X	RES-SMD; 47K OHM, 5%, 0402, 1/10W; hãng SX:PANASONIC ELECTRONIC COMPONENTS	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3672	620007421	2450AT18D0100E	IC; 2.4 GHZ SMD ANTENNA RESILIAN; hãng SX:Johanson Technology Inc.	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3673	620007422	KSC323JLFG	SWITCH ; SWITCH TACTILE, KSC323JLFG; hãng SX:C&K Components	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3674	620007423	CL05C150JB5NNNC	CAP CER 15PF 50V NP0 0402; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc.	Chiếc	28,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3675	620007424	500R07S220JV4T	CAP CER 22PF 50V NP0 0402; hãng SX:Johanson Technology Inc.	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3676	620007425	CDBQR54-HF	DIODE SCHOTTKY 30V 200MA 0402; hãng SX:Comchip Technology	Chiếc	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3677	620007426	CR2450	BATTERY LITHIUM 3V COIN 24.5MM; hãng SX:Panasonic - BSG	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3678	620007427	GQM1875C2E330JB12D	CAP CER 33PF 250V NP0 0603; hãng SX:MURATA	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3679	620007428	HK1608R22J-T	FIXED IND 220NH 300MA 1.5 OHM; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3680	620007429	GLFR1608T1R0M-LR	IND-SMD;1uH,20%,1608,900mA,80mOHM; hãng SX:TDK	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3681	620007430	"74479262210	IND-SMD; 1uH, 20%, 0603, 1.20A, 195MOHM; hãng SX:Wurth Electronics Inc	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3682	620007431	MLF1608D68NMTD25	FIXED IND 68NH 200MA 300 MOHM; hãng SX:TDK	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3683	620007432	SPM4012T-1R0M	FIXED IND 1UH 4.3A 45 MOHM SMD; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3684	620007433	36501J16NJTDG	FIXED IND 16NH 700MA 110 MOHM; hãng SX:TE	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3685	620007434	L06032R7CGSTR	IND-SMD;2.7nH,±0.2nH,0603,750mA,80mOH M; hãng SX:AVX	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3686	620007435	CRCW060356K0JNEAHP	RES SMD 56K OHM 5% 1/4W 0603; hãng SX:PANASONIC	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3687	620007436	CRCW06034K02FKEA	RES-SMD;4.02KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Vishay Dale	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3688	620007437	PM0603-33NJ-RC	FIXED IND 33NH 600MA 220 MOHM; hãng SX:Bourns	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3689	620007438	KT2016K26000BCW18ZAS	OSC TCXO 26.000MHZ SINE WAVE SMD; hãng SX:AVX Corp/Kyocera Corp	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3690	620007439	GRM1885C2A510JA01D	CAP CER 51PF 100V NP0 0603; hãng SX:MURATA	Chiếc	132,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3691	620007440	SFV12R-1STE1HLF	CONN FFC BOTTOM 12POS 0.50MM R/A; hãng SX:Amphenol-FCI	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3692	620007441	AZ23C3V3-7-F	DIODE ZENER ARRAY 3.3V SOT23-3; hãng SX:Diodes Incorporated	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3693	620007442	AXT620124	CONN HEADER F4S .4MM 20POS SMD; hãng SX:Panasonic Electric Works	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3694	620007443	AXT420124	CONN HEADER P4S .4MM 20POS SMD; hãng SX:Panasonic Electric Works	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3695	620007444	CL05A475MP5NRNC	CAP CER 4.7UF 10V X5R 0402; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3696	620007446	FH12-36S-0.5SVA(54)	CONN FFC VERT 36POS 0.50MM SMD; hãng SX:Hirose Electric Co Ltd	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3697	620007447	BM02B-SURS-TF(LF)(SN)	CONN HDR SUR TOP 2POS 0.8MM TIN; hãng SX:JST Sales America Inc.	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3698	620007448	CDBU00340	DIODE SCHOTTKY 40V 30MA 0603; hãng SX:Comchip Technology	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3699	620007449	CBC3225T330KR	IND-SMD;33UH,1210,10%; hãng SX:	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3700	620007450	NRH2412T2R2MNGH	FIXED IND 2.2UH 1A 140 MOHM SMD; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3701	620007451	NRH2412T1R0NNGH	FIXED IND 1UH 1.3A 77 MOHM SMD; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3702	620007452	LQM2MPN2R2NG0L	FIXED IND 2.2UH 1.2A 110 MOHM; hãng SX:MURATA	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3703	620007453	EXB-18V331JX	RES ARRAY 4 RES 330 OHM 0502; hãng SX:PANASONIC	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3704	620007454	CY62167EV18LL-55BVI	IC SRAM 16MBIT 55NS 48VFBGA; hãng SX:Cypress Semiconductor Corp	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3705	620007455	MIC2009YML-TR	IC DISTRIBUTION SW ADJ 6-MLF; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3706	620007456	TS3A5223RSWR	IC SWITCH 2 X SPDT 10UQFN; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3707	620007457	EMIF04-EAR02M8	IC EMI FILTER ESD PROT 8UQFN; hãng SX:STMicroelectronics	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3708	620007458	NC7SZ332L6X	IC GATE OR 1CH 3-INP 6-MICROPAK; hãng SX:Fairchild Semiconductor	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3709	620007459	TPS22990DMLT	IC POWER SWITCH N-CH 1:1 10WSON; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3710	620007460	74LVC1G14GM,115	IC SNGL SCHMITT TRIG INV 6-XSON; hãng SX:NXP Semiconductors	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3711	620007461	TMS320C5535AZHHA10	IC DSP FIXED-POINT 144BGA; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3712	620007462	TPS61235PRWLR	IC REG BST 5.1V 6.5A SYNC 9VQFN; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3713	620007463	AXT520124	CONN SOCKET F4S .4MM 20POS SMD; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3714	620007464	AXT320124	CONN SOCKET P4S .4MM 20POS SMD; hãng SX:Panasonic Electric Works	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3715	620003892	ERJ-2GEJ331X	RES-SMD;330 OHM,5%,0402,1/10W; hãng SX:Panasonic - ECG	Chiếc	53,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3716	620005011	CRCW06031K00FKEA	RES-SMD;1K OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Vishay Dale	Chiếc	33,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3717	620004519	ERJ-3GEYJ222V	RES-SMD;2.2 KOHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3718	620015550	INA199A3DCKR	IC; IC OPAMP CURR SENSE 14KHZ, SC70-6, -40 TO 125oC, INA199A3DCKR; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3719	620015752	TPA2016D2RTJR	IC;AUDIO AMP,20-WFQFN,-40°C ~ 85°C (TA),TPA2016D2RTJR,2.5 V ~ 5.5 V; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3720	620016851	BK-880	Other; RETAINER CR2450 COIN CELL PC PIN, BK-880; hãng SX:Memory Protection Devices	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3721	620016852	MSP430G2553IRHB32R	IC; IC MCU 16BIT, 32QFN, -40 TO 85oC, MSP430G2553IRHB32R; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3722	620016853	74LVC1G32W5-7	IC; IC GATE, SOT-25, -40 TO 125oC, 74LVC1G32W5-7; hãng SX:Diodes Incorporated	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3723	620016854	7M-10.000MAHE-T	CRYSTAL; 10.00MHZ, 30ppm, 12pF, 3.2mmx2.5mm, 7M-10.000MAHE-T; hãng SX:TXC CORPORATION	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3724	620016855	AXT420324	CONN; 20 Position Connector Header, AXT420324, Center Strip Contacts Surface Mount Gold; hãng SX:Panasonic Electric Works	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3725	620016856	LQW2BANR12J00L	IND-SMD; 120nH, 5%, LQW2BANR12J00L, 970mA, 380mOhm; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	14,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3726	620016857	A02SUR02SUR32W51A	CONT-CABLE; 2 HEAD, 02SUR-32S TO 02SUR-32S,50.8MM; hãng SX:Digikey/ Arrow	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3727	620016858	527461271	CONN-DIP; Header, 2Rx16P, 1.27mm, 527461271; hãng SX:Mouser/ Arrow	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3728	620016859	ECS-TXO-3225-122.8-TR	OSCILATOR; 12.288MHZ, 2.5ppm, 2x1.6MM, ECS-TXO-3225-122.8-TR; hãng SX:Mouser/ Arrow	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3729	620016860	MCP73812T-420I/OT	IC;IC LI-ION/LI-POLY CTRLR, SOT23-5, -40 TO 85oC, MCP73812T-420I/OT; hãng SX:Digikey/ Arrow	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3730	620016861	EVP-AEBB2A	Switches;Tactile Switch SPST-NO Side Actuated Edge Mount, Right Angle, EVP-AEBB2A; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3731	620016862	AXT320224	CONN; 20 Position Connector Socket, AXT320224, Outer Shroud Contacts Surface Mount Gold; hãng SX:Panasonic Electric Works	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3732	620016863	74AVC8T245BQ,118	IC;TXRX 8BIT TRANSLATNG,24DHVQFN,-40°C ~ 125°C, 74AVC8T245BQ; hãng SX:NXP Semiconductors	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3733	620007383	GRM188R61C105KA93D	CAP-CER,SMD;1.0uF,10%,0603,16V,X5R; hãng SX:	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3734	620016864	NX3P190UK,012	IC; IC LOAD DRIVER, 4WLCSP, -40 TO 85oC, NX3P190UK; hãng SX:NXP Semiconductors	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3735	620007390	ERJ-2GEJ4R7X	RES SMD 4.7 OHM 5% 1/10W 0402; hãng SX:PANASONIC	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3736	620016865	ATSAM4SD32BA-MU	IC; IC MCU 32BIT 2MB FLASH, 64QFN, -40 TO 85oC, ATSAM4SD32BA-MU; hãng SX:Atmel	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3737	620007396	ERJ-2GEJ184X	RES-SMD; 180K OHM, 1%, 0402, 1/10W; hãng SX:PANASONIC ELECTRONIC COMPONENTS	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3738	620016866	MAX9867ETJ+T	IC; IC AUDIOCODEC, 32TQFN, -40 TO 85oC, MAX9867ETJ+T; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3739	620007403	GRM188R61A335KE15D	CAP-CER,SMD; 3.3uF,10%,0603, 10V,X5R; hãng SX:Murata Electronics North America	Chiếc	96,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3740	620016867	TPS622318DRYT	IC; IC REG BUCK 1.25V 0.5A, 6SON, -40 TO 125oC, TPS622318DRYT; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3741	620007406	ERJ-3GEYJ123V	RES-SMD;12KOHM,5%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	22,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3742	620016868	9HT10-32.768KDZF-T	CRYSTAL; 32.768kHz, 20ppm, 12.5pF, 3.2x1.5x0.85mm, 9HT10-32.768KDZF-T; hãng SX:TXC CORPORATION	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3743	620007417	HK1608R12J-T	FIXED IND 120NH 300MA 1.2 OHM; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	26,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3744	620021040	MMZ1005A222ET000	FERRITE BEAD 2.2 KOHM 0402 1LN; hãng SX:TDK Corporation	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3745	620007441	AZ23C3V3-7-F	DIODE ZENER ARRAY 3.3V SOT23-3; hãng SX:Diodes Incorporated	Chiếc	23,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3746	620021041	BK1608LM252-T	FERRITE BEAD 2.5 KOHM 0603 1LN; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3747	620007504	CL10C180JC8NNNC	CAP-CER, SMD; 18pF, 5%, 0603, 100V, NP0; hãng SX:	Chiếc	52,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3748	620007505	GX12-3KP-F	CONN-DIP;CIRCULAR CONNECTOR, GX12-3KP-F; hãng SX:YUEQING	Chiếc	120,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3749	620016854	7M-10.000MAHE-T	CRYSTAL; 10.00MHZ, 30ppm, 12pF, 3.2mmx2.5mm, 7M-10.000MAHE-T; hãng SX:TXC CORPORATION	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3750	620016868	9HT10-32.768KDZF-T	CRYSTAL; 32.768kHz, 20ppm, 12.5pF, 3.2x1.5x0.85mm, 9HT10-32.768KDZF-T; hãng SX:TXC CORPORATION	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3751	620016896	336319-12-0100	HIGH FREQUENCY CABLE; 2 Head SMA to MHF1, 100mm; hãng SX:Amphenol-RF Division	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3752	620016905	TL3340AF160QG	SWITCH; SWITCH TACTILE,2PIN,TL3340AF160QG; hãng SX:E-SWITCH	Chiếc	43,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3753	620016906	BM08B-SRSS-TB(LF)(SN)	CONN-SMD;CONN HEADER,F, 8PIN, BM08B-SRSS-TB(LF)(SN); hãng SX:JST Sales America Inc	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3754	620004510	1462052-6	RELAY;RF SPDT,2A,12V; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	341,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3755	620002554	ERJ-3EKF2001V	RES-SMD;2KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	168,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3756	620002663	ERJ-3EKF4022V	RES-SMD;40.2KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	904,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3757	620004002	RC0603FR-073KL	RES-SMD; 3.00K OHM, 1/10W, 1%, 0603; hãng SX:Yageo	Chiếc	380,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3758	620004081	CD0603-Z5V1	DIODE-ZENER;5.1V,150MW,0603,CD0603-Z5V1; hãng SX:Bourns Inc.	Chiếc	819,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3759	620004760	LM5001MAX/NOPB	IC; REG MULTI CONFIG, ADJ, 1A, 8SOIC; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	824,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3760	620004057	C1210C107M9PACTU	CAP-CER,SMD; 100uF,20%, 1210, 6.3V, X5R; hãng SX:Kemet	Chiếc	20,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3761	620007110	08055A330JAT2A	CAP-CER,SMD;33PF,5%,0805,50V,NP0; hãng SX:AVX Corporation	Chiếc	130,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3762	620007331	RS01A47R00FE70	RES-DIP;47OHM,1%,AXIAL,1W; hãng SX:Vishay/Dale	Chiếc	176,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3763	620007332	BN02-3161-C06WP	CONN-SPECIAL;JACK BNC,HEX, IP68; hãng SX:Gigatronix	Chiếc	135,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3764	620005669	ERJ-3EKF2403V	RES-SMD;240KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	904,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3765	620007172	UMK212B7224KG-T	CAP-CER, SMD; 0.22UF, 50V, 10%, 0805, X7R; hãng SX:Taiyo Yuden	Chiếc	904,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3766	620007173	CL21B474JAFNNNE	CAP CER 0.47UF 25V 5% X7R 0805; hãng SX:Samsung Electro-Mechanics America, Inc	Chiếc	904,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3767	620007174	CDSUR4148	DIODE SWITCHING 75V 0.15A 0603; hãng SX:Comchip Technology	Chiếc	824,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3768	620007175	SCRH105R-221	FIXED IND 220UH 1.08A 500 MOHM; hãng SX:Signal Transformer	Chiếc	196,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3769	620007176	ERJ-3EKF5230V	RES-SMD;523 OHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	739,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3770	620007177	RMCF0603FT11K8	RES SMD 11.8K OHM 1% 1/10W 0603; hãng SX:Stackpole Electronics Inc	Chiếc	1.069,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3771	620007178	RC0603FR-0733KL	RES-SMD;33KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	197,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3772	620007179	RC0603JR-0713KL	RES-SMD; 13K OHM, 1/10W, 5%, 0603; hãng SX:Yageo	Chiếc	904,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3773	620007180	RC0603FR-071K47L	RES-SMD; 1.47K OHM, 1/10W, 1%, 0603; hãng SX:Yageo	Chiếc	904,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3774	620007181	RC0603FR-0728KL	RES-SMD; 28.0K OHM, 1/10W, 1%, 0603; hãng SX:Yageo	Chiếc	1.773,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3775	620007182	ERJ-3EKF2672V	RES 26.7K OHM 1/10W 1% 0603 SMD; hãng SX:Panasonic Electronic Components	Chiếc	904,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3776	620007183	ERJ-3EKF6652V	RES-SMD;66.5KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:	Chiếc	900,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3777	620007178	RC0603FR-0733KL	RES-SMD;33KOHM,1%,0603,1/10W; hãng SX:Yageo	Chiếc	740,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3778	620015612	TL331IDBVR	IC;DIFFCOMPRTR SINGLE,TL331IDBVR,SOT-23-5; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	825,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3779	620016656	SN74HC148DR	IC;PRIORITY ENCODER 8-3L,16-SOIC,-40°C ~ 85°C,SN74HC148DR0,; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	168,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3780	620016736	ZXMP6A17E6TA	MOS-FET;P-Channel,60V,3A,SOT-23-6,ZXMP6A17E6TA; hãng SX:Diodes Incorporated	Chiếc	832,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3781	620016737	2N7002DW-7-F	MOS-FET;2N-CH,60V,230MA,SOT-363,2N7002DW-7-F; hãng SX:Diodes Incorporated	Chiếc	832,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3782	620016738	INA139NA/250	IC;CURRENT MONITOR 0.5%,SOT23-5,-40 TO 85°C,INA139NA/250; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	750,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3783	620016730	YH3116F 8-4P	CONN-SPECIAL; Plug, Male pins, 4Pin, Solder Lug; hãng SX:Yeonhab Precision	Chiếc	100,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3784	620016731	YH3116F 12-10S	CONN-SPECIAL; Plug, Female Sockets, 10Pin, Solder Lug; hãng SX:Yeonhab Precision	Chiếc	100,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3785	620016746	AD-27/V190-3108GT	Ăng ten VHF 01 đốt: - Dải tần hoạt động: 30-88 MHz - Công suất cực đại : ≥ 50W - Trở kháng : 50 Ohm - VSWR : < 3.5 - Loại c	Bộ	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3786	620016801	SQ721	RF-FET;VDMOS,50V,25W push pull, AQ package type; hãng SX:POLYFET	Chiếc	76,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3787	620025758	RFSP-4P-24AWG	CONT CABLE;4 pairs,24AWG Standed Tinned Copper,Individual shield,Overall Shield,PVC,Black,RFSP-4P-24AWG; hãng SX:Nanning Jiayou	m	1.300,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3788	620025755	AD-18/D-110G	Ăng ten VHF 02 đốt: - Dải tần hoạt động : 30-88 Mhz - Công suất cực đại : ≥ 100W - Trở kháng : 50 Ohm - VSWR : < 3.5 - Loại	Bộ	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3789	620007647	LBP 251DW	Máy in Laser A4 Canon LBP 251DW; hãng SX:Canon	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3790	620012050	HyperX Cloud II Headset	Tai nghe và mic; hãng SX:Kingston	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3791	620012084		Khung vỏ console trên xe cùng phụ kiện; hãng SX:Cty TNHH SX&TM TBCN Việt Nhật	Bộ	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3792	620018110	IR829GW-LTE-GA-EK9	Thiết bị định tuyến/Router quân sự IR829GW-LTE-GA-EK9 829 Industrial ISR, 4G/LTE multimode Global-EU, 802.11n ETSI; hãng SX:Ci	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3793	620018100	BS-1030B	Loa cột treo tường - Công suất 10W~30W - Tần số hoạt động 80 – 20,000Hz - Tiêu chuẩn chống nước IP-X4 - Trờ khá	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3794	620026011	A-2030 H	Âm ly công suất 30W: - Amply liên Mixer màu đen, vỏ được làm bằng thép. - Có 3 đầu vào mic, 2 đầu vào aux - Tần số	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3795	620003078	3D32N	Ổ cắm LiOA (loại dây 3m); hãng SX:LiOA/Việt Nam	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3796	620003705		Thanh quản lý cấp dọc cho tủ 42U; hãng SX:	Cái	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3797	620008322	20411	Cáp chuyển đổi Display port to HDMI; hãng SX:Ugreen	Cái	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3798	620008347		Băng dính xốp; hãng SX:	Cuộn	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3799	620008348		Băng dính điện; hãng SX:Nano	Cuộn	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3800	620008355		Thang máng cáp;; hãng SX:	m	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3801	620008356		Cút nối L ngang thang cáp;; hãng SX:	Cái	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3802	620008357		Co lên thang cáp; hãng SX:	Cái	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3803	620008358		Co xuống thang cáp; hãng SX:	Cái	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3804	620008360		Bình sơn xịt; hãng SX:	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3805	620017146		Thanh đỡ Thang máng cáp và ốc, nối kèm theo; hãng SX:	Cái	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3806	620003039	HM-650EB	Máy hút âm; hãng SX:Fujie	Bộ	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3807	620030284	Axis T8313	Bàn điều khiển Axis JoyDial T8310; Hãng SX: AXIS/ EU;	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3808	620030288	Axis T8311	Bàn điều khiển Axis Joystick T8310; Hãng SX: AXIS/ EU;	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3809	620030292	Axis T8312	Bàn điều khiển Axis Keypad T8310; Hãng SX: AXIS/ EU;	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3810	620007343	VTM1-5-20TD	CONN-SPECIAL; 20 pin, straight, male; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3811	620007344	VTM1-24-26VD	CONN-SPECIAL; 26 pins, Right Angle, male; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3812	620007349	VTM1-9TC	CONN-SPECIAL; 9 pin, straight, female; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3813	620007350	VTM1-25TD-I	CONN-SPECIAL; 25 pin, straight, male; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3814	620007358	DE-9SB-1	CONN-DIP; SOCKET, F, 9PIN, D-SUB; hãng SX:Shenzhen Tongmao Electronic	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3815	620007359	VTM1-17VD	CONN-SPECIAL; 17 pin, right angle, male; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	30,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3816	620007360	VTM1-17TC	CONN-SPECIAL; 17 pin, straight, female; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3817	620004071	YLH26N0804K21	CONN-SPECIAL; F, YLH26N0804K21; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3818	620006911	LM258AMDREP	IC;OPAMP GP 700KHZ,LM258AMDREP,8SOIC; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	50,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3819	620007072	TQ2-5V	RELAY;TQ2-5V,TELECOM DPDT 1A 5V; hãng SX:Panasonic Electric Works	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3820	620004988	VTM1-33TC	CONN-SPECIAL; 33 pin, straight, female; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3821	620007079	IRF4905PBF	TRANSISTOR,MOS-FET;P-CH,55V,74A,TO-220AB; hãng SX:International Rectifier	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3822	620004989	VTM1-25TC	CONN-SPECIAL; 25 pin, straight, female; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3823	620007318	RS01A1K000FE70	RES-DIP;1.0KOHM,1%,AXIAL,1W; hãng SX:Vishay/Dale	Chiếc	24,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3824	620004991	VTM1-33VD	CONN-SPECIAL; 33 pins, Right Angle, male; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3825	620007332	BN02-3161-C06WP	CONN-SPECIAL;JACK BNC,HEX, IP68; hãng SX:Gigatronix	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3826	620004995	BNC/SMB-50KYJ1	CONN-SPECIAL; BNC to SMB; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3827	620007335	5401	CAP-VR,DIP;1-14p F,250V; hãng SX:JOHANSON TECHNOLOGY	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3828	620004996	TM6.107.063N	CONN-SPECIAL;BNC to SMB, shield; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3829	620007336	2SC1970	TRANS-POWER;NPN,20V,7A,TO-232; hãng SX:Mitsubishi	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3830	620004997	VTM1-15-02TC-1	CONN-SPECIAL; 2 pin, wire clamp; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3831	620007338	2N3700	TRANS-BJT;NPN,80V,1A,TO-18,2N3700; hãng SX:STMicroelectronics	Chiếc	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3832	620007059	4609M-901-103LF	CAP-ARRAY;10000pFX8,20%,9-SIP,50V; hãng SX:Bourns Inc.	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3833	620007072	TQ2-5V	RELAY;TQ2-5V,TELECOM DPDT 1A 5V; hãng SX:Panasonic Electric Works	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3834	620007079	IRF4905PBF	TRANSISTOR,MOS-FET;P-CH,55V,74A,TO-220AB; hãng SX:International Rectifier	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3835	620007080	SG2524N	IC;REG CTRLR BUCK DBL PWM,SG2524N,16-DIP; hãng SX:Microsemi Analog Mixed Signal Group	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3836	620007081	LF156H/NOPB	IC;OPAMP JFET 5MHZ,LF156H/NOPB,TO99-8; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3837	620004050	TM YLFB24N1007J0500-0021/G	CONN-SPECIAL; 7 pin circular, pin (male), panel mount; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	6,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3838	620007082	5800-470-RC	IND-DIP;47uH,10%,6.99mmx17.78mm,804mA; hãng SX:Bourns Inc.	Chiếc	18,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3839	620007318	RS01A1K000FE70	RES-DIP;1.0KOHM,1%,AXIAL,1W; hãng SX:Vishay/Dale	Chiếc	108,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3840	620004051	TM JL-49TJWA	CONN-SPECIAL; 49 pins, Right Angle, male; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3841	620007336	2SC1970	TRANS-POWER;NPN,20V,7A,TO-232; hãng SX:Mitsubishi	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3842	620004052	TM JL-25TJBA-I	CONN-SPECIAL; 25 pin, straight, male; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3843	620007353	2N5031	TRANS-BJT;NPN,10V,20mA,TO-72,2N5031; hãng SX:Advance Power Technology RF	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3844	620004053	TM YLFB24N1219KA-1/8C11G	CONN-SPECIAL; 19 pin circular, socket, panel mount; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3845	620004054	TM JL-17ZKBA	CONN-SPECIAL; 17 pin, straight, female; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3846	620004055	TMJB111109 (TM6.107.063N+BNC/SM B-50KYJ1)	CONN-SPECIAL; BNC to SMB with shield; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3847	620004056	TM JL-9ZKBA	CONN-SPECIAL; 9 pin, straight, female; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3848	620004077	TM JL-17TJWA	CONN-SPECIAL; 17 pin, right angle, male; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	25,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3849	620004078	TM JL-9TJWA	CONN-SPECIAL; 9 pin, right angle, male; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3850	620005257	TM JL-25ZKBA	CONN-SPECIAL; 25 pin, straight, female; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3851	620005260	TM JL-33ZKBA	CONN-SPECIAL; 33 pin, straight, female; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	24,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3852	620004509	SHX-20-6JSA	RES-RF ATTN,SMD;6dB,20W,Flange; hãng SX:SHX	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3853	620004569	LM1596H	IC;MOD/DEMOLUTR BALANCED,CAN 10,LM1596H; hãng SX:National Semiconductor / Motorola	Chiếc	41,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3854	620004576	MA4P4006B-402	DIODE-PIN;600 VDC,0.1-500MHz; hãng SX:MACOM	Chiếc	11,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3855	620004744	414002-1	CONN-DIP;SMB,PLUG,414002- 1,50OHM,4GHz; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3856	620004745	A51-453-0000220	CONN- SPECIAL;SSMB,Jack,RT/ANG,Solder,50Ω ; hãng SX:ITT SEAELECTRO	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3857	620004953	5414338-1	CONN-DIP;PLUG,SMB,RT/ANG,R/A 50 OHM PCB; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3858	620004963	A51-428-3196220	CONN-SPECIAL; SSMB, Plug, Right Angle, Crimp, 50Ω; hãng SX:ITT SEAELECTRO	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3859	620004070	MET-35	TRANSFORMER;Audio & Signal Transformer 600CT:8 4.5MADC,10.40mm L x 7.87mm W,MET- 35; hãng SX:Tamura	Chiếc	13,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3860	620004744	414002-1	CONN-DIP;SMB,PLUG,414002- 1,50OHM,4GHz; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3861	620004953	5414338-1	CONN-DIP;PLUG,SMB,RT/ANG,R/A 50 OHM PCB; hãng SX:TE Connectivity	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3862	620005206	142250	CONN-DIP;SMB,JACK- JACK,142250,50OHM,4GHz; hãng SX:Amphenol Connex	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3863	620004576	MA4P4006B-402	DIODE-PIN;600 VDC,0.1-500MHz; hãng SX:MACOM	Chiếc	16,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3864	620004745	A51-453-0000220	CONN- SPECIAL;SSMB,Jack,RT/ANG,Solder,50Ω ; hãng SX:ITT SEAELECTRO	Chiếc	24,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3865	620018753	SMB-KWF3-100SF	CONN-SPECIAL;JACKSMB,KWF3- 100SF; 50 Ohm; Dài: ~88mm; hãng SX:Shaanxi Huada Science Technology	Chiếc	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3866	620020939	LTS14,5M	FILTER;Crystal filter 14.5M,DIP(38x19x13), Zi=1250R, Zo=50R, BW = 22kHz, stop BW=+/- 50kHz/70dB; hãng SX:Beijing Crystal Electron	Chiếc	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3867	620014506	14.045MHz	CRYSTAL; 14.045 MHZ; hãng SX:Beijing Crystal Electronics Co.,Ltd	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3868	620014507	DE-9PB	CONN-DIP; PLUG, M, 9PIN, D-SUB;; hãng SX:Trung Quốc	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3869	620014508	DE-9SB	CONN-DIP; SOCKET, F, 9PIN, D-SUB;; hãng SX:Trung Quốc	Chiếc	4,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3870	620014509	TM JL17-02TKB	CONN-SPECIAL; 2 pin, battery connector; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3871	620014510	TM JL24-26ZJW	CONN-SPECIAL; 26 pins, Right Angle, male; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3872	620014511	TM JL5/24-26-020DL-40	CONN-SPECIAL; 26 pin, double straight connectors with cable; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3873	620014512	TM JL5-20TJB	CONN-SPECIAL; 20 pin, straight, male; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3874	620014513	TM JL5-20ZKB	CONN-SPECIAL; 20 pin, straight, female; hãng SX:Bikong Sci-Tech Shares	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3875	620014514		Other; 3mm led holder; hãng SX:Trung Quốc	Chiếc	34,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3876	620018753	SMB-KWF3-100SF	CONN-SPECIAL;JACKSMB,KWF3- 100SF; 50 Ohm; Dài: ~88mm; hãng SX:Shaanxi Huada Science Technology	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3877	620018754	TC251510-1208	OSCILLATOR; 6.4MHz, ±2.0 ppm, 5V, DIP, TCXO; hãng SX:Beijing Crystal Electronics Co.,Ltd	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3878	620020775	14.5MD1	FILTER;Crystal filter 14.5M,F49u, BW=26kHz, Z=2300Ohms; hãng SX:Beijing Crystal Electronics Co.,Ltd	Chiếc	8,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3879	620014583	AIAP-01-4R7-K-T	IND-DIP;4.7uH;10%;3.3mm x 9.1mm;1.7A; hãng SX:Abracon Corporation	Chiếc	23,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3880	620014584	BFX34	TRANS-BJT; NPN, 120V, 5A, TO-39; hãng SX:STMICROELECTRONICS	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3881	620016690	68001-112HLF	CONN-SPECIAL; Header, Male, Vertical, 12 Pos 1 Row, pitch: 2.54 mm,; hãng SX:FCI	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3882	620016710	MRG316D.0125	COAXIAL CABLE; VRU-812-RG316, 25m, 3.00mm, 50Ω; hãng SX:BELDEN	Cuộn	0,84	Vật tư linh kiện, mạch in
3883	620016712	TFT20018 NA005	Insulator Tube, VRU – 812, Non-Heat, non shrinkable, PTFE,; hãng SX:Alpha wire	Cuộn	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3884	620020887	4400-095LF	FILTER-DIP;EMI FEEDTHROUGH,4.0mmx7.0mm,4400-095LF; hãng SX:Tusonix a Subsidiary of CTS Electronic Components	Chiếc	26,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3885	620014583	AIAP-01-4R7-K-T	IND-DIP;4.7uH;10%;3.3mm x 9.1mm;1.7A; hãng SX:Abracon Corporation	Chiếc	110,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3886	620014663	DS12C887+	IC; Real-Time Clock; DS12C887+, eDIP; hãng SX:Maxim Integrated Products	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3887	620015982	ADF4110BRUZ	IC; PLL Synthesizer, 16-TSSOP, -40°C ~ 85°C, ADF4110BRUZ, 2.7 V ~ 5.5 V; hãng SX:Analog Devices Inc	Chiếc	5,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3888	620015983	CB3LV-3I-7M3728	OSCILLATOR; 7.3728MHz, ±50ppm, 3.3V, 4-SMD; hãng SX:CTS-Frequency Controls	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3889	620016690	68001-112HLF	CONN-SPECIAL; Header, Male, Vertical, 12 Pos 1 Row, pitch: 2.54 mm,; hãng SX:FCI	Chiếc	49,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3890	620016796	B78108S1472K	IND-DIP;4.7uH,10%,4.00mm x 9.20mm,530mA,340mOHM; hãng SX:EPCOS Inc	Chiếc	65,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3891	620017429	67997-410HLF	CONN-DIP;HEADER,M,2Rx5Px2.54mm,67997-410HLF; hãng SX:FCI	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3892	620018780	TPS767D318PWP	IC; Regulators LDO, TPS767D318, HTSSOP-28, 10V Vin, 1.8 V, 3.3 V Vout; hãng SX:Texas Instruments	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3893	620018781	MAX3238ECAI+	IC;IC TXRX RS232 250KBPS,28-SSOP,0°C ~ 70°C,MAX3238ECAI+; hãng SX:Maxim Integrated Products	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3894	620018782	ATMEGA128L-8AU	IC; MCU, Atmega128L, 64TQFP, 128K 8MHZ 3V; hãng SX:Atmel	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3895	620018783	MAX3232CUE+	IC;IC RS232 TRANSCVR 16, 16TSSOP,0°C ~ 70°C,MAX3232CUE+; hãng SX:Maxim Integrated Products	Chiếc	15,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3896	620018784	AD9241ASZ	IC; ADC, AD9241, 44-MQFP, 1.25MSPS 14 bit; hãng SX:Analog Devices Inc	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3897	620014566	VJH6	MIXER-PASSIVE; VRU812B-passive mixer; hãng SX:CHENGDU YAGUANG ELECTRONIC	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3898	620014584	BFX34	TRANS-BJT; NPN, 120V, 5A, TO-39; hãng SX:STMICROELECTRONICS	Chiếc	12,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3899	620014668	B-071-174	CONN-SPECIAL;JACKBNC,RG174,HEX RIMPAU; hãng SX:PI Manufacturing Corp.	Chiếc	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3900	620015741	TC1-1T+	TRANSFORMER; Balun, TC1-1+ , 50Ω, 0.4-500 MHz, RATIO : 1; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	10,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3901	620018791	T5-1T+	TRANSFORMER; Balun, T5-1T+,50Ω, 0.3-300 MHz, RATIO: 5; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	9,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3902	620020940	PIF-60+	FILTER; Bandpass Filters, Dip 8 pos, 50-70Mhz; hãng SX:Mini-Circuits	Chiếc	7,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3903	620053185		CONN-SPECIAL; 26 pin, double straight connectors with cable; Hãng SX: Bikong Sci-Tech Shares	kg	2,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3904	350011594		QUALCOMM MOBILE STATION MODEM; MSM6290 NSP384	Cái	522,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3905	750007973		RES 100 OHM 1/20W 5% 0201 SMD	Cái	7.855,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3906	750007974		RES 200 OHM 1/20W 5% 0201 SMD	Cái	5.082,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3907	750007978		CAP CER 10uF 20% 6.3V X5R 0603	Cái	1.417,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3908	750008078		IC, Quad-Band GSM850/GSM900/DCS/PCS PA	Cái	2.649,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3909	760003146		GIFTBOX	Cái	182,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3910	760003147		RF COVER	Cái	325,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3911	760003148		LED COVER	Cái	388,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3912	760003150		REAR COVER	Cái	863,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3913	760003151		FRONT COVER	Cái	306,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3914	760003152		USER MANUAL	Cái	248,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3915	760003158		SIM CARD COVER	Cái	739,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3916	760003160		ANTENNA, VT1000	Cái	364,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3917	760003166		PCB ARRAY Sample	Cái	352,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3918	760003169		PCB ARRAY, VT1000	Cái	176,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3919	760003171		SPONGE, USB-VT1000	Cái	3.358,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3920	760003177		USB CONNECTOR COVER	Cái	352,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3921	760003188		INDUCTOR 33NH 5% 0201	Cái	12.617,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3922	760003223		INDUCTOR 10NH, 3%, 0201	Cái	12.497,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3923	760003260		CAP CER 68PF, 25V,5%, 0201	Cái	12.615,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3924	760003265		RF SWITCH RIGHT ANGEL TYPE	Cái	214,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3925	760003267		SHIELD-CAN BOT, USB-VT1000	Cái	362,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3926	760003269		SHIELD-CAN TOP, USB-VT1000	Cái	278,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3927	760003272		CAP TANT 100UF 6.3V 20% SMD	Cái	1.505,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3928	760003288		CAP CER 10PF 5% 25V NP0 0201	Cái	12.524,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3929	760003289		CAP CER 12PF 25V 5% NP0 0201	Cái	12.477,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3930	760003297		CAP CER 22PF 50V 5% C0G 0202	Cái	3.503,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3931	760003300		CAP CER 33PF 25V 5% NP0 0202	Cái	16.052,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3932	760003302		CAP CER 39PF 25V 5% NP0 0201	Cái	12.607,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3933	760003303		CAP CER 47PF 25V 5% C0G 0201	Cái	12.392,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3934	760003306		CAP CER 56PF 25V 5% NP0 0201	Cái	10.261,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3935	760003315		INDUCTOR 2NH, +/-0.1NH, 0201	Cái	12.515,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3936	760003321		MOSFET P-CH 20V 350MA SC89-3	Cái	608,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3937	760003340		CAP CER 100PF 25V 5% U2J 0202	Cái	11.458,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3938	760003343		CAP CER 150PF 25V 5% X7R 0201	Cái	5.362,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3939	760003360		INDUCTOR 15NH +/-3% FIXED 0201	Cái	12.600,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3940	760003362		INDUCTOR HI FREQ 15NH 5% 0402	Cái	2.884,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3941	760003366		RES 0.0 OHM 1/20W 5% 0201 SMD	Cái	3.106,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3942	760003370		RES 10K OHM 1/20W 5% 0201 SMD	Cái	2.474,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3943	760003399		CAP CER .10UF 10V 10% X5R 0201	Cái	4.523,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3944	760003403		CAP CER 1.0UF 16V 10% X5R 0402	Cái	5.149,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3945	760003407		CAP CER 2.2UF 16V X5R 10% 0603	Cái	2.404,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3946	760003431		INDUCTOR 4.3NH, +/-0.2NH, 0201	Cái	12.441,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3947	760003432		INDUCTOR 5.6NH+/-5% 350MA 0201	Cái	12.538,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3948	760003433		INDUCTOR 6.8NH+/-5% 300MA 0201	Cái	12.594,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3949	760003437		RES 100K OHM 1/20W 5% 0201 SMD	Cái	5.098,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3950	760003441		RES ZERO OHM 1/10W 5% 0402 SMD	Cái	5.009,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3951	760003442		RESISTOR 1.0 OHM 1/10W 5% 0603	Cái	2.527,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3952	760003457		CAP CER 1.0UF 6.3V 10% X5R 0603	Cái	3.255,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3953	760003462		CAP CER 2200PF 25V 10% X7R 0201	Cái	12.525,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3954	760003465		CAP CER 4.7UF 6.3V 20% X5R 0603	Cái	4.484,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3955	760003472		DIODE SCHOTTKY; 30V 200MA ;0603	Cái	250,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3956	760003496		CAP 22PF 50V 5% CERAMIC 0402 SMD	Cái	7.508,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3957	760003501		CAP CER 10000PF 10V 10% X5R 0202	Cái	17.783,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3958	760003533		SPACER;VT1000,SPACER FOR GIFTBOX	Cái	243,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3959	760003538		CAP CER 0.033UF 6.3V X5R 10% 0201	Cái	12.386,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3960	760003562		INDUCTOR 3.0NH+/-0.1NH 450MA 0201	Cái	12.600,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3961	760003563		INDUCTOR 3.6NH+/-0.1NH 400MA 0201	Cái	12.518,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3962	760003576		SWITCHPLEXER + SAW, DUAL-BAND GSM, TRI-BAND UMTS	Cái	648,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3963	760003578		USIM + SD CARD STACKED CONNECTOR OF IN CON	Cái	339,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3964	760003585		CAP 1000PF 25V 5% CERAMIC X7R 0201	Cái	7.522,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3965	760003590		CAP CER 4.7PF +0.1PF 25V C0G 0201	Cái	7.818,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3966	760003629		LABEL;VT1000,IMEI LABEL FOR DONGLE	Cái	4.990,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3967	760003649		UMTS2100, 4 X 7MM FRONT END MODULE (FILTER + PA + DUPLEXER)	Cái	652,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3968	760003653		CAP CER .6PF 25V +0.075PF C0G 0201	Cái	12.467,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3969	760003661		CAP CER 4.7UF 10V -20%+80% Y5V 0603	Cái	3.551,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3970	760003749		CAP TANT 1000UF 6.3V 20% 200MOHM SMD	Cái	517,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3971	760003803		1.2MHZ, 1.5A SYNCHRONOUS STEP-DOWN DC/DC REGULATOR	Cái	668,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3972	760003850		FULL FUNCTION LOAD SWITCH WITH ADJUSTABLE CURRENT LIMIT	Cái	607,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3973	760003954		INDUCTOR 4.7UH 20% 260MOHM 680MA 1007 SMD	Cái	932,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3974	760003959		QUALCOMM QUADBAND GSM, QUADBAND UMTS TRANSCEIVER	Cái	661,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3975	760004027		MCP WITH 64MB 8-BIT NAND + 32MB 32-BIT SDR SDRAM	Cái	1.244,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3976	760004031		QUALCOMM POWER MANAGEMENT; PM6653 CSP97	Cái	661,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3977	760004048		CAP CER 1.5PF, +/-0.1PF, C0G/NP0, 25V, 0201	Cái	12.584,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3978	760004173		SAW FILTER, UNBALANCE IN, BALANCE OUT, 2110-2170MHZ	Cái	12.652,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3979	760004188		USB A-TYPE 4PIN MALE CONNECTOR SMT ECONN	Cái	212,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3980	620021829	Stratasys	Hộp vật liệu in trong, chất liệu cứng Stratasys thể lỏng 3.6 Kg / Mục in 3D OBJ-03247; hãng SX:	Hộp	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3981	620022009	Stratasys	Hộp vật liệu Support Stratasys thể lỏng 3.6 Kg / Mục in 3D OBJ-03201; hãng SX:	Hộp	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3982	620022215	Si3210MPPQ1-EVB	Bo mạch Si3210M; hãng SX:	Bộ	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3983	620022634	Stratasys	Hộp vật liệu in màu đen, chất liệu mềm Stratasys thể lỏng 3.6 Kg / Mục in 3D OBJ-03231; hãng SX:	Hộp	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3984	620023529	Stratasys	Hộp vật liệu in màu trắng cứng, chịu nhiệt cao Stratasys thể lỏng 3.6 Kg / Mục in 3D OBJ-03256; hãng SX:	Hộp	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3985	760004888		Hộp chất tẩy rửa vật liệu Support Stratasys thể lỏng 3.6 Kg / Mục in 3D OBJ-03217	Hộp	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3986	760004921		Hộp vật liệu in màu đen, chất liệu cứng Stratasys thể lỏng 3.6 Kg / Mục in 3D OBJ-03286	Hộp	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3987	760004945		Hộp chất tẩy rửa vật liệu in Stratasys thể lỏng 3.6 Kg / Mục in 3D OBJ-03215	Hộp	3,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3988	760004947		Hộp vật liệu in màu trắng đục, chất liệu cứng thể lỏng 3.6 Kg/Mục in 3D OBJ-03258	Hộp	1,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3989	620014040	M1.4x2.5x0.3MM-TORX T3-YELLOWG-VPH-411S	Ốc nắp SIM; hãng SX:Công ty Cổ Phần Thương mại và Xây dựng Bình Minh; Mô tả: MACHINE SCREW;VPH-411S-55.1-2;Steel;Yellow Gold;PH;	Chiếc	200,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3990	620014041	PC,69.7x12.35x6.91,BLACK,VPH-411S	Chi tiết trang trí mặt trước 1 (Top front décor 1); hãng SX:Công ty Cổ Phần Thương mại và Xây dựng Bình Minh; Mô tả: BRACKET;316	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in

TT	Mã vật tư	Part	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3991	620014042	BACK COVER-BLACK-VPH-411S	Nắp bảo vệ (Back cover); hãng SX:Công ty Cổ Phần Thương mại và Xây dựng Bình Minh; Mô tả: COVER;316L/304,67.08x34.49x2.7,BLAC K,V	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3992	620014043	BACK BASE-YELLOW GOLD-VPH-411S	Nắp sim (Back base); hãng SX:Công ty Cổ Phần Thương mại và Xây dựng Bình Minh; Mô tả: CASING;316L/304,72.34x43.58x4.24,YELLOW GO	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3993	620014044	LEFT COVER-YELLOW GOLD-VPH-411S	Chi tiết bên trái (Left cover); hãng SX:Công ty Cổ Phần Thương mại và Xây dựng Bình Minh; Mô tả: COVER;316L/304,153.65x10.08x6.8	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3994	620014045	RIGHT COVER-YELLOW GOLD-VPH-411S	Chi tiết bên phải (Right cover); hãng SX:Công ty Cổ Phần Thương mại và Xây dựng Bình Minh; Mô tả: COVER;316L/304,153.65x10.08x6.	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3995	620018693	BOTTOM FRONT DÉCOR-YELLOW GOLD-VPH-411S	Chi tiết trang trí phía dưới (Bottom front décor); hãng SX:Công ty Cổ Phần Thương mại và Xây dựng Bình Minh; Mô tả: BRACKET;316L	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in
3996	620018694	TOP FRONT DÉCOR 2-WHITE GOLD-VPH-411S	Chi tiết trang trí mặt trước 2 (Top front décor 2); hãng SX:Công ty Cổ Phần Thương mại và Xây dựng Bình Minh; Mô tả: BRACKET;316	Chiếc	32,00	Vật tư linh kiện, mạch in